



ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO

Cao Đài Giáo Lý

THU ĐÌNH DẬU 2017
140



NHÀ XUẤT BẢN
TÔN GIÁO

CAO ĐÀI GIÁO LÝ

“Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý không phải là một chi phái, cũng không phải của một cá nhân nào, hay một đoàn thể nào, mà phải là của toàn Đạo, một nhịp cầu nối liền tình huynh đệ, một điện đài thâu và phát những động năng thúc đẩy cho sự thống nhất giáo lý, tức là tinh thần vậy; để các con sẽ gặp nhau, quy nguyên ở vị trí duy nhất, tri và hành theo chánh pháp của Đại Đạo.”

Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế

kim viết Cao Đài Giáo Đạo Nam Phương,

Thiên Lý Đàn, 14-01 Ất Ty, 15-02-1965.

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

CAO ĐÀI GIÁO LÝ

Thu Định Dậu 2017 – 140

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo
171B Cống Quỳnh, phường Nguyễn Cư Trinh,
Quận 1, TP. HCM

Nhà xuất bản Tôn Giáo – 2017

CAO ĐÀI GIÁO LÝ THU ĐÌNH DẬU 2017 –140

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo

Nhà xuất bản Tôn Giáo

53 Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

(04) 37 822 845 – fax: (04) 37 822 841

nhaxuatbantongiao@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc – Tổng biên tập: Nguyễn Công Oánh

Biên tập: Lê Hồng Sơn

Trình bày & kỹ thuật: Bộ phận dàn trang

Sửa bản in: Diệu Nguyên

Đơn vị liên kết

Ông Đoàn Thiên Tâm

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo

171B Cống Quỳnh, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, Tp. HCM

Số lượng in: 1.000 bản, khổ 145 x 205 mm, tại xí nghiệp in Fahasa. 774

Trường Chinh, phường 15, quận Tân Bình, Tp. HCM. (08) 38 153 971 –

Fax: (08) 38 153 297. Số đăng ký xuất bản: 322-2017/CXBIPH/11-18/TG.

Mã ISBN: 978-604-61-4513-4. Quyết định xuất bản số 510/QĐ-NXB TG,

ngày 07/9/2017. In xong và nộp lưu chiểu quý III năm 2017.

CAO ĐÀI GIÁO LÝ

Thu Định Dậu 2017 - 140

Bài vở thư từ xin gửi về
Giáo sĩ Huệ Ý, Đoàn Thiên Tâm
171B Cống Quỳnh
phường Nguyễn Cư Trinh
quận 1, Tp.HCM
0937 65 94 51
caodai2026@gmail.com

Ngân phiếu, tài chánh chung sức
thực hiện xin gửi về
Ông Đoàn Thiên Tâm
Số tài khoản 0601 0892 2845
Ngân hàng Sacombank, chi nhánh Sài Gòn
phòng giao dịch Cống Quỳnh

Sách ấn tống
Không bán

mục lục

- 10 Suy ngẫm: Minh triết
Ban biên soạn
- 15 Trích lục Thánh giáo: Phải siêng tu, siêng học
để làm tròn sứ mạng tự độ độ tha
- 25 Trích lục Thánh giáo: Hãy nhiếp lấy sinh lực của vũ trụ
để bảo tồn tự thân
- 28 Trang Thánh giáo song ngữ
Ban Dịch thuật VHV
- 36 Tìm hiểu chữ Vô trong danh hiệu “Vô Cực Từ Tôn”
Thiện Chí
- 43 Thánh đường nội tâm
Diệu Nguyên
- 66 Khẩu nghiệp
Hồng Phúc

- 88 Chủ trương của Đạo Cao Đài
về “Đạo phụng sự đời”
Thiện Chí
- 95 Sứ mạng Nữ Chung Hòa
Thủy Tuyền
- 112 Tu công đức cứu độ Cửu Huyền Thất Tổ
Đạt Trường
- 125 Tu tiến
Chí Thật
- 139 Tìm hiểu ý nghĩa lời dạy
“Ngưng hết cơ bút truyền Đạo”
Đạt Trường
- 156 Ái hà thiên xích lãng
Bửu Long

- 172 Những mẫu chuyện từ cơ bút (tiếp theo kỳ trước)
Đạt Tường sưu tầm
- 177 Ý nghĩa căn bản của Quyền và Pháp trong Quyền Pháp
Mặc Tâm
- 196 Chén kim tương
Trần Nam Hiên
- 198 Chút tình trong những bài thơ xưa khi tại thế
của Thi Tiên Lý Bạch
Bửu Long
- 213 Về hai câu đối trước cổng trường Petrus Ký
Trần Thạnh
- 216 Học nghệ thuật đối đãi
Xuân Mai
- 232 Liệt sĩ Trần Ngọc Lên – Một tín hữu Cao Đài ưu tú
Cao Bạch Liên
- 237 Nhớ Đạo Huynh Thiện Nguyên
Bửu Long
- 240 Nguyễn Thị Duệ – Nữ tiến sĩ đầu tiên của Việt Nam
Diệu Thuận

- 249 Đọc báo: Phiên tòa xét xử
một vụ ăn trộm bánh mì ở New York năm 1935
Tử La Lan sưu tầm
- 252 Kiến thức dinh dưỡng: Công dụng của gừng
Ban biên soạn sưu tầm
- 258 Chuyên gia cảnh báo: Người đi ngủ sau 11 giờ đêm phải
đổi mặt sớm với 7 căn bệnh
V.T. sưu tầm
- 264 Gia chánh: Xà lách trộn ngũ sắc – Nha đam đường phèn
Bạch Tuyết
- 267 Thơ: Thăm mẹ
Dương Tuyết
- 269 Vọng cổ: Ân Đức Từ Tôn
Chí Thật
- 273 Theo dòng đạo sự
Thanh Hiến
- 280 Truyện tranh:
Ngài Ngô Văn Chiêu: Môn đệ đầu tiên của Cao Đài (kỳ 7)
Lời: Bửu Long – Vẽ: Cọ Trắng

Suy ngẫm

Minh triết

Ban Biên Soạn

“Nếu thiếu minh triết thì nhận định vấn đề không rõ ràng, thiếu chân lý, tầm nhìn không cao, dùng người không hợp lý, làm cho tập thể trì trệ chậm tiến.”⁻¹

I. MINH TRIẾT ĐỜI THƯỜNG

• “Nếu triết học là thứ gia bảo trân quý dành cho các học giả thông thái truy tìm các câu hỏi về bản thể luận, nhận thức luận, phương pháp luận về sự vật hiện tượng, thì... minh triết là của đời thường, của quảng đại chúng sinh. Nó giúp cho cái thực tại siêu việt vượt qua tầm kiểm soát của ngôn ngữ trở về dưới hình dạng chất phác giản dị. (Trần Sáng – Minh triết trong đời thường).⁻²

1. Đức Quảng Đức Chơn Tiên, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 07-12 Tân Mão.

2. <http://tuanvietnam.net/2010-3-09-minh-triet-khong-la-gi->

- Nó như một thái độ sống cần mực, khoan hòa, thuận thảo, trên hợp với lẽ Trời, dưới thuận lòng người. Nó kết hợp được nghĩa lý của cả hai lẽ âm dương, cả đức kiên, cương, hoạt, mãnh của Dương và đức khiêm, nhu thuận, trầm của Âm. Để tạo sinh vạn vật, để giữ cho sự vật được thái hòa giữa vũ trụ huyền vi. “Nó giúp cho sự vật hiện tượng trở về với chữ Hòa, vốn dĩ đã bị lãng quên từ lâu.” (Trần Sáng).

- Theo Ngô Thì Sĩ: “Minh triết là tính sáng khôn: Minh triết là tính sáng khôn chủ yếu được sống và sống ở bình diện đạo lý đời thường, tuy vậy không xa lạ với đạo lý Thánh hiền, thiên về cảm hóa lòng người hơn là quở trách thói đời.”

Thomas Jefferson (1743–1826), người khởi thảo bản Tuyên ngôn độc lập Hoa Kỳ, một trong những người có công đầu khai quốc Hợp chủng quốc Mỹ đã trực tiếp đặt ra vấn đề quan hệ giữa minh triết và quyền lực: “Tôi hy vọng rằng minh triết của chúng ta sẽ lớn lên cùng với quyền lực của chúng ta và dạy cho chúng ta rằng chúng ta càng ít sử dụng quyền lực thì quyền lực của chúng ta càng lớn” (thư viết ngày 12-6-1815).³

3. Hoàng Ngọc Hiến (Hoàng Ngọc Hiến (1930–2011), Giáo sư lý luận phê bình, dịch giả văn học Việt Nam đương đại), Luận bàn về những vấn đề minh triết (Góp phần định nghĩa minh triết).

II. MINH TRIẾT TRONG ĐỜI SỐNG ĐẠO

• Theo Kim Định: Tư duy triết lý phương Đông mang những đặc điểm của tư duy minh triết mà những nét tiêu biểu nhất là:

– “Lấy cứu cánh con người làm trọng tâm suy nghĩ, lấy sự thực hiện đến rốt ráo cái tính bản nhiên con người làm mục tiêu (tận kỳ tính) [réaliser l’humanité].”

– Những lời huấn đức minh triết được trình bày “tuy vắn tắt kiểu châm ngôn nhưng có hiệu lực muôn đời như: Pythagore, Khổng Tử, Lão Tử, Thích Ca, v.v.”

• Theo giáo lý Cao Đài:

“Đạo pháp trường lưu, hành giả quyết tâm giác ngộ xuôi thuyền về bến giác thì ý chí phải kiên cường, biết lúc nên đi thì đi, lúc nên đậu thì đậu. Đêm trăng sáng dầu nước ngược cũng có thể dong thuyền. Ngày mà âm u dầu xuôi dòng cũng nên cắm sào nơi nghỉ. Đó là minh triết để bảo thân.

Cũng vẫn chiếc thuyền mà người thuyền trưởng khéo bẻ lái trở lèo cho thuyền vượt qua những cơn sóng to gió lớn. Đó là việc đáng lưu ý. Nhưng điều quan trọng hơn hết là những tay thủy thủ có thật tâm gìn giữ con thuyền trước bao vạn sanh linh đang lặn hụp hay không? Nếu đã thật tâm thì vui cùng vui, khổ cùng khổ, một tâm chẳng đổi, một chí chẳng dời thì tiến hành dầu khó khăn cũng đạt nhiều kết quả. Đó là trung thành sự Đạo.”⁴

4. Đức Giáo Tông Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-02 Đinh Tỵ (03-4-1977).

“Người tu hành học đạo là tìm lại cái tâm minh linh đã ẩn tàng hằng tính của Thượng Đế giáng trung. Người muốn tìm lại, trước phải yên lặng để trau dồi gột rửa những lớp tham, sân, si, dục, đang dày đặc theo bức vô minh để thấy được đạo tài thành của Thiên Địa. Người noi theo đạo ấy tức là hòa hợp Thiên lý phục hồi bốn thể chơn như vậy.”⁵

TÓM LẠI

Triết học, triết lý thuộc lãnh vực học thuật hàn lâm, con người trong lãnh vực này là những nhân vật thông thái về vũ trụ quan, thế giới quan, nhân sinh quan...; sinh hoạt của họ phần lớn là sinh hoạt tinh thần, nghiên cứu, biên khảo... Tư tưởng của họ có thể rất xuất chúng, nhưng nếu thiếu trải nghiệm thực tiễn trong đời thường để vận dụng hiệu quả vốn liếng tư tưởng trong quan hệ xã hội, thì những gì họ có được chỉ là những giá trị nhất thời.

Xưa nay, những bậc được tôn xưng là hiền triết hay Thánh nhân đều đã thể nghiệm chuẩn xác tư tưởng của họ bằng lời nói và hành động có giá trị hoàn thiện con người và xây dựng xã hội. Bởi vì ngoài tri thức, tư duy, lập thuyết, các bậc ấy đã sống đời hay sống đạo bằng kỹ năng gọi là

5. Đức Quan Âm Bồ Tát, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-6 Giáp Dần (02-8-1974).

“Minh triết”. Minh triết bao gồm cái “biết” của trí năng cộng với cái “sáng” trong cuộc sống. Cho nên, người ta còn nói “minh triết trong đời thường”. Thường nhưng phi thường vì nhờ nó hành giả thuyết phục được đối tượng và đạt đến mục đích.

Nên đối với người có sứ mạng trong một Thánh sở thường được Thiên Liêng nhắc nhở: Muốn thành công phải hội đủ ba công năng là Quyền pháp – Minh triết – Đại định. Trong đó Quyền pháp có minh triết, tổ chức sẽ được ổn định. Và minh triết được củng cố bền vững, đặc nhân tâm nhờ Đại định.

Đó là cảm nang hành đạo của bậc Thiên ân:

1. Quyền pháp: *“... đã hiểu rõ nhưng khi thực hiện thì không phát huy đúng mức, hoặc không phát huy đúng lúc, đúng chỗ, làm cho tập thể rối loạn, trật tự ngả nghiêng, nghiêng ngả.”*

2. Minh triết: *“Nếu thiếu minh triết thì nhận định vấn đề không rõ ràng, thiếu chân lý, tầm nhìn không cao, dùng người không hợp lý, làm cho tập thể trì trệ chậm tiến.”*

3. Công năng đại định: *“Thiếu công năng đại định thì không thể hiện đạo hạnh thanh cao của người tu, làm cho khảo đảo không yên trong tập thể.”*⁻⁶

6. Đức Quảng Đức Chơn Tiên, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 07-12 Tân Mão (31-12-2011).

Trích lục Thánh giáo

Phải siêng tu, siêng học để làm tròn sứ mạng tự độ độ tha

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tuất thời, 14-8 Nhâm Tuất.

ĐẠI LỄ TRUNG THU

VÂN HƯƠNG THÁNH MẪU. Chào chư Thiên ân nam nữ, chào các em lớn nhỏ đàn tiên.

Chị vâng lệnh đến báo tin vui. Đêm nay giờ này, Đức Mẹ sẽ giáng lâm và đêm mai, Bản Tỷ sẽ cùng chư Phật nữ, Tiên nương, Thánh Thần được ân phong đặc vị trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hộ giá Đức Mẹ đến Hội Yến Bàn Đào với chư Thiên ân và các em. Ân phước ấy, chư Thiên ân và các em thành tâm mà tiếp nhận.

Vậy các em chỉnh sát lễ phẩm, nghiêm đàn, cùng Bản Tỷ tiếp giá Đức Từ Tôn giáng lâm. Lui.

TIẾP ĐIỂN

THI

VÔ CỰC tình thương Mẹ phát ban,
TỪ TÔN nhớ trẻ chốn trần gian,
DIÊU TRÌ hoa nở bao cành đẹp,
KIM MẪU chờ con hưởng phước nhàn.
Mẹ mừng các con nam nữ.

Tiết Trung Thu vừa đến, các con đã họp lại với nhau để thiết lễ hiến dâng cho Mẹ. Các con quên cả mệt mỏi từ mấy ngày qua, sắm mua lễ phẩm trần thiết huy hoàng. Tuy tâm tư mỗi đứa có khác nhau, nhưng mục đích không ngoài hướng về Mẹ như mong đợi sự ấp ủ vỗ về của Mẹ hiền tự năm nào, mặc dầu Mẹ là Vô Cực Vô Vi.

Do đó, Mẹ sẽ nhận món lễ phẩm trang trọng nhất mà các con đang hiến dâng, đó là tâm đạo chí thành chí kính phụng Thiên sự dân¹ của các con, và cũng do lòng thành kính đó nên Mẹ đến giờ này để ban ơn và dặn dò một vài việc tu học của các con. Mẹ miễn lễ các con đồng an tọa.

Hỡi các con, nghe Mẹ dạy:

THI BÀI

Lòng thành kính hiến dâng trang trọng,
Chốn Diêu Cung phút động tâm tình,
Vòm trời bóng nguyệt lung linh,

1. Phụng Thiên sự dân: phụng sự Trời và dân chúng.

Đêm thu soi sáng mộng huỳnh² trần gian.
Đỉnh trầm hương dịu dàng khói tỏa,
Đàn con thơ rộn rã hiến dâng,
Điện tiền giá hạc tạm dừng,
Mẹ cùng Tiên Phật Thánh Thần giáng lâm.
Nương bút ngọc viếng thăm các trẻ,
Dụng huyền linh này Mẹ ân ban,
Nữ nam nhuần gội ngập tràn,
Trong tình dưỡng dục chứa chan nhiệm màu.
Cõi trần thế bể dâu lắm lúc,
Vòng trái oan câu thúc bao lần,
Sắc tài danh lợi ái ân,
Trăm năm ràng buộc tẩm thân đọa đày.
Sớm giác ngộ con quày bước lại,

2. Mộng huỳnh: giấc mộng kê vàng.

Tiểu thuyết Đông Du Bát Tiên kể rằng, năm sáu mươi bốn tuổi ngài Lữ Động Tân gặp Đức Chung Tổ ở Trường An. Trong lúc Tổ nấu nồi kê vàng, ngài Lữ nằm ngủ trên gối phép của Tổ, mơ thấy mình thi đậu, làm quan tới chức thừa tướng, cưới vợ, có con cháu, rồi phạm lỗi nên bị triều đình trị tội, bắt lưu đày, gia sản bị tịch biên...

Ngài Lữ giật mình tỉnh dậy thấy nồi kê nấu vẫn chưa chín. Ngẫm lại, thấy rằng bao nhiêu vinh hoa phú quý, thăng trầm kiếp người, tất cả chỉ thoáng qua như một giấc mộng, còn ngắn ngủi hơn cả thời gian nấu chín một nồi kê, ngài Lữ giác ngộ lẽ vô thường, liền xin theo Đức Chung Tổ học đạo Tiên.

Do tích này, để ám chỉ chuyện công danh phú quý thế gian chỉ là hư ảo, phù du, trong văn học có thành ngữ giấc mộng hoàng lương (hoàng lương mộng), giấc mộng kê vàng (mộng huỳnh).

Phá vô minh đoạn máy luân hồi,
Đạo là lẽ sống con ôi,
Trong con thì Đạo, Đất Trời là tâm.
Tâm chủ thể nắm cầm giềng mối,
Vì Thiên Quân⁻³ gốc cội nguyên sơ,
Cũng là Tạo Hóa chi cơ,
Sanh sanh diệt diệt một giờ do đây.
Tâm vô dục làm thầy làm chủ,
Dục vọng sanh vân vũ án che,
Mắt tai thích ngó ham nghe,
Ý thân mũi lưỡi khó dè vô minh.
Đường tiến hóa nhân sinh trỗi bước,
Nẻo hoạn đồ⁻⁴ họa phước đành thân,
Mấy ai vào chốn hồng trần,
Mà không nhiễm tục, vện phần thanh cao.
Học đạo trước đóng rào sáu cửa,⁻⁵
Thân tâm cần trau sửa hàng ngày,
Đạo người con chớ đơn sai,

3. Thiên Quân 天鈞 : Thượng Đế. Trang Tử Nam Hoa Kinh (Tề Vật Luận): “Hưu hồ Thiên Quân.” 休乎天鈞 (An nghỉ trong Thượng Đế).

4. Hoạn đồ 宦途 = hoạn lộ 宦路: con đường làm quan (cũng như hoạn hải 宦海: bể hoạn).

5. Sáu cửa: lục căn 六根 (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý). Lục căn sinh ra lục dục 六欲 (sáu điều ham muốn) gồm: Mắt muốn nhìn đẹp, Tai muốn nghe hay, Mũi muốn ngửi thơm, Lưỡi muốn nếm ngon, Thân xác muốn sướng, Ý nghĩ muốn vui.

Hiếu trung nhân nghĩa đức tài sao xong.
Muốn phản bốn, huyền công tu tập,
Muốn hoàn nguyên, phá chấp giải mê,
Bảy tình sáu dục thấu về,
Về nơi căn cội bồ đề khi xưa.
Công phu ấy thượng thừa tâm pháp,
Trị bệnh đời đa tạp biến sanh,
Tâm con đồng mãnh chí thành,
Đào sâu gốc rễ ngọn ngành còn đâu.
Tình thức đoạn nào sâu cũng đoạn,
Vọng trần không, bệnh hoạn cũng không,
Quy về một chủ nhưn ông,
Thanh thanh tịnh tịnh ngoài trong vẹn toàn.

Hỡi các con ái nữ của Mẹ! Mẹ rất vui mừng trước sự giác ngộ kiên trì của các con. Dầu đã và đang trải qua bao nhiêu nghiệp lực trái oan đeo đai khảo thí, con vẫn bền lòng son sắt quyết trở lại quê xưa, nên đã từng xa lánh danh lợi, chế vọng tình, bớt lần những tánh tục tầm thường, chị em nương náu với nhau từ trong gia đình đến xã hội đồng đạo đồng bào, một lòng tu học, tự độ độ tha. Đó là điểm đáng ngợi khen. Nhưng Mẹ khuyên các con phải thường thường phản tỉnh để trau dồi tâm hạnh đức tài cho được thăng tiến hoàn hảo hơn, vì đó là đầu đề hay đệ nhất pháp môn của người nữ đạo đó con.

Con giữ được bình thường tâm, đó là vì Thiên Quân nắm

chủ quyền độ thân độ thể. Còn hạnh lành nét tốt thường thể hiện được đức tánh hiền hòa, thuần hậu khiêm cung, khoan dung. Một lời nói, một cái nhìn cũng cảm hóa được người thương yêu kính nể. Đức thì bao trùm chứa chở quảng đại bao dung như lời Đức Chí Tôn đã dạy khi xưa:

Cái khổ của người mình ước vọng,

Cái chê của chúng lại nài cầu.

Có tâm, có đức, có hạnh mà kém tài cũng là một điều thiếu sót trên đường thể Thiên hoằng đạo.⁶ Nên bốn điều kiện này phải hỗ tương⁷ với nhau thì mới làm tròn sứ mạng. Nên Mẹ cùng các Đấng Thiêng Liêng thường khuyên bảo nhắc nhở các con phải tu phải học để làm tròn sứ mạng tự độ, độ tha.

Nếu tâm con có thương đời, tài cao hay quán xuyên, mà đức hạnh còn kém cỏi là chưa đủ tư cách phẩm chất của người tu hành chơn chánh để làm tròn sứ mạng Thiên ân. Thế nên Mẹ thường khuyên bảo các con, mỗi đứa đều phải siêng năng tu học, mà người Thiên ân hướng đạo lại càng phải đầy đủ hơn.

Con là đức nhu thuận của Khôn nguyên, nên chứa chở trùm che cả đời cả đạo. Các con phải chấp nhận mọi hoàn cảnh chướng ngại của thể nhân, của đời nhị nguyên đối đãi. Các con

6. Thể Thiên hoằng Đạo 替天弘道: Thay Trời mở mang Đạo rộng lớn.

7. Hỗ tương 互相: lẫn nhau, qua lại (mutual).

đừng bao giờ để những cái bất bình bất mãn xâm chiếm được tâm con. Có như thế thì đức hy sinh mới có ý nghĩa trong khi hành quyền xử vị, đối vật tiếp nhân.

Nhìn về vũ trụ thiên không, con so sánh với cái to tát ấy rồi con tự thấy mình nhỏ bé như hạt vi trần, nhưng nếu các con quay nhìn vào trong bản vị của các con trong thể tam tài thì con có nhỏ đâu.

Phương chi tách đạo bất phân nam nữ tướng, nên Mẹ khuyên các con đừng rụt rè, đừng bi quan, giữ tâm chuyên nhất sống trong đạo đức nghĩa nhân. Dầu con ở đâu, ở giai tầng nào, hoàn cảnh nào, cũng phải lập chí vun bồi công quả công phu mãi mãi để có một công trình vững chắc, con sẽ thành công đắc quả.

TIẾP BÀI

Hỡi ái nữ trên đàng tu học,
Nhớ lời vàng tiếng ngọc Mẹ khuyên,
Các con trọn phận hiếu hiền,
Nên người, nên đạo, Phật Tiên sẽ thành.
Đêm Trung Thu Mẹ dành ân phước,
Các con đều hưởng được tình thâm,
Con về chuyên luyện nhứt tâm,
Độ thân độ thế khởi mầm nên công.

Trên đây là Mẹ dạy cho tất cả các con nam nữ hiện diện hôm nay, và Mẹ cũng gửi tình thương vô cực đến những con cái của Mẹ ở khắp đâu đâu.

Các con mơ ước đạo thống nhất, đời hòa bình an lạc, thì con hãy nhớ lời khuyên sau cùng này:

Sống trong đời là sống trong đạo. Đời với đạo chỉ có một tâm, dầu khác nhau về hình tướng.

Trong thời kỳ này con được ban ơn học Đại Thừa Tâm Pháp để thực hành Thiên Đạo, thì trước tiên con phải luyện tâm chuyên nhất vô sai biệt, cũng gọi là bình thường tâm. Tâm con bình thường không phân biệt đó đây, ưa ghét, thân thù, con mới chứa đựng tình thương vô cực ban rải cho mọi người mọi kẻ biết thương yêu đoàn kết với nhau. Mỗi mỗi đều được như vậy thì sớm muộn gì nền tảng thái bình an lạc cũng xây đắp được, nhỏ nhất trong xứ sở dân tộc của con, rộng ra cho toàn nhân loại.

Mẹ vốn biết thân phận nhi nữ còn gồng gánh gia đình, nhưng Thánh xưa cũng đã ban cho các con “nội tướng tài thành”⁸ thì với đức nhu thuận của Khôn nguyên cũng sát cánh Đạo Kiền mới tạo lập thế giới vạn sanh, nên các con phải cố gắng.

Con ôi!

“Nữ Chung Hòa hòa đồng nhất thể...”

8. Nội tướng 內相: người vợ chuyên ở nhà lo việc nhà, được gọi là nội tướng. Tài thành 裁成: làm nên, tạo nên. Nội tướng tài thành: người vợ lo trọn việc nhà để chồng an tâm tạo dựng sự nghiệp.

Rồi sao nữa? Con nào đọc tiếp cho Mẹ để làm vé kết thúc cho bài văn vắn hôm nay.

[Đạo tử Ngọc Kiều đọc tiếp:

Có hòa rồi tát bể cũng vui,

Muốn am sứ mạng cứu đời,

Lòng con phải tợ lòng Trời mới nên.]

Đây Mẹ dạy các con trong hàng lãnh đạo chấp hành đạo sự trong Cơ Quan.

Này các con nam phái! Các con đừng lo ngại bước tiến của các con. Tuy không có kiểm phê phúc trình, nhưng mỗi việc Thiêng Liêng đều chứng giám.

Các con hãy bình tâm mà tu hành học đạo.

Đường Đại Đạo là tự do tự tại, giới luật quy điều sở dĩ có là để trau sửa răn dè khi các con còn lầm lỗi. Nếu con phản tỉnh nội cầu, tự thấy không hổ với Thầy, không thẹn với bạn, không dối với lòng, là tự con đã có quy giới rồi vậy, còn tìm còn giữ ở đâu nữa. Mẹ nói ít, các con suy gẫm sẽ hiểu nhiều hơn.

Đêm Trung Thu Hội Yến Bàn Đào, nhìn các con mà Mẹ chạnh nhớ đến những con cái của Mẹ còn bơ vơ lạc lõng, nhứt là các con trong Cơ Quan, dầu con lớn hay nhỏ đã giác ngộ mà lại rơi rớt xa lìa thì còn nỗi buồn nào hơn. Các con hãy lo cho chúng nó.

Đêm mai, Mẹ sẽ cùng chư Phật Tiên Thần Thánh đến chứng lễ, ban ơn và cùng hội Yến Bàn Đào với các con.

Mẹ sẽ ban hồng ân vào các lễ phẩm. Các con hãy phân phát cùng nhau chung hưởng hầu thêm dũng mãnh trên bước đường thế Thiên hoàng đạo.

Mẹ cũng ban ơn cho các trẻ hiến dâng nam nữ và toàn thể thanh thiếu niên. Các con hãy ngoan đạo để sống trong vòng tay của Mẹ.

Mẹ cũng sẽ đến chứng lễ hiến dâng Bàn Đào của các con tại Vĩnh Nguyên Tự.

(...)

Thôi đêm đã khuya, để các con còn dưỡng sức lo cuộc lễ ngày mai.

Các con hãy học lời Mẹ dạy, thương yêu nhau để cùng nhau hưởng một mùa thu đầy ý nghĩa. Mẹ ban ơn...

[Đạo tử Ngọc Kiều bạch: Xin phép Đức Mẹ cho bình lại huấn từ của Mẹ vào sáng Rằm trong buổi lễ...]

Con cũng nên đem lời Mẹ cho tất cả các con của Mẹ không có mặt đêm nay được lãnh hội.

Mẹ ban ơn lành cho tất cả các con. Mẹ hồi Diêu Điện.

Thăng.

Trích lục Thánh giáo

Hãy nhiếp lấy sinh lực của vũ trụ để bảo tồn tự thân

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 07-5 Quý Hợi.

THI

BẢO thân, trước phải biết tu hành,
PHÁP độ do mình gắng luyện công,
CHƠN đạo nơi tâm người chí đạo,
QUÂN tu sớm muộn cũng công thành.

Chào chư Thiên ân, chư hiền đệ muội. Hôm nay, vâng lệnh Đức Tôn Sư, Bốn Huynh đến để dạy về khóa tu Hạ chí và chuyển Thánh ý Đức Tôn Sư ân ban cho các tịnh sĩ được tiến đạo.

Vậy mời chư đệ muội đồng an tọa.

Này chư hiền đệ hiền muội! Nhơn thân là Tiểu Thiên Địa. Trời là Đại Thiên Địa. Trời có xuân hạ thu đông để sanh trưởng

thâu tàng cho cơ sanh hóa.

Nhơn thân là bộ máy nhỏ cũng phải vận hành châu lưu theo nhịp độ của Đất Trời.

Khi đã ý thức được lẽ đó thì người tu hành phải tiếp lấy cơ hội đó mà nhiếp lấy sinh lực của vũ trụ để bảo tồn tự thân.

Mỗi năm có bốn giao điểm quan yếu của Trời Đất. Đó là Xuân phân, Hạ chí, Thu phân, Đông chí.

Khi chư hiền đệ muội chưa ý thức được thì các Đấng Thiêng Liêng đến để sắp xếp khóa tu, dìu dắt chư hiền. Nay đã ý thức rồi thì không cần tha lực nữa, mà chư hiền phải tự lo sắp xếp lấy, vì tu cho mình chớ không phải để trả nợ với vì Thánh linh hoặc vì làm chiếu lệ.

Tại sao nói thế?

Như chư hiền đệ muội đã biết:

Đông chí là mùa phục sinh. Sinh lực của vạn vật được phục hồi sau tiết đông thiên tàn tạ.

Xuân phân là lúc mà vạn vật sinh sôi nảy nở, phát triển mọi tiềm năng theo nhịp độ của Đất Trời.

Hạ chí là lúc trưởng dưỡng đến tột độ để chuẩn bị thâu liễm gặt hái khi tiết Thu phân.

Nếu xuân sanh mà không trưởng dưỡng thì lấy đâu mà thâu liễm. Bởi vì sau Hạ chí thì bóng hoàng hôn của âm khí vươn lên để nuôi dưỡng những gì đã sinh phát trong tiết Xuân sanh.

Sáu tháng đầu của một năm là thời gian mà con người tiêu

hao sinh lực rất nhiều.

Sáu tháng sau là thời kỳ để nhiếp thu sinh lực để hỗn thành cơ sanh hóa cho tiểu nhơn thân.

Nếu không thu liễm được sinh lực thì những gì bị tiêu hao không được bồi bổ thì làm sao chịu đựng nổi sáu tháng sau của âm khí bủa trùm từ Thiên Phong Cấu đến Bát Thuần Khôn¹.

Nay chư hiền đệ muội đã ý thức thì hãy cố gắng để trọn lòng thanh tịnh trong một khóa tu để đạt được kết quả tốt đẹp.

(...)

Chư hiền đệ muội ráng khép mình thanh tịnh cho có kết quả trong mùa tu này để ban rải thần lực khắp chúng sanh. Đó là công quả rất lớn đó vậy. Bốn Huynh xin chào chung, phản hồi phục lệnh.

Thăng.

1. Theo Dịch lý, mỗi tháng trong năm tương ứng với một quẻ trong kinh Dịch. Tháng 5 ứng với quẻ Thiên Phong Cấu với một hào âm bắt đầu xuất hiện và âm dần dần phát triển đến tháng 10 ứng với quẻ Bát Thuần Khôn gồm tất cả 6 hào âm.

Tháng 5 - Thiên Phong Cấu

Tháng 6 - Thiên Sơn Độn

Tháng 7 - Thiên Địa Bi

Tháng 8 - Phong Địa Quan

Tháng 9 - Sơn Địa Bác

Tháng 10 - Bát Thuần Khôn

Trang Thánh giáo song ngữ

Ban Dịch thuật VHV



NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ KIM VIẾT CAO ĐÀI GIÁO
ĐẠO NAM PHƯƠNG.

JADE EMPEROR NAMED CAODAI THE IMMORTAL
MAHABODHISTSATTVA MAHASATTVA TEACHING
THE DAO TO THE SOUTH.

Ngọc Minh Đài, Tuất thời, 29 – 12 Bính Ngọ (08-02-1967).

Ngoc Minh Dai, on the 29th day of the 12th month of Lunar Year
Binh Ngo (1967).

Thầy các con. Thầy rất vui nhìn thấy các con đến chào Thầy trước giờ xuân sang, để cùng nhau hưởng hồng ân Thầy dành sẵn cho các con, cũng như Thầy hằng ngự nơi chánh tâm mỗi trẻ.

THI

Thầy dành cho trẻ một mùa xuân,

Đi lại trần gian xóa khổ trần,

Như lý Đạo màu đang cứu cánh,

Cho đời thuần túy nét thanh tân.

Các con! Hiện tình thế sự ngày nay đã diễn biến biết bao nhiêu tấn tuồng nhân quả. Đó không phải do sự chấp định của Thầy, mà do luật định của Đạo.

Your Master, Children. I am very happy to see that you all are in attendance upon Me on the eve of Spring in order to enjoy together the blessing I reserve for all of you. Also, I am ever present in the true heart of each of you.

POEM

For you, my children, I reserve a spring,

That keeps returning to earth to efface worldly sufferings,

Like the miraculous principle of the Dao, the ultimate end,

That makes life become purely and simply new and peaceful.

Children! Nowadays, the course of events develops so many spectacles of causality that are not determined by Me, but required by the Law

Từ thuở khai thiên tịch địa¹ sắp bày trần thế đến ngày nay, các con chỉ hiểu Đạo khai trong những thời kỳ hỗn loạn để cứu thế, hay Đạo khai trong cơ biến dịch đất trời. Đến ngày nay, Thầy đã dạy rất nhiều và rất rõ ràng cho các con từ mấy mươi năm qua: Đạo là con đường duy nhất của vạn linh sanh chúng, từ Thầy ban phát đến thế gian, và từ thế gian các con trở lại cùng Thầy. Thầy là hư vô chi khí,² thì Đạo cũng đồng nghĩa đó thôi. Nên chi, trong thời kỳ Hạ nguơn, chính mình Thầy dùng khí hư vô trực tiếp hữu hình đến thế gian để dẫn dắt, thấu hiểu những điểm linh quang Thầy đã cho đến trần gian trở về khối Đại linh quang.

1. Khai thiên tịch địa: mở trời dựng đất; tạo lập vũ trụ.

2. Hư vô chi khí: khí hư vô.

of the Dao. Since the creation of the Universe establishing the land of the mortals, you have only understood that the Dao is opened in troubled times to save the world, or in the mechanism of change of Heaven and Earth. Until today, I have taught you so much and very clearly over the past few decades: Dao is the unique path for all creatures, I have sent you to earth, and from earth you return to your Master. I am the Cosmic Vital Energy and the Dao, then, has the same meaning. For this reason, in this Last era, I myself use directly the Cosmic Vital Energy to take form and come to the world to guide and bring the Micro Divine Lights allowed to descend to earth back to the Macro Divine Light.

Các con nghĩ kỹ mà xem, chẳng một điều chi gọi là huyền bí cả. Nhưng lẽ huyền bí thiên nhiên vẫn đến với các con và ở nơi các con, mà các con đang nương theo lẽ huyền bí ấy để sanh trưởng [ở] cõi trần. Thầy dạy như thế để các con hiểu thêm chữ Đạo nhiều hơn.

Con ôi! Luật Thiên điều sáng tỏ, máy trời đất vận hành, nên Thầy đã từng nói với các con: Sự thương yêu là cơ thể của Thầy. Những hiện cảnh ngày nay đang phô diễn trong đời là một sự cảnh tỉnh nhân loại trở về cùng Thượng Đế, tức là tiểu linh quang về hiệp thành khối Đại linh quang là Thầy, và đức háo sanh bất diệt vẫn tuần tự tạo hóa càn khôn vũ trụ, lập Thánh đức Thượng ngươn.

Children, think deeply and you will see nothing is mystery and yet the principle of the mystery of nature still comes and is inside you, and on which you are relying to be born and grow on earth. I am teaching this so that you understand more about the Dao.

Children! The Divine Law is clear, the mechanism of Heaven and Earth is in motion, that is why I have told you: Love is the body of your Master. The display of the today's scenes in life is awakening signs for humanity to return to God, that means the micro divine-lights return to and reunite with the Macro Divine-Light, that is Me, and the everlasting virtue of love for life systematically

creates the universe and establishes the Saintly First Era.

Hỡi các con! Hãy cố tìm sự sáng suốt Thầy đã ban cho mỗi trẻ từ Bạch Ngọc Kinh đến đây để suy đoán kiếp sanh tồn của con, và con nắm vững sự sáng suốt ấy để chầu Thầy hằng bữa đang ngự trị nơi lòng con, thì dầu cho bao nhiêu biến trạng cũng không làm con lạc Đạo, xa Thầy.

Oh, Children! Try hard to realize the illuminating insight I bestowed upon each of you from the White Jade Palace to come here to understand your struggling lives for survival, and hold firm that illuminating insight to attend upon Me who is reigning in your heart every day, then even though how many agitated states you get into, you will not stay from the Dao away from your Master.

Sở dĩ nhân loại ngày nay đã chịu trong lụt đào thải của nguơn hội xây vắn³ và luôn luôn biến thiên khổ lụy,

Nowadays, the reason why humanity is governed by the law of selectivity in the cycle of eras causing suffering and misfortune such as starvation and distress, natural disasters

3. Xây vắn: xoay vắn; biến đổi theo lẽ tự nhiên.

nào cơ căn⁻⁴ điều linh,⁻⁵ nào thiên tai chiến họa, con ôi, Từ Phụ vẫn là đức háo sanh, mà chính con lại tạo nên đường tận diệt.

Bởi thế, Thầy phải đem hình thức Thánh thể sắp bày nơi trần gian cũng như Thầy đã vạch rõ máy hành tàng vận chuyển sự sinh tồn của con ra trước mắt, để con tìm thấy sanh môn tử hộ,⁻⁶ tìm thấy Thầy là các con, các con là Thầy. Tất nhiên không phải cầu cạnh huyền thuật⁻⁷ cao siêu hay tìm ở lý trí xa xôi, tạo nên những gì để cơ

4. Cơ căn: mất mùa lúa (cơ) và mất mùa rau (căn); mất mùa đói kém.

5. Điều linh: héo rụng; xác xơ và tàn tạ.

6. Sanh môn tử hộ: (1) Môn: cửa một cánh. (2) Hộ: cửa hai cánh. (3) Sanh môn tử hộ: cửa sống chết, ám chỉ bí pháp luyện đạo để thoát khỏi luân hồi sinh tử.

7. Huyền thuật: phép thuật.

and the scourge of war is that you yourselves create the road to extermination. Oh! Children, the Loving Father is ever the Virtue of Love for life.

To that end, I must display the form of the Saintly body in the world, and also, I have clearly pointed out the mechanism of action and non-action conveying your survival before you, so that you find out the gates of life and death, learn that I am all of you, and you all are Me. Of course, you all do not have to appeal to surpassing magic or explore the inaccessible reason, creates causes for the structure to be overturned and the land of the mortals, then, revolves and falls into ruin.

cầu chịu đảo lộn, mà trần gian lại phải một phen luân chuyển điêu tàn.

Các con tìm đến với Thầy để học Đạo như hiện trước đây các con về chầu Thầy thì Đạo ấy là Thầy và các con. Các con cần nên sửa mình tu tâm luyện tánh, diệt hết lục dục thất tình, để yên lặng mà trông thấy Đạo, mà hành đạo và trở lại Thầy, như hạ, thu, đông đã mãn là mùa xuân đến với các con.

Thầy muốn thực hiện cho rõ lý Đạo, Thầy phải nhờ nơi các con thay Thầy làm người đi trước để rước kẻ đến sau, và các con nên nhớ rằng nếu các con không thương được kẻ ghét mình thì khó mong gần gũi với Thầy, hay các con

You come to Me to learn the Dao as previously you attended upon Me, the Dao thereupon is Your Master and all of you. You should mend your ways and cultivate your heart, exterminate the six desires and seven passions, maintain equanimity to see the Dao and practice the Dao to return to Me like Summer, Fall, and Winter that come to an end and the spring gets to you.

As I want to actualize the Dao principle explicitly, I have to have recourse to you to represent Me as pioneers and receive future followers; you must keep in mind that if you can not love the one who hates you, it is, then hopeless

hiếu Đạo bằng một lối hiểu thường tình, ắt cũng phải trầm luân đọa lạc.

Hỡi các con! Thầy là Cha cả vạn linh sanh chúng. Thầy chỉ đem lý thiên nhiên Tạo hóa để ban đồng, không riêng vị. Mảnh đất Việt Nam này được hồng khai chơn đạo ngày nay cũng do định luật, mà dân tộc Việt Nam đang hồi khốn khổ điêu linh, các con có cảm nghĩ buồn khổ riêng mình, chớ các con ngờ đâu tạo thiện, tác ác là do nơi vạn linh sanh chúng, chẳng riêng gì các con. Nếu Thầy không dùng đức háo sanh thì các con có nghĩ rằng càn khôn vũ trụ sẽ ra thế nào chẳng, lựa là nhân vật!

to be with Me, or if you understand the Dao in the ordinary way, undoubtedly you are sunk into the sea of pains and sorrows.

Oh, Children! I am the Father of all the creatures. I bestow the natural principle of the Creation equally without showing regard to anyone. Nowadays, the wide development of the true Dao on the piece of land of Viet Nam is also governed by the law, and yet the Vietnamese people are suffering misery and distress, and you feel sorrowful for yourself, you do not think that doing good or evil comes from all living beings not from all of you in particular. If I do not have the cardinal virtue of love for life, just think how the universe will be, let alone humanity and animals!

Tìm hiểu chữ Vô trong danh hiệu “Vô Cực Từ Tôn”

Thiện Chí

Theo giáo lý Cao Đài, hai Đấng Chủ thể tối cao trong vũ trụ tâm linh vận hành cơ sanh hóa và tiến hóa của vạn vật chúng sanh là Đức Vô Cực Từ Tôn Diêu Trì Kim Mẫu và Đức Thái Cực Thánh Hoàng Huyền Khung Cao Thượng Đế. Mỗi danh hiệu đều gồm đủ hai tính năng “Vô ngã” và “Hữu ngã”. VÔ CỰC và THÁI CỰC thuộc về Vô ngã; Từ Tôn Diêu Trì Kim Mẫu và Thái Cực Thánh Hoàng thuộc về Hữu ngã.

Theo Đạo học, Vô Cực và Thái Cực đều là Bản thể của vũ trụ. Có thể nói dễ hiểu, Vô Cực là Bản thể tịnh, Thái Cực là Bản thể động, nhưng cả hai là MỘT, hiện hữu vĩnh cửu, trường tồn bất tăng bất giảm.

Tính năng Vô Cực chủ yếu là dung chứa, bảo dưỡng, giáo hóa được diễn giải trong các bài kinh Cao Đài:



Phật Mẫu Chơn Kinh⁻¹

*“Tạo Hóa Thiên Huyền Vi Thiên Hậu,
Chưởng Kim Bàn Phật Mẫu Diêu Trì,
Sanh quang dưỡng dục quần nhi,
Chơn linh phối nhứt thân vi Thánh hình.
Thiên cung xuất vạn linh từng pháp,
Hiệp Âm Dương hữu hạp biến sanh,
Càn Khôn sản xuất hữu hình,
Bát hồn vận chuyển hóa thành chúng sinh. (...)”*

Thi văn của Đức Phật Mẫu giảng cơ dạy đạo tại Thảo Xá

1. Đức Bát Nương giảng cơ tại Kim Biên Tông Đạo, Ngài Phạm Hộ Pháp thủ cơ (phò loan).

Hiền Cung ngày 15-11 Tân Mùi (23-12-1931) do Đức Phạm Hộ Pháp và Ngài Bảo Văn Pháp Quân phò loan:

*“Từ Hỗn Độn Chí Tôn hạ chỉ,
Cho Thiếp quyền quản Khí Hư Vô,
Lấy Âm quang tạo phách tăng đồ,
Muôn vật cả lo cho sanh hóa.
Nuôi nấng lấy xác thân hòa hỏa,
Thuận Âm Dương căn quả hữu vi,
Chưa ai vào đến cõi trần này,
Chẳng thọ lấy Chơn thần tay Thiếp. (...)”⁻²*

Tính năng Thái Cực chủ yếu là sanh hóa, vận hành cơ tiến hóa. Nói “chủ yếu” có nghĩa không tuyệt đối phân biệt, không đơn thuần một tính năng nào. Hơn nữa, theo Đạo học, trong Vô Cực có Thái Cực và ngược lại. Tham khảo Kinh Ngọc Hoàng Bửu Cáo:

Ngọc Hoàng Thượng Đế Kinh (Ngọc Hoàng Bửu Cáo)

*“Đại La Thiên Đế, Thái Cực Thánh Hoàng,
Hóa dục quần sanh,
Thống ngự vạn vật.
Diệu diệu Huỳnh Kim Khuyết,
Nguy nguy Bạch Ngọc Kinh.
Nhược thiệt nhược hư,
Bất ngôn nhi mặc tuyên đại hóa.*

2. <http://www.daotam.info/books/gnkttd/gnkttd.htm>

Thị không, thị sắc,

Vô vi nhi dịch sử quần linh. (...)

Từ khái niệm “hình nhi thượng” vừa kể, Chữ “VÔ” trong danh hiệu “Vô Cực Từ Tôn” thường được Thánh giáo ứng dụng để dạy giáo lý tu tâm và pháp môn tu luyện.

“VÔ vi chi khí dụng càn khôn,

CỰC điểm nguyên sanh Đạo bảo tồn,

TỪ Mẫu khuyên con tu phục vị,

TÔN danh chủ thể giữ chơn hồn.”⁻³

- Vô vi chi khí: Khí vô hình, thanh tịnh.
- Dụng càn khôn: Càn khôn = vũ trụ; dụng càn khôn = xây dựng vũ trụ (từ khí vô hình).

- Cực điểm: Chỗ tối cao, nơi nguồn gốc đầu tiên.

- Nguyên sanh: Khởi đầu cuộc hóa sinh vũ trụ vạn vật.

- Đạo bảo tồn: Năng lực dung dưỡng sự hiện hữu của tạo vật.

- Từ Mẫu: Đức Mẹ từ bi.

- Phục vị: Trở về ngôi vị trên cõi tâm linh thiêng liêng.

- Tôn danh: Danh hiệu (tên) cao quý.

- Chủ thể: Nhân vật, người có quyền năng hay tác động.

- Chơn hồn: Hồn, linh hồn, chủ thể tâm linh.

Bốn câu xưng danh khoán thủ này tóm tắt đầy đủ định nghĩa danh hiệu, thực tại khí thể làm bản thể của vũ trụ càn khôn, công năng bảo tồn tạo vật, giáo hóa chúng sanh tiến hóa.

3. Điều Trì Bửu Điện Thánh Thất Bình Hòa, 14-8 Nhâm Tý (21-9-1972).

Chúng ta còn thấy chữ “Vô” có ý nghĩa triết lý và đạo học vô cùng sâu sắc.

Trước hết, Vô không chỉ đơn giản là vô hình, còn là vô biên, bất diệt. Vô là không, không hình mà “có”, có thực thể là “khí”. Khí là năng lượng, không hình mà có “lực”, có “sức”, nhờ đó mới dựng nên vũ trụ.

Nên Thánh giáo Đức Từ Mẫu có đoạn:

*“Có cái có trong tình Tạo hóa,
Không là không Đạo cả lưu hành,
Biết đường sanh diệt, diệt sanh,
Huàn nguyên phản bổn nhọc nhằn chi con.”*⁴

Trong Bản thể, nhờ “tình Tạo hóa” phát sinh cái “có”. Tình Tạo hóa chính là “Đạo”. Bởi thế, vũ trụ, theo Đạo học còn gọi là “Càn Khôn”, là thực thể do hai năng lực Âm Dương kết thành. Tình Tạo hóa là “Cơ Sanh Hóa–Bảo Tồn”.

“Đạo cả lưu hành” là “Cơ Tiến Hóa”, là Luật vô hình chuyển “không” thành “có”, chuyển “có” thành “không” sao cho cái “Tồn tại” sau cùng là chủ thể đạt được ở tuyệt đích của vũ trụ, kết thúc tiến trình “Hoàn nguyên”.

Đức Vạn Hạnh Thiền Sư dạy:

“Hãy nói qua về luật vô hữu của vũ trụ.

Có mà không, không có mà có, ấy là luật tắc vô hữu của vũ trụ. Đừng bảo rằng có mà cũng đừng nói rằng không. Có đó

4. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 01–12 Bính Thìn (19–01–1977).

thực nhưng cũng là không có thực đó. Nhưng không kia mà lại rằng có đấy.

Vạn sự thế thế gian trong vũ trụ hiện thực phải đặt trong tình trạng tương đối hằng hữu mới có thể giải thích được cái tác nhân của vũ trụ vào con người tức là vào vô hữu của chính nó.

Vạn thế vũ trụ đã mang lấy bản tính vô sinh bất diệt, mọi sự kiện xảy ra trong vũ trụ mặc nhiên đã vô thường bất đoạn. Chính nó nhưng không phải là nó mang lại sự bất nhứt, nhưng nó vẫn là nó, sự kiện vạn hữu ấy đã bất di. Mọi sự thế gian trong vũ trụ không đến mà đến, không đi mà biến đi, ấy là vô lai bất khứ vậy.

Với luật tắc vô hữu của vũ trụ đã giải thích mọi sự ảo giác của lục thức, lục căn của con người và mọi sự sinh tồn của kiếp người trong vũ trụ khôn cùng vô thủy vô chung.”⁻⁵

Đức Vô Cực Từ Tôn dạy về cái “không” sau cùng của kiếp người:

“Ớ trẻ cùng nhau một chữ đồng,
Chớ vì sắc lá với màu lông,
Phân chia nhĩ ngã càng xa cách,
Một kiếp rớt rồi một chữ không.”⁻⁶

Đức Ngô Đại Tiên dạy:

5. Đạo Học Chí Nam, Minh Lý Thánh Hội.

6. Diêu Trì Bửu Điện Thánh Thất Bình Hòa, 14-8 Nhâm Tý (21-9-1972).

*“Còn mê nên chấp có và không,
Giác ngộ đạo trung tại cõi lòng,
Chẳng có chẳng không vô sắc tướng,
Như như lẳng lặng giữ tâm không.”⁻⁷*

KẾT LUẬN

Đức Vô Cực Từ Tôn dạy:

*“Con hãy sống cái sống tự nhiên là con được vào vòng tay vô vi,
vô cực của Mẹ.”⁻⁸*

(“Sống cái sống tự nhiên” là sống vô tư theo luật Tiến hóa, không cưỡng cầu, không ôm chầm cái có, không chấp cứng chỗ không):

*“Dầu thế lộ gặp ghình trở ngại,
Đã làm người lòng phải dạn lòng,
Cõi đời vạn hữu sắc không,
Chẳng chi tồn tại mà mong giữ gìn.
Có cái có trong tình Tạo Hóa,
Không là không đạo cả lưu hành,
Biết đường sanh diệt diệt sanh,
Hườn nguyên bản bốn nhọc nhàn chi con.”⁻⁹*

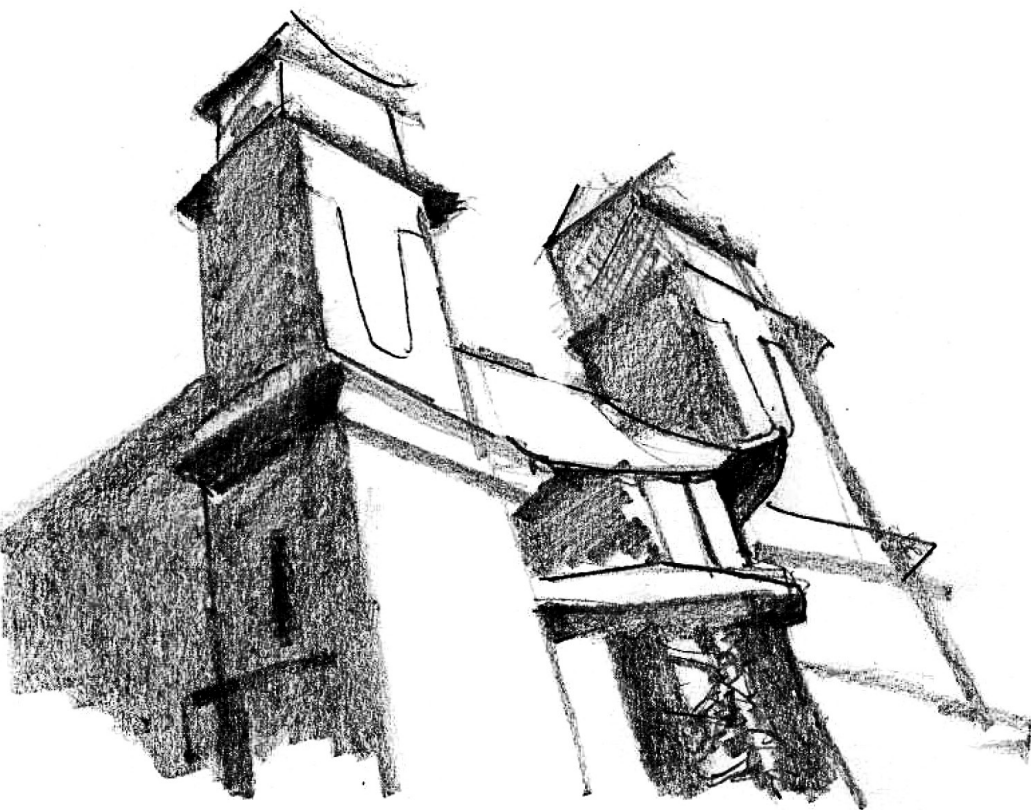
7. Trúc Lâm Thiền Điện, 07-7 Nhâm Tý (15-8-1972).

8. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 01-12 Bính Thìn (19-01-1977).

9. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 01-12 Bính Thìn (19-01-1977).

Thánh đường nội tâm

Diệu Nguyên



Minh họa: Cọ Trắng

Trong thời gian gần đây, rất nhiều Thánh thất, Thánh tịnh trong đạo Cao Đài đã được trùng tu, xây dựng lại. Và cứ mỗi lần nhìn thấy một ngôi Thánh thất hay Thánh tịnh được xây dựng khang trang đẹp đẽ, chắc hẳn lòng người tín hữu Cao Đài không khỏi rộn lên một niềm vui khó tả. Tuy nhiên, hoàn thành công trình xây dựng ngôi Thánh đường bằng gạch cát và xi măng chỉ mới là bước đầu tiên của công cuộc hoằng giáo độ đời. Bước tiếp theo quan trọng hơn và nhiều khó khăn hơn, đó chính là làm sao phát huy được vai trò của Thánh sở là chiếc thuyền từ độ dẫn được ngày càng đông hơn sanh quay về bến giác.

Đức Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân dạy:

“Chí Tôn dạy lập chùa thất là một hữu hình trụ tướng để thể hiện quyền pháp của Trời. Đó là một phần nhỏ. Còn phần trọng đại là làm nơi quy tụ hơn sanh để hướng dẫn mọi sinh hoạt đạo lý, phổ truyền giáo lý, thức tỉnh người đời. Nơi chùa thất là để chung cho hơn sanh đến đó nghe đạo, học đạo, để hành đạo. (...)

Trong nếp sinh hoạt tại chùa thất gồm có hai phần: một phần tu tịnh, để tịnh dưỡng tu đơn, dùng điển lành hỗ trợ cho sự bằng an sung túc của nơi đó. Một phần nữa là ngoại giáo công truyền, gồm có giảng đạo, phước thiện xã hội và hành chánh đạo, để cho hệ thống của guồng máy hành chánh được lưu thông điều hòa. Nếu không vì những nhu cầu ấy, Chí Tôn đã không dạy lập chùa thất.

Chỉ ngại e là có chùa thất rồi mà không người hành đạo, rất

đổi thiếu người chăm sóc đốt hương, đánh chuông, thay tam bửu vậy thôi.”⁻¹

Trước tình trạng một số Thánh sở được xây dựng lên mà không có các chương trình hành đạo cụ thể để phổ độ nhơn sanh, Đức Mẹ đã nhận xét và để lời dạy như sau:

“Thánh thất Thánh đường mọc lên như nấm, rải rác đó đây trong đất nước các con. Các con đã thấy gì bên trong Thánh thất Thánh đường đó? Ngoài chỗ thờ phượng tôn nghiêm, còn thừa bao nhiêu chỗ trống để bụi bám nhện giăng, rêu phong cỏ mọc, mỗi tháng có hai lần sóc và vọng, bốn đạo chung quanh tề tựu đến đánh lễ Thiên Liêng, cúng hành hương, độ một bữa cơm chay rồi ôm khăn gói ra về.

Đi đến Thánh thất đôi lần bảy lượt không thấy có gì mới lạ, lần hồi chênh mảng không đến nữa, dẫu đến cũng chỉ có thế mà thôi. Có những con thấy không khí buồn tẻ, chẳng biết nói gì, tự nảy sanh bàn phiếm theo báo chí, nào quốc sự, chánh trị miệng của thiên hạ, binh người này, bỏ người kia, v.v. không có sinh hoạt đạo đức, mà đáng lẽ nơi đây phải được thuyết giảng đạo lý thường xuyên tối thiểu hai lần mỗi tháng để bốn đạo biết thế nào gọi là tu; cúng chùa, tụng kinh, ăn chay, niệm phật để làm gì và làm thế nào để đắc đạo.

Đó là những điều cần thiết phải được sinh hoạt đều đều trong mỗi Thánh thất, Thánh đường. Nhơn sanh đạo hữu có hợp tác

1. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 01-02 Tân Hội (25-02-1971).

hành đạo được là nhờ có người chỉ dạy cho biết đạo là gì. Khi đã có tổ chức hành đạo thì mọi việc hành ràng buộc những người trong nội bộ Thánh thất đó. Có sự ràng buộc hỗ tương lẫn nhau thì không khí sôi động nhộn nhịp về hành thiện đạo đức mới có cơ nổi bật lên để lôi kéo sự hiếu kỳ và hấp dẫn người đời vào đạo. Như vậy mới gọi là hành đạo độ đời.”⁻²

Vậy, nếu một ngôi Thánh đường khang trang đẹp đẽ được xây dựng nên, nhưng lại thiếu các bậc chơn tu có đức độ và trí tuệ để cảm hóa và dìu dắt nhơn sanh thì ngôi Thánh đường hữu hình cũng chẳng khác nào một cái xác không hồn, không phát huy được vai trò của một chiếc thuyền từ cứu độ quần sanh quay về bến giác.

Do đó, trong thời gian mấy mươi năm qua, mỗi khi một Thánh thất, Thánh tịnh được xây dựng hay trùng tu, các Đấng Thiêng Liêng luôn để lời nhắc nhở các hàng hướng đạo cũng như tín đồ sở tại:

Vào ngày 10-5 Nhâm Tý, nhân dịp lễ khánh thành Thiên phong đường Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, các Đấng Thiêng Liêng đã nhắc nhở:

“Nay Thánh tịnh đã khang trang về hình thức thì nội tâm các em cũng phải dọn dẹp cho khang trang, cho đẹp đẽ để hữu hình vô vi được song song tiến bộ mới đạt thành công quả ở mai sau.”⁻³

2. Nam Thành Thánh thất, 15-6 Tân Hợi (05-8-1971).

3. Đức Hiến Thế Đạo Nhơn, Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 10-5 Nhâm Tý (20-6-1972).

“Hãy ráng tu tiến cho nội tâm được trang hoàng, đó mới là giá trị tương xứng với ngôi Thánh đường này.”^{- 4}

Ngày 11-7 Canh Tuất, trong lễ khánh thành Thánh đường Quảng Tín, Đức Hưng Đạo Đại Thánh dạy:

“Giờ đây, Thánh đường ngoại giới đã an bài, toàn đạo hãy quay về xây dựng Thánh đường nội tâm. Bởi nơi ấy Thầy hằng ngự và bốn phương dễ dàng chung về. Hãy cố gắng xây dựng Thánh đường nội tâm được chắc chắn, thêm uy nghi xán lạn. Thánh đường nội tâm mới là nhà chung chi phái, là kỳ đài cờ đạo trượng cao vậy.”^{- 5}

Nhân dịp lễ khánh thành tái thiết Vĩnh Nguyên Tự, một trong những di tích lịch sử đầu tiên của đạo Cao Đài, Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo cũng để lời khuyên nhủ:

“Nay thánh đường lịch sử đối với đạo, đối với thế nhân đã uy nghi rực rỡ, thì chư hiền đệ hiền muội cũng cần điểm tô ngôi Thánh đường nội tâm được sáng suốt cao đẹp và uy nghi thêm, mới thiệt là trọn vẹn vậy.”^{- 6}

Vì sao các Đấng Thiêng Liêng luôn nhắc nhở chúng ta phải chú ý xây dựng Thánh đường nội tâm song song với việc xây dựng ngôi Thánh đường hữu tướng bằng gạch cát

4. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 10-5 Nhâm Tý (20-6-1972).

5. Đức Hưng Đạo Đại Vương, Thánh đường Quảng Tín, 11-7 Canh Tuất (12-8-1970).

6. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, Vĩnh Nguyên Tự, 14-3 Quý Sửu (16-4-1973).

xi măng? Bởi lẽ có xây dựng được thành công Thánh đường nội tâm tức là Thánh đường vô tướng thì chúng ta mới làm tròn được sứ mạng tự độ và độ tha. Thậm chí, cho dù Thánh đường ngoại thể có đơn sơ, nhà tranh vách đất nhưng nếu bên trong có các bậc chơn tu đầy đủ tâm hạnh đức tài làm gương sáng cho nhơn sanh hướng tâm tu học thì nơi ấy vẫn phát huy được vai trò chiếc thuyền từ cứu độ nhơn sanh quay về bến giác. Ngược lại, chùa cao thất lớn mà thiếu người đạo cao đức trọng thì vắng vẻ hiu quạnh, đạo sự gặp nhiều khó khăn, phiền não và bế tắc.

Trên thực tế, chúng ta thấy có những ngôi Thánh đường, lúc còn lụp xụp hàn vi thì bốn đạo tề tựu về cúng kính, tu học, hành đạo rất đông. Đến khi trùng tu xây cất lại ngôi Thánh đường đồ sộ khang trang đẹp đẽ thì bốn đạo lại thưa thớt dần, ngôi Thánh đường trở nên hiu quạnh. Nguyên nhân là khi xây dựng Thánh đường hữu thể, Ban cai quản và bốn đạo chỉ lo hướng ngoại với biết bao công việc bận rộn, từ việc kêu gọi tín hữu đóng góp tài lực, vật lực đến việc thiết kế bản vẽ, giám sát công trình, mượn thầy thuê thợ, lựa chọn vật tư, rồi lại đến vấn đề thiếu hụt kinh phí, nợ nần phát sinh, v.v. Biết bao nhiêu nỗi lo toan khiến cho người tu quên mất hoặc không còn thời gian để chăm sóc ngôi Thánh đường nội tâm của mình. Từ đó nảy sinh những bất đồng ý kiến, mâu thuẫn, bất hòa giữa đồng đạo, lại có thêm sự phân biệt đối xử trong bốn đạo người này đóng nhiều, người kia đóng ít.

Người đóng góp nhiều đòi hỏi phải có được vị trí xứng đáng trong Ban cai quản, người đóng góp ít thì bị xem thường, v.v. Thế là sinh ra phiền não, mất đoàn kết rồi hờn giận bỏ Thánh sở không đến tu học hành đạo nữa.

Chuyện kể rằng tại một Thánh sở nợ đã xảy ra nhiều khảo đảo bất hòa khiến cho bốn đạo lần hồi bỏ đi hết, chỉ còn lại 5 vị trong Ban cai quản. Ngôi Thánh đường trở nên hiu quạnh, buồn tẻ. Sau nhiều ngày suy nghĩ, vị cai quản thánh sở quyết định đến gặp sư huynh của mình vốn là vị cai quản tiền nhiệm nay tuổi đã cao nên lui về ở ẩn lo tu luyện. Ông trình bày những sự việc đã xảy ra và tình trạng hiu quạnh của thánh sở lúc bấy giờ. Vị sư huynh trầm ngâm suy nghĩ một lát rồi nói với sư đệ của mình: “Vị cứu tinh của thánh sở sẽ là một trong 5 vị trong Ban cai quản còn lại hiện nay.” Vị cai quản Thánh sở cảm tạ sư huynh rồi quay về thuật lại cho 4 vị kia. Mỗi người đều thắc mắc tự hỏi: “Trong 5 người, ai sẽ là vị cứu tinh của thánh sở?” Và rồi, kể từ ngày hôm ấy, không ai bảo ai, mỗi người đều quay hướng vào trong tự quán xét tâm mình, trau sửa từ ý nghĩ, lời nói, việc làm đến cách cư xử với người khác cho được thuần chơn đạo đức và đủ đầy tình thương sao cho xứng đáng là một vị cứu tinh của thánh sở. Lúc đầu họ còn phải ý thức tự khép mình trong khuôn khổ nhưng dần dần, mọi ý nghĩ, lời nói, việc làm và cách cư xử tốt đẹp trở thành tự nhiên như hơi thở, không còn phải gượng ép hay cố gắng nữa.

Thời gian vẫn lặng lẽ trôi. Một ít người tình cò ghé qua thánh sở. Bầu không khí đặc biệt bao trùm lấy thánh sở khiến họ ngỡ ngàng. Dường như họ cảm nghiệm được nơi chốn vắng vẻ này có một điều khác thường gì đó khiến lòng họ thanh thoát, an lạc – một tâm trạng mà họ chưa từng được hưởng. Thế rồi chẳng hẹn mà họ đều quay trở lại, đem theo bằng hữu, thân thích...

Thánh sở dần dần có đông đạo hữu, đạo tâm. Nơi ấy tưởng chừng chưa hề trải qua một thời kỳ quạnh quẽ điều hiu.⁷

Do đó, Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo đã có lần dạy rằng:

*Khi dẫn thân cầm giềng mối Đạo,
Tức là đang gỡ tháo tiền khiên,
Tức là tạo Bát Nhã thuyền,
Rước đưa khách tục vượt miền vô minh.
Thì trước phải dọn mình chơn chánh,
Quyết một lòng tâm hạnh nêu gương,
Ngôn từ hòa ái dễ thương,
Đại nhân, đại lượng, dẫn đường tha nhân.
Đạo nên, hư, trách thân, trách kỷ,
Chớ không nên trách bỉ, trách tha,
Vì người ắt phải quên ta,
Thì muôn đạo sự chi là khó đâu.*

7. Theo Huệ Khải, Nhịp Cầu Tương Tri, Nxb Tôn Giáo, 2013, chuyện 77: Vị Cứu Tinh Tiềm Ẩn, tr. 185.

*Thảo mộc tốt rầy sâu quy tụ,
Ruộng lúa lành quuyến dụ chim trời,
Đất lành hoa quả tốt tươi,
Chùa linh, Đạo sáng, mọi người tin theo.”⁻⁸*

Ngoài ra, còn một điểm cần ghi nhớ đó là: Thánh đường hữu thể cho dù có được xây dựng to lớn, đẹp đẽ, khang trang, nhưng nếu thiếu vắng tình yêu thương hòa hiệp giữa đồng đạo thì Đức Chí Tôn cũng không bao giờ giáng ngự như lời Thầy đã xác quyết:

“Thầy không khi nào đến và chứng với sự chia rẽ do phạm tâm dấy động. Hôm nay, Thầy đến đây chứng ở lòng thành kính vì hai chữ hiệp hòa của các con, từ chức sắc hướng đạo lưỡng đài, và Thầy ban ơn lành cho toàn thể các con...”⁻⁹

“Thầy luôn luôn ngự ở tâm hòa hiệp của các con.”⁻¹⁰

Tâm thanh tịnh, trong sạch, thanh khiết, đạo đức, sáng suốt, hòa hiệp yêu thương mới chính là nơi Thầy hằng ngự như lời Thầy đã dạy từ buổi đầu mới khai Đạo:

*“Bạch Ngọc từ xưa đã ngự rồi,
Chẳng cần hạ thế vọng cao ngô,
Sang hèn trối kệ, Tâm là quý,
Tâm ấy tòa sen của Lão ngời.”*

8. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 19-02 Bính Dần (28-3-1986).

9. Minh Đức Đàn, 10-7 Ất Ty (06-8-1965).

10. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 30-9 Canh Tuất (25-10-1970).

Đó chính là Thánh đường nội tâm hay cũng được các Đấng Thiêng Liêng trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ gọi là tòa Cao Đài nội tại.

ĐẶC ĐIỂM CỦA NGÔI THÁNH ĐƯỜNG NỘI TÂM

1. Ngôi Thánh đường hữu tướng bằng gạch cát xi-măng sẽ bị hủy hoại dần dần theo năm tháng, còn ngôi Thánh đường nội tâm hay tòa Cao Đài nội tại một khi đã được hành giả quyết tâm xây dựng cho thật uy nghi trang trọng thì sẽ *“vĩnh cửu trường tồn, vượt qua mọi giông bão nắng mưa, không bao giờ hư hoại, tuy sờ mó chưa đụng nhưng có che có chở, trông nhìn không thấy mà linh hoạt cận kề thiên niên bất diệt...”*¹¹

2. Ngôi Thánh đường hữu thể tọa lạc tại một địa điểm cố định, còn người tu xây dựng được Thánh đường nội tâm vô hình hay tòa Cao Đài nội tại thì đi đến đâu nơi ấy đều trở thành Thánh đường, mang lại tình thương và lợi lạc cho chúng sanh. Thánh đường nội tâm được xây dựng bằng tình yêu thương hòa ái càng lớn rộng thì cứu mang được càng nhiều hơn sanh.

11. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 14-3 Mậu Ngọ (20-4-1978).

Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn dạy:

“Đấng Chí Tôn luôn luôn ngự trong tâm thanh tịnh của chư đệ muội. Phật Tiên Thánh luôn luôn hộ trì (...)

Xây đắp được Cao Đài nội tại và đạo pháp đã có thì đâu đâu cũng là chùa, là thất của chư đệ muội. Mỗi người đều là huynh tử đệ muội đồng đạo, đồng bào, hà tất phải lo chi đến điều tồn vong đắc thất của hình tướng nữa.”⁻¹²

Do đó, trong lịch sử của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, đã có lúc bảng hiệu danh xưng của Cơ Quan có nguy cơ bị xóa bỏ. Thế nhưng, Đức Quảng Đức Chơn Tiên lúc bấy giờ là Tổng Lý Minh Đạo Vô Vi của Cơ Quan đã giảng dạy:

“Về danh xưng Cơ Quan, việc này đã được dạy rồi. Hãy xây đắp tòa Cao Đài nội tại, có màng chi vật thể vô tri, phá hình danh cho lòng vô niệm. Sứ mạng phổ thông giáo lý là sứ mạng chung mà Cơ Quan là tim là óc, là can trường tâm đạo, nào phải vật thể vô tri hình danh sắc tướng mà sợ bị mất, chỉ sợ bộ máy thật bị hỏng thì trở tràng đạo sự đầy thôi.”⁻¹³

“Dù rằng bảng hiệu danh xưng có thay đổi, nhưng mục đích ý chí không thay đổi là điều quan trọng đối với chư Thiên ân và toàn thể các cấp chức vụ nhân viên đang phục vụ tại Cơ Quan.”⁻¹⁴

12. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 29–8 Quý Hợi (05–10–1983).

13. Đức Quảng Đức Chơn Tiên, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15–10 Tân Dậu (11–11–1981).

14. Đức Quảng Đức Chơn Tiên, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 12–10 Nhâm Tuất (26–11–1982).

Đức Đông Phương Chưởng Quản cũng dạy:

“(...) Chư hiền đệ muội nên nhớ rằng: trụ tướng Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo không nứt thiết ở hình thức nhà ngang dãy dọc này, mà trụ tướng Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo phải ở toàn thành phố, toàn quốc dân xã hội của chư hiền đệ muội. Có như thế mới đủ duyên hạnh nhìn theo một Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo cho toàn nhân loại.

Điều cần nứt là trụ tướng Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo phải được xây đắp trong tâm hồn mỗi người con tin của Thượng Đế. Như thế thì sự bại thành của trụ tướng hình thức này không là điều đáng đau buồn đó chư hiền đệ muội. Mà điểm đáng lo ngại nứt là những vị có sứ mạng lại vui chôn chơn tâm nằm trong sứ mạng đó thôi.”⁻¹⁵

3. Thánh đường hữu thể có hình tướng khác nhau tùy theo mỗi chi phái, còn Thánh đường nội tâm thì không có hình tướng, thuần chơn vô ngã, không phân biệt sắc phái. Thế nên Đức Hưng Đạo Đại Thánh dạy rằng *“Thánh đường nội tâm mới là nhà chung chi phái, là kỳ đài cờ đạo trượng cao vậy.”*

Đây cũng chính là đường lối quy tâm, thống nhất chi phái bằng tư tưởng và tinh thần mà Đức Chí Tôn đã dạy cho người nhân viên Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý trên đường thực thi sứ mạng phổ thông giáo lý thống nhất cơ đạo.

15. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-6 Canh Thân (26-7-1980).

PHƯƠNG PHÁP XÂY DỰNG THÁNH ĐƯỜNG NỘI TÂM

Xây dựng Thánh đường nội tâm chính là con đường tu tâm theo pháp môn Tam Công: Công trình, công quả, công phu.

Tu không có nghĩa là chỉ đến Thánh đường lễ bái tụng kinh vái van Trời Phật mà chính là phải sửa trau tâm tánh từ phàm ra Thánh hay cũng là xây dựng Thánh đường nội tâm. Các Đấng Thiêng Liêng dạy:

“(..) người tu thân hành đạo luôn luôn phải nhớ điều này: Tu là cách mạng bản thân, bản tâm và bản tánh. Nếu vào Đạo rồi mà không sửa đổi được tánh ác ra thiện, tánh ngu thành hiền, phàm tâm ra thánh tâm, những ngôn ngữ thất đức thất nhân tâm ra lời khuyên thánh thiện, thì không thể nào gọi rằng tu, rằng cách mạng bản thân được. Vậy câu Nghịch hành phản bổn là làm sao hằng ngày con người của mình phải trở nên mới, càng mới thêm mãi mãi.” -¹⁶

“Đạo có sáng chói ở mọi người thì xã hội đời mới an lạc. Đứng dưới mái Thánh đường uy nghiêm, đọc thuộc lòng từ câu văn đạo luật Thánh ngôn cũng chưa chắc đã hiểu trọn vẹn Cao Đài chủ nghĩa. Câu văn chỉ là hình thức phương tiện vẽ nên chơn lý đạo pháp chứ không là đạo pháp. Thánh đường ngoại thể đã

16. Đức Ngồi Hai Giáo Chủ Ngô Minh Chiêu, Nam Thành Thánh Thất, 14-02 Tân Hội (10-3-1971).

huy hoàng thì Thánh đường nội tâm phải sáng chói. Có như vậy mới mong con cái của Đức Chí Tôn tránh khỏi cảnh đói lòng với những tấm thực đơn.”¹⁷

1. Công trình

Nếu như hằng ngày ngôi Thánh đường hữu tượng cần được quét dọn, lau chùi cho sạch sẽ và trang hoàng đẹp đẽ thì người tín hữu cũng phải thường xuyên xem xét kỹ lưỡng mọi góc ngách của tâm hồn mình từng giây từng phút để quét sạch phiền não và các thói hư tật xấu do tham, sân, si và thất tình lục dục sai khiến. Thánh đường là nơi Thầy ngự. Thế nhưng, nếu ngôi nhà nội tâm của chúng ta để cho thập tam ma và tam độc chiếm hết chỗ thì làm gì còn chỗ cho Thầy và chư Phật Tiên Thánh Thần giáng ngự.

Thế nên lúc Đức Phật Thích Ca còn tại thế, Ngài đã chỉ cho đệ tử của mình pháp môn “Tảo tuệ” có nghĩa là “chối quét”.

“Ngày xưa, thuở Đức Phật còn tại thế, trong hàng đệ tử xuất gia của Phật có ngài Châu-Lợi-Bàn-Đặc (Suddhi-panthaka) căn cơ ám độn, học trước quên sau. Được dự vào hàng xuất gia đã lâu, những bạn đồng môn hầu hết đều ngộ đạo chứng quả, riêng Ngài không nhớ được một câu kinh bài kệ nào. Bực quá, người anh Ngài quở trách:

17. Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc, Nam Thành Thánh Thất, 14-02 Tân Hội (10-3-1971).

- Này Châu-Lợi! Tu mà không hiểu giáo lý, không thấy đạo, tốt hơn nên trở về nhà phụng sự gia đình còn hơn, ở mãi trong này mà xuẩn dốt quá vô ích.

Tủi thân, Ngài đứng dựa Tịnh-xá khóc. Lúc ấy đức Phật trong Tịnh-xá đi ra thấy vậy, dừng bước hỏi thăm: “Tại sao Châu-Lợi khóc?” Ngài buồn bã đáp:

- Bạch Thế Tôn! Anh con thấy con ngu mê tăm tối không kham nổi sự tu học nên người đuổi con về nhà...

Đức Phật cầm tay Châu-Lợi dẫn vào tịnh-xá ôn tồn dạy: “Nếu con có thiện chí tu hành, ta sẽ dạy cho phương pháp tu, chỉ cần nhớ hai chữ thôi. Này Châu-Lợi! Con hãy lắng nghe và nhớ kỹ hai chữ “Tảo Tuệ” này”.

Châu-Lợi mừng quá, đành lễ Phật lãnh lời chỉ giáo. Nhưng tội nghiệp! Ngài học được chữ Tảo thì quên chữ Tuệ, hoặc ngược lại. Cứ thế từ sớm đến chiều như trò chơi cút bắt, nhớ chữ này lại quên chữ kia. Nhưng, một lòng lại không nhàm mỏi, Ngài bỏ ăn quên ngủ, cố sức dụng tâm ghi nhớ, mãi đến ba bốn hôm mới thuộc được trọn vẹn hai chữ.

Khi thuộc được hai chữ Tảo Tuệ rồi, Châu-Lợi lại ngần ngại không hiểu tại sao đức Phật dạy Ngài hai chữ ấy, có tác dụng và nghĩa lý gì? Ngài hối hả đi tìm Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn! Hôm nay con đã nằm lòng hai chữ Tảo Tuệ. Nhưng, bạch Ngài! Xin Ngài hoan hỷ chỉ dạy con nghĩa lý của hai chữ ấy...

Đức Phật cười hiền hòa dạy:

– Tốt lắm! Nay Châu-Lợi, Tuệ là chổi; Tảo là quét. Con hãy dùng chổi trí tuệ quét sạch phiền não nơi tự tâm đi!

Bắt đầu từ ngày này, Châu-Lợi chăm chăm làm theo lời Phật dạy. Chín chắn quán xét tự tâm, gạn lọc những phiền não cấu uế, tẩy trừ những ý niệm xấu xa, gìn giữ tâm hồn thanh tịnh. Như thế sau sáu bảy hôm, Ngài chợt thấy lòng rỗng rang thanh thoát, mọi sự vật đều hiện bày sáng tỏ. Mừng quá, Ngài lại đi tìm Phật:

– Bạch Thế Tôn! Giờ con đã biết dùng trí tuệ quét sạch phiền não.

Phật mỉm cười khen ngợi:

– Đúng thế, con đã trừ nhơ, con đã giác ngộ.

Ngài Châu-Lợi-Bàn-Đặc tuy căn cơ ám độn, nhưng nhờ Phật chỉ bày chỗ căn bản ấy và nhờ sự bền chí nên Ngài dụng công không bao lâu đắc đạo.”⁻¹⁸

Nhân câu chuyện này, chúng ta lại nhớ đến bài kệ:

“Siêng quét đất vườn chùa,
Mỗi ngày thêm phước huê,
Mặc dù khách không đến,
Cũng có Thánh Thần đi.”

Tại sao siêng quét đất vườn chùa mà lại được mỗi ngày thêm phước huê? Ấy là do mỗi khi quét dọn Thánh sở, lau

18. Hòa Thượng Thích Thanh Từ, Vài vấn đề Phật pháp, www.thientongvietnam.net/kinhsach-thike/dirs/.../p4.html

chùi mặt kính, chà rửa nhà vệ sinh, v.v. người tu đều nguyện quét sạch những phiền não ô uế trong tâm mình. Có quét sạch những thứ phiền trước, thói hư tật xấu như bấn trong tâm thì điểm Đạo tự hữu mới trở nên sáng chói, trí huệ mới phát sinh, ngôi Thánh đường nội tâm hay tòa Cao Đài nội tại mới trở nên uy nghi, xán lạn.

Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn dạy:

“Muốn xây cất ngôi nhà bền bỉ tốt đẹp, chủ nhơn phải chọn người kiến trúc rành nghề, vật liệu tinh hảo, và tất cả cái hư, cái cũ, cái tệ đều bỏ đi, không dùng tô đắp vào ngôi nhà mới để được hoàn toàn mới.

*Chư đệ muội muốn xây đắp tòa Cao Đài huyền nhiệm vĩnh cửu thì phải triệt thoái những ý thức sai biệt, yêu ghét, thân thù, phiền não, kinh cụ, để thần được linh hoạt mà đem khí thể Tiên Thiên, tinh hoa lưỡng cực xây đắp nên ngôi Cao Đài nội tại của chư đệ muội được.”*¹⁹

Sau khi đã quét sạch những ý thức sai biệt, yêu ghét, thân thù, phiền não, kinh cụ, vọng niệm sai quấy nơi tâm thì cần phải giữ gìn tâm cho cẩn mật để tất cả những thứ ô uế như bấn ấy không còn cơ hội quay trở lại nội tâm. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư đã chỉ cho người tu một phương pháp hữu hiệu.

Trong một lần giáng đàn tại Minh Lý Thánh Hội, Ngài đã hỏi chư vị hầu đàn về ý nghĩa của câu: “Lục tự Di Đà vô biệt niệm,

19. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 29-3 Mậu Ngọ (05-5-1978).

Bất lao đàn chỉ đạo Tây phương.” (nghĩa là niệm 6 chữ “Nam mô A Di Đà Phật” với tâm chuyên chú bất loạn thì không cần búng ngón tay cũng có thể đến được Tây phương cực lạc) và sau đó Ngài đã từ bi giảng giải thêm:

“Nguyên về câu ấy là dặn dò nhắc nhở giới tu thân hành đạo phải nhớ rằng: “Đạo bất ly tâm”, nghĩa là “Nhật nhật thường hành, thời thời thường niệm”. Niệm nơi đây không chỉ có nghĩa rằng niệm ra tiếng cho người bên cạnh nghe được. Niệm nơi đây có nghĩa là bám víu tâm tư mình chặt chẽ vào tâm vô vi (Đạo), nghĩa là không một giây phút nào tâm tư rời đạo lý. Sự bám chặt đều đều ấy như tiếng tim nhịp liên tục đều đều nơi lồng ngực, như tiếng tích tắc đều đều ở bộ máy đồng hồ. Như vậy có nghĩa là niệm mà không niệm, và tuy không niệm nhưng không lúc nào không niệm. Ví như câu “Thị nhi bất kiến, thính nhi bất văn”, nhưng không phải là không thấy và cũng không phải là không nghe.

Khi nội tâm đã tập được đều đều liên tục như vậy rồi lâu ngày chầy tháng sẽ trở thành thói quen, ấy là tự động. Có tự động mới gọi là vô biệt đó vậy.

(...)

Thế nên câu “Lục tự Di Đà vô biệt niệm” nơi đây nhắc nhở căn dặn các bậc hành giả rằng “Đạo bất ly tâm”. Hãy nắm chặt lấy Đạo (nhớ rằng Đạo chớ không phải tôn giáo hình thức), xem Đạo cần thiết như cơm ăn, như áo mặc, như nước uống, như hơi thở. Nếu thiếu các điều kiện ấy, thể xác sẽ hoại. Thể xác hoại chưa quan hệ

bằng tâm linh khi đối lạnh và băng hoại, đó mới là tối cần. (...)

Từ đây về sau, chư đạo hữu thử áp dụng câu “Lục tự Di Đà vô biệt niệm” để làm món thần đơn diệu được bổ sung tâm thần. Vô biệt niệm nơi đây có tác dụng như vậy: Trong tâm nội mỗi người như tờ giấy trắng hoặc như một vị trí an toàn cao quý. Nếu trên mặt tờ giấy trắng đó đã viết sẵn những bài văn tự thì tha nhân không còn chỗ nào trống để đặt viết vào mà viết. Như trong tâm nội có một chỗ an toàn cao quý, mình đã thỉnh một vị tôn kính đến ngự rồi thì dù một tha nhân muốn vào đó ngồi cũng không có chỗ.

Hai thí dụ đó, Bần Tăng muốn nói rằng: Nơi tâm nội phải luôn luôn cho Thượng Đế hoặc Thần Tiên hoặc đạo đức ngự trị, đừng để trống mà tà ma chen vào.”⁻²⁰

“Sanh cõi tục ưu phiền lắm nỗi,
Ở trần gian tội lỗi bao vây,
Thế nên một mảnh tâm này,
Phải nên thận trọng ngày ngày chùi lau.
Ngọc có được dồi trau mới quý,
Tâm luyện rèn mới thấy huệ khai,
Năm năm tháng tháng ngày ngày,
Giờ giờ phút phút tâm này đừng rời.
Tâm tưởng Phật, Phật Trời hằng ngự,
Tâm tưởng ma, ma cứ vắng lai,

20. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư, Minh Lý Thánh Hội, 11-5 nhuận Tân Hợi (03-7-1971).

*Thế nên tâm phải dồi mài,
Như vàng như ngọc sánh tày lưu ly.”⁻²¹*

Việc xây dựng Thánh đường nội tâm hay xây đắp tòa Cao Đài nội tại không phải một sớm một chiều có thể hoàn tất. Đây là cả một quá trình tu tập dài lâu suốt cả cuộc đời. Kinh Tu Chơn Thiệp Quyết có câu: *“Càng tu càng thấy cao thâm/ Càng tu càng thấy sự lầm lạc xưa.”* Người có ý chí quyết tâm quay về bến giác thì cứ kiên nhẫn trì thủ tu tập cho mỗi ngày một thêm tiến bộ tinh tấn thì lo gì không xây dựng được ngôi Thánh đường nội tâm ngày một sáng suốt uy nghi xán lạn.

2. Công quả

Công quả là phương cách giúp người tu giải trừ được nghiệp chướng tiền khiên khiến cho tâm chúng ta phiền não, buồn rầu, lo lắng không yên.

Công quả giúp ích cho chúng sinh cũng mang lại cho nội tâm niềm hỷ lạc, thơ thới. Đức Chí Tôn dạy:

“Con ôi! Với lý Đạo, Thầy chẳng những dạy các con tránh điều dữ, mà cần phải luôn luôn làm những việc lành. Các con cũng biết câu hiền triết hằng nói: “Nhàn cư bất thiệt” thật chí lý lắm con.

Ở đời có biết bao nhiêu người không làm những điều dữ, nhưng lại chẳng làm một sự lành, thì nào có phúc đâu, lâu ngày

21. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư, Minh Lý Thánh Hội, 11-5 nhuận Tân Hợi (03-7-1971).

lại nảy sanh những điều chẳng hay.

Hôm nay, Thầy dạy lại chữ TÂM cụ thể cho các con thấy rành. Chữ TÂM nó là vô hình, nên những bực giáo chủ mới ví cái tâm như miếng ruộng của con. Thật vậy đó con.

Trước kia miếng ruộng của con vẫn trống sạch, nếu con không cấy lúa lên, tức nhiên nó phải sanh cỏ. Khi sanh cỏ rồi, con muốn nhổ cho tận gốc sạch trơn, rồi không cấy những giống lúa tốt lên, lâu ngày cũng biến sanh cỏ nữa. Bởi vậy, tâm con kêu là tâm điền. Chẳng những các con tránh điều dữ mà cần phải lo làm những điều lành.

Như trong Ngũ Giới Cấm, điều thứ nhứt cấm sát sanh, thì con giữ được trọn rồi là con không sát sanh nữa, nhưng cũng phải làm sao cho tâm con đầy đủ sự háo sanh, dưỡng sanh, bảo sanh. Có như thế, lâu ngày mới không biến đổi những sự chẳng hay.

Thầy dạy cạn lý, các con tìm hiểu để trau lại chữ Tâm.

Tâm điền con trẻ ráng gieo trồng,

Trồng những trái lành được trở bông,

Bông trái trúng mùa con hạnh hưởng,

Một lòng từ thiện được hành xong.”⁻²²

3. Công phu

Công phu là phương pháp thù thắng để giúp cho tâm được an

22. Đức Chí Tôn, Thánh Huấn Hiệp Tuyển, quyển 1, Bài 30: Tâm điền.

định thanh tịnh hầu phát sinh trí huệ. Trí huệ phát sinh thì mới dễ dàng diệt được tâm phàm si mê muội ám, Thánh tâm mới hiển lộ. Đức Chí Tôn dạy:

“Nhập định là cốt để cho tâm thần an ổn, nghỉ ngơi, hầu có sửa mình mà trừ khử các bệnh do trong cốt tủy và diệt xong cả mấy mối loạn của thất tình, lục dục khiến xui, khuấy rối đêm ngày. Rồi gom các tư tưởng vào nơi khối óc, đừng cho nó tưởng nhớ bá vơ những điều không tốt, lại ráng gắng công tập luyện nó sao cho lần lần trở nên thuần túy tinh anh. Mà phải nuôi cái tư tưởng ấy cho cao thượng, trọn lành mãi mãi, đừng để ngoại vật lẫn vào báo hại tâm hồn xao động.” - 23

TẠM KẾT

Tóm lại, song song với việc xây dựng ngôi Thánh đường hữu tướng, tập thể người môn đệ Cao Đài chúng ta, từ hàng hướng đạo chức sắc đến tín hữu bình thường, cũng cần phải xây dựng cho được ngôi Thánh đường nội tâm tức là Thánh đường vô tướng hay tòa Cao Đài nội tại thì mới có thể tự cứu mình cũng như cứu độ tha nhân thoát khỏi vòng luân hồi sinh tử.

Đức Đại Tiên Lê Văn Duyệt dạy:

23. Đức Chí Tôn, Đại Thừa Chơn Giáo, đàn ngày 22-9 Bính Tý (1936), bài “Tham thiền nhập định”.

*“Nhà chung đẹp tinh thần cũng đẹp,
Đẹp thức hình phải khéo đạo tâm,
Tâm là cơ lý diệu thâm,
Là đường nhập thánh siêu phàm hỡi ai!” -²⁴*

Hiện nay, trong đạo Cao Đài chúng ta đang gặp phải một khó khăn rất lớn. Đó là các ngôi Thánh thất, Thánh tịnh đều đồng loạt xuống cấp cần phải được trùng tu xây dựng lại. Thế nhưng Đạo rất nghèo, kinh phí không có, ban cai quản các tịnh thất phải lặn lội đi quyên góp trầy trật mấy năm trời mới có tiền xây dựng, đôi khi cũng không đủ phải mang nợ. Xưa nay trong lịch sử tôn giáo, có nhiều bậc chơn tu đắc pháp dù ở rừng rậm xa xôi hay đồng hoang truông vắng, nhơn sanh cũng tìm đến học tu. Thế nên, nơi mỗi Thánh sở, nếu mỗi người môn đệ Cao Đài cố gắng xây dựng thành công ngôi Thánh đường nội tâm bằng tâm hạnh đức tài thì tự nhiên sẽ có được ngôi Thánh đường hữu tướng vì khi ấy nhơn sanh xú xú quy về, chung tay góp sức xây dựng ngôi Thánh đường hữu tướng, không cần phải kêu gọi hay quyên góp.

Ước mong toàn thể tín đồ Cao Đài đều xây dựng được ngôi Thánh đường nội tâm ngày một thanh tịnh, uy nghi, tráng lệ hơn vì đây là con đường duy nhất để trở về nguồn cội thiêng liêng.

24. Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 10-5 Nhâm Tý.

Khẩu nghiệp

Hồng Phúc

Trên dòng tiến hoá của vũ trụ vạn vật, muôn loài từ khoáng sản, thảo mộc, đến thú cầm tiến hóa tuần tự theo sự tác động của quy luật tự nhiên một cách khách quan, nhưng đến con người, sự tiến hoá đó không còn được tự nhiên xuôi dòng, mà bị vòng luân hồi sinh tử ngăn chặn do bởi sự chi phối của luật Nhân Quả trong ý nghĩa con người là một chủ thể tự do, phải chịu trách nhiệm về những gì đã làm trong kiếp làm người.

Luật Nhân Quả là một lẽ thực, là chân lý, không lệ thuộc thời gian hay không gian, luôn luôn áp dụng, bất cứ lúc nào, bất cứ nơi nào, với tất cả con người. Người đời có câu: “Gieo nhân nào thì gặt quả ấy.” Theo đó, những việc làm, lời nói hay suy nghĩ của con người chính là những nguyên nhân gây ra những kết quả hay hậu quả, mà con người sẽ thừa hưởng, sẽ nhận lấy hay sẽ gánh chịu, mà theo giáo lý Phật giáo gọi là Nghiệp.

Thánh giáo Cao Đài dạy: *“Sự nhân quả nó liên lạc chặt chẽ nhau, từ cõi vô hình đến cõi hữu hình hiện tại của đời các con.*

Nhân Quả nó theo dõi các con, từ kiếp trước sang kiếp này, rồi đến kiếp khác. Bởi thế các con hiểu Đạo rồi, ráng tránh những điều ác, phải luôn luôn vui với việc làm lành. Đó là các con gieo mầm từ thiện để sau hưởng quả lành.”¹

Muốn không bị luật Nhân Quả chi phối, đơn giản là đừng gieo nhân, thì sẽ không phải gặt quả, bởi vì dù gieo nhân lành hay nhân dữ, con người vẫn còn phải hái quả ngọt hay quả đắng, vì đó là Nghiệp. Hay nói cách khác, nghiệp giống như sợi dây xích, ác nghiệp là dây xích sắt, thiện nghiệp là dây xích vàng, đều cột con người vào bánh xe luân hồi sanh tử. Cho nên, để giải thoát khỏi luân hồi sanh tử, con người phải đứng ngoài vòng Nhân quả, tức là phải đoạn nghiệp, cả ác nghiệp lẫn thiện nghiệp, bằng cách tu hành.

Nghiệp phát xuất từ Phật giáo, theo tiếng Phạn là Karma, có nghĩa đơn giản là “hành động”, tức là hành động thể hiện bằng việc làm (thân), bằng lời nói (khẩu) và bằng tư tưởng (ý), gọi là Tam nghiệp là Thân nghiệp, Khẩu nghiệp, và Ý nghiệp mà theo Đức Phật dạy trong Trung Bộ Kinh (Majjhima Nikàya), bài kinh 135, “Nghiệp là thai tạng mà từ đó con người được sinh ra; Nghiệp là quyến thuộc, là nơi nương tựa... Con người là chủ nhân của nghiệp, là kẻ thừa tự nghiệp.”

Trong phạm vi bài viết này, chỉ xin bàn về “Khẩu nghiệp”.

1. Đức Chí Tôn, Thánh Huấn Hiệp Tuyển, Quyển1, tr. 72.

I. KHẨU NGHIỆP LÀ GÌ?

- Nghiệp: Thường được người đời hiểu theo ý nghĩa là hậu quả của việc làm thiện hay ác trong kiếp trước thể hiện ra trong kiếp hiện tại bằng sự hạnh phúc hay đau khổ. Nhưng hiểu một cách chính xác, Nghiệp đơn giản có nghĩa là “nợ” mà con người phải trả, dù nợ này không có chủ nợ cụ thể. Có thể nói, con người sống trên thế gian này luôn dính liền với “nợ” hay “nghiệp”. Ngay cả trong cuộc sống đời thường, chữ “nghề” là thuật ngữ được sử dụng để chỉ những kỹ năng, kiến thức để con người làm một việc gì đó để có thu nhập, để nuôi sống bản thân, cũng đi đôi với “nghiệp”; phải chăng hàm ý mục tiêu chính của nghề là kiếm tiền, mục tiêu của nghiệp là trả “nợ”. Nghề nào cũng gắn liền với một cái nghiệp nhất định, và cũng có thiện nghiệp và ác nghiệp.

- Khẩu: Là Miệng với hai chức năng là “ăn và nói”. Ăn là nhu cầu căn bản nhất và không thể thiếu đối với bất kỳ sinh vật nào có sự sống, ăn là chức năng vô cùng quan trọng của cái miệng. Bên cạnh đó, Nói không chỉ là hoạt động phát ra âm thanh của bộ phận thanh quản cuống họng, mà chính xác là còn phản ánh cách thức vận hành của tư tưởng, để con người làm phương tiện giao tiếp với mọi người xung quanh. Việc ăn và nói là hai việc làm đều có thể đem lại kết quả tốt hay xấu cho chính chủ thể.

Như vậy, có thể hiểu một cách đơn giản, “Khẩu nghiệp” là

kết quả của sự vận hành cái miệng, từ ăn cho đến nói, nhưng thông thường, khẩu nghiệp được hiểu là hậu quả do lời nói từ miệng con người gây ra, nên khẩu nghiệp cũng được gọi là Ngũ nghiệp.

Ở góc độ tôn giáo, Khẩu nghiệp là nghiệp lực khó khắc phục nhất cho việc tu hành; Là lực cản trở lớn nhất cho việc tu hành chứng đạo; Là sức mạnh sát hại sinh mạng lớn nhất cho việc tu hành; Là nghiệp lực chính yếu đưa con người đọa xuống ác đạo; Là sức mạnh ngăn trở lớn nhất cho việc vãng sanh. Chính vì vậy, ngay khi bước chân vào đạo, con người bắt buộc phải tuân thủ những giới cấm đầu tiên, liên quan đến chức năng của cái miệng là ăn và nói, trong Ngũ Giới Cấm: Điều thứ Tư là cấm dùng rượu thịt (Tứ bất tửu nhục), và điều cấm thứ Năm là cấm nói điều sai quấy (Ngũ bất vọng ngữ).

II. KHẨU NGHIỆP DO ĐÂU MÀ CÓ?

Cổ nhân cũng có dạy: “Bệnh tùng khẩu nhập, họa tùng khẩu xuất”, nghĩa là: Bệnh từ cái miệng do ăn uống mà đem vào, họa cũng từ cái miệng do nói chuyện thị phi mà tạo ra. Bệnh qua miệng nhập vào thân người, ăn thì muốn ăn những món ngon vật lạ cho khoái khẩu, không chỉ đem bệnh vào thân, nhất là ngày nay cả động vật lẫn thực vật được nuôi trồng bằng hóa chất độc hại rất nhiều, nếu không biết chọn lựa, kiêng cử thì việc ăn uống là nguyên nhân gây bệnh. Theo một công bố mới

đây của các nhà nghiên cứu, 35% bệnh ung thư bắt nguồn từ thức ăn.

Tai họa đến với con người cũng lại phát sinh từ lời nói. Người đời thường nói: “Cái miệng kiện cái thân”. Chính vì vậy, người đời cũng có câu: “Cái lưỡi không xương nhiều đường lắt léo.” Hay người xưa cũng có nói “Nhứt ngôn khả dĩ hưng bang, nhứt ngôn khả dĩ tán bang”, nghĩa là một lời nói có thể xây dựng nước nhà, mà cũng có thể làm tan nát nước nhà.

Về mặt vật chất hữu hình, cuộc sống thế gian từ xưa đến nay đã cho thấy rất nhiều trường hợp của cái dù to lớn như núi, nhưng nếu ngồi không ăn lâu ngày cũng hết, tức là cái miệng làm cho tán gia bại sản. Về mặt vô hình, phước đức dù cực khổ gieo tạo nhiều đời, nhưng do cái miệng tạo nghiệp, chỉ trích, nói lời ác độc thì trong giây phút cũng có thể tiêu tan.

Phật dạy trong mười ác nghiệp của con người thì trong đó cái miệng đã chiếm bốn, tức gần một nửa: Bốn nghiệp khẩu là:

1) Lưỡng-thiệt: Nói lời hai lưỡi, “đâm bị thóc, thọc bị gạo.” Nghe điều gì ở chỗ này, đi đến chỗ kia nói để sanh chia rẽ ở những người này; nghe điều gì ở chỗ kia, đi nói với những người này, để sanh chia rẽ ở những người kia.

2) Ý-ngôn: Nói lời thêu dệt. Chuyện không nói có, chuyện có nói không. Vừa nghe câu chuyện ở đây xong đi kể cho người khác nghe, mà thường khi kể lại thì hay thêm mắm dặm muối để tăng phần phóng đại cuốn hút, chuyện bé xé ra to. Hoặc

đặt điều nói xấu, nhằm làm tổn hại danh dự của người nào đó, khiến người khác có ấn tượng xấu về người này.

3) Ác-khẩu: Chửi rủa, nói lời hỗn hào hung ác, chửi lời thô tục, nặng nề, hay dùng lời cay cú nhục mạ người khác cho sượng miệng, cho thỏa cơn giận hay lòng đố kỵ ganh ghét.

4) Vọng-ngữ: Thường được hiểu là nói láo, nhưng chữ “Vọng” có nghĩa chính xác là sai quấy, tức là nói lời sai quấy, không đúng sự thật vì bất cứ lý do gì, trong đó có cả sự mê tín cống cao ngã mạn, tự cao tự đại, khoe khoang, nói lời không lợi ích, không đúng, ví như hô hào là bậc tu đã chứng đắc, huênh hoang những điều huyền hoặc, có thể để trục lợi hoặc cũng có thể muốn người khác nể phục. Nói không thật, hay vọng ngữ, là điều mọi người dễ phạm phải. Nhiều khi nói không đúng sự thật, nói lời dối ngụy mà vô tình không hay biết.

Tương tự lời Phật dạy, trong đạo Cao Đài, bài Sám Hối Văn được các tịnh viên đọc khi hành lễ nhập tịnh có câu: “*Lộng ngôn, ác ngữ, lời sàm, dệt thù*”, đã xác định “khẩu nghiệp” xuất phát từ lời nói của con người.

Đối với nghiệp do “Ác khẩu”, lời nói chửi rủa sỉ nhục người khác sẽ quay về chính mình như câu người đời thường ví “Ngậm máu phun người mà dơ miệng mình”. Một lần, Phật đi giáo hóa vùng Bà La Môn, các tu sĩ Bà La Môn thấy đệ tử của mình đi theo Phật nhiều quá, nên ra đón đường Phật chửi. Phật thân nhiên làm thinh. Người ấy mắng nhiếc xong, Phật hỏi: “Ông đem lễ vật tặng người khác, người ấy không nhận thì lễ

vật ấy cuối cùng sẽ thuộc về ai?” Người ấy đáp rằng, lẽ vật vẫn là của ông ta.

Đức Phật liền nói: “Nay ông mắng nhiếc ta, nhưng ta không nhận, ông tự mang vào thân ông vậy. Cũng giống như âm vang là do nương theo tiếng mà có, như bóng do hình mà thành, cuối cùng vẫn chẳng tránh được. Hãy thận trọng, chớ nói lời mắng nhiếc, ác ngữ!”

Ngay cả lời nói dối, tưởng chừng là lời nói gió bay, nhưng tội lỗi cũng tương đồng với hành động. Đức Chí Tôn dạy: *“Như các con nói dối, trước chưa dối với người, thì các con đã nói dối với lương tâm, tức là chơn linh. Thầy đã nói chơn linh ấy đem nạp vào Tòa phán xét từ lời nói của các con, dầu những lời nói ấy không thiệt hành mặc dầu, chớ tội hình cũng đồng một thể. Nơi Tòa phán xét, chẳng một lời nói vô ích mà bỏ, nên Thầy dạy các con phải cẩn ngôn, cẩn hạnh, thà là các con làm tội mà chịu tội cho đành, hơn là các con nói tội mà phải mang trọng hình đồng thể. Các con khá nhớ.”*⁻²

Người xưa có câu: “Ngôn do tâm sinh” (lời nói là do tâm mà sinh ra). Nếu miệng thường hay nói những lời không hay, không tốt, thị phi, nguyên rủa,... thì phúc đức sẽ tổn thất rất nhanh. Nói lời không đúng hay không phải với người lớn tuổi cũng đều như thế. Đức An Hòa Thánh Nương đã từng nhắc

2. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyển 2, Tòa Thánh Tây Ninh, 1966, bài “Tại sao cấm vọng ngữ?”, tr.66.

nhỏ: “*Một câu thất đức thiên niên đọa.*”⁻³ Cả một đời người cố gắng tạo phước đức, nhưng chỉ cần một lời ác khẩu nói ra, không chỉ phước đức tiêu tan trong giây phút mà còn phải bị đọa lạc không biết bao nhiêu kiếp.

Người hay phàn nàn, không hài lòng với số mệnh, bởi tính ích kỷ, ganh ghét, đố kỵ, không trân quý những gì vốn có của bản thân, hưởng bao nhiêu phúc cũng không thỏa mãn, luôn cảm thấy bất bình, thường hay oán trời trách đất, không chỉ làm tổn hại phước báo của mình mà còn mang nghiệp Vọng ngữ.

“Vọng ngữ” cũng là Khẩu nghiệp mà những người hay khoe khoang trong lĩnh vực tu hành hay vướng mắc, như lời Phật thuyết giảng trong kinh Lăng Nghiêm: “*A Nan, nếu các chúng sinh, đã giữ hoàn toàn ba hạnh trên là không sát, đọa, dâm rồi mà còn đại vọng ngữ, thì tâm cũng không thanh tịnh, mất hạt giống Phật. Đại vọng ngữ có nghĩa là chưa đặng đạo mà dám nói mình đặng đạo, chưa chứng quả mà nói mình chứng quả. Đối với người đời hay khoe: Ta đã chứng Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát, hay Phật, để trông cầu người lay cúng. Những người nói dối như thế, làm tiêu hạt giống Phật, sẽ đọa vào trong biển khổ. Cũng như cây Da La khi bị chặt đứt cội rồi, thì không thể mọc chồi đâm tược được.*”

3. Đức An Hòa Thánh Nương, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 06-3 Giáp Tý (06-4-1984).

III. TÁC HẠI CỦA KHẨU NGHIỆP

Người xưa có dạy: “Khẩu khai thần khí tán. Thiệt động thị phi sanh”, tức là mở miệng nhiều lời sẽ hao tổn thần khí, lưỡi động thường nói chuyện phải trái, khen chê... để rồi dẫn đến sự bất hòa, mâu thuẫn, tranh chấp, lắm khi xảy ra tương tàn, tương sát lẫn nhau. Đây là chỉ nói sơ qua những điều tai hại thường xảy ra hằng ngày của cái miệng, còn lại suốt trong một đời người, từ cái miệng mà con người tự tạo cho mình không biết bao tội lỗi.

Thánh giáo Cao Đài đã xác nhận:

“Mỗi việc mình làm đều có cái nhân, hoặc nhân lành hoặc nhân dữ. Trong việc làm đó có cả các phương diện y như ý nghĩ, lời nói và hành động. Khi ý nghĩ như thế nào, tuy chưa thực hiện hành động đến ý nghĩ đó, nhưng cái họa hoặc phước đã tượng nguyên hình đi liền theo ý nghĩ ấy. Chính cái tượng nguyên hình đó, nên sách tạm gọi là cái “số”. Như vậy, số đã định sẵn bởi ý nghĩ của mình tạo lấy cho mình, còn Trời Phật là Đấng chí công vô tư, không đem họa đến cho ai và cũng không đem phước đến cho ai.”⁴

Theo Phật giáo, khẩu nghiệp là một trong những nghiệp nặng nề nhất mà một người có thể tạo ra. Vết thương gây ra trên thân thể người khác còn có ngày lành, còn vết thương gây ra do lời nói thì chẳng biết khi nào mới lành lặn được.

4. Đức Lê Đại Tiên, Ngọc Minh Đài, 09-5 Quý Sửu (09-6-1973).

Tất cả những lời nói đều do tâm mà ra. Khi tâm điên đảo xấu xa, tàn ác muốn mưu hại người khác, tâm sẽ khiến cho miệng lưỡi dùng đủ mọi mách khéo, hoặc ngọt ngào, hoặc hung dữ, hoặc dối trá thêu dệt, nói xấu người khác và có thể làm tan nát cả cuộc đời của con người.

Như câu chuyện trong quyển Quốc Văn Giáo Khoa Thư. Một người khách cưỡi ngựa qua một làng nọ, tiếng vó ngựa làm giật mình một con chó đang nằm ngủ bên đường. Con chó hoảng sợ sủa vang, người khách tức giận, bèn la lên “chó dại, chó dại,” người đi đường tưởng thật bèn rượt theo đập chết con chó. Nguy hiểm thay! Chỉ vồn vện mấy tiếng để vu cáo con chó mà có thể giết chết được con vật. Trong lịch sử, ta cũng thường thấy nhiều vị hôn quân nghe lời gièm xiểm của kẻ nịnh thần mà giết kẻ tội trung.

Trong một bối cảnh rộng lớn hơn, lời nói có thể làm tạo nên hiềm khích giữa các quốc gia hoặc cộng đồng như loại, tạo nên sự tàn sát giữa quốc gia, nhà tan cửa nát, nhân loại điêu linh.

Về phương diện nhân sinh, không ai tin tưởng, muốn giao tiếp với những người luôn có lời giả dối, gạt gẫm người khác để trục lợi cho mình, họ sẽ bị mọi người khinh miệt, ghê tởm và xa lánh. Luật lệ Hoa Kỳ phạt tội nặng những người giả dối tùy theo hậu quả của những hành động gian dối. Khi nói dối trước tòa án, người nói dối coi như lũng đoạn công lý và có thể bị phạt tù tới 5 năm. Ở Anh quốc, tội nói dối trước tòa có thể bị phạt tù chung thân khổ sai.

Trong xã hội hiện nay, có hiện tượng nhiều người sử dụng những trang mạng xã hội, facebook, twitter,... thường dùng những lời lẽ ác ngữ, thô tục, xúc phạm đến người khác. Mặc dù những lời nói này không chỉ một người nào cụ thể, không trực tiếp một ai, nhưng người nói khi nói ra là đã phải chịu trách nhiệm lời của mình, không chỉ về nghiệp quả vô vi, mà đôi khi còn về mặt luật pháp hữu hình. Không chỉ viết những lời ác ngữ, mà thậm chí chỉ cần nhấp chuột tán thành, ủng hộ những lời ác ngữ đều coi như là gieo nhân, thì phải gặt quả thối, vì Nghiệp sẽ chi phối đối với đời sống của tự thân người tạo nghiệp. Vì thế, một lời ác khẩu, ác ngữ đều có thể đưa đến quả nghiệp cho chính người nói.

IV. TẠI SAO PHẢI ĐOẠN TRỪ KHẨU NGHIỆP?

Như vậy khẩu nghiệp rất quan trọng trong cuộc sống thường nhật của con người. Những việc làm tổn đức cả trong cuộc đời người ta không phải ngày nào cũng có thể làm, nhưng những lời nói làm tổn đức, những lời nói khó nghe, những lời nói bất chính rất có thể được nói ra hằng ngày. Do đó lời nói rất quan trọng, có ảnh hưởng rất lớn trong cuộc sống hằng ngày của tất cả mọi người.

Tạo hóa sinh ra con người có hai lỗ tai, nhưng chỉ có một cái miệng, cho nên phải nghe nhiều hơn nói, mới đúng với tự nhiên. Được làm người với đầy đủ lục căn và miệng lưỡi trọn

ven là phước đức quá rồi, phải thực hành khẩu nghiệp sao cho không gây nên nghiệp ác, tức là ăn nói phải đúng pháp để tránh nghiệp dữ do lời nói gây ra, tức là phải thực hành các điều lành về khẩu nghiệp. Phật dạy: *“Tu cái miệng là điều cần thiết nhất và xem như tu hơn nửa đời người rồi, bởi vì tội gây ra bởi khẩu nghiệp sâu nặng không gì sánh bằng. Người tu hành nếu không dứt đoạn được khẩu nghiệp thì vĩnh viễn phải bị đọa vào đường ác, gánh chịu “khổ khẩu vô lượng” không có ngày ra khỏi.”*

Nếu không đoạn trừ khẩu nghiệp, người tu học thường hay mắc phải tật hay đàm huyên thuyết diệu, giảng giáo nói tông, khoe mình đắc ngộ, chê người ngu mê. Hoặc hay bàn cãi những chuyện thị phi, trước mặt thì nịnh hót đề cao, sau lưng lại chê bai, chỉ trích. Đó là những lời nói lợi hại làm mất chánh định của người tu, làm cho người tu không chỉ quên kiệm ngôn, dưỡng đức, mà còn khiến cho tâm tán động, lăng xăng, phiền não.

Tôn giáo nào cũng đặt Giới cấm vọng ngữ, coi nói dối là một tội lỗi. Trong đạo Cao Đài, Đức Chí Tôn có dạy rằng: *“Thầy đã nói rằng nơi thân phàm các con, mỗi đứa Thầy đều cho một chơn linh gìn giữ cái chơn mạng sanh tồn. Thầy tưởng chẳng cần nói, các con cũng hiểu rõ rằng: Đấng chơn linh ấy vốn vô tư, mà lại đặt phép giao thông cùng cả chư Thần, Thánh, Tiên, Phật và các Đấng trọn lành nơi Ngọc Hư Cung, nhứt nhứt điều lành và việc dữ đều ghi chép không sai, đặt dăng vào Tòa phán xét, bởi vậy nên một máy không qua, dữ lành đều có trả; lại nữa, các chơn*

linh ấy, tánh Thánh nơi mình đã chẳng phải giữ gìn các con mà thôi, mà còn dạy dỗ các con, thường nghe đời gọi là “lộn lương tâm” là đó. Bởi vậy chư Hiền, chư Thánh Nho nói rằng: “Khi nhơn tức khi tâm”, “Hoạch tội ư thiên, vô sở đảo dã.” Như các con nói dối, trước chưa dối với người, thì các con đã nói dối với lương tâm, tức là chơn linh. Thầy đã nói chơn linh ấy đem nạp vào Tòa phán xét từ lời nói của các con, dầu những lời nói ấy không thiệt hành mặc dầu, chớ tội hình cũng đồng một thể. Nơi Tòa phán xét, chẳng một lời nói vô ích mà bỏ, nên Thầy dạy các con phải cẩn ngôn, cẩn hạnh, thà là các con làm tội mà chịu tội cho đành, hơn là các con nói tội mà phải mang trọng hình đồng thể.”

Lời dạy này cho thấy rằng khi ta dối người, thì là đã dối mình, tức là dối lương tâm của mình. Lương tâm của mình là một phần linh quang của Đức Chí Tôn, nên dối lương tâm tức là dối Đức Chí Tôn. Ngày xưa dối vua là phạm tội khi quân phải bị chém đầu, mà dối Đức Chí Tôn thì tội lỗi biết là bao.

Người mà hay dùng những lời không hay đả kích người khác thì đối với Phật giáo chính là ác nhân. Đả thương lòng tự trọng của người khác, chửi mắng người khác, làm phương hại danh dự người khác là họa từ miệng ra, nói lời hại người lại chính là hại mình, tự mang phiền toái đến cho mình. Bởi vậy, Phật dạy, tôn trọng người khác là tôn trọng chính mình. Khi thốt ra những lời lẽ thô tục đối với người khác thì cũng là lúc bản thân bị hạ thấp, mà nói lời thiển ngữ lại còn bị tổn phước, rất không nên làm.

Nặng nề hơn, là tội oán Trời trách Đất tức phán xét Trời Đất, mà không biết rằng trí phàm không thể hiểu hết Thiên cơ, máy Trời. Bởi vì những điều chúng ta nhìn thấy và cho là đúng nhưng chưa hẳn đã đúng, điều cho là không tốt, lại chưa hẳn đã không tốt. Nhất là đối với người tu với đức tin trọn vẹn vào Thiêng Liêng, phải tin tưởng rằng, những điều xảy ra trước mắt, cho dù là thuận cảnh hay nghịch cảnh, thì tất thấy đều là những an bài tốt nhất đối với mình. Bởi vậy, mới có câu nói rằng, thuận theo tự nhiên cũng là một loại phúc.

V. LÀM THẾ NÀO ĐỂ GIẢI TRỪ KHẨU NGHIỆP?

1. Giữ giới

Bước chân vào cửa Đạo, việc đầu tiên với người tu là phải giữ Giới, có giữ Giới được mới có thể bước qua những giai đoạn kế tiếp tức là “định, huệ, tri kiến và giải thoát.” Trong Giới cấm có Điều Cấm giúp con người ngăn ngừa khẩu nghiệp là Vọng ngữ.

Vọng ngữ không chỉ đơn giản là nói dối, mà quan trọng là tránh tự khoe khoang về đức hạnh, như nói là mình đã khai ngộ, mình là Bồ Tát đắc Đạo tại thế. Đó là đại vọng ngữ, tương lai chết đi sẽ đọa địa ngục bạt thiết (cắt lưỡi). Đây tuyệt hẳn không phải là những lời hí luận giỡn chơi. Chỉ những hạng người vô tri, vô thức mới có thứ hành vi tự mãn như thế. Điều này tương tự như người giàu có, đem tài sản ra khoe để mời mọc trộm cướp tìm đến.

Trong kinh Lăng Nghiêm có dạy, tu đạo cũng tương tự như thế, không nên nói với người khác rằng: “Tôi có thần thông. Tôi có thể nghe Phật và Bồ Tát nói chuyện. Tôi có thể thấy Phật, Bồ Tát hiện ra trước mặt.” Vì như thế là tạo cơ hội cho Ma Vương thừa dịp tìm đến, chỉ huy để trở thành quyến thuộc của nó. Không nên hồ đồ, nói năng bừa bãi là mình chứng được thần thông gì, thấy được cảnh giới gì. Bởi vì đó là do ma tác quái, khiến người tu mất đạo tâm mà phát cuồng. Đó chính là hiện tượng bị “tẩu hỏa nhập ma”, chứ không phải là cảnh giới thật. Người tham thiền không nên chấp vào cảnh giới, gọi là: “Phật đến thì chém Phật, ma đến thì chém ma.” Bất luận ai đến, mình cũng chém hết. Đó là không chấp tất cả các pháp hữu vi, không chấp tất cả các hình tướng. Người tu hành nên chuyên cần nhất tâm dụng công hành pháp, không nên cố cao ngã mạn, tham danh, tham lợi. Vì đó là cảnh giới của ma rồi. Người tu hành chủ yếu là tu giới thanh tịnh, tức là ba nghiệp thân, khẩu, ý đều nên thanh tịnh. Người có thần thông, tuyệt đối không được nói là mình có thần thông; Hà huống mình vốn không có thần thông mà nói bừa nói láo, há đó không phải là tạo nhân để đọa địa ngục sao?

2. Tịnh khẩu

Một cách khác để giải trừ khẩu nghiệp là tập tịnh khẩu. Đây chính là yêu cầu của trường tịnh đối với các tịnh viên, nhằm

giúp tịnh viên tự quản chế mình, không nên buông thả hay nói năng bừa bãi. Tuy nhiên, phải hiểu rõ ý nghĩa của việc tịnh khẩu đối với tịnh viên, không có nghĩa chỉ giúp tịnh trường thanh tịnh, mà còn ý nghĩa lớn lao hơn là tập tành, huấn luyện cho tịnh viên đoạn trừ khẩu nghiệp trên đường Thiên đạo giải thoát, như lời dạy của Đức Quan Thế Âm Bồ Tát:

“Tu là sửa đổi bồi bổ những gì đã mất, đã hao. Do đó, tu phải tịnh. Tịnh không những chỉ tịnh khẩu mà còn tịnh nhiều phương diện khác, như mục bất đồ, nhĩ bất thính, khẩu bất ngôn, ý bất tưởng phi lễ chi sự. Tịnh cũng có nghĩa là tích. Tích là chứa. Có tích mới tồn. Có tồn mới quy phục được những gì hao mất. Vì vậy mà nói luôn tu tịnh tích tồn.

Tịnh ngôn trong năm ngày, sau đó đáng lý phải cần ngôn thiếu ngữ để nuôi dưỡng sự tịnh tích mới tồn được. Trái lại, đàn tràng này rỗng tịnh trong năm ngày, sau đó truy ngôn truy ngữ. Cười... Cười... Như vậy làm sao gọi là tích tồn và dưỡng cho được!”⁵

3. Cần ngôn

Như lời dạy của Đức Quan Âm, tịnh khẩu phải được tiếp tục bằng bài học: “Cần ngôn thiếu ngữ” để càng ngày càng bớt lâm vấp tội lỗi do lời nói gây ra. Cần ngôn đã được đề cập như là bài học làm người với lời khuyên “Phải uốn lưỡi bảy lần trước khi

5. Minh Lý Thánh Hội, 02-11 Mậu Thân (20-12-1968).

nói.” Có nghĩa khi muốn nói lời nào, cũng phải suy nghĩ chín chắn: có đúng nơi, đúng lúc, hợp thời, hợp cảnh hay không? Lời nói mang lại ích lợi hay gây tổn hại cho người đối diện.

Câu chuyện về nhà hiền triết Socrates đích thực là một bài học để giúp con người trau dồi cho mình hạnh cần ngôn:

Thời trẻ, có một lần, một người bạn của Socrates vội vàng chạy tới tìm ông. Người bạn này vừa thở vừa cao hứng nói: “Minh nói với cậu chuyện này, đảm bảo là ngoài sức tưởng tượng của cậu.”

– “Chờ chút!” Socrates vội vã ngăn anh ta lại và nói: “Những lời mà cậu định nói với tôi, cậu đã dùng ba “cái sàng” để lọc qua chưa?”

Người bạn của Socrates với vẻ mặt không hiểu, lặng im và lắc đầu.

Socrates nói: “Lúc mà cậu muốn nói cho người khác một việc gì đó, ít nhất cũng nên dùng ba “cái sàng” lọc qua một lượt. Cái thứ nhất gọi là chân thật, cậu phải xem xem chuyện mà cậu muốn nói cho người khác có đúng sự thật không?”

Anh bạn tiếp lời: “Tôi là nghe được trên đường đi tới đây, mọi người đều nói như vậy chứ tôi cũng không biết là có đúng sự thật không.”

Socrates lại nói tiếp: “Vậy thì nên dùng “cái sàng” thứ hai của cậu để kiểm tra đi. Nếu như nó không phải là sự thật, thì ít nhất cũng là có thiện ý chứ? Chuyện mà cậu muốn kể với tôi có phải là có thiện ý không?”

Người bạn kia nghĩ nghĩ một lát rồi nói: “Không có, thậm chí còn ngược lại nữa”, người bạn này nói xong dường như cảm thấy có chút xấu hổ, liền cúi mặt xuống đất.

Socrates không ngần ngại mà nói tiếp: “Vậy thì chúng ta lại dùng cái sàng thứ ba xem thử xem, việc mà cậu vội vã để nói cho mình biết có phải là việc quan trọng không?”

“Cũng không phải là việc quan trọng!”

“Một việc không quan trọng mà lại không xuất ra từ thiện ý, hơn nữa cậu còn không biết có phải là sự thật không, thế thì cậu cần gì phải nói ra? Nói ra cũng chỉ tạo thành phức tạp cho hai người chúng ta mà thôi.”

Socrates cũng từng nói: “Đừng nghe và tin vào lời nói của những người bàn luận thị phi hay là người gièm pha, phỉ báng. Bởi vì lời mà họ nói cho bạn không phải là xuất từ thiện ý, họ đã vạch trần việc riêng tư của người khác thì đương nhiên cũng sẽ làm như vậy với bạn.”

Vì vậy, mọi người trước khi muốn nói ra một chuyện gì đó hãy dùng ba cái sàng để lọc một lượt, không làm người đưa đẩy thị phi thì đương nhiên cũng đừng để bị người khác lợi dụng làm người truyền bá thị phi.

Lời đồn đại còn đáng sợ hơn dao kiếm, nó có thể làm sát thương người khác một cách vô hình. Người đồn đại những tin đồn không có thật chẳng khác nào đang vui vẻ trên nỗi thống khổ của người khác. Lời nói ra không chỉ phản ánh trí tuệ mà còn tích phúc báo hay làm tổn hại phúc báo của một người, cho

nên trong cuộc sống hằng ngày chúng ta cần thận trọng từ lời nói đến việc làm.

Đức Lão Tử đã nói trong Đạo Đức Kinh: “Ít nói là trở về với tự nhiên”, và “Những người nói nhiều là những người hiểu ít.” Đức Minh Đức Đạo Nhơn có lần dạy Đạo Trưởng Chí Tín: “Cẩn ngôn ít nói mà hiểu nhiều đó là ưu điểm. Con nên nhớ, đừng bao giờ thêm ý kiến vào một việc nào đã được hoàn thành hay đã được đề nghị đầy đủ mọi tình lý, để trên thương mến, dưới kính phục.”⁶

Đức Vạn Hạnh Thiền Sư cũng dặn dò: “Chư đạo hữu phải luôn luôn tập lòng thanh tịnh, tư tưởng thanh cao hướng thượng, hằng nghĩ điều đạo đức, hằng nói lời đạo đức, giúp đời cứu chúng, nhứt là phải cẩn hạnh cẩn ngôn để hiểu câu “Họa tùng khẩu xuất.”⁷

Đức Cao Đài Tiên Ông dạy:

“Giảm khẩu để tu, ó trẻ CAO!

Lại qua, giới chuốc hiểu lầm nhau,

ĐÀI TIÊN hằng nhủ năng hàm dưỡng,

Ít chuyện giống ÔNG mới kiệt hào.

Này các con! Lời nói có thể nhẹ nhàng, tao nhã, cao thượng, hay ngược lại, cũng có thể nặng nề, thô tục, thấp hèn. Như vậy các con đã hiểu thanh trực ở đâu rồi.

6. Minh Đức Tu Viện, 27-01 Canh Thân (13-3-1980).

7. Minh Lý Thánh Hội, 07-01 Quý Sửu (09-02-1973).

Ngoài ra, dấu lời nói có thanh cao cho lắm, có tàng ẩn bao đạo lý trung chánh đến đâu, mà đã được phát lên không đúng lúc, không đúng nơi và không đúng người, thì hiệu quả rất giới hạn, có khi còn vô ích, thậm chí có thể gây nên ít nhiều hiểu lầm giữa nhau.

*Thầy đã có khuyên đâu đó: “Một khuyên giảm khẩu bố con!”
Vậy các trẻ khá nghiệm suy giảm khẩu là chi.”⁻⁸*

Như vậy, một trong những phương cách hữu hiệu để giải trừ lần hồi “Nghiệp khẩu”, chính là sự cẩn ngôn: không nên nói nhiều, nói thừa; không nói nếu thấy không cần thiết; không khoác lác, khoe khoang tài giỏi; không tranh đua, tranh cãi; không chỉ trích, phê phán làm tổn thương người khác; khi cần nói, nói ngắn gọn, rõ ràng.

Đức Cao Đài Tiên Ông nhắc nhở:

“Tánh tập, căn cơ, thanh hỗn trước,

Ai nào nhận thức y nhau được?

Quên căn cơ, luận mãi về đâu?

Trọng đối thoại, mình giảm khẩu trước.

Mặt khác, các con chớ quên chữ Thờì.

Một ý thanh, một lời nói chơn chánh công minh, mà trẻ diễn đạt hay phát biểu không đúng nơi, không nhằm lúc, lại sai người, thì người khó lòng nghe và lãnh hội được như trẻ mong muốn.

8. Minh Khai Chiếu Minh Đán, 04-8 Quý Mùi (31-8-2003).

Ngoài ra, các con không mật sát ý tứ, thì khi bàn luận việc đạo hay luận đàm về kinh nghiệm nào đó trong cuộc sống, các con sẽ dễ vướng vòng thị phi mê muội, tranh nhau cao thấp, hoặc cứ lo nói về người khác.”⁹

Nhất là đối với người tu, phải chú trọng đến việc cẩn ngôn, giảm khẩu, không nên nói rằng ai tu luyện tốt hay không tốt. Tu hành là việc cá nhân, người khác chính là một cái gương phản chiếu chính cái thiếu sót trong tu luyện của bản thân mình.

4. Giữ tâm thanh tịnh trung chánh

Để thoát vòng khẩu nghiệp oan oan tương báo, người tu phải luôn giữ tâm thanh tịnh, để lời nói khi thốt ra đều thể hiện sự trung chánh, đúng thời, đúng lúc như lời Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo dặn dò:

“Bàn Đạo dặn dò chư hiền đệ hiền muội toàn thể trong đàn nên cố gắng an định tâm thần trước cơn sóng gió và như lời tục thường nói: “Họa từ miệng mà ra, bệnh từ miệng mà vào.”

Như vậy, phải luôn luôn giữ cái tâm cho hoàn hảo, cho yên lặng, tất nhiên lời nói không bị thiên lệch, bịnh hoạn không xâm nhập khẩu đảo, thị phi phải xa lánh, chư hiền đệ muội mới dễ dàng tu tiến trong buổi đời ly loạn khổ nàn.”¹⁰

9. Minh Khai Chiếu Minh Đàn, 07-11 Đinh Hợi (16-12-2007).

10. Ngọc Minh Đài, 10-5 Nhâm Tý (20-6-1972).

TẠM KẾT

Trên đường tu giải thoát, dù muốn dù không, người tu cũng phải trả hết nợ tiền khiên oan trái, nếu muốn về được nơi bến giác, chấm dứt kiếp đọa đày trong vòng luân hồi sanh tử. Trong các món nợ của con người trong cõi nhị nguyên này, nợ do miệng gây ra là nhiều nhất, do bởi: Nói lời dữ, nói lời sai quấy, nói thêu dệt, nói hai chiều. Đối với hành giả trên đường Thiên đạo, nếu không khéo điều phục khẩu nghiệp, có thể sanh ra đại ngôn cuồng vọng, buông lời bừa bãi, làm chướng ngại con đường vào Thánh, do bởi có chút ít công phu, lại nếm trái và thu hoạch phần nào kết quả trong công phu tu tập, nếu tâm chưa thật an, thì chính “chút sở đắc” đạt được làm hại hành giả đến chỗ mất hết công đức, không trong mong gì đến được bến khởi nguyên.

Để giải trừ Khẩu nghiệp, người tu phải tập hạnh Cẩn ngôn bằng cách học theo lời Thánh ngôn, Thánh giáo để lúc nào cũng giữ Tâm trung chánh, thanh tịnh:

*“Tập ăn nói, học lễ, tập cách,
Là tùy thời để chấp được trung,
Chấp trung, đường dẫn muôn trùng,
Khó khăn sông, núi, cuối cùng cũng qua.”¹¹*

11. Minh Khai Chiếu Minh Đàn, 04-8 Quý Mùi (31-8-2003)

Chủ trương của Đạo Cao Đài về “Đạo phụng sự đời”

Thiện Chí

Đạo phụng sự Đời tức là Đạo pháp thức tỉnh vai trò làm chủ của con người. Làm chủ tức là đã tự do – Tự do tức là đã được giải thoát. Theo đạo Cao Đài, đường lối giải thoát của người tu là Thiên đạo. Thực hành Thiên đạo trong xã hội là sứ mạng Đại thừa. Vậy đạo Cao Đài phụng sự đời là thi hành là Sứ mạng Đại thừa.

Sứ mạng Đại thừa là gì? – Là tự độ và độ tha. Tự độ là “Tự mình thể nghiệm trước để tìm thấu hiểu nguồn cội hạnh phúc vĩnh cửu cho Nhơn loại.” Độ tha là: “Khi nhận thức được chân lý tuyệt đối mới lập thành tôn giáo (trong một quốc gia) để khai phóng con đường hồi sinh giác ngộ.”

1. Tự mình thể nghiệm trước là thực hành Thiên đạo cho bản thân. Đó là song tu tánh mạng.

- Tu Tánh là tự “giải thoát hết mọi ràng buộc, phá hết mọi sự chấp ngã, chấp nhờn, chấp pháp, chấp đạo, tất cả đều “không”. Nhờ thế con người sẽ an nhàn tự tại, sống trên nệm gấm chăn êm mà xem như ngồi giữa cỏ bờ uống nước suối trong. Ở vào nghịch cảnh mà bình tâm sáng suốt giải quyết mọi sự êm đẹp như rồng mây cá nước. Ấy là tự do tiêu sái và sáng tạo tuyệt vời là hạnh phúc giữa trần ai và an nhàn tiến hóa.

- Giác ngộ Đạo pháp ấy là đem Đạo vào Đời, đem Tâm vào Vật, Thể Dụng kết liên vận chuyển hình danh sắc tướng vào pháp luân mà cứu rỗi chúng sanh. Đó là Tâm Vật bình hành, người sứ mạng Đại thừa mượn thế ấy mà hòa mình vào xã hội nhân loại, sẽ thực hiện một cuộc sống ung dung, tự do, tự tại.

2. Nhờ kết quả của song tu tánh mạng mà hành giả thực hành Thiên đạo trong xã hội, tức là khai phóng con đường hồi sinh giác ngộ cho nhân sinh. Kết quả ấy chính là Đạo pháp của người ngộ nhập huyền môn.

Đạo pháp ấy “Vất bỏ hết những thấy, nghe, hiểu, biết theo thế sự thường tình thì minh linh phát hiện, soi sáng tất cả chướng ngại trong pháp giới chúng sanh để phá tan màn đêm lục thức cho chúng sanh hồi đầu bỉ ngạn (thị ngạn)”.

3. Còn đối với toàn thể tôn giáo Cao Đài, nếu tôn giáo này thực

hành Thiên đạo Đại thừa, hay là Đạo phụng sự Đời, thì tôn giáo này cũng phải ý thức như lời dạy của Đức Giáo Tông Vô Vi Thái Bạch Kim Tinh:

“Đại Từ Phụ dựng Cao Đài nơi vùng Đông Nam Á này để làm quyền pháp. Chính sứ mạng quyền pháp này thúc đẩy mọi sở vật thực tại tôn giáo kết thành “Thực thể Đạo Cứu Thế” trong Tam Kỳ Phổ Độ, cũng như cái ngòi gà trong quả trứng vậy... Ngòi gà trong quả trứng không là tròng trắng hay tròng đỏ. Quyền pháp mà Thầy đã ban không là tôn giáo này hay tôn giáo khác... Quyền pháp Đạo thực thể cứu thế phải có trách nhiệm trên toàn thể nhân loại. Không phải chỉ giải quyết vấn đề tâm linh, chính là giải quyết toàn diện cá thể con người. Muốn được vậy, chư đệ muội phải làm sao, làm thế nào để phát huy quyền pháp được đặt để.”⁻¹

Như thế, người đạo Cao Đài trong khi phụng hành Thiên đạo trong xã hội, vẫn luôn luôn nhớ rằng vừa phụng sự Đời, vừa phát huy quyền pháp để thực hiện cái thực thể “Đạo cứu thế” bất phân tôn giáo trong Tam Kỳ Phổ Độ, tức là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, thì mới có sức “Bảo sanh nhân nghĩa đại đồng”, giải quyết toàn diện cá thể con người và cứu rỗi toàn thể nhân loại (Do đó Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ không riêng chỉ là đạo Cao Đài).

1. Đức Giáo Tông Đại Đạo Thái Bạch Kim Tinh giảng về “Quyền Pháp”, Nam Thành Thánh thất, 01-01 Kỷ Dậu.

4. Đạo phụng sự Đòi trong khuôn khổ Quyền pháp như thế mới thực hiện được cái thế pháp mà chúng tôi tạm gọi là “Thế pháp Đại Thừa”.

Đã nhận thức sứ mạng Đại thừa để phụng sự Đòi, người tín hữu Cao Đài lại phải nhận thức rằng Sứ mạng Đại thừa là thực hành Quyền pháp và nằm trong Quyền pháp của Đức Chí Tôn.

4.1. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư giải nghĩa Quyền Pháp như sau:

“Quyền là hình thức thể hiện cái Pháp trước đối tượng, Pháp là thể hiện trước bản thân. Quyền pháp tương đồng, tác động con người và vạn vật, tha nhân và bản ngã. Có quyền không pháp, không đưa con người đi về đâu; trái lại, sẵn sàng xô ngã con người vào lạc lằm u tối. Có Pháp ắt sẽ có quyền. Quyền pháp là khả năng giáo hóa.”

Như thế, mang Đạo vào Đòi là thực hành Quyền pháp. Có thực hành quyền pháp là Đạo pháp mới không “bị rơi vào giả tượng, rơi vào hư không; hoặc quẩn quanh trong bốn bức tường của tôn giáo, trong tín ngưỡng từ xưa tới nay.”⁻²

Và Quyền pháp là tác động đồng loạt của Đạo pháp phát xuất từ trung tâm vũ trụ thúc đẩy dây chuyền và chuyển tiếp từ cá thể này đến cá thể khác cho đến khi bao trùm tất cả quần sinh.

2. Đạo Học Chí Nam.

4.2. Thế nên người hành sứ mạng Đại thừa phải biết rằng mình là kẻ làm cái gạch nối giữa nhân sinh và Thượng Đế. Vẫn biết mình là “Thiên hạ tối linh” nhưng nếu cứ “độc thiện kỳ thân” thì chớ mong thọ nhận Quyền pháp và chẳng bao giờ hành tròn Thiên đạo. Do đó, đã đành có sứ mạng nhưng sứ mạng chỉ là quyền phóng ra từ pháp. Không có pháp thì không còn sứ mạng.

Thế Pháp Đại Thừa là gì? Là cái màng lưới Đạo pháp tạo ra từ Đức Chí Tôn, tác động lên mỗi cá thể nhân sinh. Một cá thể nhân sinh nào do đó giác ngộ, tiến hóa lên và tác động vào nhân sinh khác, cứ thế từ trong ra ngoài, từ trên xuống dưới, từ Thượng Đế Chí Tôn cho đến Phật Tiên Thánh Thần, các giáo chủ, các sứ giả, các bậc hướng đạo liên kết thành cái thế pháp tận độ quần linh mà giữa thời hạ nguơn này cái thế pháp ấy hiển lộ rõ ràng và được vận động mãnh liệt vô cùng. Ấy là vận dụng quyền pháp vậy.

KẾT LUẬN

Với tất cả những ý thức về sứ mạng Đại thừa, và khuôn khổ Quyền pháp nói trên, người tín hữu Cao Đài quán xét thế gian thì nhận định ngay rằng: Sống giữa nhân sinh chính là đang ở trong một trường thi công quả. Các nhiệm vụ làm người đương nhiên phải có, đường lối như thế nào thì nhắm Thiên đạo mà đi, phương cách ra sao hãy dùng Quyền

pháp mà thực hiện. Đó là phương châm của bậc Thiên ân hướng đạo. Nếu đại chúng hóa ra thì ta có thể hiểu công quả theo Thiên Đạo là:

– *“Công quả xuất phát từ lòng tự giác, tự nguyện và thiết tha với nó, là nguồn sống của đời người, như cơm ăn nước uống, hơi thở, áo mặc, nhà ở và lương dược trị bệnh.”*⁻³

– *“Một lời nói hữu ích sẽ cứu mạng người không cần đến quyền lực của cải, Một lời nói phải thời đúng lúc sẽ thay đổi một cuộc diện vĩ đại. Một cái nhìn sẽ gây được bao nhiêu thiện cảm, thành được đại sự.”*⁻⁴

– Còn công quả trong Quyền pháp là: *“Công quả không phân biệt, không ngăn cách vì giá trị hình thức của nó, và phải trường lưu bất tận. Có như vậy, việc làm mới được đến nơi, đến chốn, tôn chỉ và mục đích mới được đạt thành, gia đình mới được yên vui, quốc gia mới được phồn thịnh, nhân loại mới được thái hòa, mà nhứt là bản thân mới được yên ổn, chớ không phải vì ngoại cảnh thúc giục mà làm nhứt thời hay trong một giai đoạn nào đó, chưa thể gọi là công quả.”*⁻⁵

Và công quả trong Quyền pháp là *“Đạo giúp đời không tách rời đức bác ái, tình thương cho thật thương yêu thì không luận*

3. Đức An Hòa Thánh Nữ, Văn Phòng Phổ Thông Giáo Lý, 14-5 Mậu Thân (09-6-1968).

4. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư.

5. Đức An Hòa Thánh Nữ, Văn Phòng Phổ Thông Giáo Lý, 14-5 Mậu Thân (09-6-1968).

*là đối với giai cấp nào hoặc tổ chức nào, cũng như cá nhân nào...
Tình thương không riêng đối với kẻ thông minh, mà còn thương
luôn với kẻ ghét mình, để tìm cơ hội cảm hóa họ trở lại đường
thiện lương chân chính.”⁻⁶*

Đó là công quả hay Đạo phụng sự Đồi trong Thiên đạo và trong Quyền pháp. Thứ Đạo ấy, Quyền pháp ấy người tín hữu Cao Đài không phải tìm đâu xa mà hằng ngày vẫn gần gũi trong bài kinh nhật tụng: *“Biển trần khổ voi voi trời nước...”*

“Nam mô:

*Nhứt nguyện Đại Đạo hoằng khai,
Vì đời nào ngại chông gai dữ lành.
Nhì nguyện phổ độ chúng sanh,
Quyết đem hoằng giáo Đạo lành giáo dân.
Tam nguyện tha tội bản thân,
Khoan dung phá chấp cõi trần vô minh.
Tứ nguyện thiên hạ thái bình,
Tịnh tâm chế động muôn nghìn trái oan.
Ngũ nguyện Thánh thất bằng an,
Hai ngày sóc vọng đặng đàn thuyết minh.
Trấn an tâm đạo nhân sinh
Vai trò un đức đức tin đạo đồng.”⁻⁷*

6. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư, Minh Lý Thánh Hội, 09-10 Kỷ Dậu (15-11-1969).

7. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, Vĩnh Nguyên Tự, 15-3 Bính Thìn (14-4-1976).

Sứ mạng Nữ Chung Hòa

Thủy Tuyền

I. TỔNG QUAN

Tam Kỳ Phổ Độ là thời kỳ nữ phái được ân ban song hành cùng nam phái trên đường tu công lập đức. Từ năm 1934, Đức Mẹ đã ban ơn cho thành lập một tổ chức nữ phái có tên là Nữ Chung Hòa Phái.

Từ lúc sơ khai cho đến nay, mỗi thời kỳ, sứ mạng Nữ Chung Hòa (NCH) đã được nâng lên tầm cao mới. Có qua 2 giai đoạn:

- Giai đoạn I: NCH thời kỳ sơ khởi (1934-1945)
- Giai đoạn II: NCH thời kỳ tái lập (1965 đến nay)

1. Giai đoạn I: NCH thời kỳ sơ khởi (1934-1945)

Ngày 29-01 Giáp Tuất (1934), Đức Mẹ dạy: *“Mẹ mở hội Diêu Cung giao quyền cho Lê Sơn Thánh Mẫu chuyển lập Nữ Chung Hòa Phái*

để chấn chỉnh mỗi đạo nhà, cũng dìu dắt các con mê muội ra đường sáng suốt, đạo đức mà tu hành.”

Đến ngày 04-02 Giáp Tuất (1934), Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế dạy:

*“Ngọc sắc Thầy phê nữ đức tài
Hoàng thành mở rộng hội minh khai
Thượng thiên nữ phái cao ngôi vị
Đế điểm hóa ban trước bệ giai.*

Kỳ quy nguyên, Thầy mượn các con nữ phái ra tài đức trở bước dắt mỗi tinh thần cho Đạo đặng vẻ vang. Nay cơ quy nguyên đã thấy rõ, lòng đạo đức nữ phái trở cao hơn nam phái. (...) Thầy liền hạ bút châu phê cho Nữ Chung Hòa Phái đủ sắc tứ đặng lo chuyển quy nữ tài đức cho kịp kỳ Tam Giáo Tòa khai lập.”

Đây là một cuộc đại biến chuyển thời kỳ mạt kiếp, đại hạnh cho nữ phái Tam Kỳ Phổ Độ.

Đến năm 1945, Đức Mẹ sắc chỉ cho NCH tạm ngưng hoạt động vì cuộc chiến đang lan rộng.

Đây là giai đoạn Nữ Chung Hòa Phái đánh thức tâm tư người nữ phái hiểu và học đạo, chưa phát huy được vai trò của mình, chưa đủ tầm vóc thực hiện sứ mạng. Nhưng dù chỉ hoạt động trong thời gian ngắn 12 năm, Nữ Chung Hòa Phái đã để lại một dấu ấn sâu sắc trong lòng người nữ phái Đại Đạo.

2. Giai đoạn II: NCH thời kỳ tái lập (1965 đến nay)

Thời cơ đã đến, trong cơn hủy diệt gần kề, Thầy vì đức háo sanh, không để cho “*Cơ phổ độ trễ một ngày thì nhân sanh khổ một ngày*”, liền chuyển cơ quy nguyên, dạy Nam phái lập Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo và Nữ phái tái lập NCH.

2.1 Thời kỳ gieo ý thức (1965–1967):

Một kỷ nguyên mới, một sức sống mới đã được Đức Mẹ ban trao sứ mạng cho nữ phái sau 20 năm NCH tạm ngưng hoạt động:

“Giờ này Mẹ gọi lại bốn chữ Nữ Chung Hòa Phái– danh từ đã lụi theo quá khứ, bị phủ mờ dưới thời gian gió bụi. Giờ đây các con hãy tha thứ cho nhau, xóa bỏ tất cả những lỗi lầm, hoặc vô tình hay hữu ý. (...) Các con hãy hợp quần rồi tùy khả năng soạn thảo nội quy, chương trình cùng phương pháp thực hành, đệ duyệt sau này.”⁻¹

Đây là giai đoạn gieo ý thức cho nữ phái dần thoát khỏi những ràng buộc của gia đình, của cuộc sống đời thường. Từ đó, nữ phái phải vươn mình ra gánh vác trách nhiệm với Đại Đạo theo chương trình của Đức Mẹ ân ban sau này.

2.2 Thời kỳ tái lập (1967 đến nay):

Vào ngày mùng 6 tháng 8 Tân Hợi (24-9-1971) tại Thánh Tòa Vô Vi Huỳnh Quang Sắc, NCH được Đức Mẹ dạy “*Hòa đồng nữ đạo*”.

1. Thánh Tòa Vô Vi Huỳnh Quang Sắc, 04-01 Ất Ty (05-02-1965).

Trong giai đoạn tái lập, Đức Mẹ đã định hướng cho nữ phái một hướng đi. Đó là đem đạo đức, tình thương đến ban vui cứu khổ những nơi nghèo khổ, bất hạnh, chia rẽ, đấu tranh, tội lỗi, đồng thời xây dựng và phát huy thể hệ tiếp nối cho công cuộc phổ tế sau này theo quy luật tre tàn măng mọc: *“Các con hãy xây dựng lại Nữ Chung Hòa để đào sâu giếng nước giữa bãi sa mạc để biến thành đám ruộng phì nhiêu và hãy gieo lên hạt giống lành cho mai hậu. (...) các con sớm đem sở năng đạo đức của mỗi đứa để thực hành phổ tế...”*⁻²

II. CÁC KHÁI NIỆM

1. Nữ Chung Hòa

Đức Vân Hương Thánh Mẫu đã nhấn mạnh NCH tuy mang danh từ đơn giản nhưng có nghĩa lý rất sâu xa. Ngài dạy:

“Nữ là phái nữ, thuộc về âm. Ấy là một trong luật Âm Dương của đất trời.

Chung là chung hiệp, nhìn tha nhưn, tha vật cũng như nhìn mình, vì mỗi một vật là một phần tử, một người là một cá nhân trong đại toàn thể. Nếu một đơn vị nhỏ tốt, nhiều đơn vị nhỏ tốt thì cái gọi là đại toàn thể sẽ tốt. Do đó, phần hành, mục đích, đường lối, hãy luôn luôn nhắm vào chữ Chung, xa lánh những gì

2. Thánh thất Bình Hòa, Rằm tháng 8 Đinh Mùi (18-9-1967).

gọi là riêng tây. Nếu một phần tử không hòa đồng, không nhịp nhàng ăn khớp với đại toàn thể thì sự tiêu diệt sắp gần kề.

Hòa là hòa ái, hòa hiệp, hòa đồng, với ai cũng hòa được hết.”⁻³

Như vậy, NCH là một đoàn thể Nữ phái đồng tâm nhứt trí thực hiện đạo âm thuận, khôn nhu, mang đạo đức, tình thương đến san lấp khắp cùng các ngõ ngách của rẽ chia, của hận thù, của chết chóc. Xây dựng nên cảnh hòa bình, an lạc tại thế gian.

2. Sứ mạng Nữ Chung Hòa

2.1. Đối với đất nước, dân tộc:

Đức Đại Nam Thánh Mẫu dạy:

“Khêu đuốc Chung Hòa để thức tỉnh người đời theo đảng chánh và quy hiệp.”⁻⁴

Đức Liên Hoa Thánh Mẫu dạy:

“Xã hội này, nước non này, dân tộc này là trách nhiệm của người biết Đạo như các em. Những kẻ hung tàn bạo ngược, những người hào phóng xa hoa không phải là mất lương tri, không phải là ngoài vũ trụ. Đó là cốt nhục của các em, đó là lương tri chưa thức tỉnh. Các em cần nên tìm những kẻ ấy để an ủi, độ dẫn dắt trường hợp nào, vui buồn hay khổ cực.”⁻⁵

3. Đức Vân Hương Thánh Mẫu, Nam Thành Thánh Thất, 10-3 Mậu Thân (07-4-1968).

4. Nguyệt Minh Đài, 12-3 Giáp Tuất.

5. 03-6 Mậu Thân (10-7-1968).

2.2. Đối với nữ phái Đại Đạo:

“Các em phải vững một niềm tin ở ngày mai. Nữ Chung Hòa sẽ đưa toàn thể nữ phái lên đường Đại Đạo... Giúp một tinh thần, năng lực, cải tạo phong trào, độ đời cứu thế.”⁻⁶

Đức Lê Sơn Thánh Mẫu dạy:

“Nữ Chung Hòa Phái là ánh sáng của Kim Mẫu ban, ngày đêm chói rạng để cho đoàn phụ nữ Việt Nam lần soi.”⁻⁷

2.3. Đối với Đại Đạo và nhân loại:

Đức Lê Sơn Thánh Mẫu dạy:

“Lập Nữ Chung Hòa cốt để truyền chơn đạo cho năm châu bốn biển biết đạo lý can thường, chỉnh đốn lễ nghi, phân lại cho hợp thời thế.”⁻⁸

Thật vậy, Đức Vân Hương Thánh Mẫu dạy:

“Nữ Chung Hòa là cực điểm của tình thương, không hơn không kém, không lệch lạc, không người không ta, không màu da sắc tóc, không tôn phái, mà chỉ là một cứu cánh chung tối thượng để đem lại sự sinh tồn hạnh phúc an vui cho mọi người sống ở thế gian, không còn cách phân chủng tộc. Như vậy, Nữ Chung Hòa là của Đại Đạo, của toàn thể quốc gia, của toàn thể nhân loại.”⁻⁹

6. Ibid.

7. Cao Tân Đoàn, 30-02 Giáp Tuất.

8. Ngọc Minh, 28-5 Giáp Tuất.

9. Nam Thành Thánh Thất, 10-3 Mậu Thân (07-4-1968).

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH NỮ CHUNG HÒA

1. Chương trình năm điểm

Sau thời gian tái lập 2 năm kể từ Rằm tháng 8 Đinh Mùi (1967) đến ngày 26-9-1969 (Rằm tháng 8 Kỷ Dậu), tại Thánh thất Bình Hòa, Đức Mẹ ban cho NCH chương trình 5 điểm để làm phương châm hành Đạo, nâng tầm nữ phái lên một tầm cao mới:

“Đây Mẹ nêu các điểm chánh để các con ý hướng vào đó mà hành sự:

1. Là các con phải đoàn kết liên giao mật thiết nữ phái đó đây để kết hợp một khối tinh thần vững chắc hầu trao đổi học hỏi kinh nghiệm đạo lý cho nội tâm mỗi con được hoàn thiện thuần nhứt đạo lý, thoát ra khỏi phạm vi nhi nữ tầm thường để xứng đáng tác phong đạo hạnh của đoàn thể nữ giới.

2. Là sưu tầm nghiên cứu phát triển giáo lý Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ song song với nam giới để có tài liệu học tập đạo lý thích hợp với nữ giới hầu dẫn dắt đào luyện những mầm non theo nề nếp đạo đức để tiền tấn hậu kế, tre tàn măng mọc trong nếp sống hành đạo giúp đời.

3. Là tùy theo nhu cầu cần yếu cho mỗi địa phương, mỗi Thánh thất Thánh tịnh, các con đến đó giúp sức để kiện toàn và lành mạnh hóa Ban Cai Quản nữ phái trong khi chưa thành lập được Nữ Chung Viện.

4. Là hãy ý hướng vào nhiệm vụ của người làm mẹ, làm chị gương mẫu, tạo nên nề nếp đạo đức trong mỗi gia đình, làm gương mẫu cho đoàn con cái của các con noi theo để sau này chúng nó không sai đường lạc lối.

5. Là công tác xã hội từ thiện mà từ lâu các con đã từng tham gia thực hiện, cũng vẫn tiếp tục thi hành mỗi khi có nhu cầu thiết yếu đến các con. Như vậy các con đã có năm điều đó để hoàn thành chương trình hành đạo thay thế cho nội quy rườm rà khắt khe máy móc.”

2. Tổ chức Nữ Chung Hòa

2.1. Nội quy:

Nội quy hoạt động của NCH là kim chỉ nam cho các phần vụ thi hành trong quyền hạn mình – các tư kỳ phận, sao cho có trật tự quyền pháp. Đức Mẹ dạy: *“Nữ Chung Hòa là một tổ chức phát sinh từ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, ngày nay được sự hướng dẫn tá trợ của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, các con đã có Tân luật Pháp Chánh Truyền để làm khuôn viên mẫu mực, các con đã có Thánh Dụ Quy Điều để làm hướng đi cứu độ nhân sanh.”*¹⁰

2.2. Nhân sự:

- Năm 1967–1968:

10. Thánh thất Bình Hòa, 15–8 Kỷ Dậu (26–9–1969).

3 vị tân nhiệm: Bạch Hảo, Bạch Đức, Bạch Hiến.

12 vị cố vấn: Thanh Lan, Thanh Liên Hương, Hồng Liên, Kim Triêu, Huỳnh Điệp, Bạch Cúc, Hồng Huệ, Huệ Hương, Hắc Hương, Thanh Dương, Bạch Hạp, Thanh Thủy.

• Năm 1969–1974:

Rằm tháng 8 Nhâm Tý (22–9–1972) tại Thánh thất Bình Hòa, NCH tổ chức Đại hội nữ phái. Ban chấp hành NCH được bầu chọn gồm:

- Chủ tịch: Hồng Huệ
- Tổng thư ký: Bạch Hiến
- Chánh văn phòng: Hồng Cẩm

• Năm 1974–1986:

Đức Mẹ ân phong Ban chấp hành NCH với nhiệm kỳ vô hạn định:

- Chủ tịch: Ngọc Kiều
- Phó chủ tịch I: Diệu Nhẫn (Năm 1983 xuất ngoại)
- Phó chủ tịch II: Thanh Hà (Năm 1982 liễu đạo, đặc vị Nguyệt Quang Tiên Nương)

- Tổng thư ký: Hồng Cẩm
- Chánh văn phòng: Bạch Hạnh
- Cố vấn: Hồng Huệ, Bạch Hảo, Bạch Tuyết

• Năm 1986–1990:

Đức Mẹ ân phong:

- Chủ tịch: Ngọc Kiều (Năm 1987 liễu đạo, đặc vị Hồng Quang Thánh Nương)

- Phó chủ tịch I: Hồng Cẩm
- Phó chủ tịch II: Bạch Hạnh
- Chánh văn phòng: Thanh Nhàn

- Năm 1990–1997:

Đức Mẹ ân phong nhiệm kỳ NCH vô hạn định:

- Chủ tịch: Hồng Cẩm (Năm 1996 liễu đạo, đắc vị Diệu Âm Tiên Nữ)

- Phó chủ tịch I: Bạch Hạnh
- Phó chủ tịch II: Bạch Phụng (Năm 1998 liễu đạo)
- Tổng thư ký: Nghi Phong
- Chánh văn phòng: Thanh Nhàn

- Năm 2006:

Đức Lý Giáo Tông thừa Thánh ý Đức Mẹ ân ban:

- Tổng Thư Ký: Thủy Tuyền

- Chánh văn phòng: Kim Trinh

- Cố vấn: Nghi Phong, Thanh Nhàn (Năm 2010, đạo tử Nghi Phong liễu đạo)

- Năm 2011–2016:

Từ năm 2011, Đức Lý Giáo Tông thừa Thánh ý Đức Mẹ và chư Phật Nữ Tiên Nương, sắp xếp lại bộ phận NCH trong cơ cấu tổ chức của Cơ Quan. Việc này nhằm hệ thống lại trật tự quyền pháp giữa Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo và NCH sao cho phù hợp với nền tổ chức đạo Cao Đài dựa trên Pháp Chánh Truyền và Tân Luật. NCH thuộc hệ thống Cửu Trùng Đài của Cơ Quan, ngang hàng với các vụ, dưới sự điều hành của

Ban Thường Vụ. Như vậy, kể từ năm 2011, NCH trở thành một Vụ của Cơ Quan.

- Vụ trưởng: Thủy Tuyền
- Vụ phó I: Kim Trinh
- Vụ phó II: Bạch Cúc
- Cố vấn: Bạch Hạnh, Thanh Nhân

• Năm 2017:

Đức Lý Giáo Tông thừa thánh ý Đức Chí Tôn ân ban:

- Vụ trưởng: Thủy Tuyền
- Vụ phó: Kim Trinh

2.3. Các ban:

Hiện nay, Vụ Nữ Chung Hòa có các ban như sau:

- Ban Học tập
- Ban Từ thiện xã hội
- Ban Lễ phẩm tiếp tân
- Ban Liên giao
- Ban Trù phòng

2.4. Hoạt động của Vụ Nữ Chung Hòa:

Hoạt động của Vụ Nữ Chung Hòa triển khai dựa trên cơ sở chương trình 5 điểm của Đức Mẹ.

a. Liên giao hành đạo:

- Vụ Nữ Chung Hòa phối hợp với Ngoại Giao Vụ Cơ Quan trong các hoạt động liên giao trong đạo và ngoài đời.

- Hỗ trợ việc thành lập Ban chấp hành Nữ Chung Hòa tại hơn 30 thánh sở.

- Tham dự các cuộc thi thuyết trình, cắm hoa, nấu cơm... do hội Liên Hiệp Phụ Nữ Phường, Quận, Thành phố tổ chức.

b. Giao lưu học tập giáo lý:

Chương trình giao lưu học tập giáo lý tại các thánh sở bắt đầu từ năm 1992. Đây là hoạt động nổi bật và thành công nhất của vụ Nữ Chung Hòa. Có thể nói một chương trình, một mũi tên mà nhắm nhiều đích đến của sứ mạng Nữ Chung Hòa, trong đó chương trình 5 điểm của Đức Mẹ dạy là trọng tâm.

Buổi học Thánh giáo đầu tiên, học bài số 1 trong quyển Lòng Từ Mẫu, diễn ra vào ngày Rằm tháng 4 năm Nhâm Thân (1992) tại Thánh tịnh Ngọc Minh Đài. Hiện nay, chương trình giao lưu học tập Thánh giáo của Vụ Nữ Chung Hòa ngày càng khởi sắc, thu hút nữ phái các Thánh thất, Thánh tịnh tham gia ngày một đông. Mỗi buổi học tập có khoảng 100 đến 150 đạo hữu nam nữ tham dự.

Các hội trường giao lưu học tập Thánh giáo được luân phiên đặt tại các Thánh thất, Thánh tịnh như: Ngọc Điện Huỳnh Hà, Bàu Sen, Ngọc Minh Đài, Trung Nghĩa, Thiên Trước, Huỳnh Quang Sắc, Nguyệt Thanh Quang, Thanh Tịnh Đàn, Liên Hoa Cửu Cung, Minh Kiến Đài, Tam Thánh Tịnh Bồng Lai - Ngọc Chiếu - Như Ý Linh Thần Đài, Vĩnh Nguyên Tự.

Các quyển Thánh giáo đã được học: Lòng Từ Mẫu, Huấn Nữ Từ Âm, Nữ Chung Hòa thời kỳ sơ khởi, Thánh giáo Ất Tỵ 1965, Thánh giáo Bính Ngọ – Đinh Mùi 1966–1967.

Hàng năm, vụ Nữ Chung Hòa tổ chức 2 kỳ họp mặt nữ phái:

– Chiều Rằm tháng 2, ngày Đại Hội thường niên Cơ Quan. Vụ Nữ Chung Hòa sẽ thông báo kế hoạch hành đạo trong năm, cũng như các báo cáo kế hoạch tương tự của các thánh sở liên giao. Ban học tập giáo lý sẽ thông báo đề tài dự thi giáo lý của năm. Đến nay, năm 2017, kỳ thi giáo lý lần thứ 24.

– Chiều Rằm tháng 8, ngày Đại lễ Triều Thiên Vô Cực. Vụ Nữ Chung Hòa sẽ báo cáo kết quả hành đạo trong năm. Ước hẹn về thời gian và địa điểm giao lưu học tập giáo lý cho năm kế tiếp. Thông báo và trao quà cho các cá nhân và đơn vị tham gia làm bài dự thi giáo lý.

Thông qua chương trình giao lưu học tập Thánh giáo các nơi, nữ phái các Thánh thất – Thánh tịnh đã thể hiện rõ nét sự tiến bộ trên mọi phương diện về tâm, hạnh, đức, tài. Hơn nữa chị em nữ phái đã phát huy tinh thần ham học hỏi, cầu tiến, tâm đạo chí thành đối với Đức Mẹ. Từ chỗ chưa dám tự mình đưa ra ý kiến phát biểu đến việc đứng lên trình bày tham luận, làm xướng ngôn viên trong các buổi giao lưu học tập Thánh giáo của Nữ Chung Hòa. Điều này hỗ trợ đắc lực nam phái trong các đạo sự tại các Thánh sở.

c. Công tác xã hội từ thiện:

Hoạt động cứu tế xã hội đầu tiên của Vụ Nữ Chung Hòa

mang tính lịch sử, có nguồn gốc từ Ủy Ban Cao Đài Phổ Tế được thành lập năm 1968. Ủy Ban hoạt động ở khá nhiều nơi: từ Tam Thôn Hiệp đến Tây Ninh, Suối Nghệ (Bà Rịa), đến các trại định cư xa xôi. Việc cứu tế cũng khá đa dạng: Khám bệnh, phát thuốc, chích ngừa, tặng nhu yếu phẩm, quần áo.

Đức Đông Phương Chương Quán đã có lần động viên nữ phái:

“Chư hiền muội! Những công quả phổ tế đã thực hiện trong thời gian qua là một trong những nhiệm vụ từ thiện xã hội hành đạo giúp đời của Nữ Chung Hòa. Đó là điều tốt lắm, Bàn đạo không tiếc lời khen ngợi. Chư hiền muội, hiền đệ đã dốc hết tâm tư, từ nhơn lực, vật lực, đến tài lực. Chư hiền muội cứ theo đà đó mà tiến, để các cơ sở có cơ hội mở rộng thêm ra và danh nghĩa Nữ Chung Hòa càng ngày càng vang xa tiếng tốt.” - ¹¹

Hiện nay, các hoạt động xã hội từ thiện gồm:

- Phòng khám bệnh phước thiện 171B Cống Quỳnh, khai trương vào ngày 19-6 Canh Ngọ 1990, nhằm ngày lễ thành đạo của Đức Quan Thế Âm Bồ Tát. Phòng khám thực hiện công tác khám chữa bệnh và phát thuốc miễn phí, ngoài ra còn phát quà nhu yếu phẩm cho bệnh nhân vào dịp tháng 7 âm lịch và dịp Tết Nguyên Đán.

11. Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 15-6 Mậu Thân (10-7-1968).

- Từ năm 1997, Vụ NCH đóng góp vào tổ từ thiện Bảo Hòa nấu cơm miễn phí cho bệnh nhân tại các bệnh viện: Ung Bướu, Nhân Dân Gia Định, Truyền Máu Huyết Học.

- Góp phần trong chương trình xây dựng nhà tình thương, giúp các học bổng cho học sinh gặp khó khăn như học bổng Nguyễn Thị Minh Khai.

d. Tu tịnh:

Vụ Nữ Chung Hòa tham gia đầy đủ bốn mùa tu tịnh Xuân phân - Hạ chí - Thu phân - Đông chí, tịnh ngày mùng 8 hàng tháng, tịnh luân phiên 5 thành phần hàng tuần.

2.5. Trụ sở

Từ khi thành lập đến nay, trụ sở Nữ Chung Hòa đã lần lượt di chuyển qua các địa điểm:

- 1967-1969: Tại tư gia đạo tử Bạch Hiên, 85 Phan Đình Phùng (nay là đường Nguyễn Đình Chiểu).

- 1969-1975: Tại Vạn Quốc Tự (Chơn Lý Đàn), 378/3 Phan Thanh Giản (nay là đường Điện Biên Phủ).

- Từ 1975 đến nay: Tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 171B Cống Quỳnh, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1.

IV. KẾT LUẬN

Trải qua hơn 50 năm sứ mạng kể từ khi tái lập vào năm 1965 đến nay, vụ Nữ Chung Hòa đã từng bước phát triển về mọi mặt,

đem tình thương liên kết chị em nữ phái trong Đại Đạo để thực hiện sứ mạng Chung Hòa. Điều này thể hiện tính “Thiên Nhân hiệp nhất”. Điểm then chốt trong sứ mạng Nữ Chung Hòa là nữ phái thực hiện theo đúng phương tu Cao Đài, một thể chân vạc vững chắc. Theo đó, công quả là liên giao hành đạo phước thiện giúp đời, công trình là giao lưu trao đổi học tập thánh giáo với nữ phái các Thánh sở, và quay về bản linh chơn tánh thực hành công phu hành đạo giải thoát cho bản thân và tha nhân.

Như vậy, Nữ Chung Hòa Cơ Quan và Nữ Chung Hòa các Thánh sở bạn đã có một sự chung đồng về tinh thần trách nhiệm, hòa đồng nữ đạo. Nhờ thế, nữ phái đã thể hiện tâm-hạnh-đức-tài trên mọi phương diện, đối với bản thân, gia đình, và đặc biệt là đối với sứ mạng Đại Đạo, thể hiện trong việc trợ giúp nam phái thực hiện sứ mạng Tam Kỳ Phổ Độ.

Đức Giáo Tông Đại Đạo Thái Bạch Kim Tinh có lần khen ngợi: *“Từ khi Đức Từ Mẫu ban ơn cho thành lập Nữ Chung Hòa cho đến nay, Nữ Chung Hòa không ngừng tiến bộ, chư hiền muội đã thể hiện tâm đức và tài năng của nữ phái không kém nam phái. Chư hiền muội đã đem tình thương của Đức Diêu Trì Kim Mẫu gieo rắc khắp nơi và trợ giúp cho nam phái trên đường hành đạo. Chư hiền muội còn kết hợp được hầu hết nữ phái trong đạo Cao Đài đi đến chỗ Chung Hòa, thực hiện sứ mạng Tam Kỳ Phổ độ. Đó là những điểm son không nhỏ để tiếp tục con đường sứ mạng của*

Nữ Chung Hòa." - 12

Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm nêu trên, vụ Nữ Chung Hòa còn có một số hạn chế như sau:

- Nữ Chung Hòa Cơ Quan và Nữ Chung Hòa các Thánh sở chưa vận động, kêu gọi được đông đảo thế hệ trẻ tiếp nối cùng tham gia các đạo sự của nữ phái và tham gia giao lưu trao đổi học tập giáo lý các nơi. Có làm được tốt điều này, Nữ Chung Hòa mới có thể phát triển thêm một số điểm trong chương trình năm điểm của Đức Mẹ và tiến tới thành lập "Nữ Chung Viện".

- Cần tăng cường hơn nữa tình đoàn kết, tinh thần làm việc tập thể trên cơ sở quyền pháp để có sự thống nhất nội bộ từ trên xuống dưới.

- Trong chương trình giao lưu học tập Thánh giáo của nữ phái Đại Đạo, có một số Thánh sở đã đăng ký tham gia và một số Thánh sở xin tạm thời ngưng tham gia. Điều này thể hiện ưu điểm là nữ phái ngày một phát triển, tự lập trong đạo sự, mặt khác, tại một số Thánh sở, chương trình học tập này của nữ phái chưa tìm được sự cảm thông và đồng tình của Ban cai quản nam phái.

MỪNG 9 THÁNG 6 NHUẬN ĐÌNH DẬU.

12. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 2011.

Tu công đức cứu độ Cửu Huyền Thất Tổ

Đạt Tường

Đức Quán Thế Âm trong một lần giáng đàn vào ngày Lễ Hạ
ngươn năm Bính Ngọ (1966) tại Huờn Cung Đàn¹ có dạy:

*“Đài tiền cứu độ ngộ công phu,
Hy Thị hóa thân khúc thiện trừ;
Sám hối canh khuya khuya Lý Thủ,
Vu Lan hòa nhịp lạc thân U.
Luân hồi thì vướng đường sanh tử,
Chuyển kiếp mau qua khỏi ngục tù;
Giọt nước lành dương tan hắc khí,
Rải ban thế giới hưởng nhờ tu.”²*

1. Là Tam Giáo Điện – Chi Minh Tân, Bến Vân Đồn quận 4 Sài Gòn, sau trở thành
trụ sở của Giáo Hội Cao Đài Thống Nhất.

2. Đạo Lý 14, trang 04, Huờn Cung Đàn, 15-10 Bính Ngọ (25-11-1966).

I. TÍCH LƯƠNG VÕ ĐẾ

Chín tháng sau, vào mùa Vu Lan kế tiếp, cũng tại Huòn Cung Đàn, Đức Quan Thế Âm giáng cơ nhắc lại:

“Quan Âm Bồ Tát ngự lễ Trung Nguơn.

Lành thay, lành thay! (...) Nay chư đấng chúng sanh, Thiên khai Huỳnh Đạo chuyển Hạ Nguơn vi thượng để xây đời Thánh đức lập lại niết bàn tại thế. Ấy là luật Thiên điều đã định, dù muốn hay không cũng đến với môn sanh. Nhưng điều hoan lạc, Trung Nguơn Thắng Hội đã ban truyền đạo pháp đến nhân gian để xây dựng nền Thánh đức nơi trần. Còn âm nội khai thông ngục án, bế U môn để cho thế gian được hưởng điều thiện lạc.

(...) Chư đấng chúng sanh cần ý niệm: sống trên cõi đời vật chất (...) kiếp con người có hạn, (...) cần tu tạo đức để tránh những điều làm xua còn ghi lại. Vậy Bần Nữ nhắc, dầu cho bực đế vương như Lương Võ Đế hồi xưa tạo thất thập nhị thiên môn³ nhưng tâm tà vô định thì lấy đâu mà bảo tồn linh tánh đó. Chư chúng sanh còn thấy tích.

*Kỳ đại xá Trung Nguơn Thắng Hội,
Giọt Ma Ha tắm gội tội tình;
Hỡi này các đấng chúng sanh,
Kỳ ba sẵn chiếc thuyền linh phản hồi.
Đạo mục đích tô bồi công quả,*

3. Thất thập nhị thiên môn: Bảy mươi hai ngôi chùa.

Đức dung hòa hiệp cả vạn linh;
Đạo thành phẩm vị phân minh,
Bền tâm vững chí kệ kinh đêm ngày.
Chuông thức tỉnh Thiên Thai trỗi mạnh,
Trống hồi đầu dội cảnh Lô Âm;
Để cho sanh chúng suy tầm,
Về nơi cựu lạc bởi tâm tạo gầy.
Kỳ đại xá ân Thầy ban thế,
Lập bình minh gọi để sửa đời;
Tâm kinh tụng niệm thanh thoi,
Hạ nguơn chuyển thượng đạo Trời cứu nguy.
Nay nhắc lại trong kỳ tiền giáo,
Kìa Lương Đế khai tạo thiền môn;
Thất nhị cảnh để bảo tồn,
Truyền chư tăng chúng triều hôn⁴ sám kỳ.
Điều oan nghiệt vay thì phải trả,
Hễ sát sanh mạng quả đền bù;
Đài thành ngọc tử còn lưu,
Thần hồn phải chịu hận cừu rửa tan.
Cơn biển nạn thở than tế độ,
Lời van cầu Phật Tổ cứu nguy;
Căn thần đã mãn hồi quy,
Lấy công đền tội vậy thì hướng sanh.

4. Triều hôn: Sám tối.

Còn Hy Thị trước manh ác dạ,
Hại chúng tăng để thỏa lòng phàm;
Tội tình Hy Thị vương mang,
Hóa thân động vật để làm báo tin.
Vì oan nghiệt tội tình vay trả,
Luật luân hồi như quả trả xong;
Hóa thân khúc thiện⁵ lập công,
Đêm khuya đánh tiếng đạo đồng công phu.
Vì chúng tăng đường tu còn thiếu,
Lúc đêm khuya báo hiệu trở lên;
Cát tiếng khê khắt trước đền,
Đánh tan giấc điệp trở rền công phu.
Vì tiểu tăng trí ngu quá bực,
Đang yên giấc đánh thức, giận mà;
Đành lòng chặt đứt đoạn ra,
Làm cho khúc thiện thân đà biến thân.
Mối oan nghiệt nơi trần cấu tạo,
Hồn linh về Bồng đảo hội châu;
Lương Đế mộ đạo Phật thân,
Thương thay Hy Thị nguyện cầu độ linh.
Để ăn năn nghe kinh sám hối,
Rối linh hồn cho tội tiêu tan.
Lòng thành luyện đạo hưởng an,

5. Khúc thiện: Con dế.

*Tiêu trừ nghiệp chướng tiếp ban ân lành.
Nay Bàn Nữ đàn thanh nhắc lại,
Tích xưa kia thời đại Trung nguơn;
Gương lành soi sáng thính tùng,
Gương không đừng vướng khó dung tội tình.
Ngày Thắng Hội U Minh chấn động,
Cứu hồn linh bay bổng thượng tưng;
Hạ nguơn dựng bảng Phong Thần,
Đưa cho sanh chúng đến gần non Tiên.
Bầu linh dược cứu yên sanh chúng,
Giọt Ma Ha ứng dụng lúc nguy.
Trung Nguơn Thắng Hội trường thi,
Chiêu hồn vạn loại khỏi thì ngục quan! (...)
Những điều lưu niệm chúng sanh nên lưu tâm để làm bước
tiến.”⁶*

Chỉ có một số ít trong những người đã đọc qua tích truyện Lương Võ Đế mới có thể biết được nhân vật Hy Thị mà đoạn Thánh giáo vừa nêu trên đề cập đến đó là ai. Thật vậy, nhiều Đạo trưởng vào thuở bấy giờ cũng như chúng ta hiện nay cũng không rõ điển tích này.

Ít hôm sau đó, trong một lần giảng đàn tại một thánh sở khác ở Lái Thiêu-Bình Dương, Đức Lý Giáo Tông dạy tiếp:

“(…) Vậỵ Huyền Minh, (...) Bàn Đạo hỏi lại về tiền tích Lương Võ

6. Đức Quán Thế Âm Bồ Tát, Đạo Lý 21, trang 18, Huòn Cung Đàn, 14-7 Đinh Mùi (1967).

Đế và Hy Thị, hiền đệ tương chắng?

Lương Võ Đế và Hy Thị là cặp phu thê, đệ hiểu chắng? Hy Thị là một hoàng hậu ác tâm, lúc Lương Võ Đế tạo tự lập tăng, Hy Thị oán ghét dùng những con dao cạo để vào mõ tiền ấn của chúng tăng. Chúng tăng vừa khóc vừa đọc kinh như vậy tiếng kinh hòa cùng điệu khóc. Thử nghĩ, như thế là một quả nghiệt.

Đến ngày hồn rời khỏi xác, Hy Thị phải đền bù tội lỗi, hóa thân làm con khúc thiện, (...) nằm ở dưới bàn Phật thường đánh tiếng theo tứ thời nhất là thời Tý làm chư tăng ngủ không được nên tiểu tăng dùng đao sát hại khúc thiện. Đó là điều quả báo, sát hại tội đền. Như vậy tiếng đời dư luận Lương Võ Đế lập thất thập nhị thiên môn, đến ngày “ngạ tử đài thành”, Phật bất năng cứu độ. Ấy là phạm nhân, chư hiền làm sao thấy rõ Võ Đế đã hối ngộ, Phật thấu về. Linh hồn luyện đạo đắc vị cầu xin Phật Tổ cứu linh hồn cho Hy Thị thì Phật thấy luân hồi đã mãn, cũng cứu độ vào non tu niệm. Đây là một đoạn luân hồi phải trả, Nam Hải dẫn tích ấy cốt để cho đời soi gương.”⁷

II. NHẬN XÉT

Nơi đây chúng ta nhận thấy Lương Võ Đế tuy đã “tạo tự lập

7. Đức Lý Giáo Tông, Đạo Lý 21, trang 24, Thánh Tịnh Ngọc Chiếu, 17-7 Đinh Mùi (1967).

tăng” cất chùa xây dựng tăng đoàn nhưng lòng mưu cầu phước đức và tiếng thơm ở đời nên đức lành ấy chưa đủ sức hóa giải nghiệp xấu đã tạo trong kiếp sống. Vì thế Lương Võ Đế đã phải chịu chết đói trong thành khi phản thần bao vây và vẫn phải theo luật Thiên điều, khi hồn lìa khỏi xác vào cõi Trung giới để sám hối ăn năn cho đến lúc mãn căn phần mới được Đức Phật đưa về luyện đạo. Sau khi luyện đạo lập được công đức rồi đắc vị, Lương Võ Đế mới cầu Phật Tổ cứu độ vợ mình cũng được vào non tu niệm sau khi đã trả nghiệp quả luân hồi.

– Đức Lý Giáo Tông, trước đó vào năm 1966 đã dạy:

*“Về phần thi công lập quả, không phải người có vật chất hiển cúng mà dựng công quả, không phải người dày công nhọc sức mà dựng lập vị. Cả hai đều do ở chỗ chí thành tâm linh mới kết quả được. Khi chí thành đã có thì tâm linh phát hiện tự nhiên, đạo lý sẽ do nơi ấy mà xuất phát cho người. Ví như Lương Võ Đế ngày xưa cất bảy mươi hai cảnh chùa, sao lại còn dài thành ngạ tử thì vật chất có ích chăng?”*⁸

– Còn Đức Ngô Minh Chiêu khi giảng đàn ở Cần Thơ cũng nhắc lại tích Lương Võ Đế cất 72 cảnh chùa, để dạy một khía cạnh khác của việc làm công quả không nên quá chú trọng đến mặt “vật chất hồng trần hữu hình”:

“(…) Có biết bao tòa nhà được xây đắp dưới bảng hiệu Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hay Cao Đài Đại Đạo.

8. Đức Lý Giáo Tông, Thiên Lý Đàn, 01-02 Bính Ngọ (20-02-1966).

Có thì có rất nhiều, nhưng về quyền pháp Đạo cũng như tâm pháp chưa được thấm nhuần trong tâm khảm của các hàng hướng đạo hay tín đồ của Đức Chí Tôn nên chi tất cả những phương tiện kia đã làm cho người Thiên ân hướng đạo lầm lẫn đó là Đạo, là sự thành công trong việc phổ độ nhơn sanh hay cứu rỗi những linh hồn siêu thăng thoát tục.

Xưa kia Lương Võ Đế cất 72 cảnh chùa, chư hiền đệ ngày nay muốn tạo một ngôi Thánh đường, Thánh thất cũng lắm công chạt vật thì so làm sao được với Lương Võ Đế ngày xưa.

Trái lại, Lương Võ Đế phải đài thành nọ tử, vì không biết dụng tâm pháp Đại Đạo mà chỉ nhắm vào phương tiện hữu vi làm cứu cánh nên chịu thiệt thòi một kiếp tầm tu.”⁹

Câu chuyện được Đức Quan Thế Âm nhắc lại sự tích đã giúp cho chúng ta một thí dụ điển hình cho vấn đề người tu học hành đạo cần phải tìm hiểu “Phải tu như thế nào mới cứu độ được Cửu Huyền Thất Tổ”. Câu chuyện này cho chúng ta ý niệm về hai khía cạnh thực hành của đường đạo đức, đó là phước đức và công đức.

Khi Đạt Ma Sơ Tổ từ Tây phương sang Đông độ, trước hết đến độ vua Lương Võ Đế. Nhà vua hỏi Tổ rằng: “Một đời trăm lo cất chùa, trợ sãi, bố thí, trai đàn. Làm như vậy có công đức chi?” Đạt Ma trả lời: “Thiệt không có công đức”.

Sau này Đức Lục Tổ Huệ Năng có nói:

9. Đức Ngô Minh Chiêu, Tây Thành Thánh Thất, 27-9 Giáp Dần (10-11-1974).

“Võ Đế tâm tà, không rõ chánh pháp. Cất chùa, trợ sãi, bố thí, trai đàn, gọi là cầu phước. Chẳng khá lấy phước mà làm công đức.”

Trong Pháp Bửu Đàn Kinh, Đức Lục Tổ giải thích công đức khác với phước đức:

“Tuy cũng đồng là việc lành nhưng nếu việc lành đó không phát trong tự tánh thì gọi là phước đức chứ không phải là công đức.

Người tu phước đức: làm việc đạo đức nhưng vọng tưởng cầu phước, lòng còn hướng ngoại, vụ sự ích kỷ lo riêng chẳng phải xét lẽ công chánh, đáng phải làm mà làm. Còn người tu công đức: Hướng nội, xem việc đạo đức là việc tự nhiên phải làm theo tiếng gọi của lương tâm. Công đức ở trong tự tánh, chớ không phải ở chỗ cầu phước. Niệm tưởng suông sê, hằng thấy bốn tánh toàn thiệt diệu dụng gọi là công đức: Trong lòng khiêm nhượng, hạ mình gọi là công. Ngoài làm mỗi việc đúng theo lẽ độ gọi là đức.

Tự tánh sáng mọi sự, mọi việc gọi là công. Bốn thể của tâm lìa hết các thứ niệm lự gọi là đức.

Tự mình tu tánh gọi là công. Tự mình tu thân gọi là đức.

Này Thiện trí thức! Công đức chỉ đặng thấy ở trong tự tánh mà thôi, chớ không phải tìm cầu ở trong việc bố thí, cúng dường. Cho nên công đức khác với phước đức.”

Vậy tự mình “tu tánh” ở trong gọi là công. Rồi do công ấy phát diệu dụng ra ngoài qua hành động và lời nói của mình thì

gọi là đức. Nơi đây tưởng cũng nên nhắc lại ý nghĩa căn bản của chữ Tánh. Tánh đây là phần Lý của Trời, là Nguồn Thần hay là Tiểu Linh Quang mà mỗi chúng sanh đều được thọ nhận từ Đại Linh Quang của Thượng Đế.

Người tu công đức chỉ làm những việc lành và phải mà thôi, họ không xu hướng ra ngoài để trông mong hưởng một quyền lợi nào cả. Phải biết kèm chế những tư tưởng ích kỷ đem nó ngược vào trong, nghĩa là đè nén không để nó phát ra ngoài mặc dầu đó là ích kỷ trong việc lành. Lâu ngày lực lượng này súc tích sẽ tạo ra ý chí vạn năng, tâm đức giống như của chư Tiên Phật vậy. Khi ấy những ích kỷ trong lòng đều tiêu tan.

– Đức Đông Phương Chưởng Quân trong một lần giảng đàn tại Thánh tịnh Ngọc Điện Huỳnh Hà cũng có dạy:

“Tự tu tánh thị công, tự tu thân giả đức” đó là căn cơ người phát huy đạo giáo. Tu tánh để trau dồi linh tánh, đó là Công. Tu thân để chuyên luyện tâm chơn ấy là Đức.

“Bất ly tự tánh thị công, ứng dụng vô nhiễm thị đức”: sự hành đạo phải công dụng phổ ứng để trau luyện tánh chơn, hầu khai mở lối đường độ nhơn cứu thế chuyển dụng cơ tâm phân minh, đó là Công. Còn về phần chí vô nhiễm là thấy sự công danh lộc tước, tất cả mọi sự thấy không nhiễm, đó là Đức. Chư hiền nên chú trọng nơi đó mà hành.

*Nhơn tâm tử chủ trương đạo pháp,
Đạo tâm sanh thường lập chủ trương;*

*Quyết lo khai sáng lối đường,
Trong hồi hỗn loạn bốn phương vang trời.
Tự tu tánh lập đời Thánh đức,
Thị công hành gắng sức bồi tô;
Tự tu tâm lập bản đồ,
Giả đức tri hiểu hư vô máy Trời.
Bất ly tự tánh nơi áp dụng,
Thị công hành là đúng Cơ Thiên;
Sáng soi làn điển Khôn Kiền,
Đất Trời giao cảm tiếp liên đều đều.
Ứng dụng là mục phiêu đạo giáo,
Vô nhiễm thời công tạo không tham;
Thị đức, trò đạo nên làm,
Từ khi sở dụng liệu kham cho đồng.”¹⁰*

– Một cách khác để nói về công đức là âm chất hay âm đức. Chúng ta đọc lại trích đoạn Thánh ngôn sau đây của Đức Ngũ Nương:

“Chào các em nam nữ. (...) Còn hiền hữu Mậu muốn hỏi thăm bạn lắm sao?

Giáo Hữu Tý bạch: (...)

Còn ở Đài Nghiệt Cảnh xem qua tội phước, có lẽ được yên thân, phải cầu với Quan Âm cho lắm, và thường tụng Kinh Di Lạc thì

10. Đức Đông Phương Chương Quán, Ngọc Điện Huỳnh Hà, 22–6 Tân Hợi (1971).

được yên vị, nhứt là lập âm chất cho nhiều mới hay.”⁻¹¹

III. KẾT LUẬN

Phước đức và công đức là hai mặt âm dương của đường thực hành đạo đức.

Nhưng vào mùa Trung nguơn xá tội năm Bính Dần (1926) khi mới lập Đạo, Thầy có lưu ý:

“Do công đức mà đắc Đạo cùng chẳng.”⁻¹²

Hơn tháng sau, khi độ dẫn bà Lâm Hương Thanh và nữ phái, Đức Chí Tôn có chỉ rõ cho thấy việc dùng tiền bạc hay tài sản để lo siêu rỗi cho thân nhân không mang lại nhiều kết quả bằng công sức tu niệm độ rỗi nhân sanh.

“Con ôi! Bao nhiêu của thế gian con đã đổ, dựng cầu siêu rỗi cho mẹ con mà chẳng dựng! Duy nhờ từ ngày con biết thờ phượng Thầy mà mẹ con đã vào Bạch Thiên Cung Án. Con đâu thấy điều ấy cho dựng.

Tự nơi con, bởi công con mà Cửu Huyền Thất Tổ con dựng rỗi (...). Con thương Thầy, con tưởng lấy con, lo độ rỗi cho Thầy lập thành Nữ phái (...).

Con an tâm. Thầy đủ quyền hành dựng làm cho con đắc thành

11. Đức Ngũ Nương, Thánh Ngôn Sưu Tập III số 67, Thanh Trước Đền, 30-3 Tân Mão (05-5-1951).

12. Đức Chí Tôn, Thánh Ngôn Hiệp Tuyển 1, Vĩnh Nguyên Tự, Samedì 21 Aoút 1926, 14-7-Bính Dần.

chánh quả đặng độ rồi Cửu Huyền Thất Tổ con, con tưởng chắc vậy chăng?” - 13

Câu chuyện của Lương Võ Đế và Hoàng Hậu Hy Thị tương ứng với lời dạy trên.

Chuyện này giúp cho chúng ta ý thức được hai khía cạnh của đường tu: Tu phước đức sẽ được hưởng phước, nhưng khó mong giải thoát luân hồi. Còn tu công đức có thể đạt giải thoát cho mình và cứu độ giải thoát cho người.

Cái gốc của công đức là tâm vô tư vô cầu hay là làm âm chất như lời dạy.

*“Công khó nhọc được tiêu tai ách,
Công vô tư được sạch tiền khiên;
Công con được cứu Cửu Huyền,
Con tu đắc Đạo được quyền vô sanh.”* - 14

Vì thế để có thể “Tu nhứt kiếp, ngộ nhứt thời” và nhờ đó mà cứu độ được Cửu Huyền Thất Tổ thì chúng ta phải song tu cả hai để chúng trợ duyên cho nhau nhưng mặt tu công đức phải luôn được quan tâm hơn như lời Thầy dạy.

“Cười!!! Có công tu mà không công đức làm sao thành đặng con. Phải thờ Thầy nghe.” - 15

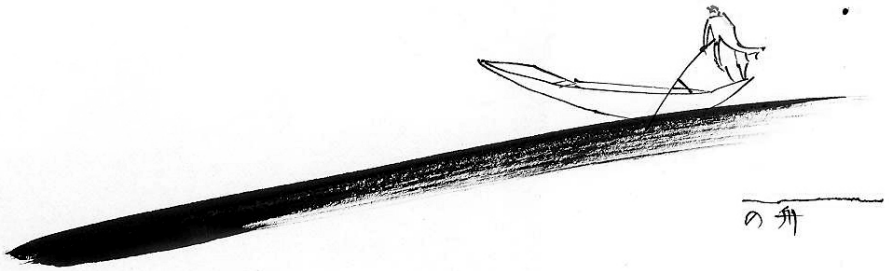
13. Đức Chí Tôn, Thánh Ngôn Chơn Truyền bí yếu tờ 24, Thánh Ngôn sưu tập I – Tây Ninh số 30 – Nguyễn Văn Hồng, 25-8 Bính Dần (01-10-1926).

14. Đức Chí Tôn, Thánh Truyền Trung Hưng 2, trang 222, Trung Hưng Bửu Tòa, 23-3 Bính Thân (03-5-1956).

15. Thái Thơ Thanh, Thánh Ngôn chép tay, tờ 85, Le 3 Avril 1926.

Tu tiến

Chí Thật



Trong một lần giảng đàn, Đức Quan Âm Bồ Tát dạy:

*“Tu tiến siêu sanh đến cõi Trời,
Lẽ đâu đắm tục mãi muôn đời,
Kiếp người là nấc thang gần nhứt,
Cố gắng bươn về chốn cựu ngôi.”¹*

Giới luật quy điều là những hàng rào an toàn, là những khuôn mẫu đạt chuẩn giúp người tu khắc phục ngoại cảnh, chế ngự nội tâm, làm chủ lục dục thất tình, diệt trừ tam độc...; cũng là những điều kiện tối cần thiết, là bộ phóng đưa con người từ cõi tục lên cõi thánh, từ phàm nhân tiến hóa lên các phẩm vị

1. Minh Lý Thánh Hội, 17-3 Kỷ Dậu (03-5-1969).

Thần, Thánh, Tiên, Phật tùy vào sức phấn đấu, sự tu luyện của mỗi hành giả. Đức Chí Tôn cầm cân công lý, giữ luật công bình, ai tu tới đâu thì tiến tới đó và được đặt đúng quả vị tương xứng với công đức tu hành của mỗi người.

Đức Lý Giáo Tông có lần hỏi: “*Có khi nào chư đệ muội nhận thấy rằng chư đệ muội là tiên tại thế đấy không? Chính chư đệ muội là tiên trong tiềm thế², vì trong tiềm thế nên có khả năng thăng tiến vô hạn.*”³

Đặt một câu hỏi căn cứ vào đâu mà biết mình tu có tiến hay không? Tạm trả lời:

1. Trước và sau khi nhập môn có thay đổi theo chiều tích cực.
2. Sau nhiều năm tu học hành đạo, theo dõi thấy có tiến triển tốt về nhân sinh và tâm linh.
3. Đức tin càng ngày càng vững vàng, không bị xao động mỗi khi gặp khảo đảo...

TÁO TIẾN – TIỆM TIẾN

Tiến có nghĩa là không thoái bộ, thụt lùi. Trong Kinh Dịch, quẻ Hỏa Địa Tấn, Tiến trong phần Đại tượng truyện bao hàm ý nghĩa “*Quân tử dĩ tự chiêu minh đức*” (tạm dịch: Bậc quân tử tự thấp sáng cái đức của chính mình); còn Đại tượng truyện

2. Tiềm thế: Vị thế tiềm ẩn, tiềm tàng, chưa hiển lộ (potential position).

3. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-10 Bính Dần (16-11-1986).

quẻ Kiền, Tiến có nghĩa: “Quân tử dĩ tự cường bất tức” (tạm dịch: Bậc quân tử tự làm cho mình mạnh tiến không ngưng nghỉ). Có hai cách tiến:

- TÁO TIẾN: Tiến một cách táo bạo, vội vàng, nóng lòng muốn tiến, mặc dù xét lại mình chưa hội đủ điều kiện.

Đức Hưng Đạo Đại Thánh dạy:

*“Người mới học đạo, nghe được lẽ phải, thấy đời tối tăm, muốn nhả ra tuyên truyền cổ động. Song giới hạnh chưa tròn, pháp tu chưa chứng, đức độ còn non, dẫu có làm việc đó là phải, nhưng cũng chẳng đủ đến đâu, mà gặp hoàn cảnh lại còn làm cho mất thể hư danh của đạo pháp.”*⁴

- TIỆM TIẾN: Từ từ mà tiến, chậm mà chắc, tiến bước nào vững bước đó.

MỘT SỐ TRỞ NGẠI

1. Gặp chuyện trái tai gai mắt làm xao động đức tin.
2. Hoàn cảnh khó khăn, gây chướng ngại cho việc tu hành.
3. Sự câu thúc của danh lợi, sự nghiệp tiền tài...

Những trở ngại nêu trên tác động trực tiếp làm ảnh hưởng đến sự tiến bộ của người tu trên đường tu học hành đạo. Chính vì vậy, các Đấng Thiêng Liêng thường để lời khuyên bảo:

4. Minh Lý Thánh Hội, Châu Dịch Huyền Nghĩa, quyển 2, Nxb Tôn Giáo, 2006, tr. 369.

“Bàn Đạo rất vui cho nơi đây là mặc dầu trải qua mấy lúc thăng trầm, bao lần ly tán, bán lợi mua danh, chuốc quyền trục lợi, nhưng đạo tâm nơi đây, từ lớn chí nhỏ, vẫn giữ được nề nếp xưa, vẹn gìn được bốn căn đạo đức, không phải vì hoạn đồ của thế cuộc mà núng chí nao lòng. Đó là một điểm đáng ghi vào sổ ngọc của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Nhưng, các hiền đệ muội vẫn còn mang nhục thể, còn phàm tâm chi phối; vì vậy mà phải ráng hợp quần, đoàn kết, nhắc nhở, dạy bảo cho nhau thường xuyên để thấm nhuần tôn chỉ Đạo, hầu chống chọi với những áp lực bên ngoài, đang và sẽ trấn áp, phá vỡ bức tường thành tâm đạo của các hiền đệ muội nơi đây.”⁻⁵

Hay:

“Càng biến chuyển càng bồi đạo hạnh,
Càng truân chuyên càng gánh gồng nhiều.”⁻⁶

Đại Tượng Truyện quê Truân có câu: “Quân tử dĩ kinh luân”.

– Kinh: Xếp tơ dệt theo chiều dọc.

– Luân: Se nhiều sợi tơ nhỏ lại làm một sợi.

Kinh luân: sắp xếp ngăn nắp, chỉnh đốn mọi việc.

Gặp thời truân chuyên, khó khăn, hoạn nạn... người quân tử và nhất là người hướng đạo phải tùy thời ứng đối, xử sự khôn khéo, chuyển loạn thành trị, cứu nguy thành an. Đòi can qua mới rõ tay bình định, lúc loạn ly mới xuất hiện

5. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, Thánh thất Bàu Sen, 02-01 Ất Tỵ (03-02-1965).

6. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, Thánh thất Bàu Sen, 02-01 Ất Tỵ (03-02-1965).

nhân tài, nhà nghèo mới hay con thảo, nước loạn mới biết tôi trung...

Thời Tam Kỳ Phổ Độ là thời điểm lịch sử, tất yếu phải có giải pháp lịch sử, và đương nhiên phải có con người lịch sử, mới làm nên sứ mạng lịch sử. Người Thiên ân sứ mạng chấp trì quyền pháp, bậc lãnh giáo tinh thần nhận lấy trách nhiệm hướng đạo, phải bình tĩnh trước mọi bão táp phong ba, mọi phủ phàng nghiệt ngã, thể hiện trách nhiệm trước tổ chức, bởi vì đức độ trung chánh của người lãnh đạo sẽ hóa giải mọi xung đột trong nội bộ. Từ đó, giúp tập thể vượt qua tất cả vô vàn khó khăn và tránh được nguy cơ sa vào phong đô hỏa ngục.

“Càng bão tố phủ phàng, càng biểu dương tinh thần của kẻ vững lòng vững lái. Sự nhứt tâm trong sứ mạng, sự đoàn kết trong thực hành sẽ giúp chư hiền vượt qua muôn ngàn thử thách. Đùng đại đột phân tranh trên phi cơ khi gió loạn. Ngoại cảnh phủ phàng, nội bộ diên nguy sẽ đưa nhau nhận chư hiền đắm chìm trong phong đô hỏa ngục.”^{- 7}

Sự hy sinh cao cả cho lý tưởng đạo đức, cho mục đích cao thượng sẽ nhận được phần thưởng tương xứng.

“Sứ đồ kỳ cuối cùng sẽ gặp nhiều khó khăn hơn, vất vả hơn, nhưng cũng vinh quang hơn trong ánh sáng của Đấng Cha lành.”^{- 8}

7. Đức Chúa Giê-su, Thánh Thất Bàu Sen, 23-11 Đinh Mùi (24-12-1967).

8. Đức Chúa Giê-su, Thánh Thất Bàu Sen, 17-11 Kỷ Dậu (25-12-1969).

Đức Từ Tôn Kim Mẫu khích lệ:
*Tháng ngày bền chí với bền công,
Khảo thí gian lao chớ nản lòng,
Việc khó cố làm nên giá bửu,
Kiếp người sứ mạng phải cho xong.*⁹

DƯ LUẬN KHEN CHÊ

Đức Lý Giáo Tông có lần nhắc người học đạo cần lưu tâm một điều hết sức quan trọng, đó là sự khen chê, phê phán của dư luận. Từ xưa, các bậc vĩ nhân làm nên vĩ nghiệp, lưu lại cho hậu thế những tấm gương oai dũng kiên cường, trung trinh tiết liệt, những bậc chơn tu đắc đạo khi còn tại tiền là nhờ có được sự kiên nhẫn, luôn giữ được tâm bình, hạnh trực trước mọi dư luận, mọi nghịch cảnh:

“Sở dĩ người xưa được hiển danh hậu thế là nhờ lòng kiên nhẫn, tri thủ, bình tĩnh trước mọi nghịch cảnh, mọi dư luận. Lấy dư luận xây dựng để bồi bổ phương pháp hành sự, lấy dư luận xuyên tạc để kiểm điểm thận trọng mọi hành động cho chánh sách, lấy dư luận chống đối để làm hãnh diện cho chủ trương, lấy dư luận phá hoại để làm món quý giá tinh tâm mà hy sinh cho chí hướng và đường lối. Tất cả những sự kiện bên ngoài đưa đến, người xưa đã biết lợi dụng nó mà làm thầy mình.

9. Trúc Lâm Thiền Điện, 06-01 Ất Tỵ (07-02-1965).

Chư hiền đệ, hiền muội ngày nay cũng nên noi chí người xưa. Nếu được khen vội mừng ắt bị lừa, nếu bị chê vội thối chí ắt bị mưu phá hoại. Người quân tử luôn luôn xét lòng, xét mình, xét người, xét việc. Kẻ khen ta đúng chỗ là bạn ta, khen ta không đúng chỗ là hại ta; chê ta đúng chỗ là thầy ta, chê ta không đúng chỗ là sợ ta thành công trong vĩ đại. Thế nên người quân tử khi nghe khen chưa vội mừng, khi nghe chê chưa vội giận. Đó là hạng người quân tử tu thân, còn hàng hướng đạo thế Thiên hành hóa phải hơn người quân tử nữa kìa.

Chư hiền đệ đang ở trong nghịch cảnh, giữa thời hỗn loạn tà chánh nan phân, phải trái vị biệt, thì trước sự chê khen lại càng phải suy xét và thận trọng cho lắm nữa kìa.”^{- 10}

VỮNG LÒNG TU TIẾN

Đời là vô thường, sự biến thiên của vũ trụ không ngừng, sự xung đột của các thế lực trong xã hội nhân loại hiện thời càng lúc càng căng thẳng. Nhìn lại kiếp sống hiện tại chưa có gì chắc chắn đảm bảo an toàn. Tan hợp, hợp tan, thấy đó mất đó, cảnh sanh ly tử biệt diễn ra hàng ngày. Cho nên, người giác ngộ quay về với cửa đạo, tìm cầu chơn lý, phải sáng suốt nhận định cái nào là giả tướng, cái nào là chân tướng. Thời gian không cho phép người tu trì hoãn, chạy đó chạy đây, chạy xuôi chạy

10. Thiên Lý Đàn, 23-3 Đinh Mùi (02-5-1967).

ngược, kết cuộc hơi mòn sức mỗi, phí uống ngày giờ, dở dang đạo nghiệp.

“Tu đâu cũng được, không lựa là tìm kiếm nơi nào. Sở dĩ trong Đại Đạo có Tòa Thánh, Hội Thánh, Thánh thất và Thánh tịnh, là chỗ để lập cơ phổ giáo, lãnh đạo tinh thần, hội họp trao đổi kinh nghiệm đạo lý. Nếu không có những lý do cần thiết đó thì những tòa nhà kia là những ngôi nhà trống, vô tri vô giác.

Ngày nay, chư hiền muội đã là những tín đồ Đại Đạo, đã ở gần một đơn vị Thánh thất, Thánh tịnh, đã có kinh điển đạo luật, đã có Thánh giáo, Thánh ngôn, thì hãy an lòng vững trí trở về cương vị đó mà tu đi. Đừng vì xem thấy hình tướng bên ngoài của sự phân ly rồi chạy đây chạy đó, tâm địa hoang mang, phí cả thì giờ quý báu, rồi không kịp.”⁻¹¹

KHÉP MÌNH TU TIẾN

Thánh giáo Cao Đài có câu: *“Muốn nên việc cả gắng công trình.”* Quả thật vậy, muốn thành danh chi mỹ, đạt được sự nghiệp lưu danh hậu thế, người đời phải hy sinh mọi thú vui để dành thời gian trau dồi trí năng, siêng năng học tập; hướng chí để làm Tiên, làm Phật, tất nhiên, người tu phải trải qua nhiều sự trui rèn, thử thách từ ngoại cảnh đến nội tâm, phải khép mình trong quy điều giới luật, học hỏi đạo lý, không một giây

11. Đức Quan Âm Bồ Tát, Thánh Tịnh An Tiên, 02-02 Đinh Mùi (12-3-1967).

phút nào được xao lãng... mới mong Thánh hóa bản thân, vượt ngoài phạm tục.

“Ngoài thế gian, những hàng sĩ tử muốn đỗ đạt được chiếm bảng ngao đầu thì phải dày công học tập nấu sủ sôi kinh, luyện rèn tâm trí, mài miệt sách đèn, phải khép mình trong khuôn viên mẫu mực hoặc tự đặt một quy luật riêng tư cho cá nhân để thắng mọi cám dỗ quyến rũ du hí thường tình.

Còn trong cửa đạo cũng thế. Mỗi một đạo hữu khi đã tự giác tự nguyện đặt mình trong cửa đạo, là cốt ý để trau dồi tâm tánh, rèn luyện trí óc, khắc kỷ bản thân, khép mình trong giới luật tôn giáo, cố gắng học hỏi kinh sách đạo như Thánh ngôn Thánh giáo, v.v. để cải thiện con người mình từ chỗ vô minh trở nên sáng suốt, từ chỗ tội ác trở nên Thánh hiền, từ cái phàm tâm trở nên Thánh tâm, từ con người phàm nhân trở nên bực siêu nhân. Nếu tiến xa hơn bậc nữa là hoàn thiện hóa bản thân, bản tâm để trở nên hàng Thần Thánh Tiên Phật.”⁻¹²

NĂM ĐIỂM TU TIẾN

Đức Lý Giáo Tông đã dạy các cấp chức vụ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo trên đường thực thi sứ mạng trọng đại, phải

12. Đức Quan Âm Bồ Tát, Minh Lý Thánh Hội, Tuất thời, 16-6 Canh Tuất (18-7-1970).

từng bước thực hành năm trọng điểm¹³. Đối với Nữ Chung Hòa, Đức Từ Tôn Kim Mẫu cũng ban cho hàng ngũ nữ phái năm điểm chánh yếu¹⁴, làm phương châm trên đường lập công bồi đức. Con số 5 theo Dịch lý là con số trung cung Hoàng Cực, thuộc hành Thổ giữ vị trí trung ương ở Hà Đồ, trong Lạc Thư,

13. 1/ Đạo pháp thuần chơn huyền vi chứng đắc.

2/ Sử Đạo.

3/ Xác lập Yếu Điểm Giáo Lý Đại Đạo.

4/ Đào tạo nhân tài.

5/ Phát triển kinh tế tự túc.

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 27-02 Kỷ Tỵ (03-4-1989).

14. 1/ Là các con phải đoàn kết liên giao mật thiết nữ phái đó đây để kết hợp một khối tinh thần vững chắc hầu trao đổi học hỏi kinh nghiệm đạo lý cho nội tâm mỗi con được hoàn thiện thuần nhất đạo lý, thoát ra khỏi phạm vi nhi nữ tầm thường để xứng đáng tác phong đạo hạnh của đoàn thể nữ giới.

2/ Là sư u tầm nghiên cứu phát triển giáo lý Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ song song với nam giới để có tài liệu học tập đạo lý thích hợp với nữ giới hầu dẫn dắt đào luyện những mầm non theo nề nếp đạo đức để tiền tấn hậu kế, tre tàn măng mọc trong nếp sống hành đạo giúp đời.

3/ Là tùy theo nhu cầu cần yếu cho mỗi địa phương, mỗi Thánh thất Thánh tịnh, các con đến đó giúp sức để kiện toàn và lành mạnh hóa Ban Cai Quản nữ phái trong khi chưa thành lập được Nữ Chung Viện.

4/ Là hãy ý hướng vào nhiệm vụ của người làm mẹ, làm chị gương mẫu, tạo nên nề nếp đạo đức trong mỗi gia đình, làm gương mẫu cho đoàn con cái của các con noi theo để sau này chúng nó không sai đường lạc lối.

5/ Là công tác xã hội từ thiện mà từ lâu các con đã từng tham gia thực hiện, cũng vẫn tiếp tục thi hành mỗi khi có nhu cầu thiết yếu đến các con. Như vậy, các con đã có năm điều đó để hoàn thành chương trình hành đạo thay thế cho nội quy rườm rà khắt khe máy móc.

Thánh thất Bình Hòa, 15-8 Kỷ Dậu (26-9-1969).

kể cả Ngũ Hành. Phải chăng chính vì vậy, Đức Quan Âm Bồ Tát dạy, muốn tiến hóa trong chuyến hành trình trở về bến khởi nguyên, người học đạo cũng phải thực hành 5 điểm:

“Con người muốn toại hưởng cõi thanh bình phải nhắm vào thực hành các điểm sau đây:

- 1. Nội công tu tiến.*
- 2. Ngoại công đức hạnh.*
- 3. Quá khứ tâm nên dứt bỏ.*
- 4. Hiện tại tâm không có.*
- 5. Vị lai tâm đừng vọng tưởng.*

Đó là hạng tu tiến một quãng đường khá dài mới có thể thực hành được trọn vẹn.”¹⁵

PHƯƠNG PHÁP TU TIẾN

Năm điểm then chốt vừa nêu trên là năm tiêu chí ở cấp cao độ, không phải ai cũng dễ dàng thực hiện, đó là giải pháp tối ưu để đạt đúng chuẩn của sự tu tiến. Tiếp theo, Đức Quan Âm Bồ Tát trực truyền hai phương pháp giúp người tu theo dõi sự tinh tấn của chính mình trên đường tu học hành đạo.

“Để theo dõi sự tu tiến của mình, Bần Đạo chỉ cho hai phương pháp:

Một là sắm một cuốn sổ tay nhỏ, hai cây bút có hai màu, đen

15. Minh Lý Thánh Hội, 14-01 Kỷ Dậu (02-3-1969).

và đỏ. Trên cuốn sổ đó hãy chia nhiều hàng theo chiều ngang, nhiều hàng theo chiều dọc. Khi vô tư tự kiểm, thấy rằng trong ngày nay có nhiều điểm thiện từ tư tưởng, ngôn ngữ đến hành động thì ghi bút màu đỏ bằng một chấm hoặc khoanh tròn nhỏ. Nếu có một điểm thiện trong tư tưởng, ghi ở cột tư tưởng một khoanh tròn đỏ, nếu được hai, ba, bốn, năm, v.v. ở phần tư tưởng thì cũng khoanh tròn hai, ba, bốn, năm khoanh.

Ở cột ngôn ngữ cũng làm như vậy, hoặc ở cột hành động cũng làm như vậy. Ngày nay ghi ở mức độ đó, nếu ngày mai các phần thiện có tiến triển hơn thêm sẽ lập một bản đồ cho trang giấy kế bên về sự trôi hoặc tiến triển đó.

Ngược lại, khi vô tư tự kiểm, nếu thấy mình có những tư tưởng, ngôn ngữ, hành động nào có vẻ bất thiện, thì cũng ghi theo thứ tự mỗi cột bằng bút mực màu đen và đồng thời ghi sang bản đồ bên trang kế theo sự trôi sụt của nó. Đó là phương pháp thứ nhất dành cho người học đạo có trình độ văn hóa, kế toán, v.v. và siêng năng.

Sau đây là phương pháp thứ hai để dành cho người tu học trình độ văn hóa hơi kém hoặc lười biếng.

Sắm hai cái hộp có nắp, một hộp đựng đầy hạt đậu đỏ, một hộp khác đựng đầy hạt đậu đen, và sắm một cái hộp thứ ba để trống. Khi tham thiền tịnh định, vô tư tự kiểm, nếu thấy trong ngày qua từ ý nghĩ lời nói, việc làm không mấy tốt đẹp, được bao nhiêu ý nghĩ không tốt thì đếm đủ bấy nhiêu số hạt đậu đen bỏ vào hộp thứ ba, có bao nhiêu ngôn ngữ và hành động không mấy tốt đẹp thì cũng đem bấy nhiêu hạt đậu đen bỏ vào hộp thứ ba. Trái lại khi vô tư tự kiểm, thấy ngày

qua có được những ý nghĩ (tư tưởng) ngôn ngữ, hành động được tốt đẹp, thì cũng đếm bấy nhiêu hạt đậu đổ bỏ vào hộp thứ ba.

Phương pháp thứ hai này tuy giản dị, dễ làm nhưng không theo dõi được phần nào tiến hoặc thoái của tư tưởng, ngôn ngữ, hành động, chỉ biết chung là sự thiện, ác, nhiều ít sau khi tổng kết trong tuần một lần mà thôi.

Có theo dõi như vậy mới biết bước đường tu học của mình tiến hay thoái. Nếu thấy thoái đừng buồn, đừng chán nản, cố gắng làm sao đẹp thêm hơn để số hạt đậu đen càng ngày càng ít. Nếu thấy được tiến thêm, đừng vội tự đắc, tự phụ, tự cao, rồi khoe khoang sẽ tổn đức. Hãy hoan hỉ mà tiến thêm cho đến khi nào số hạt đậu đỏ càng ngày càng tăng nhiều thêm hơn.

Khi nào thấy hộp thứ ba, hạt đậu đỏ chiếm đại đa số, hãy hoan hỉ để bước qua lãnh vực chờ đón tiếp nhận ân Thiên trong hệ thống giao cảm giữa mình và các bậc trợn lành.”¹⁶

LỜI KẾT

– Tu tiến không chỉ cho riêng mình, mà còn trách nhiệm độ dẫn nhơn sanh.

– Tu tiến là minh chứng cho quá trình phấn đấu không ngưng nghỉ, kiện toàn về mọi mặt.

– Tu tiến thể hiện sự tiến hóa trên hai phương diện nhân

16. Minh Lý Thánh Hội, 16-6 Canh Tuất (18-7-1970).

sinh và tâm linh.

– Tu tiến là điều kiện tiên quyết giúp người tu hoàn thành sứ mạng.

– Tu tiến là kim chỉ nam hành đạo, là hành trình trở về nguồn cội thiêng liêng.

Chúng ta khắc cốt ghi tâm lời gởi gắm ân cần, lời dặn dò thâm tình của Thiêng Liêng:

Đức Hưng Đạo Đại Vương dạy:

“Là người tu tiến, luôn luôn hằng ngày phải kiểm điểm thân tâm, tác phong ngôn hạnh để so sánh ngày một ngày qua để biết mức độ tiến thoái thăng trầm, hoặc vui để mà tiến, hoặc buồn để mà tự hối sửa chữa để cùng tiến lên. Có như vậy mới thấy được chỗ ưu khuyết. Có như vậy mới làm chủ được thân tâm, tự cứu mình trên con đường Đại Đạo.”⁻¹⁷

Đức Lý Giáo Tông dạy:

“Chỉ có đại nhân mới làm nên đại sự, chỉ có vĩ nhân mới có vĩ nghiệp, chỉ có hàng tu chứng mới có thể cứu độ toàn nhân sanh. Bần Đạo phân như vậy, mỗi chư hiền đệ muội tự ý thức mà tu tiến thêm hơn.”⁻¹⁸

Cầu nguyện Ông Trên bố hóa điển lành cho tất cả chư môn đệ: đầy nghị lực, đủ can trường, vượt lên chính mình, càng tu càng tiến.

17. Minh Lý Thánh Hội, 03- 01 Canh Tuất (08-02-1970).

18. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tý thời, 18-10 Nhâm Thìn (31-12-2012).

Tìm hiểu ý nghĩa lời dạy “Ngưng hết cơ bút truyền Đạo”

Đạt Tường

Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển thứ nhứt có bài Thánh ngôn áp cuối, đàn ngày mùng 2 tháng 5 năm Đinh Mão 1927¹:

“Còn cuối kỳ tháng Sáu đây thì Thầy phải ngưng hết cơ bút truyền Đạo. Các con sẽ lấy hết chí thành đã hun đúc bấy lâu mà lần hồi lập cho hoàn toàn mối Đạo. Đây là mấy lời đình ninh sau rất khá lưu tâm.”

Lời Thánh ngôn này của Đức Chí Tôn, về sau đã trở thành đề tài có nhiều ý kiến khác biệt nhau ngay trong nội bộ nhà đạo Cao Đài! Sự khác biệt ý kiến này thậm chí đã dẫn đến quan điểm và thái độ cực đoan: không chấp nhận sử dụng quyển Thánh Ngôn Hiệp Tuyển thứ hai! Đi tìm ý nghĩa thật sự của đoạn Thánh ngôn này để giải tỏa thành kiến là điều thật sự cần

1. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển 1, 1928, đàn ở Phước Thọ, 01 Juin 1927, tr. 84.

thiết biết bao!

“Phân tích cụ thể một tình hình cụ thể”⁻² là thái độ khách quan khoa học để có thể hiểu đúng bản chất của sự việc. Từ đó, những quyết định xử lý mới hy vọng có được sự chính xác và hiệu quả.

1. Trước tiên chúng ta hãy đọc Lời Tựa đã được chư vị Tiền Khai viết ngay từ khi phát hành Thánh Ngôn Hiệp Tuyển Bốn Thứ Nhất từ năm 1928: “... Nay Hội Thánh hơn công trích lục những Thánh ngôn giảng cơ dạy Đạo, in làm hai bốn để truyền bá cho mọi người thông hiểu...”

Như thế ngay từ đầu, chư vị Tiền Khai đã có kế hoạch thực hiện hai bốn Thánh Ngôn. Nhưng do những biến động đạo đời nên mãi đến giữa thập niên 60, sau gần bốn mươi năm, quyển Thánh Ngôn Bốn Thứ Hai mới được ra mắt!⁻³

2. Thật may mắn, Thánh Ngôn Hiệp Tuyển Bốn Thứ Hai có đăng lại dàn dạy “*ngưng hết cơ bút truyền Đạo*” nhưng có bổ sung 2 chi tiết: một dòng ở đầu bài “đàn tại Phước Thọ” và một câu ở cuối bài:

2. Karl Marx, Triết học Duy Vật Biện Chứng.

3. Thời kỳ thập niên 30, nhà Đạo phân để hóa ra nhiều Hội Thánh hầu nhanh chóng phổ độ hơn sanh thoát qua cảnh trạng tối tăm của đại chiến thế giới lần thứ hai của thập niên 40! Đến thập niên 50, chiến tranh đấu tranh giành độc lập của dân Việt ở vào giai đoạn cao trào!

“... Ấy là điều quý báu đó. Thầy cho con tự định thân số mà cho nhập môn như các chỗ khác.”

Lời Thánh ngôn *“tự định thân số mà cho nhập môn”* giúp cho chúng ta hiểu đối tượng của vấn đề ngưng cơ bút truyền đạo có liên quan chặt chẽ đến việc cho phép nhập môn với những người cầu Đạo.

Bối cảnh ban đầu của Cao Đài giáo khi xưa là hình thức thân nhận tín đồ qua cơ bút. Người xin phải có phê chuẩn chấp thuận của Đức Chí Tôn và sau “Lễ Thánh Thất – Khai Minh Đại Đạo” vào Rằm tháng 10 Bính Dần, Cao Đài giáo chánh thức ra mắt nhân sanh, Đức Lý Giáo Tông cũng có quyền pháp này.

3. Căn cứ theo thời điểm hiệu lực của lời Thánh ngôn *“Còn cuối kỳ tháng Sáu đây thì Thầy phải ngưng hết cơ bút truyền Đạo”*, chúng ta hãy tìm: có hay không các Thánh ngôn vào cuối tháng 6 Đinh Mão và ngay sau đó. Cho đến nay chúng ta vẫn chưa tìm được các đàn cuối tháng 6 nhưng lại tìm được đàn vào ngày đầu tháng 7 Đinh Mão. Hôm đó Đức Chí Tôn giáng đàn ở làng Long Thành– Tòa Thánh Tây Ninh: ⁴

“Ngọc Hoàng Thượng Đế viết Cao Đài Giáo Đạo Nam Phương.

Các con, Thầy thân nhập môn đệ, cho Thánh bút kỳ này là

4. Sau khi trả lại Thiên Lâm Tự (chùa Gò Kén), dời đến địa điểm mới theo chỉ dẫn của Đức Lý.

chót. Định ngưng cơ phổ độ, từ đây do theo Tân Luật mà hành đạo và thâm nhập chúng sanh. Nhưng nếu có chuyện bí yếu chi về nền Đạo và về đường trách nhiệm của các con thì Thầy sẽ lấy từ bi mà khuyến dạy...⁻⁵

– Thiên phong nơi Sađéc, Thầy sẽ dạy anh Trung con. Còn chư môn đệ muốn cầu Chức sắc, con đọc.

– Tạ: Phái Thái. Cao Sơn Tiên, nay phong Giáo Hữu.

Trang bạch: – Chư Nữ tín đồ chưa nhập tịch Thánh.

– Thầy lấy từ bi cho chức Lễ sanh cả thầy, phải gắng cho xong phận sự, bằng không thì tội sẽ định bằng hai cho những kẻ không trọn lòng thành kính về đạo đức nghe.

Trang bạch: (...)

– Giáo Hữu cho chư môn đệ, trừ ra Nhâm và Kiệt. Thị Lợi cũng Giáo Hữu.

Trang bạch: (...)

– Được con, Thầy cho thưởng số.

Trang, Thầy thâm nhập hết chư nhu. Con giải sơ cách hành đạo và ái kính cho cả thầy biết. Thầy ban ơn cho các con. Thầy thăng”⁻⁶

Qua nội dung của đàn này cho chúng ta thấy hôm đó là lần cuối cùng Đức Chí Tôn ban ân trực tiếp thâm nhập

5. Đoạn này Đức Chí Tôn Thiên phong Lễ sanh và Giáo hữu cho một số nam nữ tín hữu.

6. Thánh Ngôn chép tay, Hương Hiếu, tr. 186–187.

người xin nhập môn và ban phong chức sắc. Thầy dặn dò từ nay cứ “do theo Tân Luật mà hành đạo”⁷ và “thâu nhập chúng sanh.”

Tuy nhiên trong Thánh ngôn chép tay của Ngài Thái Thơ Thanh lại có đàn “Thuduc ngày 18-8-1927”:

“Thầy vì lòng từ bi hay thương môn đệ phong tịch lần này là chót vì Tân Luật đã hoàn toàn, nếu chẳng do theo thì Lý Bạch chẳng kêu nài, Quan Thánh và Quan Âm cũng hiệp sức mà dâng kêu nài về sự ấy.

*Vậy sau này có ai đáng công thì do Tân Luật mà công cử, còn phần phong tịch thì có Lý Giáo Tông tiến cử, Thầy mới nhận phong nghe.”*⁸

Chính thức việc “ngưng cơ bút truyền Đạo”, lần cuối cùng Ôn Trên ban phong chức sắc qua cơ bút. Hôm đó có gần 30 vị nam nữ được phong Giáo Hữu và Lễ Sanh. Từ đây, mọi việc phải làm theo Tân Luật.

4. Thời hạn và nội dung ý nghĩa “ngưng hết cơ bút truyền Đạo”
Chúng ta hãy tìm hiểu thời hạn thực hiện “cơ bút truyền Đạo” theo Thánh ý của Thầy.

7. Việc thăng cấp Chức sắc, Chức việc là một trong những việc hành đạo.

8. Trong Thánh Ngôn Suu Tập không có bài này nhưng có trong Đạo Sử Nhựt Ký [lại để ngày 22-8 Đinh Mão (17-9-1927) không hợp lý vì quá xa “cuối kỳ tháng 6”]. Và ngược lại, trong phần của Thái Đầu Sư không có bài đàn rạng mừng 1 tháng 7 Đinh Mão.

– Trung tuần tháng Chạp, 12–12 Bính Dần (16 Janvier 1927),
Đức Lý Giáo Tông có dạy:

“Đạo vốn nơi cơ bút mà phát thành, vậy Lão khuyên cẩn thận cho lắm. Đòi với đạo chẳng đồng, tuy biết có đòi mới có đạo, có đạo mới nên đòi, nhưng đòi hằng nghịch lẫn. Vậy Lão tỉ thí như trong bọn của chư hiền hữu muốn toan phản loạn, nắm cơ viết ðũa ra hay là quỹ nhập viết ra rằng Thầy xui hiền hữu làm giặc, thì Đạo phải thế nào?

Trả lời...

(Cười) Nếu nói dễ dàng đường ấy còn luận đến làm gì.

Như Lão chẳng vì Thầy dặn bảo thì ðã cấm cơ bút rồi. Vậy Đạo chưa thành, Lão kỳ tới cuối tháng Sáu năm tới thì cấm tiệt cơ bút...”⁻⁹

– Ngày 13 tháng 5 Đinh Mão 1927, Thầy có dạy:

“Trong nội tháng Sáu ðây, thì trách nhiệm của mấy ðứa phò loan gần hoàn toàn.

Vậy Trung con hơn chút ít giờ dư, kể từ ðây ðặng ði với mấy em đến mấy Thánh thất ðặng Thầy có lời cho một ít môn ðệ yêu ðấu ðặng chúng nó ðể ý, do theo lời mà hành sự cho đến cùng...”⁻¹⁰

4.1. Về việc thu nhận người xin nhập môn:

9. Thái Thơ Thanh, Thánh Ngôn chép tay, tờ 389.

10. Thái Thơ Thanh, Thánh Ngôn chép tay, Séance du 12 Juin 1927, tờ 315.

Tình hình thâm nhập môn đệ sau một tháng Đại Lễ Thánh Thất-Khai Minh Đại Đạo rất khả quan. Vào cuối tháng 11 Bính Dần, một hôm, Thầy cho biết số lượng tín đồ được thâm qua cơ bút sắp “gần đủ số”.¹¹

*“Ngọc Hoàng Thượng Đế Viết Cao Đài giáo đạo Nam phương.
(Chúng sanh xin cầu Đạo)*

(...) Vậy các con muốn cho chúng sanh cầu Đạo thì Thầy cho phép, song từ đây phải làm số như Minh Thệ mà xin nhập môn đặng có thể phổ độ cứu vớt chúng sanh thêm một chút ít nữa. Thầy cho các con hay trước rằng: Đại Đạo tại Nam Kỳ gần đủ số rồi, hễ đủ số rồi thì phải bế lại mà hành Đạo. Còn một phần thì đi ngoại quốc phổ thông nền Chánh đạo. Thầy toàn thâm cả chúng sanh nam nữ.”

Lời Thánh ngôn cho thấy ban đầu những người đến hầu đàn được Đức Chí Tôn điểm danh và thâm nhập. Sau đó số người đến hầu trong mỗi đàn “truyền Đạo” càng lúc càng đông.

Để tập cho các môn đệ bài học về trật tự nghi lễ đối với các Đấng Thiêng Liêng nên từ cuối tháng 11 Bính Dần Thầy dạy bắt đầu từ đây bộ phận nghi lễ phải sắp đặt trước cho có trật tự, làm hai bảng danh sách những người xin nhập môn, nam nữ riêng biệt.

Khi có lệnh dạy thượng số, vị chứng đàn dâng danh sách đã chuẩn bị lên cho Ông Trên xem xét.

11. Hương Hiếu, Thánh Ngôn chép tay, tr. 83.

Khi đó, việc nhập môn cầu Đạo trở thành một hiện tượng xã hội. Hàng vạn quần chúng rần rộ đi dự lễ hội ở Gò Kén và xin cầu Đạo trong thời gian 3 tháng Khai Minh Đại Đạo như lời Thầy đã dạy khi chuẩn bị cho việc tổ chức Lễ Thánh Thất.

Sau đó, ở các đàn phổ độ ở nhiều tỉnh Nam kỳ được tiếp tục thực hiện. Đi hầu đàn, cầu xin nhập môn để được điểm danh đã trở thành phong trào trong đời sống xã hội. Vì thế có một số người a dua, chạy theo chứ chưa phải thật tâm cầu đạo, cho nên đã có lần vào đầu trung tuần tháng Chạp Bính Dần, Đức Lý Giáo Tông răn đe:

*“Nhu Lão chẳng vì lời Thầy dặn bảo thì đã cấm cơ bút rồi. Vậy Đạo chưa thành, Lão kỳ tới cuối tháng 6 năm tới thì cấm tuyệt cơ bút.”*¹²

Sang cuối tháng Giêng Đinh Mão 1927, Tân Luật đã được chư Tiên Khai hoàn tất dâng trình lên Đức Lý Giáo Tông và Đức Chí Tôn. Đức Giáo Tông có dạy:

“Đại Đạo ngày nay, Luật đã hoàn toàn, đáng lẽ Lão xin phép Đức Từ Bi chiếu theo dạng thân nhập môn đệ, cấm cơ bút thân nhận sanh linh, nhưng số người hữu căn chưa đủ, nên phải đợi cho hiệp theo Thiên thơ.

Chừngặng đủ số định cho kẻ hữu phần thì ngày ấy chẳng

12. Hương Hiếu, Đạo Sử II, Thứ Bảy, 12-12 Bính Dần (15-01-1927), tr.171.

còn lo chi việc phổ độ nữa.”⁻¹³

Qua những Thánh ngôn của Thầy và Đức Lý, cho thấy thời hạn của “*Cơ bút thân nhận sanh linh... theo Thiên thơ*” đã nhiều lần sớm được nhắc đến ngay trong khi đại lễ Khai Minh Đại Đạo đang diễn ra.

Sau đại lễ ấy, Thầy tập dần cho chư vị Chức sắc thực hành nghi thức nhập môn và thủ tục hành chánh đạo.

“Vậy, lúc này, những môn đệ mới phải lập thế giữa Thầy mà nhập Đạo.

Còn cơ bút, dịp nào Thầy truyền lệnh sẽ thi hành. Mỗi lần ai đến cầu Đạo, phải giao lý lịch cho chủ đàn, rồi phải chạy khai về Tòa Thánh.

Bản, con hiểu không? Cứ lập đàn cúng, không cơ bút chi.

Thầy đã hối các con ban hành Tân Luật đặng cho dễ. Như ngày nay về sau không cơ bút thì cứ theo Luật mà hành sự cho đến ngày Thầy định đoạt sẽ hay.”⁻¹⁴

Trong đàn ngày 14 tháng 7 năm 1927 là ngày 16 tháng 6 Đinh Mão, nửa tháng trước kỳ hạn đã dạy sẽ ngưng cơ bút truyền Đạo, Đức Lý có dạy:

“Phần nhiều chư Thiên phong lắm sai sót phạm sự. Thưởng phạt lối sau này do nơi dứt kỳ cơ bút tháng Sáu đây...”

13. 27-01 Đinh Mão (28-02-1927).

14. Thánh Ngôn Sư Tập số 72, 07-02 Đinh Mão (10-3-1927), Phò loan: Bảo Pháp - Hiến Pháp, tại Đàn Phú Nhuận.

*Còn việc phổ độ Long Thành cho Nghĩa hay rằng chừng có
chư nhu đến cầu [cơ] sẽ cho chư đạo hữu hay mà đến.*

Còn một kỳ nữa là kỳ chót đó.”⁻¹⁵

– Trong tháng 6 Đinh Mão, Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhật sau 3 lần xin yết kiến De la Brosse mới được chấp thuận.

Thấy viên Thống Đốc e ngại hoạt động cơ bút, nương theo lệnh của Đức Chí Tôn sẽ ngưng cơ bút truyền Đạo vào cuối tháng 6 này, Ngài Thượng Đầu Sư hứa “Chỉ đi phổ độ bằng lời nói và kinh sách” như các tôn giáo khác.

Đồng thời Ngài hứa nạp lý lịch của 12 vị Thời Quân và chịu trách nhiệm nếu các vị này cầm cơ đi phổ độ các nơi. Thống Đốc đồng ý.

Ngài Đầu Sư liền về Tòa Thánh ra ngay Bồ Cáo để đạo hữu các nơi đăng yên lòng.⁻¹⁶

4.2. Về việc Thiên phong chức sắc:

Một nội dung thứ hai của “cơ bút truyền Đạo” cũng được Thầy đề cập đến là việc Thiên phong chức sắc. Lúc vừa lập Đạo vào dịp Tết Bính Dần cho đến sau Đại lễ Thánh Thất – Khai Minh Đại Đạo, từng chức sắc đều được Đức Chí Tôn trực tiếp ban phong. Vì thế chúng ta thấy cụm từ “Thiên phong” thường được gắn liền với cụm từ Chức sắc.

15. Thái Thơ Thanh, Thánh Ngôn chép tay, tờ 323.

16. Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng, Đạo Sử Nhật Ký quyển 1, tr. 388–390.

Những ngày tháng gần kỳ hạn “ngưng hết cơ bút truyền Đạo”, Đức Chí Tôn thúc giục:

“Trung – bạch về việc cử Lễ Sanh.

*Hay, con phải lo cho các nơi đều lập Họ dựng công cử với nhau y theo Tân Luật.”*¹⁷

Thật ra, sau đàn mừng 1 tháng 7 Đinh Mão, chúng ta có tìm được một đàn với nội dung dạy về việc phong tịch cho chư Chức sắc. Như chúng ta đã biết, ngoại trừ Chức sắc nữ phái chỉ có chữ Hương trong tên đạo, còn với nam phái từ phẩm Lễ sanh trở lên được phân vào ba phái Thái, Thượng, Ngọc.

Theo lời dạy của Thầy, vì lòng từ bi hay thương chịu môn đệ cầu xin nên ban ơn lần chót, kể từ lúc đó vào giữa tháng 7 Đinh Mão trở đi việc cầu phong Chức sắc và phong tịch đều phải qua thủ tục công cử đã quy định trong Tân Luật.

“Trung, Thơ, Lâm Thị ái nữ, ba con.

Thầy vì lòng từ bi hay thương môn đệ, phong tịch lần này là chót vì Tân Luật đã hoàn toàn. Nếu chẳng do theo đó thì Lý Bạch hằng kêu nài; Quan Thánh và Quan Âm cũng hiệp sức mà dâng kêu về sự ấy. Vậy sau này nếu có ai đáng thì do Tân Luật mà công cử.

*Còn về phong tịch thì có Lý Giáo Tông tiến cử, Thầy mới nhậm phong nghe.”*¹⁸

17. Thái Thơ Thanh, Thánh Ngôn chép tay, 19-7-1927, tờ 318.

18. Thái Thơ Thanh, Thánh Ngôn Chép tay, Thánh thất Thủ Đức, 21-7 Đinh Mão (18-8-1927), tờ 339B.

Chúng ta dễ dàng tìm thấy những thí dụ về việc cầu phong và phong tịch về sau này:

Thí dụ 1:

Đàn cầu phong tại Đền Thánh Tòa Thánh Tây Ninh đêm 17–10 Đinh Dậu (1957).

“Hiền hữu Bảo Thế đọc danh sách cầu phong Sĩ Tải.

1. Trần Văn Ngôn, chấm phong Sĩ Tải.
2. Nguyễn Văn Cồn, sắc phong Lễ Sanh phái Thái, sẽ giúp đắc lực cho Cửu Trùng Đài.

3. Trần Thanh Danh, chấm phong Sĩ Tải.

4. Nguyễn Thành Tám, sắc phong Lễ Sanh phái Thượng.

5. Trương Ngọc Anh, chấm phong Sĩ Tải.

6. Trần Minh Hiếu, sắc phong Lễ Sanh phái Ngọc.

7. Nguyễn Văn Như, chấm phong Sĩ Tải.

8. Lê Minh Khuyên, chấm phong Sĩ Tải.

Hiền muội Hương Hiếu:

Đọc danh sách cầu phong Lễ Sanh: (...)

Đọc danh sách cầu phong Giáo Sư: (...)”

Thí dụ 2:

Trường hợp cầu phong Chức sắc Hiệp Thiên Đài của Hội Thánh Tây Ninh cho các ông Lê Quang Tấn và Lê Minh Khuyên được Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc ban ân phẩm vị Chức sắc, đàn tấu Cung Đạo Đền Thánh:

a. Đàn cầu đêm 17–10 Ất Tỵ (09–11–1965):

“Bần Đạo lấy làm hân hoan được Đức Lý Đại Tiên nhường cơ

để phong thưởng chư đệ.

Sĩ Tải Lê Minh Khuyên.

– Thăng nhứt cấp.

Sĩ Tải Lê Quang Tấn tự Trường.

– Thăng nhứt cấp, sau sẽ định vị.”

b. Đàn cầu đêm 15-11 Tân Hợi (01-01-1972):

“Lê Quang Tấn, Truyền Trạng thăng Thừa Sứ.

– Lê Minh Khuyên, Truyền Trạng– Thừa Sứ.”

c. Đàn cầu đêm 15-11 Ất Mão (17-12-1975):

“Lê Quang Tấn, Thừa Sứ cầu thăng Giám Đạo.

– Đình đãi một thời gian.

Lê Minh Khuyên, Thừa Sứ cầu thăng Giám Đạo.

– Chấp thuận.”

Qua đây chúng ta thấy trong vòng 10 năm có nhiều vị được Hội Thánh cầu thăng phong ba lần nhưng không phải tất cả đều được chấp thuận. Trong đó có một nhân vật khá nổi danh sau này.

4.3. Về việc hướng dẫn thực hành các pháp truyền đạo:

Đọc kỹ các Thánh ngôn trong thời gian khoảng một năm rưỡi từ khi Thầy “Lập Đạo” cho đến kỳ hạn “*ngưng hết cơ bút truyền đạo*” (từ mùng 1 Tết Bính Dần đến giữa năm Đinh Mão) chúng ta thấy Đức Cao Đài đã trực tiếp thực hiện và truyền dạy nhiều hình thức thể pháp và bí pháp cho chư vị Tiền Khai được thị phạm.

Các pháp này về sau đã được áp dụng rộng rãi trong nghi lễ Cao Đài. Cho dầu về sau đã có sự phân ra chia thành nhiều chi phái nhưng những nghi thức căn bản này vẫn không thay đổi theo thời gian.

Qua cơ bút trong giai đoạn trực tiếp độ dẫn và thâm nhận môn sanh cũng như Thiên phong chức sắc, Đức Chí Tôn và Đức Lý Giáo Tông đã truyền dạy lý thuyết thực hành về lễ bái đồng thời trực tiếp thực hành nhiều hình thức về nghi lễ như lễ nhập môn, lễ nhạc hay các pháp môn tận độ như các nghi thức: trấn thần, phép giải bệnh,...¹⁹

4.4. Với những vị có quan điểm căn cứ vào Thánh ngôn, Thầy đã ngưng cơ bút phổ độ từ giữa năm Đinh Mão- 1927, xin được gợi ý vài điều cần suy nghĩ thêm:

– Qua nội dung đàn vừa trích dẫn và đàn ngày mùng 6 tháng 11 Đinh Mão, Thầy trách:

“Trước khi ngưng cơ, Thầy đã cho lệnh dùng cơ bút thế nào?”

19. Xin mời xem quyển Khái Lược Văn Hóa Sử Cao Đài.

Sau đại lễ Khai Minh Đại Đạo, Thầy tập đàn cho chư vị Chức sắc thực hành nghi thức nhập môn và thủ tục hành chánh đạo.

“Vậy, lúc này, những môn đệ mới phải lập thế giữa Thầy mà nhập Đạo. Còn cơ bút, dịp nào Thầy truyền lệnh sẽ thi hành. Mỗi lần ai đến cầu Đạo, phải giao lý lịch cho chủ đàn, rồi phải chạy khai về Tòa Thánh.

Bản, con hiểu không? Cứ lập đàn cúng, không cơ bút chi. Thầy đã hỏi các con ban hành Tân Luật đặt cho dễ. Như ngày nay về sau không cơ bút thì cứ theo Luật mà hành sự cho đến ngày Thầy định đoạt sẽ hay.”

Thầy tưởng mỗi Thiên Phong đều đặn Thánh ngôn của con đã ban hành.” -²⁰

Như thế sau việc ngưng cơ bút thân nhận sanh linh vẫn còn có lập đàn khi hết sức cần như lời Thầy đã dặn ngay trong đàn ngày mừng 1 tháng 7 Đinh Mão:

“Nhưng nếu có chuyện bí yếu chi về nền Đạo và về đường trách nhiệm của các con thì Thầy sẽ lấy từ bi mà khuyến dạy.”

Nếu không có các đàn sau ngày mừng 1 tháng 7 Đinh Mão thì một số điều đã được ghi trong luật lệ Đại Đạo đã không thể có! Như phần tổ chức Cửu Trùng Đài ở hai bậc cuối là chức việc và tín đồ đã được Đức Lý Giáo Tông bổ sung qua Đạo Nghị Định ban hành trong năm 1930²¹ hay luật về Thập Hình, v.v.

– Hay Tân Kinh Tận Độ vong linh gồm những bài kinh Cúng Cửu, Tiểu và Đại Trường, v.v. mãi đến giữa năm 1935 mới được Ôn Trên ban cho²² và được ban hành kèm theo nghi thức ghi trong bộ luật Mậu Dần 1938. Nếu đã hoàn toàn ngưng cơ thì làm sao có được những bài kinh này cùng nghi thức tương ứng! Trong thực tế sau đó hầu như các Hội Thánh Cao Đài đều áp dụng nghi thức Tân Kinh tận độ này.

– Một điều cực kỳ quan trọng khác, Cao Đài luôn thể hiện lý Âm Dương, cơ bút đã lưu truyền giáo pháp phổ độ qua

20. Đức Chí Tôn, đàn Chợ Lớn, 06–11 Đinh Mão (29–11–1927).

21. Hội Thánh ban hành sáu Đạo Nghị Định vào ngày mừng 3 tháng 10 Canh Ngọ (1930).

22. Lời dẫn Kinh Thiên Đạo Thế Đạo của Tòa Thánh Tây Ninh.

Thánh Ngôn Hiệp Tuyển thì đồng thời cũng lưu truyền giáo pháp tuyển độ qua Đại Thừa Chơn Giáo (1936). Nếu thật sự đã hoàn toàn ngưng cơ từ cuối kỳ tháng sáu Đinh Mão thì cái thâm sâu vi diệu nhất của Cao Đài giáo đã không thể có và lưu truyền.

KẾT LUẬN

– Tóm lại, qua những Thánh ngôn ngày nay chúng ta tìm được đã giúp đạo hữu hiểu chính xác hơn ý nghĩa của việc “*Ngưng hết cơ bút truyền đạo*” là gì. Đó là một giai đoạn đặc biệt của thời kỳ Khai Nguyên Lập Đạo – Khai Đạo, qua cơ bút trong các buổi đàn cơ Đức Chí Tôn và Đức Lý Giáo Tông “*thâu nhập môn đệ*”, “*Thiên phong chức sắc*” và hướng dẫn thực hành các “*nghi thức tận độ*” như: trấn thần, nhập môn, giải bệnh, lễ nhạc...

Ngay từ cuối năm Bính Dần, Đức Chí Tôn và Đức Lý Giáo Tông đã báo trước kỳ hạn sẽ “cấm tuyệt” việc thực hiện cơ bút thâu nhận sanh linh.

– Kể từ tháng 7 Đinh Mão, các chức sắc khi hành chánh đạo phải cố gắng làm theo Tân Luật đã vừa được ban hành ngày 01-6-1927. Việc thâu nhận người xin nhập môn và việc cầu thăng phong chức sắc, phong tịch Đạo đều phải áp dụng theo Tân Luật. Từ đây, Đức Lý Giáo Tông chỉ chấm duyệt danh sách cầu phong hay cầu thăng được Hiệp Thiên Đài dâng trình đúng theo thủ tục Tân Luật đã định.

- Nếu cơ bút đã thật sự phải ngưng vào thời điểm đó thì cơ cấu tổ chức và giá trị tận độ của Cao Đài giáo không được trọn vẹn như thực tế hiện nay vì:

- 1930: Sáu Đạo Nghị Định đầu tiên xác định bộ khung hoàn thiện của cơ cấu tổ chức qua Pháp Chánh Truyền hoàn chỉnh và bộ máy tổ chức Cứu Viện. (Trách nhiệm hành chánh nam, nữ phân định rạch ròi).

- 1935: Tân kinh siêu độ (Cửu cửu, Tiểu trường, Đại trường) mới được ân ban cho sanh chúng.

- 1936: Kinh Đại Thừa Chơn Giáo mới ra đời.

Trong 12 năm đầu tiên, nếu không còn cơ bút thì Cao Đài chỉ là một tôn giáo khập khiễng về nội dung (Giáo pháp, Giáo luật) và cơ cấu tổ chức (Giáo hội).

Nếu không có cơ bút hướng dẫn, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ không thể chỉ trong một thời gian ngắn đã phát triển thành một tôn giáo có chiều sâu tâm linh vi diệu, có sự tăng trưởng vượt bậc trên đường phổ độ chúng sanh, đóng góp cho đời một hệ tư tưởng Đại đồng Nhân bản hoàn toàn mới lạ không thể lẫn lộn với các hệ tư tưởng Đông Tây dầu xa xưa hay hiện đại!

Yếu tố Đại Đạo là tư tưởng có tính chất độc đáo mới lạ hoàn toàn có khả năng dẫn dắt và lèo lái thời đại theo định hướng tìm lại được sự cân bằng giữa hai nhu cầu phát triển văn minh khoa học cực kỳ diệu ảo song hành cùng nếp sống văn minh đạo đức lấy Nhân Bản làm chủ đích.

Ái hà Thiên xích lãng

Bửu Long

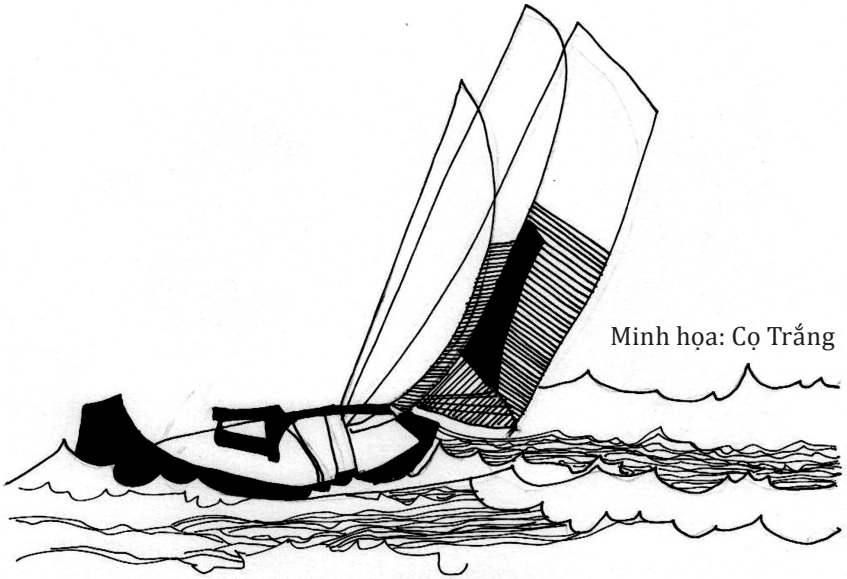
Trong suốt những năm tháng cuộc đời, Einstein đã gửi cho cô con gái Lieserl của mình 1400 bức thư.

Trong những bức thư ấy, có những dòng ông viết: “Khi cha giới thiệu về thuyết Tương Đối, có rất ít người hiểu được cha. Cha hiểu thứ mà cha giới thiệu sẽ gây khó hiểu với thế giới hiện tại. Hãy lưu giữ bức thư này càng lâu càng tốt và chỉ đưa nó ra khi xã hội đủ phát triển... Đây là một trong những năng lượng mạnh mẽ nhất trên thế giới, mạnh tới nỗi mà khoa học chẳng thể chứng minh nổi.

Loại năng lượng này xuất hiện ở khắp mọi nơi, ảnh hưởng tới tất cả mọi người và thậm chí xuất hiện đằng sau những hiện tượng không thể lý giải nổi trên trái đất.

Năng lượng này chính là tình yêu...”

Chúng ta sẽ cùng thử tìm hiểu siêu năng lượng này.



Minh họa: Cọ Trắng

Tình yêu, chữ ÁI, dù trong lời Einstein, hay ở nơi nào khác trên trái đất, bao gồm nhiều cung bậc, hình hài và đối tác. Nơi đây, trong phạm vi bài viết này, chúng tôi muốn giới hạn chữ ái trong tình yêu nam nữ, chữ ái của dòng sông tình chất ngọt bao men vị gắt ngậy như ly sâm banh, nhưng cũng chứa đựng vô cùng những say sưa, chìm đắm.

1. Ái tình của con người

a. Tình yêu, thăng hoa cho hành trình tư duy của nhân loại
Nếu tình dục, là để duy trì nòi giống, thì ái tình, thuộc phạm trù tư duy trừu tượng, qua đó con người thăng hoa và trưởng thành, thoát vượt khỏi hành vi động vật tầm thường.

Bài thơ nổi tiếng của T.T.K.H., ngay sau những tình yêu tinh khôi với thiên nhiên, là những nỗi lòng đầy khắc khoải của tình ái. Chúng tôi trích đoạn nơi đây:

“Ở lại vườn Thanh có một mình
Tôi yêu gió lạnh lúc tàn canh
Yêu trăng lạnh lẽo rơi trên áo
Yêu bóng chim xa, nắng lướt mảnh
Người xa xăm quá, tôi buồn lắm
Trong một ngày vui pháo nhuộm đường
Nếu biết rằng tôi đã lấy chồng
Trời ơi người ấy có buồn không
Cho tôi ép nốt dòng dư lệ
Nhỏ xuống thành thơ, khóc chút duyên.”

Hay nỗi lòng của Hồ Xuân Hương dành cho Phan Tôn Phong, còn được lưu lại trong Lưu Hương Ký¹:

“Chén thề thuở nợ tay còn dính
Món tóc thời xưa cánh vẫn đeo
Được lúca tài tình cho xứng đáng
Nghìn non muôn nước cũng xin theo.”

1. Năm Hồ Xuân Hương (1772–1822) ba mươi lăm tuổi, Phan Tôn Phong từ Nghệ An ra Thăng Long, hai tâm hồn đồng cảm gặp nhau ở Cổ Nguyệt Đường, rồi kết đôi bạn thơ. Họ thường cùng nhau uống rượu, chuyện trò, xướng họa rất tâm đắc. Vì cuộc sống phải bôn ba ra Bắc vào Nam, mãi đến bảy năm sau, Tôn Phong mới trở lại Thăng Long, Xuân Hương trao cho ông tập thơ Lưu Hương Ký, chép các trước tác của bà cho đến thời điểm đó và nhờ Tôn Phong viết lời tựa.

Hàng ngàn năm đã qua, hay ngàn năm nữa sẽ tới, nhờ những thốn thức của trái tim, mà tinh thần con người trưởng thành, tâm hồn họ thăng hoa trên thượng tầng kiến trúc, và tạo ra cách biệt với mọi sinh vật khác. Xin mời thưởng ngoạn khúc thơ Tiếng Lá Buồn Xưa, Thân Thị Ngọc Quế viết:

“Ngoài song chiếc lá rơi rơi
Gọi hoàng hôn xuống trong lời gió reo
Sao nghe chiếc lá bay vèo
Chút buồn xưa lại về theo giấc vàng
Như trang thơ thoảng tiếng đàn
Còn vương ánh nguyệt lặn tàn cuối mây.”

Chữ Ái (愛) gồm bộ Thảo (艹) là móng vuốt, bộ Mịch (宀) là bao trùm lên, bên dưới là chữ Tâm (心), dưới cùng là bộ Truy (攴) là đến từ phía sau.

Chữ ái ôm chữ tâm vào sâu trong lòng, nên có thể xem lời thơ này trong Truyện Kiều của Nguyễn Du như một chiết tự cho chữ Ái:

“Đã mang lấy một chữ tình
Khư khư mình buộc lấy mình vào trong
Vậy nên những chốn thông dong
Ở không yên ổn ngồi không vững vàng
Ma đưa lối quỷ đưa đường
Lại tìm những chốn đoạn trường mà đi.”⁻²

2. Truyện Kiều, câu 2661–2667.

b. Những cung bậc khác nhau của tình ái con người:

Muôn vàn khác biệt, nhân loại tìm đến nhau từ những nhu cầu:

- Tình dục:

Hồi đầu tháng 3 vừa qua, sau khi chia tay người chồng thứ 8 chưa được bao lâu, nữ đại gia Thái Lan Leena Jungjanya, 58 tuổi đã gây xôn xao dư luận khi đăng tin “kén chồng” trên Facebook với những yêu cầu vô cùng khắt khe: dưới 25 tuổi, cao trên 1,8m, nặng dưới 70kg, cơ bụng 6 múi, thể lực phải tốt, đủ đáp ứng nhu cầu của vợ...

Vậy mà chỉ chưa đầy 1 tháng sau ngày rơi nước mắt trước tấm chân tình của chồng trẻ Rangsee, người ta lại bắt gặp vị nữ đại gia ấy vui vẻ xuống phố cùng một anh chàng đẹp trai khác, đồng thời cũng là người chồng thứ 12 của bà.

- Vẻ đẹp bên ngoài:



Ảnh: Damon Barker/Elle.

Các anh chị và các bạn mê nghệ thuật thứ bảy, chắc không xa lạ với Chris Pratt, diễn viên chính phim Jurassic World.

- Sự hòa hợp cả thể xác lẫn tâm hồn:

May thay, đây không chỉ là một nghĩa vụ của đời người, mà là một nhu cầu có thật của hầu hết lứa đôi khắp nơi trên thế giới, ở mọi lứa tuổi.

- Thiên về sự đồng cảm, và hòa hợp tâm hồn:



Ảnh: Philippe Wojazer/Reuters.

Vợ của ứng viên Tổng thống Pháp Emmanuel Macron là Brigitte, một người phụ nữ hơn chính trị gia 39 tuổi này... tới 2 giáp, từng có 1 đời chồng, 3 đứa con và 7 đứa cháu. Macron và vợ gặp nhau lúc anh mới 15 tuổi, khi Brigitte là cô giáo dạy văn trường trung học. Họ kết hôn đến nay được tròn 10 năm.

- Sự nương tựa:

**HẠNH PHÚC NÀY AI CŨNG MỘT LẦN
ƯỚC MONG TRONG ĐỜI...**



đừng có buông tay tui nghe bà

Sự nương tựa, có thể xem là một dạng luyến ái. Vì dù tuổi già, một người ra đi, sẽ để lại vô cùng hụt hẫng cho người còn lại...

Ái tình, có một sức quyến rũ ghê gớm, nên nhạc sĩ Minh Kỳ viết: “Xin cảm ơn tình nhân, đã dìu ta đến mộ phần”^{- 3}, dù ai cũng biết “Đường vào tình yêu, có trăm lần vui có vạn lần buồn.”^{- 4}

Ái tình quyến rũ là thế, thi vị là thế. Nhưng,

2. Trên đường học đạo, ái tình lại là cánh cổng khóa con đường giải thoát

Sức mạnh của tình ái, giúp duy trì giống nòi nhân loại, giúp từng cá thể gia tăng niềm vui và động lực sống. Nhưng đó cũng là một cú đấm dịu dàng, xô linh hồn vào cuộc truân chuyên bất tận trên đường luân hồi không ngừng nghỉ. Đó là những trói buộc trùm phủ xác thân và kiếp người, như một móng vuốt ôm ghì trái tim, và mãi về sau, như hình ảnh chiết tự chữ Ái.

Để đủ sức trói buộc nhân gian trên vạn dặm linh hồn, sợi dây ái tình ấy luôn đầy sức mạnh, do bởi:

- Mắt nhìn thấy vẻ đẹp bên ngoài, làn da mái tóc, dáng đi,

3. Trích nhạc phẩm “Vết Thương Cuối Cùng”

4. Nhạc phẩm Buồn Trong Kỷ Niệm – Trúc Phương.

gương mặt, thân hình...

- Tai nghe lời ca ngợi yêu thương, tiếng hờn dỗi nồng nàn, giọng hát sơn ca...

- Mũi nghe mùi da, hương tóc...

- Lưỡi nếm vị ngọt ái tình...

- Thân bị những cảm xúc đa chiều của ái ân mê hoặc.

- Tình ái nằm trong tâm tư, suy tưởng, có khi xa nhau mà lay động hơn cả khi gần.

Sáu niềm vui ngây ngất của ái tình này, cũng là sáu chiếc khóa đóng kín cánh cửa Niết Bàn. Là sáu chướng ngại vật đầy ma lực ghì giữ bước chân những ai muốn theo con đường thái tử Sĩ Đạt Ta, để lên thuyền qua bờ giác. Nhà Phật gọi đó là lục căn.

Kinh Lăng Nghiêm dạy: “Túng hữu đa trí, thiền định hiện tiền, như bất đoạn dâm, tất lạc ma đạo, thượng phẩm ma vương, trung phẩm ma dân, hạ phẩm ma nữ.”

Nghĩa là: “Dầu có nhiều trí khôn, ngày ngày tọa thiền, mà nếu chẳng dứt trừ dâm dục, tất sẽ lạc vào ma đạo. Hạng trên thì làm ma vương, hạng trung thì thành ma dân, hạng thấp sẽ làm ma nữ.”

Đức Phật dạy: “Trong các thứ ái dục, không gì đáng ngại bằng sắc dục. Lòng ham thích sắc đẹp to lớn không gì sánh bằng. May thay, chỉ có một mình nó mà thôi. Nếu có hai thứ như thế thì khắp thiên hạ không ai có thể tu Đạo được cả.”

Kinh Lăng Nghiêm còn lời chép:

“Nhược bất đoạn dâm
Tu thiền định giả
Như chưng sa thạch
Dục kỳ thành phạn
Vô hữu thị xứ.”

Nghĩa là:

“Không dứt lòng dâm
Thì người thiền hành
Như nấu cát sỏi
Mà muốn thành cơm
Không có lẽ ấy.”

3. Ái hà thiên xích lãng, và cách vượt thoát khỏi dòng sông tình ái

Những trói buộc của ái tình, từ xưa, đã được ví như một dòng sông với bất tận muôn nhịp sóng xô xao. Vì không có gì trói buộc bằng tình ái, nên kinh Tịnh Độ coi ái tình như một sự vây trói và chìm đắm, một cuộc tắm nhuộm trọn vẹn toàn thân thể, như một sự giam cầm của thập diện ba đào:

“Ái hà thiên xích lãng
Khổ hải vạn trùng ba
Dục thoát luân hồi khổ
Tảo cấp niệm Di Đà.”
(Sông ái rộng ngàn thước

Biển khổ ngàn sóng xa
Muốn thoát luân hồi khổ
Hãy mau niệm Di Đà).

Cận tả dòng sông tình này, Đức Vạn Hạnh Thiền Sư viết:

*“Con người mãi mê chạy đua nhau chói lòa ánh mắt trước
yếnng sáng đục vọng. Mỗi một đục vọng được thỏa mãn là một
đục vọng khác khởi sanh, mỗi thỏa mãn là một nhịp cầu cho
đục vọng lớn hơn tiếp diễn. Những lượn sóng đua nhau trào sôi
bọt biển, những chuyển động đang ngầm chứa sự tàn phá gớm
ghê...”*⁻⁵

Muốn thoát ra dòng sông bất tận ấy, không gì hơn nương
cây một con thuyền, con thuyền ấy chính là Đạo.

*“Nếu tâm chưa thật muốn sang sông, còn lưu luyến vật chất
hồng trần thì đừng nên lạm dụng phương tiện và cũng đừng
nên thử thách trước trùng ba, nguy hiểm lắm. Vì chỉ có thuyền
không đáy mới sang được sông mê bể khổ. Nếu thuyền còn
khoan đáy ngách ngăn thì đừng hòng thoát khỏi vòng ái hà
thiên xích lãng.”*⁻⁶

Tâm không động, mới khóa được lục đục, mới lần hồi vén
cửa Thoát. Đức Chí Tôn dạy:

*“Vậ thì: mắt thấy, tai nghe, mũi ngửi, miệng nếm, thân ham
thì mới làm cho thần xao động, sanh lòng quấy quá. Vả lại lục đục*

5. Trúc Lâm Thiền Điện, 07-4 Canh Tuất (11-5-1970).

6. Đại Tiên Lê Văn Duyệt, Vĩnh Nguyên Tự, 01-6 Giáp Dần (19-7-1974).

là sáu con quẻ, tức là sáu đũa du côn, nhưng nếu biết cách thâm phục chúng nó đặng thì sáu con quẻ ấy trở nên lục thông là đắc Đạo. Muốn thâm phục quẻ ấy phải làm cách nào?

Cần phải chủ cái Tâm, tâm cho thanh tịnh, định cái Trí, trí phải tự nhiên. Lục dục được an, lục thần đầy đủ, hễ có lục dục thì có lục trần, mà có lục trần thì mới sanh lục tặc. Có lục tặc thì hại lục căn, lục thức, lục thần nên sa vào lục đạo.”⁻⁷

Những cái ta nhìn thấy, ngửi thấy, chạm thấy, nghe thấy, nếm thấy, tưởng thấy, thoát nhìn đầy ngọt ngào, ngất ngưỡng say mê, nhưng soi kỹ chỉ là giả.

Hình sắc, vẻ đẹp, chỉ như áng mây bay nhuộm màu tươi thắm, nhưng khi rơi xuống, chỉ còn tuyết trắng, chỉ vương chút khói sương:

*“Xanh đỏ kìa mây nhuộm đủ màu
Khi hoàng hôn nhập cõi chiêm bao
Du nhơn đối cảnh lòng say đắm
Tục khách giao tình dạ xuyên xao
Lục tặc đòi phen gây loạn lạc
Tam ma mấy bận dậy ba đào
Mây kia dù có bày muôn sắc
Rồi cũng tuyết sương, cũng nước ao.”⁻⁸*

7. Đại Thừa Chơn Giáo, 16 –8 Bính Tý (1936).

8. Đức Diệu Hạnh Tiên Nương, Tây Thành Thánh thất, 14-3 Canh Tuất (18-4-1970).

Cùng với chung bạch thủy, ly rượu trắng, mỗi khi chúng ta dâng cúng, là mỗi lần nhắc lòng ta ráng gìn màu trắng sạch trong, như chiếc bạch y với màu áo trắng:

*“Mặc một bộ bạch y để nhắc nhở người giáo đồ cũng như hàng tín hữu luôn luôn phải trong trắng, phải mát dịu, phải hiền hòa...”*⁹

Con người từ khi được sanh ra từ sự giao hợp nam nữ, từ những trưởng dưỡng của tình ái, nên thật khó thoát ra những tình cảm tầm thường. Ngày xưa, nội tâm của Sĩ Đạt Ta, và của tất cả hậu sinh nương theo bước chân Ngài, có khác gì bãi chiến trường khốc liệt, nơi mà cuộc phân tranh của trí huệ và tình cảm như một chiến cuộc không có điểm dừng.

Hơn hai ngàn năm trước, tại Kỳ Viên tịnh xá, có một tỷ kheo ni trẻ tuổi, nhìn thấy A Nan dung mạo phong nhã, tư chất thanh cao. Cô ngã lòng tương tư, ngày thương đêm nhớ. Một hôm, giả vờ lâm bệnh, cô nhờ người thưa với A Nan:

– Con đang bệnh nặng, không hy vọng bao nhiêu, xin Tôn giả từ bi ghé thăm một chuyến.

Lời yêu cầu đáng thương khiến A Nan không nỡ từ chối. Sáng sớm hôm sau, ông đắp y mang bát khất thực rồi ghé thăm.

9. Đức Thượng Trung Nhựt, Giáo hội Tiên Thiên Minh Đức, 20–9 Đinh Mùi (23–10–1967).

Tỳ kheo ni nằm bệnh, cố tình để thân mình trẻ trung gợi cảm và thiếu che đậy, lại đón A Nan bằng ánh mắt tình tứ. Vừa nhìn thấy, A Nan liền chuyển thân quay đi, không một lời hỏi bệnh. Tỳ kheo ni xấu hổ, vội đắp y, trải tọa cụ, rồi cùng gia nhân níu mời A Nan trở lại. A nan liền khai thị:

– Này cô, không dùng vật bất tịnh nuôi thân, cũng như không dùng ái tình nuôi tâm vậy. Khi thọ bệnh, phải để thân tâm an trụ nơi cảnh giới vô sở cầu, thì bệnh mới mau lành.

Vẫn chưa buông xuống ánh nhìn tình tứ, Tỳ kheo ni trả lời:

– Không phải tôi không biết đạo lý ấy. Chỉ vì không ăn ngon, tránh mặc đẹp, tôi làm dễ dàng. Mà tình yêu như một điều thiêng liêng mà Trời Đất ban cho con người, sao khó chế ngự quá. Tình yêu trong tim thôi, cũng không nên sao?

– Này cô. Đó là chuyện thường tình thế gian. Tu là phản bổn, mới hoàn nguyên. Thế nhân thương thân mình, suốt đời lao nhọc tìm miếng cơm ngon, kiếm manh áo đẹp cho thân sung sướng, nhà cửa giàu sang. Người tu giữ thân khỏe mạnh, nhưng biết thương linh hồn, và nuôi dưỡng nó bằng lòng tịnh lạc. An dưỡng thân tâm, không gì bằng trừ ái lìa dục...

Trừ được ái dục hay không, trọn đường tu hay không, cũng là duyên nghiệp. Và phần duyên nghiệp lớn nhất, gần nhất, chính là những điều chúng ta đang nghĩ đang làm ngay trong giờ phút hiện tại. Và ngay trong giờ phút hiện tại này, chiếc phao cứu sinh, con thuyền cứu hộ, không gì

nhiều hơn một chữ: Tâm.

“Chỗ tối yếu huyền năng chánh pháp là tịnh tâm. Tâm tịnh thì nhưn đục sẽ lắng yên. Nhưn đục lắng yên, lẽ Trời mới thông suốt. Thế nên có câu: Nhứt thiết chư pháp giai tùng tâm sanh.”^{- 10}

Chốn thị thành nam thanh nữ tú, lòng nhân gian mê tang bằng hồ hải, thích tuế nguyệt phong lưu. Cuộc chuyển luân tâm tánh và khếp nép thú vui thật không dễ dàng, không đơn giản.

Nhưng khi thoát ra khỏi muôn trùng ba đào tình ái, thì hành giả như bay thoát khỏi ngày nắng hè chói chang luân hồi, và bắt đầu cuộc rong chơi thật sự trong một mùa xuân miên viễn. Đó là ý Đạo thâm viễn được tìm thấy trong lời dạy này của Đức Lý Giáo Tông, vang vọng như một khúc tấu cầm, ngân dài như một tiếng chuông xưa:

*“Tòng bá đã quen đường tuế nguyệt
Kình ngư hẳn dạn cuộc phong vân
Chuyển luân một loạt cho Xuân đến
Xuân đến trong lòng khách thưởng Xuân.”*^{- 11}

Xin mượn lời dạy của Đức Đông Phương Chương Quán, để làm quà tặng cho tất cả những ai đã lên thuyền thoát khỏi dòng

10. Đức Thanh Hư Đạo Đức Chơn Quân, Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 15-6 Mậu Thân (10-7-1968).

11. Nam Thành Thánh thất, 01-01 Kỷ Dậu (17-02-1968).

ái tình ngàn dặm sóng; Cũng là lời nhắc nhở cho chính người viết, cùng những ai vẫn còn đang chới với đắm chìm trong dòng sông tình ái.

Với người viết, khi suy gẫm, và dừng lại thật lâu. Bài Thánh thi dưới đây như một chiếc cắm nang trên dòng ái hà, giúp hành giả vượt qua những con sóng xao lòng.

*“Muốn vào Thiên đạo khó chi đâu
Nhẹ kiếp phàm phu khỏi đáo đầu
Vật chất tinh thần chung bản thể
Thiên tiên tục tử khác cơ màu
Ngươn thần thường trụ muôn đường dứt
Chơn tánh vững cầm sáu nẻo râu
Giác ngộ một câu thành chánh quả
Ra vào bợn lữ chốn Cung Đâu.”¹²*

“Vật chất tinh thần chung bản thể”, như nhắc trong cái thân trí đầy ham muốn của con người, luôn có phần linh huệ, cái Thiên tánh Trời ban. Chỉ có ta, người đứng ra chọn con đường Tiên thiên hay tục tử cho chính ta, mà cái cơ màu làm nên khác biệt vô cùng ấy, có khi chỉ là một sợi tơ mỏng manh.

12. Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 15-11 Đinh Mùi (16-12-1967).

Những mẫu chuyện từ cơ bút

(TIẾP THEO KỲ TRƯỚC)

Đạt Tường sưu tầm



8. Đạo hữu Tri Tâm tức Trần Thanh Đàm, con ông Thủ Bộ Giảng ở làng Bất Nhị, gia đình tu theo đạo Minh Sư, là người thích hầu đàn nhất. Mỗi lần hầu đàn, anh đều lãnh phần hầu nhang, hỏi ra mới biết anh hầu nhang là để được đứng gần bàn cơ cho Thần Tiên dễ thấy để các Ngài kêu tên.

Anh em nghe vậy ai cũng bật cười. Nhưng anh giữ việc hầu nhang đã được năm ba đàn cơ rồi mà chẳng nghe Thần Tiên hỏi han gì cả. Anh bắt đầu khẩn vái lâm râm, cũng không nghe hỏi gì.

Một hôm, nhân Đức Diêu Trì Kim Mẫu giáng đàn, anh vái to hơn “Lạy Mẹ cho con bài thơ”, cũng không nghe Đức Mẹ nói gì, anh vái to hơn chút nữa... Cơ gõ gọi “Thanh Đàm con nghe!”, anh mừng quá vừa lạy vừa bạch: “Lạy Mẹ con đây”. Cơ viết:

*“Đàm luận con nghe Mẹ dạy rành,
Con còn lững lờ lợi cùng danh;
Phú thi trẻ cú nài xin mãi,
Cho trẻ còn e trẻ chẳng hành.”*

Độc giả đọc lên, anh lạy lia lạy lịa, vừa lạy vừa nói: “Lạy Mẹ con hành, lạy Mẹ con hành.” Giọng nói Quảng Nam thuần túy làm cả đàn không nín cười được, Độc giả cũng cười đến cơ viết không đọc được.¹

9. Một lần khác, ông Xã Miêu, thân phụ chị Trần Công Bang, trước là Lý Trưởng làng Phong Thử, Quảng Nam. Ông là người hết sức chân thật, ham tu mộ đạo, rất sợ Thần Tiên nhưng lại rất thích hầu đàn cơ.

Theo giới luật của phái Tiên Thiên, ăn trầu hút thuốc cũng bị cấm rất ngặt, ông thì phải bệnh hút thuốc lá nên mỗi bữa có đàn cơ ông lo cất giấu thuốc rất kỹ.

Có lần ông để thuốc ở túi trên áo lót rồi bận 2, 3 lớp áo nữa ra ngoài. Ông bảo để Thần Tiên khỏi thấy. Một hôm, lúc

1. Trích Hồi Ký Thanh Long Lương Vĩnh Thuật.

có đàn cơ, ông ra đường xe lửa lén hút một hơi thuốc, sau đó súc miệng kỹ lưỡng rồi mới vào hầu đàn. Ông ở ngoài vừa lấp ló, bên trong gặp lúc Đức Diêu Trì Kim Mẫu giáng, cơ gõ viết 4 câu thơ:

*“Trầu thuốc bao lần Mẹ đã khuyên,
Đứa nào muốn đến cõi thần tiên;
Nhưng chi trần tục mau lia bỏ,
Đừng để đeo mang mối não phiền.”*

Nghe hai chữ trầu thuốc ông sợ mất hồn lạy lia lạy lịa, vừa lạy vừa vái: “Lạy Ngài con xin chừa” rồi lén rút lui êm đầu mắt. Ra ngoài ông vừa sợ vừa trầm trồ: “Bà Đức Mẹ, bà linh quá! Mình lén ra đường xe lửa hút một mình bà có thấy mô, mình vô mình súc miệng 3 lần rửa mà bà biết. Linh quá! Bà giỏi quá, hay chữ quá, bà làm thi hay quá chắc bà học nhiều lắm...”

Mãn đàn, kể chuyện ông ai cũng cười nghiêng ngửa!

Những mẩu chuyện vui trong vòng đạo lý nói lên tấm lòng chân thật thuần phác của những người xưa tin Đạo, tin Thầy một cách hồn nhiên thì còn nhiều, không chép lại hết được. ²

10. Lúc ở Đại Thanh, ngoài những chuyện vui kể trên thì cũng còn những huyền diệu đặc biệt như trường hợp của anh Đỗ

2. Trích Hồi Ký Thanh Long Lương Vĩnh Thuật.

Phú Thí. Nhận thấy gia đình chung nghèo túng, anh cùng quý anh Tư Bắc, Sáu Quạnh, v.v. rủ nhau lên Hớn Quản lãnh làm nhà cho sở cao su. Chẳng may anh bị té gãy ngang cánh tay mặt, chở về Sài Gòn định đưa vào nhà thương thì sợ họ cướp tay đi, để ở nhà thì anh rên la quá, chưa biết chữa thuốc gì. Anh em quyết định lập đàn cơ xin Ông Trên dạy rồi sau sẽ hay. Chiều hôm ấy anh Lê Văn Liêm cùng một số anh em đương thảo luận ở chi đạo Minh Tân: Thờ Đức Tề Thiên Đại Thánh là một danh xưng phỏng tác trong truyện Tây Du, đâu có thật mà thờ? Kẻ nói có, người nói không, kết cuộc phía nói có không chứng minh nổi, đành phải nhượng phía nói không là anh Liêm và anh Thụ.

Đêm ấy lập đàn cơ, bắt thần một vị Thần Tiên giáng, xưng danh là Tề Thiên Đại Thánh. Quý anh hoảng kinh, nhưng cơ không nói gì việc có hay không của các anh, cơ chỉ dạy cho anh Đỗ Phú Thí hai phương thuốc. Một phương uống, một phương tán bột trộn dầu mè nấu cho nóng băng bó chỗ tay gãy và cho một cốc thanh thủy uống cho đỡ nhức, đỡ sốt trong đêm chờ đợi thuốc.

Quả nhiên, theo hai phương thuốc đó, vừa uống vừa băng bó, anh Thí ngày một thấy dễ chịu, từ bớt nhức, bớt sốt lần lần đến khá nhiều. Thần Tiên giao cho tôi việc thuốc thang băng bó, nhưng tôi phần vì lần đầu với việc băng bó chưa kinh nghiệm, phần thấy đau nhức rên la không dám sắp xếp những mảnh xương gãy ngay thẳng lại như cũ, phần khi treo tay lên

cổ không dặn bệnh nhân thường nắm lại mở ra cử động bàn tay cho quen, nên sau một tuần bàn tay co quắp không mở ra được đành phải cầu xin Thiên Liêng chỉ dạy. Đức Tề Thiên Đại Thánh giáng cơ lần nữa cho thêm hai đồng cân Quế Chi vào phương thuốc bảo chữa trị sẽ khỏi.

Thật là linh nghiệm! Sau khi uống ba thang thuốc có Quế Chi, tay anh Đỗ Phú Thí mở ra nắm lại được. Tiếp tục băng bó và phết thuốc đến hai tuần nữa, mở ra thay băng, sờ chỗ xương gãy đã nối liền lại, một tháng sau bỏ băng hoàn toàn, tay anh Thí đã lành hẳn, cử động tự do. Chỉ tiếc rằng chỗ xương gãy không sắp xếp được nên bị nghiêng lệch không như lúc chữa bệnh nhưng anh vẫn làm việc như thường. Hai ba tháng sau chúng tôi mới dám cho anh xách nước làm việc bằng tay bệnh ấy, cho đến ngày nay hơn 4 năm rồi anh Đỗ Phú Thí vẫn làm việc như mọi người không hề bị đau nhức hoặc trở ngại gì về tay gãy ấy. Thật là huyền diệu. Nhân việc chữa bệnh, Thần Tiên cũng khái thị cho chúng tôi về sự màu nhiệm của cảnh giới siêu hình, các Đấng Thần Tiên giáng trần tùy theo cảm và ứng không đo lường được. Ngoài ra còn những huyền diệu khác nữa...

(CÒN TIẾP)

Ý nghĩa căn bản của Quyền và Pháp trong Quyền Pháp

Mặc Tâm

Quyền Pháp, là một trong những yếu lý, yếu điểm quan trọng của giáo lý Đại Đạo mà thiết nghĩ mỗi người tín hữu Cao Đài cần phải hiểu rõ ý nghĩa, tự mình trải nghiệm, lan truyền sức mạnh và diệu dụng của yếu điểm này đến mỗi cá thể nhân sinh xung quanh mình. Tuy nhiên, thật khó để có thể hiểu và thấm nhập được ý nghĩa của hai chữ “Quyền Pháp do bởi ý nghĩa và diệu dụng của Quyền Pháp chỉ có thể được ngày một sáng tỏ, rõ ràng, sâu sắc hơn khi chúng ta cố gắng sống và thực hành Quyền Pháp bằng những việc làm, những tư tưởng cụ thể với những đối tượng cụ thể.

Trong phạm vi của bài viết¹, ý nghĩa hai chữ Quyền và

1. Dựa theo bài Quyền Pháp, trong quyển Yếu Điểm Giáo Lý Đại Đạo, NXB Tôn Giáo, bản in năm 2008.

Pháp trong “Quyền Pháp” sẽ được tiếp cận chi tiết và cụ thể hơn dựa trên những định nghĩa về Quyền và Pháp trong quyển Yếu Điểm Giáo Lý Đại Đạo.

QUYỀN

Quyền, theo giáo lý Đại Đạo: *“Quyền là tình thương”*, hay, *“Quyền là hình thức thể hiện cái pháp trước đối tượng”*. Tuy nhiên, với những cách tiếp cận trên, vẫn thật khó để có thể hiểu được ý nghĩa của chữ Quyền một cách trọn vẹn để có thể hiểu được ý nghĩa và diệu dụng của Quyền Pháp.

Theo quyển Yếu Điểm Giáo Lý Đại Đạo, Quyền được định nghĩa như sau:

Quyền là năng lực của một chủ thể có đủ điều kiện tác động vào một hay nhiều đối tượng là thực thể, vật loại, tổ chức, tập thể hay cá nhân con người.⁻²

Định nghĩa trên cho ta một cái nhìn cụ thể và trực tiếp hơn về chữ Quyền. Nhưng để định nghĩa này được sáng tỏ và rõ ràng hơn, hai khái niệm quan trọng sau cần được hiểu một cách đúng đắn, đó là: chủ thể và đối tượng. Trong đó, khái niệm “đối tượng” đã được giải thích: “là thực thể, vật loại, tổ chức, tập thể hay cá nhân con người.” Vậy, “chủ thể” là gì?

Theo từ điển, ta có các định nghĩa sau cho khái niệm “chủ thể”:

2. Bài Quyền Pháp, Yếu Điểm Giáo Lý Đại Đạo, NXB Tôn Giáo, tr. 74.

- Chủ thể là bộ phận chủ yếu trong sự vật³
- Chủ thể là bộ phận chính, giữ vai trò chủ đạo⁴
- Chủ thể là đối tượng gây ra hành động⁵

Dựa vào những định nghĩa trên cho khái niệm “chủ thể”, chúng ta có thể phát biểu lại như sau cho một định nghĩa về khái niệm “chủ thể”:

Chủ thể, là một cá thể có khả năng chủ động; mà “khả năng chủ động” này là khả năng hoàn toàn độc lập, không phụ thuộc bởi những tác động bên ngoài.

Với định nghĩa trên, “chủ thể” được nhận chân là một cá thể có khả năng chủ động một cách độc lập, độc lập hoàn toàn trong nội thân của cá thể, chủ sử được mọi quyết định, mọi tư tưởng, mọi hành vi. Vậy thì, nếu thực hiện một phép gán nhãn cho tất cả mọi thực thể trong vũ trụ này, thì những thực thể nào sẽ được nhìn nhận và được gán nhãn là một “chủ thể”? Câu trả lời rằng: tất cả những thực thể, hay cá thể có tính chất độc lập hoàn toàn trong nội thân, mà thể hiện ra ngoài là khả năng độc lập hoàn toàn trong suy nghĩ, trong tư tưởng, trong hành động, thì cá thể hay thực thể đó được gọi là một “chủ thể”. Và nếu xét trên phương diện hữu hình – vô hình, các Đấng Thiêng Liêng, Trời Đất, Vũ Trụ là chủ thể (chủ thể vô hình); con

3. Từ điển Hán-Việt

4. http://tratu.soha.vn/dict/vn_vn/Ch%E1%BB%A7_th%E1%BB%83

5. http://tratu.soha.vn/dict/vn_vn/Ch%E1%BB%A7_th%E1%BB%83

người là chủ thể (chủ thể hữu hình); nhưng loài vật, thảo mộc, khoáng sản không là chủ thể.

Việc khẳng định con người, hay, loài vật, thảo mộc, khoáng sản có tính chủ thể hay không, dựa trên việc xác định tính chất độc lập trong nội thân của các thực thể này. Có khá nhiều phương cách giúp chúng ta kiểm chứng lại khẳng định trên; tuy nhiên ở bài viết này, chúng ta có thể kiểm chứng qua hai hình ảnh sau trong cuộc sống giữa con người và loài vật:

- Hình ảnh tìm kiếm thức ăn:

Ở loài vật, khi đói, bất kỳ loài nào cũng sẽ hành động theo bản năng, đó là: săn mồi, tức tìm kiếm, truy bắt và biến con mồi thành món ăn của mình. Đối tượng mà loài vật xem là “mồi”, ban đầu có thể khác loài; và khi nguồn thức ăn khác loài cạn kiệt, chúng sẽ giết hại đồng loại của mình để duy trì sự sống của bản thân chúng.

Ở con người, không chỉ sống và hành động theo bản năng, mà còn có sự suy nghĩ, có ý chí để làm chủ bản năng. Khi đói, tìm kiếm thức ăn, nhưng mỗi người đều có thể chủ động và hoàn toàn độc lập trong việc chọn lựa nguồn thức ăn như thế nào từ thiên nhiên. Có người chọn nguồn thức ăn đến từ động vật, có người chọn nguồn thức ăn đến từ thực vật, cỏ cây, ngũ cốc. Khi nguồn thức ăn hạn hẹp, con người có khả năng lựa chọn giữ cho riêng mình, hay chia sẻ cùng mọi người xung quanh; thậm chí, con người còn có thể hi sinh bản thân, nhường cho người khác.

- Hình ảnh tự điều khiển và làm chủ cuộc sống:

Ở loài vật, toàn bộ cuộc đời, hay một vòng đời của chúng được quy định sẵn theo một quy trình cố định: bản thân sẽ phát triển theo những trình tự như thế nào, làm những nhiệm vụ gì, sống trong bao lâu và khi nào chết. Chúng hoàn toàn không có ý thức và khả năng chủ động lựa chọn không làm nhiệm vụ này, hoặc thay thế bằng một nhiệm vụ khác trong quy trình cuộc sống ngắn ngủi của mình.

Một ví dụ điển hình có thể kể đến, đó là loài muỗi. “Con muỗi giống như một thiết bị tự động. Nó không có khả năng làm bất cứ điều gì khác. Trong cái đầu nhỏ xíu của nó chỉ có khoảng 100 nghìn tế bào thần kinh và mỗi tế bào phải tự đảm đương công việc của mình. Bản năng là cách giúp chúng tồn tại và thành công qua một vòng đời chỉ kéo dài trong khoảng vài ngày, tức là một chuỗi những hành vi cứng nhắc được lập trình bởi các gen, nhằm định hướng con muỗi phát triển nhanh chóng và không chệch hướng từ lúc ra đời cho tới hành động cuối cùng là đẻ trứng.”⁶

Ở con người, mỗi cá thể con người đều có khả năng chủ động trong suy nghĩ, trong hành động, trong việc lựa chọn cho mình một cuộc sống mà bản thân mong muốn. Có người sẽ chủ động lựa chọn và xây dựng cuộc sống của mình trở thành những bậc doanh nhân thành đạt, giàu có, nổi tiếng. Có người định hướng cuộc đời mình trở thành những bậc tu hành, một lòng mộ đạo.

6. Edward O. Wilson, Về Bản Tính Người, tr. 113.

Cũng có người, tự tay hủy hoại cuộc sống của mình bằng những hành động trái với luân thường đạo lý. Một đời người cũng 60 năm, nhưng cuộc đời của nhân loại lại muôn màu, muôn sắc vì mỗi người là một cá thể tự do, độc lập trong nội thân, chủ động quyết định mọi sự việc diễn ra trong cuộc đời mình.

Trải qua hàng loạt những nghiên cứu của mình, nhà sinh vật học và tự nhiên học – Giáo sư Edward O. Wilson – cho rằng: “trí tuệ con người giống như một công cụ ra quyết định mang tính độc lập, một chiếc máy quét tinh vi trước môi trường.”⁷ Chính yếu tố độc lập, không phụ thuộc bởi những tác động bên ngoài này của con người, đã tạo nên những nét đặc thù riêng biệt mỗi khi ra quyết định. Và “những đặc thù khi đưa ra quyết định là điều phân biệt người này với người khác.”⁸ Tất cả những điều này làm nổi bật lên “khả năng chủ động” của mỗi cá thể con người.

Đến đây, chúng ta có thể hiểu rõ hơn khái niệm “chủ thể” trong định nghĩa về chữ Quyền nơi quyển Yếu Điểm Giáo Lý Đại Đạo; và xác định được rằng ở cõi thế gian hữu hình này, chỉ có con người và chỉ có thể là con người mới có đầy đủ những tính chất hay điều kiện để là một chủ thể.

Bây giờ, nhắc lại định nghĩa chữ Quyền, “Quyền là năng lực của một chủ thể có đủ điều kiện tác động vào một hay nhiều đối tượng là thực thể, vật loại, tổ chức, tập thể hay cá nhân

7. Sđd, tr. 131.

8. Sđd, tr. 131.

con người.⁹”, chúng ta thấy rằng một chủ thể được gọi là có “quyền” khi và chỉ khi chủ thể đó:

- Có một năng lực, tiềm lực nhất định,
- Trong môi trường thuận lợi các điều kiện,
- Tác động lên được một đối tượng cụ thể.

Như vậy, khi chúng ta nói một ai đó có Quyền nghĩa là họ (một chủ thể) có những khả năng, những năng lực nhất định, trong những điều kiện nhất định đủ để thể hiện được năng lực đó của mình đối với một hoặc nhiều đối tượng, tác động lên những đối tượng cụ thể. Đối tượng ở đây, như định nghĩa, có thể là bất kỳ thực thể nào, bao gồm sự vật, sự việc, cá nhân con người, tập thể, tổ chức, Trời Đất và chính bản thân chủ thể.

Có khá nhiều những hình ảnh trong cuộc sống đời thường có thể giúp chúng ta nhìn thấy và hiểu được rõ hơn ý nghĩa của chữ Quyền. Trong một tập thể hoặc nhóm nhỏ làm việc, thường sẽ luôn có một người đóng vai trò chủ chốt, quan trọng nhất trong tất cả mọi việc lớn, nhỏ của tập thể. Chúng ta thường gọi là người dẫn đầu (leader). Người ở vị trí này thường được đề cử, bầu chọn một cách có quy mô, có tổ chức, mang tính chính thức về mặt hình thức; hoặc, cũng có thể được nhìn nhận chỉ bởi sự tin tưởng, yêu mến và nể phục của những thành viên còn lại dành cho, mang ý nghĩa về mặt tinh thần. Và dù có như thế nào, thì ta cũng sẽ có thể thấy, họ – những người được

9. Bài Quyền Pháp, Yếu Điểm Giáo Lý Đại Đạo, NXB Tôn Giáo, tr. 74.

chọn là “người dẫn đầu” đó – sẽ có những cái gọi là Quyền đối với tập thể, đối với đội nhóm của họ; bao gồm ý nghĩa Quyền về mặt hình thức, hay về mặt tinh thần; nếu họ nhận thức được khả năng đó của mình.

Ở vị trí người dẫn đầu (leader), chúng ta đều hiểu rằng họ có đủ mọi điều kiện và năng lực để phân công trách nhiệm, công việc và rất nhiều tính chất công việc khác cho những thành viên trong nhóm. Nhưng ở đây, chúng tôi xin được nói nhiều hơn về khía cạnh Quyền về mặt tinh thần.

Người dẫn đầu thật sự trong lòng, trong trái tim của các thành viên trong một nhóm là những người có thể dẫn dắt được tinh thần, ý chí và niềm tin của họ. Ở những người dẫn đầu đó, họ nhìn thấy, tìm được sự tôn trọng và niềm tin mãnh liệt mà người dẫn đầu dành cho mình. Họ được trao cho “niềm tin” một cách trung thực và trọn vẹn nhất. Chính vì thế, họ cũng trao lại cho người dẫn đầu của mình sự “tôn trọng” và “niềm tin” y như thế, thậm chí còn nhiều hơn như thế. Có lẽ sẽ thật khó tin hoặc khó trao đi, nhưng thực tế là cụm từ “tôi tin bạn” mang một quyền năng rất lớn khi được sử dụng phù hợp.

Tin tưởng một người không phải vì lợi ích của chúng ta, mà vì lợi ích của chính bản thân người đó. Trước khi chúng ta có thể có khả năng tác động đến một ai đó, như một điều tiên quyết, chúng ta phải có sự thương yêu và tin tưởng ở họ, một cách trung thực và trọn vẹn chân thành, một niềm tin yêu thật sự tự nhiên. Chỉ có như thế, họ mới có thể cảm nhận được tình

thương, sự tin tưởng của chúng ta dành cho họ; và chỉ có như vậy họ mới cảm nhận được mọi việc chúng ta làm, hoặc nhờ họ làm, hoặc giao phó cho họ, hoặc tác động đến họ đều vì một mục đích duy nhất, hoặc là vì lợi ích của tập thể, hoặc là vì lợi ích của chính họ; mà vì lợi ích của tập thể, cũng chính là vì lợi ích của mỗi người trong tập thể, nghĩa là, cũng vì họ mà thôi.

Như khi trong một đạo sự, một thành viên trong nhóm đã vì một khuyết điểm trong tính cách và kinh nghiệm làm việc của mình, làm ảnh hưởng đến kết quả hành đạo chung của cả đội ngũ. Khi kết thúc đạo sự, người dẫn đầu phải thực hiện trách nhiệm của mình, đó là bằng cách nào đó giúp thành viên này nhận ra nguyên nhân chính dẫn đến sự việc đáng tiếc, những yếu tố nào dẫn đến nguyên nhân này và phải làm sao để khắc phục những yếu tố còn chưa tốt đó. Cả quá trình này là cả một nghệ thuật, thật vậy. Vì con người chúng ta thường có cái “tôi” rất lớn, ít khi lắng nghe, ít khi chấp nhận lỗi từ phía mình và ít khi chịu điều chỉnh những khuyết điểm của bản thân. Vì vậy, khi một người dẫn đầu thực hiện trách nhiệm trên của mình, trong toàn bộ quá trình, họ phải thật khéo léo, thật tinh tế sao cho phù hợp với đối tượng, đứng ở vị trí và hoàn cảnh của đối tượng đã đứng, dung hòa vai trò và vị trí của mình với vai trò và vị trí của đối tượng. Bằng những cử chỉ, lời nói, cảm xúc hay tư tưởng phù hợp, giúp đối tượng có thể hiểu, có thể nhìn nhận được sự việc trong một trạng thái tích cực; cảm nhận được việc làm của người dẫn đầu đối với mình là nhằm hướng đến sự hoàn thiện, ngày một thành

công hơn của tập thể, cũng như của chính mình; cảm nhận được những phân tích, góp ý ấy có thể thẳng thắn nhưng lại rất chân thành, đầy sự tôn trọng, thể hiện niềm tin mãnh liệt và kỳ vọng nơi thành viên của mình. Tất cả những việc người dẫn đầu làm chỉ thật sự được gọi là thành công, hay được gọi là đã “tác động” được đến đối tượng khi và chỉ khi thành viên đó thật sự hiểu, chủ động thay đổi bằng chính suy nghĩ tích cực của mình. Khi đó, ta nói rằng, người dẫn đầu đó thật sự có Quyền với các thành viên của mình vậy.

Với định nghĩa: “Quyền là năng lực của một chủ thể có đủ điều kiện tác động vào một hay nhiều đối tượng là thực thể, vật loại, tổ chức, tập thể hay cá nhân con người”¹⁰; thì trong ví dụ vừa cùng trao đổi ở trên:

- Chủ thể là người dẫn đầu (leader).
- Năng lực là những khả năng về tài năng, trí tuệ, tâm đức, sự khéo léo, tinh tế, tâm lý, v.v. mà người dẫn đầu đang sở hữu và biết vận dụng nhằm thực hiện được mục tiêu của mình.
- Đối tượng là thành viên trong đội nhóm của mình.
- Tác động là những gì mà người dẫn đầu truyền được đến thành viên của mình, ảnh hưởng được đến thành viên của mình; bằng hành động, lời nói hoặc cảm xúc, tư tưởng, tinh thần.
- Điều kiện là sự tôn trọng và niềm tin của người dẫn đầu dành cho thành viên của mình; và ngược lại, là sự quý kính,

10. Bài Quyền Pháp, Yếu Điểm Giáo Lý Đại Đạo, NXB Tôn Giáo, tr. 74.

tôn trọng và niềm tin trọn vẹn của chính thành viên đó với người dẫn đầu.

Thế là chúng ta vừa có một ví dụ rất cụ thể, gần gũi trong cuộc sống thường ngày thể hiện Quyền của một chủ thể đối với những người xung quanh mình, hoặc tập thể mình. Một điểm quan trọng qua ví dụ vừa rồi, chúng ta thấy rằng ý nghĩa của chữ Quyền trong Quyền Pháp, hoàn toàn có thể được thực thi và mang lại những lợi ích to lớn mà không cần có sự hỗ trợ của những gì gọi là quyền uy, hay những quyền về mặt hình thức. Tất nhiên, chúng ta không phủ định rằng việc có năng lực và những điều kiện nhất định về mặt hình thức, cũng hỗ trợ và giúp ích rất nhiều cho chủ thể thực hiện Quyền của mình. Nhưng vì bởi năng lực và điều kiện tác động lên đối tượng của chủ thể hoàn toàn có thể không phụ thuộc vào những phương tiện hình thức, nên phải thừa nhận rằng, cốt lõi của ý nghĩa chữ Quyền trong Quyền Pháp là thể hiện năng lực của chủ thể tác động lên đối tượng về mặt tinh thần, mang ý nghĩa tinh thần.

Tương tự, nếu con người, đóng vai trò là một chủ thể có thể thực hiện được Quyền đối với những người xung quanh mình, tập thể mình (đối tượng bên ngoài); thì con người cũng có khả năng thể hiện Quyền, tức năng lực tác động đó lên chính bản thân mình; thúc đẩy, điều hòa sự phát triển và tiến hóa của chính bản thân mình.

Con người biết dụng cái Quyền của mình một cách trọn vẹn

ý nghĩa nhất là khi biết cách khơi dậy nguồn lực tiềm ẩn trong mình, phát huy những năng lực đang sở hữu và thể hiện, sử dụng được những khả năng đó tác động đến vạn loại, chúng sanh, tác động đến chính mình, trong những điều kiện phù hợp, nhằm hướng đến một mục đích duy nhất là xây dựng một thế giới tận thiện tận mỹ, một đời sống tiến hóa và giải thoát. Quyền là một năng lực, là điểm động năng vô cùng to lớn, đủ sức để chinh phục được tất cả, đạt được mọi thành công. Nhưng Quyền chỉ thật sự có giá trị mang ý nghĩa cuộc sống, thiêng liêng cao cả nếu chủ thể sử dụng Quyền biết dụng Quyền trong sự thương yêu, biết hướng đến những mục đích chơn chánh, nhân bản, an lạc, tiến bộ cho bản thân, gia đình, xã hội và vũ trụ vạn loại. Và chỉ có như thế, Quyền mới thật sự mang ý nghĩa là tình thương:

*“Quyền là tình thương được tràn ngập thấm nhuần đâu đó trở nên một khối tâm hòa, đầm ấm, mỹ miều. Người nào chiếm được tình thương sâu rộng là người đó có quyền. Quyền ấy mới thật là cao cả thiêng liêng.”*¹¹

Tuy nhiên, có tình thương, có mục đích chơn chánh, thánh thiện, ích người, lợi vật, vẫn chưa đủ. Để thật sự đi được đến cứu cánh tận độ, Quyền cần phải được thực hiện và phát triển trong những ràng buộc, trong những “khuôn vàng thước ngọc” của Vũ Trụ Trời Đất, mà chúng ta gọi đó là Pháp.

11. Minh Lý chơn giải. Đàn 32, mừng 8 Chạp Ất Tỵ, 30-12-1965

PHÁP

Cũng như Quyền, ta tiếp cận định nghĩa Pháp theo nội dung trong quyền Yếu Điểm Giáo Lý Đại Đạo:

*“Pháp là trật tự, quy luật, cơ chế, theo đó chủ thể lẫn đối tượng phải tuân thủ để vận động đạt đến cứu cánh.”*¹²

Nếu ở định nghĩa chữ Quyền có khá nhiều các khái niệm cần được làm rõ thêm, thì ở định nghĩa chữ Pháp mọi thứ dường như rõ ràng và dễ hiểu hơn. Theo đó, Pháp là những nguyên lý, quy luật, quy tắc, định luật, hay cơ chế, trật tự mà vạn vật trên khắp vũ trụ, trời đất này, trong đó có con người buộc phải tuân theo nếu muốn đạt được mục đích tiến hóa và giải thoát.

Đối với cá thể nhân sinh, Pháp là những nguyên tắc sống, quy tắc làm việc mà mỗi cá thể con người tự nhìn nhận, học hỏi, rút kinh nghiệm từ cuộc sống của bản thân; tin tưởng, sống và làm việc, học tập theo những nguyên tắc ấy. Pháp là những luân lý đạo đức mà bản thân phải học và rèn luyện để hòa mình vào xã hội.

Đối với gia đình, Pháp là nếp nhà, là những nề nếp sinh hoạt, những quy định về giờ giấc, những phép tắc ứng xử giữa các mối quan hệ trong gia đình, giữa ông bà, cha mẹ, các anh chị em.

Đối với xã hội, quốc gia, Pháp là phép nước, là khuôn phép, luật pháp, luật lệ; là đường lối, những cơ chế ràng buộc một tập thể, một xã hội vào một khuôn khổ chung, hoạt động có hệ

12. Bài Quyền Pháp, Yếu Điểm Giáo Lý Đại Đạo, NXB Tôn Giáo, trang 74.

thống, làm việc có quy trình, tuân thủ kết cấu chung, trên cơ sở đã trao đổi, đồng thuận và thống nhất.

Đối với tôn giáo, Pháp là những điều luật, giáo điều mà mọi người tín đồ, giáo dân đều phải tuân thủ và giữ gìn, trên cơ sở tự nguyện và cống hiến.

Đối với thiên nhiên, Trời Đất, Pháp là những nguyên lý, những quy luật vận hành của tự nhiên để điều hòa vũ trụ vạn vật. Nhờ có Pháp, mọi hành tinh trong vũ trụ vận động theo một trật tự nhất định, không va đụng, không hỗn loạn. Nhờ có Pháp, ngày-đêm, thời tiết được điều hòa, ổn định. Nhờ có Pháp, muôn vật, cỏ cây sinh tồn và phát triển hài hòa; làm nguồn sống cho nhau và phục vụ lẫn nhau.

Đến đây chúng ta không chỉ hiểu Pháp là gì mà còn thấy được tầm quan trọng vô cùng của Pháp. Pháp còn thì trời đất, vũ trụ còn, điều hòa và phát triển; Pháp mất thì trời đất, vũ trụ mất, vạn vật hỗn loạn, không tuân theo một quy luật nào của sự sống và sẵn sàng tự diệt. Vì khi đó, bản thân mỗi thực thể trong vũ trụ hỗn loạn trong chính nó và hỗn loạn với vạn vật bên ngoài nó. Tương tự, nếu thực thể nào, quốc gia nào, tôn giáo nào, xã hội nào, tổ chức nào, cá thể con người nào không duy trì được cái Pháp trong nội thân mình và không kết hợp, dung hòa, tuân theo được với cái Pháp của thế giới bên ngoài, của những hệ thống, thực thể xung quanh cuộc sống mình, sớm muộn thực thể đó cũng sẽ bị thoái hóa, tự diệt và biến mất. Bằng ngược lại, sẽ có thể ngày một phát triển, tiến hóa và

tồn tại mãi. “*Pháp là sự sống*”¹³ phải chăng là vì ý nghĩa này.

Hãy hình dung một con đường hỗn loạn, ngổn ngang những chiếc ô-tô. Trên con đường đó, mỗi chiếc ô-tô hỗn loạn trong chính nó: lúc chạy, lúc dừng, lúc tự mở đèn xe, lúc tự tắt, lúc chạy nhanh, lúc chạy chậm; và mỗi chiếc ô-tô không chạy theo những quy luật, quy tắc giao thông chung: chiếc chạy trên lề, chiếc chạy ngược chiều, chiếc chạy ngang, chiếc chạy dọc, chiếc đèn đỏ chạy, chiếc đèn xanh đứng, v.v. Nếu chúng ta có thể hình dung một con đường khi không có Pháp, trở nên hỗn loạn như thế nào; thì khi thế giới này, vũ trụ vạn vật không có Pháp cũng hỗn loạn tựa như thế, thậm chí còn hơn thế nữa rất nhiều lần.

Như vậy, chúng ta thấy rằng tự thân Quyền và Pháp đều có một ý nghĩa riêng và đóng vai trò vô cùng quan trọng trong thế giới này. Giả sử, một thế giới chỉ có Pháp mà không có Quyền, thì sẽ như thế nào? Và ngược lại, nếu chỉ có Quyền mà không có Pháp, thì vũ trụ vạn vật, trong đó có con người sẽ ra sao? Câu trả lời được giải đáp ở mục kế đến, khi mà chúng ta nhận ra và hiểu được mối liên hệ giữa Quyền và Pháp, cũng như sự gắn bó mật thiết của Quyền và Pháp như một thực thể thống nhất, không thể tách rời.

MỐI LIÊN HỆ GIỮA QUYỀN VÀ PHÁP

Như đã cùng trao đổi ở những mục trên, chúng ta hiểu rằng

13. Minh Lý Thánh Hội, Châu Dịch Huyền Nghĩa, Chương 1.

Quyền là một năng lực, là điểm động năng vô cùng to lớn, đủ sức để chinh phục được tất cả, đạt được mọi thành công. Pháp là trật tự, là nguyên lý, là những quy luật, cơ chế giúp điều hòa cuộc sống của vạn vật.

Chúng ta biết rằng, vũ trụ trời đất nơi chúng ta đang sống, bản thân chúng ta, tổ chức mà chúng ta đang gắn bó, hay tự trung là tất cả mọi sự vật, sự việc trên thế gian này đều đang tuân theo những nguyên lý, quy tắc, những định luật nhất định. Vì nếu không có những luật tắc này, mọi thực thể, tổ chức hay bản thân vạn vật, trong đó có con người vốn không thể được hình thành và tồn tại như vẫn đang tồn tại. Vì tạo nên sự sống và duy trì sự sống bằng những nguyên lý, quy luật, nên Pháp là sự sống. Và vì Pháp là sự sống, nên Pháp luôn tồn tại.

Giống như một công ty, một tổ chức, khi bắt đầu hình thành luôn phải có những quy luật, những quy định, điều lệ của công ty để làm nền tảng cho sự vận hành và phát triển, thể hiện văn hóa đặc thù, ràng buộc mọi thành viên trong tổ chức tuân theo, nhằm đạt được những mục đích trong tương lai mà công ty đang hướng đến. Ở đâu có sự vận động, có sự sống, ở đó có Pháp tồn tại, hay, ở đâu có Pháp tồn tại, là ở đó có sự sống. Vì thế, như một sự nhắc lại, Pháp luôn tồn tại, như một điều gì đó sơ khai, khởi thủy của sự sống.

Mặt khác, Quyền chỉ có thể thực thi khi đã có sự sống, diễn ra trong sự sống và tuân theo những quy luật của sự sống. Vì Quyền là năng lực của một chủ thể có đủ điều kiện tác động vào

một hoặc nhiều đối tượng. Điều này nghĩa là, để Quyền tồn tại, phải có chủ thể tác động, có đối tượng được tác động và điều kiện để chủ thể tác động thực hiện được năng lực của mình; mà khi có những thực thể và điều kiện như thế, đồng nghĩa với việc đã có sự sống. Và vì vậy nên, có Pháp, ắt sẽ có Quyền.

Khi một hệ thống, một tổ chức, một thực thể sống động, bao gồm cả vạn vật, trong đó có con người (vạn vật, trong đó có con người cũng là một hệ thống, gồm nhiều bộ phận, chức năng và các quy tắc vận hành của chính chúng) có Pháp, tức có sự sống, một cách tự nhiên, Quyền sẽ tồn tại, để chính bản thân thực thể, hệ thống, hay tổ chức đó có những tác động trong chính nó và tác động đến thế giới bên ngoài nó để phát triển và tiến hóa. Nguồn năng lực ấy là vô hạn, là động năng thúc đẩy chính chủ thể đó tiến hóa và thúc đẩy vạn vật mà chủ thể đó tác động, ảnh hưởng cùng tiến hóa. Nhưng, bất kì năng lực nào cũng cần được định hướng theo những quy luật phù hợp. Nếu không được định hướng và tuân theo những nguyên lý vận động, phát triển chung của cả hệ thống, năng lực này của chủ thể sẽ dễ dàng bị chuyển biến thành một năng lực dư thừa hoặc tiêu cực, ảnh hưởng xấu đến đối tượng được tác động, đi lệch với mục đích phát triển chung của cả hệ thống. Do đó, mọi năng lực của một chủ thể, hay nói cách khác, một chủ thể khi sử dụng và phát huy Quyền của mình đến một đối tượng, phải cân nhắc, xem xét và luôn hướng đến lợi ích phù hợp với sự phát triển của đối tượng, phù hợp và tuân theo quy luật phát triển

chung của toàn bộ hệ thống mà mình và đối tượng đang thuộc về. Cũng vì lẽ ấy, sự thể hiện của Quyền, luôn phải đi với Pháp, nương vào Pháp, thuận theo Pháp.

*“Có quyền không pháp không đưa con người đi về đâu, trái lại sẵn sàng xô ngã con người vào lạc làm vào u tối. Có pháp ắt sẽ có quyền.”*¹⁴

Như thế, Quyền và Pháp luôn đi cùng nhau như một thực thể thống nhất, không thể tách rời. Nếu có Pháp mà không có Quyền, vạn vật sẽ không có tiềm lực, động năng để phát triển, tiến hóa và trợ giúp nhau cùng tiến hóa. Nếu có Quyền mà không có Pháp, tức không nương vào Pháp, nương vào đạo lý, nguyên lý tiến hóa của Trời Đất, thì vạn vật chúng sanh sẽ dẫn dắt nhau đến những điểm đến sai lầm, lạc lối, thoái hóa về mặt nhân sinh lẫn tâm linh.

Ngược lại, khi Quyền và Pháp hợp lại cùng nhau, mà về mặt chữ nghĩa, ta gọi là Quyền Pháp, được vận dụng phù hợp với Thiên cơ, Đạo lý, đó sẽ là tiềm lực, nguồn động năng thúc đẩy mọi cá thể nhân sinh, mọi thực thể tôn giáo phát triển, tiến hóa, thăng tiến tâm linh mạnh mẽ hơn bao giờ hết.

KẾT LUẬN

Trong giới hạn của mình, bài viết tạm dừng lại ở việc diễn giải

14. Minh Lý Thánh Hội 19-9 Mậu Thân, 09-11-1968.

chi tiết và cụ thể hơn ý nghĩa căn bản nhất của mỗi chữ Quyền và Pháp trong khái niệm Quyền Pháp – một yếu điểm của giáo lý Đại Đạo. Bằng tất cả sự nỗ lực và cố gắng, bài viết hy vọng sẽ đem lại một góc nhìn mới và dễ tiếp cận hơn về ý nghĩa hai chữ Quyền và Pháp.

Khi hiểu hai chữ Quyền và Pháp ở mức độ cơ bản nhất, chúng ta sẽ dễ mở lòng thực hành Quyền Pháp hơn với mọi người xung quanh mình; cũng như, cảm nhận được rõ ràng hơn ý nghĩa Quyền Pháp trong mỗi hoạt động của cuộc sống đời thường, để học hỏi và nhận ra những tấm lòng tốt đẹp mà chúng ta đang dành cho nhau trong cuộc sống.

Dù là hành động, lời nói, tư tưởng của chính bản thân mỗi người chúng ta, hay của mỗi một cá thể nhân sinh, mỗi một tập thể xung quanh chúng ta; cũng đều sẽ là những hình ảnh thể hiện Quyền Pháp rõ ràng và thiết thực nhất, nếu những hành động, lời nói, tư tưởng ấy thể hiện tình thương và hướng đến một mục đích duy nhất đó là trợ giúp, thúc đẩy nhau cùng phát triển về mọi mặt, mà sau tất cả là tiến hóa về mặt tâm linh vậy.

MÙA THU NĂM ĐÌNH DẬU 2017

Tài liệu tham khảo

[1] Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo. Yếu điểm giáo lý Đại Đạo, NXB Tôn Giáo, 2008.

[2] Edward O. Wilson. Về bản tính người, NXB Thế giới, 2014.

Chén kim tương

Trần Nam Hiên



Minh họa: Cọ Trắng

Thánh Giáo Sư Tập năm 1967, có bốn câu thơ của Đức Động Đình Tiên Trưởng:

*“Thiên quang vũ trụ ánh muôn màu
Quyền pháp Tam Kỳ một túi râu
Chuồn chén kim tương cùng thế sự
Có ai theo Lão đến vườn đào.”⁻¹*

1. Cao Đài Hội Thánh, 14-03-Đình Mùi (23-04-1967).

Chúng ta cùng thử tìm hiểu hai chữ “kim tương”.

Trong “Rượu trong văn hóa tửu Trung Hoa”, của Li Zheng Ping, bản dịch Trần Thái Hùng, có nhắc đến rượu Kim Tương: “Thời kỳ Nam – Bắc, có Kỳ Giải tửu, Bạc Trụ Xuân tửu, Phiếu Giáo tửu, Đào Hoa tửu, Thiên Lý túy, Lư Hoa tửu... và Kim Tương tửu (tức Giá Tửu)...”

Kim tương tửu cũng có thể là cách gọi cho rượu vàng Trung Hoa. Rượu vàng còn gọi là rượu gạo (rice wine, hay yellow wine). Thời nhà Đường – Tống, đây là loại rượu rất thịnh hành. Rượu vàng lấy hạt ngũ cốc làm nguyên liệu để ủ. Phương bắc thì dùng cao lương, hạt kê, thử... Phương nam dùng gạo. Tên gọi có thể khác biệt theo địa phương. Giang Tây có Thủy Tửu, Thiểm Tây gọi Trù Tửu, Tây Tạng lại đặt tên Thanh Khóa Tửu.

Vậy, có thể hiểu hai chữ “kim tương” theo hai cách:

1. Kim tương (金漿): Một loại rượu có màu vàng, làm từ ngũ cốc.
2. Kim tương (今相): Chén rượu tương giao của ngày hôm nay.

Dựa theo câu thơ thứ hai và câu thứ tư, thì ta nhận thấy ý: Thời Hạ Nguơn, Tam Kỳ đã thuê quyền pháp về một túi. Nên Tiên ông rót chén rượu giữa thế sự, để hỏi thử chuyện hiện tình: “Có ai theo Lão đến vườn đào”. Vậy, nhiều khả năng, chữ “kim tương” được dùng chính là chữ kim tương thứ hai.

Vậy, “Chuồn chén kim tương cùng thế sự” có thể tạm dịch: Rót chén rượu tương giao của ngày hôm nay để hỏi thử chuyện đời.

Chút tình trong những bài thơ xưa khi tại thế của Thi Tiên Lý Bạch

Bửu Long



Minh họa: Cọ Trắng

*“Chẳng thà người như bông hoa bướm
Nở trắng vườn hoang một sớm hồng
Ta cũng cầm lòng men rượu đắng
Bên trời thu bạc nhận sầu đông.”⁻¹*

Lý Dương Băng trong Thảo Đường Tập Tự có câu nói bất hủ về thiên tài Lý Bạch “Thiên tài độc bộ, duy công nhất nhân” (ngàn năm riêng bước, chỉ có một người). Người đời gọi ông là Thi Tiên (ông tiên trong làng thơ), Trích Tiên (tiên giáng trần), Tửu Trung Tiên (ông tiên trong làng rượu).

Con người, có biết bao tình. Đó là khác biệt lớn lao của nhân loại với vạn vật giữa trần gian. Nếu “*Sương kia ở đậu miền xa, cơn gió ở trọ bao la đất trời*”⁻², thì tâm hồn thi nhân cũng ở trọ trong những vần thơ, gói đầu lên những vàng trắng thơ mộng, gác tay trên hoa cỏ ân tình.

Chúng ta hãy lên chiếc thuyền thơ, chèo vào dòng xưa, khua chút tình dù đã xa nhưng không bao giờ khuất...

Trên đường vân du, Lý Bạch kết bạn với nhiều thi nhân như Đỗ Phủ (712–770, nhỏ hơn Thi Tiên mười một tuổi), Mạnh Hạo Nhiên (689–740, lớn hơn ông mười hai tuổi); Bằng hữu với nhiều danh kiếm như Đông Nghiêm Tử, Phi Dục. Cứ trèo núi, lại xuôi nam. Bao lần ông tiễn và từ biệt bạn. Tuyệt tác này là một trong nhiều cuộc chia tay ấy.

1. Thơ Hoàng Ngọc Châu.

2. Trịnh Công Sơn, nhạc phẩm Ở Trọ.

TỔNG HỮU NHÂN

(Viết năm 743, khi Lý Bạch bốn mươi hai tuổi)

*“Thanh sơn hoành bất quách
Bạch thủy nhiễu đông thành
Thử địa nhất vi biệt
Cô bông vạn lý chinh
Phù vân du tử ý
Lạc nhật cố nhân tình
Huy thủ tự tư khứ
Tiêu tiêu ban mã minh.”*

Bản dịch của Tản Đà:

TIỀN BẠN

*“Chạy dài cõi bắc non xanh
Thành Đông nước chảy quanh thành trắng phau
Nước non này chỗ đưa nhau
Một xa, muôn dặm. Biết đâu cánh bông
Chia phôi khác cả nỗi lòng
Người như mây nổi, kẻ trông bóng tà
Vái nhau thôi đã rời xa
Nhớ nhau tiếng ngựa nghe mà buồn teo.”*

Bửu Long tạm dịch:

TIỀN BẠN

Ngang trời ải bắc non xanh
Một dòng sông trắng đông thành hẳn nha
Đất này gõ nhịp chia xa

Cỏ bông vụn dậm chỉ là gót chân
Khách đi phiêu bạt phù vân
Chiều rơi nhạt bến cố nhân đâu tìm
Vẫy tay sóng nổi lòng chìm
Buồn giăng ngựa hí nổi niềm xa xăm.

Nếu thuyền là bằng hữu của sông nước, khói sương, thì trăng sao là tri kỷ của kiếp phiêu bạt lữ hành. Tình bạn trong lòng thi nhân thật nhẹ, mà lơ đãng, bàng bạc vương vấn, dù chỉ như chút nắng bên thềm: “Đôi khi nắng qua mái hiên, làm ta nhớ...”⁻³

Nhớ về bạn thâm giao, Nguyễn Bính⁻⁴ viết:

*“Chung vui cho đến chung sầu
Lòng thơ chung trắng mái đầu chung xanh.”*

Nguyễn Du trong Tống Nhân (Tiễn Bạn) từng hạ bút:

*“Trù trưởng thâm tiêu cô đối ảnh
Mãn sang trệ vũ bất kham thinh.”*

(Đêm sâu chiếc bóng cô phòng/ Đầy giường mưa vọng, còn lòng nào nghe).

GIANG HẠ BIỆT TỔNG CHI ĐỂ

*“Sở thủy thanh nhược không
Dao tương bích hải thông
Nhân phân thiên lý ngoại
Hứng tại nhất bôi trung*

3. Trịnh Công Sơn, nhạc phẩm Rồi Như Đá Ngây Ngờ.

4. Nguyễn Trọng Bính (1918–1966).

*Cốc điệu ngâm tình nhật
Giang viên khiếu vãn phong
Bình sinh bất hạ lệ
Ư thử khắp vô cùng.”*

Bửu Long tạm dịch:

TRÊN SÔNG, CHIA TAY TỔNG CHI ĐỂ

Nước trong như cõi hư không
Sông nghiêng chi biển, để dòng xanh trôi
Người đi. Ngàn dặm đành thôi
Cất lòng lưu luyến nhắc bồi ân cần
Lời chim hang vắng ngập ngừng
Bên sông tiếng vượn bâng khuâng gọi chiều
Bình sinh ta chẳng lụy phiền
Sao giờ nước mắt dẫm miền mênh mông.

HOÀNG HẠC LÂU TỔNG MẠNH HẠO NHIÊN

CHI QUẢNG LĂNG

(Lý Bạch viết năm 726)

*“Cổ nhân tây từ Hoàng Hạc Lâu
Yên hoa tam nguyệt há Dương Châu
Cô phàm viễn ảnh bích không tận
Duy kiến Trường Giang thiên tế lưu.”*

Bửu Long dịch:

LÂU HOÀNG HẠC, TIỄN MẠNH HẠO NHIÊN

ĐI QUẢNG LĂNG

Tây Hoàng Hạc, bạn đi xa

Dương Châu hoa khói tháng ba giăng huyền
Biếc thăm thẳm, cánh buồm riêng
Trường Giang ở lại trong biển biệt trôi.

Tác giả Đoạn Trường Tân Thanh khi khuynh tận ly bôi, đợi tiếng gió rùng thổi mà say lòng tiêu tấp: “*Tây phong tiêu tấp phất cao lâm/ Khuynh tận ly bôi ngoại dạ thâm/ Loạn thế nam nhi tu đối kiếm/ Tha hương bằng hữu trọng phân khâm*” (Lưu biệt Nguyễn Đại Lang – Gió trời tây lay lật phía rùng cao/ Đêm sâu thăm dạt dào ly tiễn biệt/ Trai thời loạn rượu bày bên kiếm/ Bạn phương xa nặng cuộc chia tay).

DẠ BẠC NGƯU CHỦ HOÀI CỔ

*“Ngưu Chủ tây giang dạ
Thanh thiên vô phiến vân
Đặng chu vọng thu nguyệt
Không ức Tạ tướng quân
Dư diệc năng cao vịnh
Tư nhân bất khả văn
Minh triều quả phạm khứ
Phong diệp lạc phân phân.”*

Đọc bài thơ, phảng phất giai điệu hàn lâm sâu lắng của Phạm Duy trong “Thuyền Viễn Xứ”:

*“Trời cao chìm rơi xuống đời
Biết là bao
Sầu trên xứ người...”*

Nguyễn Công Trứ cũng chung nỗi niềm, khi “*Sầu ai lấp cả*

vòm trời/ *Biết chẳng chẳng biết hỏi người tình chung.*” Thi nhân, như có chung một chiều không gian thứ tư, cùng một chiều thời gian, để dù xa hay gần, vẫn đồng lý tương lân, đồng khí tương cầu.

Bửu Long dịch:

NHỚ CHUYỆN XƯA TRÊN BẾN SÔNG NGƯU CHỦ

Bến sông Ngưu Chủ vào đêm
Trời xanh mây vắng êm đềm Tây giang
Thuyền thu ngược bóng trăng vàng
Nhớ xưa Tạ Thượng cùng hàn huyên thơ
Ta thường ngâm khúc mong chờ
Ai người tri kỷ, đâu bờ tri âm
Mai buồn treo về xa xăm
Phong thu hiu hắt đếm thềm lá rơi.

KÝ VIỄN

*“Mỹ nhân tại thì hoa mãi đờng
Mỹ nhân khứ hậu dư không sàng
Sàng trung tú bị quyển bất tẩm
Chí kim tam tải vẫn dư hương
Hương diệp cánh bất diệt
Nhân diệp cánh bất lai
Tương tư hoàng diệp lạc
Bạch lộ thấp thanh đài.”*

Một trời thu xưa. Lý Bạch múa bút đề mấy lời thơ tiên:
“Tương tư hoàng diệp lạc”. Hơn ngàn mùa thu sau, Nguyễn

Bính lại tương hòa khi viết một tương giao thần cú: Thu rơi từng cánh cho lòng nhớ nhung. Năm 734, Lý Trích Tiên viết Ký Viễn. Giờ đây, chúng tôi lại tìm được bản dịch rất hay của chính Nguyễn Bính. Kính mời chư tao nhân mặt khách xa gần, tạm gác chiếc xe trần, về đây nhấp chút rượu lạt và cùng say chút men thơm khi “nếm” bản dịch tuyệt vời này...

GỬI MỘT MIỀN XA

(Bản dịch của Nguyễn Bính)

*“Em còn ở đây nhà hoa ngát
Em đi rồi ngõ ngác giường xưa
Chăn khâu nếp nếp hững hờ
Ba năm hương mãi bây giờ còn bay
Thơm nào nghe quyện đâu đây
Người đi bữa đấy mai này còn sang
Nhớ nhau cho rụng lá vàng
Cho sương lạnh trắng mấy làn rêu xanh.”*
Trường An, một ngày xưa.

Thôi Hộ đi thi không đỗ tiến sĩ. Giữa tiết Thanh Minh, chàng học trò áo trắng độc bộ dạo bước ở Nam Đô. Chợt thấy một ngôi nhà trồng đầy hoa. Gọi cửa rất lâu, có một người con gái hỏi vọng qua khe cửa. Chàng trả lời:

– Tầm xuân độc hành, tửu khát cầu ẩm.

Cô gái mở cửa, mời Thôi Hộ chén trà. Nụ cười xuân xinh làm nhạt cả màu hoa đào đang rụng rữa trên cành... Rồi chia tay. Thu qua đông tới, nhưng nụ hoa xuân vẫn thơm man mác.

Thanh Minh năm sau, Thôi Hộ tìm về nơi cũ. Vãn cánh cổng, vãn hoa đào. Nhưng cửa đã khóa, và cô gái năm xưa không còn đó. Không tìm thấy Tết giữa ngày xuân phơ phất, chàng đề bút lên vách cửa:

*“Nhân diện bất tri hà xứ khứ
Đào hoa y cựu tiếu đông phong.”*

(Người xưa rồi biết về đâu

Còn trời hoa cũ gieo sầu gió đông).

Gặp người, xuân suốt cả năm. Không gặp, xuân rời đi giữa Tết. Vậy, xuân ở đâu, nếu không phải chính nơi lòng người.

Đình Trầm Hương, năm Thiên Bảo. Lý Bạch đang ở tòa Hàn Lâm.

Trong cung vừa trồng được một loài hoa mẫu đơn rất quý, mang tên Mộc Thược Dược. Ngày xuân, thưởng danh hoa, đối giai nhân phi tử, Đường Minh Hoàng truyền lệnh cho nhạc trưởng Lý Quý Niên cầm sẵn giấy hoa vàng, mời Lý Bạch đến. Vào cung đã có chút hơi men, ông múa bút không chút ngập ngừng:

THANH BÌNH ĐIỆU - KỶ MỘT

*“Vân tưởng y thường hoa tưởng dung
Xuân phong phất hạm lộ hoa nùng
Nhược phi Quần Ngọc sơn đầu kiến
Hội hướng Dao Đài nguyệt hạ phùng.”*

Bửu Long dịch:

KHÚC HÁT THANH BÌNH 1

Người là hoa thắm, áo là mây
Sương hiên gió thoảng xuân say nồng nàn
Núi Quần Ngọc gặp rồi chẳng
Hay Dao Đài đã hẹn trăng hạ trần.

Rồi giữa thi hứng, Lý Trích Tiên đề tiếp một mạch hai bài tứ tuyệt nữa, được đặt tên thành Thanh Bình Ca – hai và ba. Thanh Bình Ca – kỳ hai, khởi đầu bằng hai câu thơ bất hủ:

“Nhứt chi nùng diễm lộ ngưng hương

Vân vũ Vu Sơn uống đoạn trường...”

(Say hương, sương đọng cành hồng

Vu Sơn chi tiếc nhói lòng mưa mây).

Cho nên, khi bình thơ Lý Bạch, Bùi Giáng xuống một cung rất trầm:

“Cái sầu của Tản Đà dễ hiểu. Lối cợt nhả của Trang Tử, cũng chẳng có gì lạ. Nhưng mỗi phen nghĩ tới Lý Bạch, ta như chạm phải một cái gì đó quá đỗi sộ xa xôi. Ta thử nhiều phen uống rượu, xem có gần gũi được ông Lý chẳng. Nhưng lời thơ nhẹ như tơ trời của ông vẫn xa vắng quá... Chẳng thể nào viết được những lời đơn sơ bát ngát như thơ Lý Bạch...”

XUÂN TỨ

“Yên thảo như bích ty

Tần tang đề lục chi

Đương quân hoài quy nhật

Thị thiếp đoạn trường thì

Xuân phong bất tương thức

Hà sự nhập la vi.”

Bửu Long tạm dịch:

Ý XUÂN

Cỏ Yên tơ biếc mong manh

Dâu Tần xanh trĩu trên cành phương xa

Chàng ơi, có muốn về nhà

Nơi đây lòng thiếp nát tà nhớ mong

Nào quen biết thoáng xuân phong

Sao màn the cựa sao rèm khuê lay.

Độc bài thơ Xuân Tứ, chợt nhớ tài hoa Nguyễn Du “*Bẻ bai rủ rỉ tiếng tơ/ Trầm bay lạc khói, gió đưa lay rèm*”, hay nỗi chờ mong khắc khoải u nhã của nàng Kiều “*Tin sương luống những hoài mong/ Mai chờ dưới nguyệt sâu đong voi đầy*”.

Một sáng xuân nhiều mây, có chùm gió băng quơ rẽ nhành đào ghé lay màn lụa. Ngọn gió vô tình xao động sâu thẳm cõi lòng thiếu phụ, vốn mong đợi nhiều lần hơn ngày không xuân. Gió hấp háy bước vào, không chịu khép cửa, còn mang theo tình thức rất quen của viễn khách, khuấy băng giá nhớ mong đang nặng xuân lòng thiếu phụ.

THỦY PHÙ DUNG

“Bích hà sinh u tuyến

Triêu nhật diễm thả tiên

Thu hoa mạo lục thủy

Mật điệp la thanh yên

Tú sắc không tuyệt thế

*Hình hương thủy vị truyền
Toạ khán phi sương mãn
Điều thử hồng phương niên
Kết căn vị đắc sở
Nguyễn thác Hoa Trì biên.”*

Bửu Long tạm dịch:

HOA SEN

Suối sâu sen biếc mấy cành
Xinh tươi tô điểm cho xanh mới ngày
Nước pha lục, đóa thu cài
Lá chen lá giữa khói bầy cuộc xanh
Tuyệt trần hoa đẹp như tranh
Khoác hương thơm dịu như dành trao ai
Ngồi trong sương sớm đầy bay
Ngày tươi năm thắm cũng phai cũng tàn
Tìm đâu một chốn bằng an
Ao hoa dừng lại bước giang hồ về.

Đầu non hái lá, bờ suối bẻ măng. Đêm có trăng vàng lộng lẫy, ngày có hoa sen long lanh. Có gì hơn nữa vui thú sơn hà, nghe nhạc ve rơi ngấm tranh trắng tỏ. Như Ngải Tuấn Mỹ khi xưa, tang bông vạn lý ngang dọc hải hồ, lại nghiêng mình chiêm bái một nhánh hoa mong manh “*Thập tải luân giao cầu cổ kiếm/Nhất sinh đề thủ bái mai hoa*”.

CỔ PHONG, KỶ 11

“Hoàng Hà tẩu Đông minh

*Bạch nhật lạc Tây hải
Thệ xuyên dữ lưu quang
Phiêu hốt bất tương đãi
Xuân dung xả ngã khứ
Thu phát dĩ suy cải
Nhân sinh phi hàn tùng
Niên mạo khởi trường tại
Ngô đương thừa vân ly
Hấp ảnh trụ quang thái.”*

Bửu Long tạm dịch:

KHÚC CA XƯA, KỶ 11

Biển đông xuôi nước Hoàng Hà
Trời chiều nắng rưng chật ngà bờ tây
Phiêu bồng đi chẳng chờ ai
Sông trôi lấp lánh dòng phai đường về
Bỏ ta, xuân mạo buông chiều
Đã rồi tóc úa dáng xiêu da dùn
Nhân sinh nào phải tuyết tùng
Mà xanh mãi giữa vô cùng thời gian
Tìm lưng trời cưỡi long vân
Tiên thiên hấp khí trụ thần dưỡng thân.

“Ly”, là một loài cá hóa long. Trang Tử viết: “Thiên kim chi châu, tất tại cửu trùng chi uyên, nhi ly long hàm hạ”. Hoàng hôn tiệc ban mai, tóc sương thương cọng ngày xanh. Bùi Giáng viết:

“Ngày mai cá sóng phiêu bồng

Ngàn trắng ngậm bóng sương đồng ra đi.”

Và Tô Đông Pha, nhìn thời gian, mà ngậm ngùi thảng thốt: *“Nhân tợ thu hồng lai hữu tín/ Sự như xuân mộng liễu vô ngân.”*

Thời gian, cơn gió buốt qua đời người. Mười năm, hai mươi năm... cũng chỉ là giấc mơ hư ảo.

Mai một đây, dù lầy lừng như vó truy phong, có ngang tàng tựa cánh chim bằng, ta sẽ chỉ sót lại bên đời chút gió thừa dậm mỗi, như thi ý trong bài thơ dưới đây.

LÂM LỘ CA

“Đại bàng phi hề chấn bát duệ

Trung thiên tời hề lực bất tể

Dư phong kích hề vạn thế

Du phù tang hề quả thạch duệ

Hậu nhân đắc chi truyền thử

Trọng Ni vong hề thù vị xuất thế.”

Bửu Long tạm dịch:

DU CA BÊN ĐƯỜNG

Đại bàng băng gió hề

Lầy lừng chấn động tám phương xa

Lưng trời gãy gánh hề

Mấy ai vịn cuộc phong ba

Cánh bằng đã lướt mây qua

Vệt gió sau lưng hề

Còn rung bến lay bờ vạn thế
Ngất ngưỡng đại thụ hề
Kìa rợp bóng phù tang
Cởi áo mù sương
Ta treo ngang vách đá
Ngày xưa còn Trọng Ni vượt lệ tiếc kỳ lân
Nay đại bàng hề, mỗi cánh nửa chừng trời
Rồi ngàn sau
Có ai
Biết một lần để mà thương khóc!”

Bài thơ này Lý Bạch viết năm 762, cũng là năm ông quy tiên. Một đời lừng lẫy túi thơ lưng kiếm, rồi cũng gác cọ xếp áo để bước theo chân hoàng hôn về cuối bến trời chiều. Trăm năm đời người nhẹ như chút gió, như bông mai mỏng, cánh chim sâu, nhỏ nhoi nép dưới cội cổ tùng.

Xin mượn khúc thơ Vũ Hoàng Chương, để kể hậu bối yêu thơ, kính dâng tặng Thi Tiên Lý Bạch. Một kiếp người đã khép,

*“Xưa hạc vàng bay vút bóng người
Đâu lâu Hoàng Hạc chút thơm rơi
Vàng tung cánh hạc đi đi mãi
Trắng một màu mây vạn vạn đời.”*

Về hai câu đối trước cổng trường Petrus Ký

Trần Thạnh

Có lẽ ít có người học sinh nào từng mài đũng quần ở trường Trung Học Petrus Trương Vĩnh Ký mà chưa từng một lần nghe nói đến hai câu đối trước cổng trường. Nhiều người thuộc nằm lòng, dù thời gian đã hơn 30 năm, đối với một số người có khi là hơn 50 năm. Mới đây một người bạn thắc mắc về ý nghĩa chính xác của hai câu đối này. Vậy là tôi có dịp “rà” lại những gì mình đã nghe và đã hiểu.

Khổng Mạnh cương thường tu khắc cốt

Tây Âu khoa học yếu minh tâm

Theo tài liệu được ghi trên trang web của Văn Phòng Ban Liên Lạc Cựu Học Sinh Petrus Ký Lê Hồng Phong (<http://www.petruskylhp.org>), năm 1951, Thầy Ưng Thiệu, giáo sư Hán Văn tại trường, đã viết hai câu trên như một lời nhắn nhủ đến các thế hệ học sinh của trường sau này. Ông Hiệu Trưởng Phạm



Văn Còn liền cho khắc trước cổng hai câu đối đã đi vào ký ức của bao nhiêu thế hệ học sinh từ đó.

Hãy ghi vào xương cốt đạo lý cương thường của Khổng Mạnh để tu tập, hãy làm sáng tâm trí của mình với kiến thức khoa học của Tây Âu, đó là lời giải thích thường được nghe. Nhưng tôi suy nghĩ, muốn tìm hiểu kỹ từng chữ.

Tu là gì? Có phải là chữ tu trong tu nghiệp, tu thân? Nhưng nếu vậy thì chữ yếu trong câu hai phải hiểu là gì đây để đối lại với chữ tu? Còn minh tâm có phải là làm sáng tâm trí.

May mắn thay trên bìa quyển Kỷ Yếu của trường niên khóa 1972–1973 với hình chụp cổng trường tương đối rõ ràng giúp tôi tìm được câu trả lời. Với vốn liếng chữ Nho chưa đủ để đọc Tam Tự Kinh, tôi phải dùng quyển Hán Việt Tự Điển của Thiều

Chữ tìm tra từng chữ, ráng nhìn mặt chữ viết kiểu cách trên tấm hình chụp mà so với những chữ in rõ ràng chân phương trong từ điển.

孔孟綱常須刻骨
西歐科學要銘心

Chữ minh (銘) trong minh tâm được viết với bộ kim (kim 金 bên trái, danh 名 bên phải) có nghĩa là khắc, khác với chữ minh (明) trong bình minh hay minh nguyệt, được viết với bộ nhật (nhật 日 bên trái, nguyệt 月 bên phải) có nghĩa là sáng. Minh tâm phải được hiểu là khắc vào tâm trí, không quên. Tiếng Hán Việt nói khắc cốt minh tâm cũng như tiếng Nôm nói ghi lòng tạc dạ. (Tôi tin rằng tạc và dạ là hai tiếng Nôm; xin các bậc cao minh chỉ giáo.)

Còn chữ tu (須) được viết với bộ hiệt (頁), có nghĩa là nên, khác với chữ tu (修) viết với bộ nhân, có nghĩa là sửa cho tốt (như trong chữ tu thân). Hiểu chữ tu trong câu một là nên mới đổi lại được với chữ yếu (要) trong câu hai có nghĩa là muốn, cần. Vậy hai câu đối của Giáo sư Ưng Thiều nên được hiểu là:

Đạo lý cương thường của Khổng Mạnh: nên khắc vào xương
Kiến thức khoa học của Tây Âu: cần ghi vào lòng.

Hai câu đối này nay không còn trước cổng ngôi trường đã thay tên, nhưng nó sẽ còn mãi trong tâm trí những thế hệ học trò đã ra đi từ mái trường thân yêu đó.

SYDNEY, THÁNG 6-2009

Học nghệ thuật đối đãi

Xuân Mai



Trong cuộc sống đời thường, chúng ta làm sao đối đãi với người khiến cho được trên thuận dưới hòa? Làm sao người hiểu được ta? Vì nói và trình bày đều thuộc về tương đối, làm sao diễn đạt khiến người hiểu được ta hoàn toàn. Đây quả là điều rất khó. Nguyên nhân chủ yếu là vì con người chúng ta có nhiều căn trí, tính cách của mỗi người khác nhau, nhu cầu cũng khác nhau.

Làm người đứng trước một sự việc rất khó đạt được “tận như ý người”. Do vậy, người xưa vẫn cho rằng đó là môn học rất cao, rất khó, đòi hỏi suốt cả đời người không ngừng học hỏi.

Vậy đối xử như thế nào với tất cả mọi người để cuộc sống luôn tốt đẹp và yêu thương hơn?

1. LẤY TÂM KHOAN HẬU ĐỂ ĐỐI ĐÃI

Trong cuộc sống đối nhân xử thế với người, tuy có rất nhiều phương diện không đồng nhất, nhưng nếu chúng ta biết lấy đức khoan dung hậu hĩ đối đãi cùng người, tức là biết biểu lộ lòng tín nhiệm đối với người, cùng người gần gũi, thân thiện, thì sẽ đạt được sự cảm thông hiểu biết và yêu thương. Đạt được “đắc nhân tâm” chính là vậy. Ngược lại, nếu chỉ lấy sự chua ngoa, cay đắng, chát chúa để đối đãi, làm sao cùng người gieo kết được tình thiện duyên, thiện cảm, hà huống là thu phục lòng người.

Sự tương giao giữa người và người, không phải chỉ đòi hỏi người khác đối đãi tốt đẹp với mình, hoặc chỉ trích người đối đãi mình không tốt điều này, không đẹp điều kia, mà cần phải nhìn lại mình cho thật sâu, thật kỹ và tự hỏi: “Mình đã đối đãi người với tâm lượng như thế nào?”, vì Thánh nhân thường nói: Sự kém hiểu biết lớn nhất của đời người là luôn oán trách.

Thông thường, qua phong cách đối đãi, người ta có thể nhìn ra được mình là người có nhân hậu đạo đức hay không, là nhìn từ phong cách khoan nhượng, bao dung, biết khéo vận dụng

nghệ thuật trong giao tiếp đối đãi, đem lại cho người và mình niềm hoan lạc, hòa hợp.

Đối đãi người với tâm khoan hậu, hòa hợp, tức là chính mình đang sống với tâm bình, khí hòa, hoan hỷ, nhẹ nhàng thanh thoát.

- Như thời Xuân thu, do phong cách đối đãi khoan hậu mà Bao Thúc Nha và Quán Trọng đã trở thành đôi bạn tri kỷ danh sư.

- Đời Đường, thầy Lão Đức khuyên răn học trò mình: “Nói lời ác độc với người thì tự miệng mình dơ trước.” Ngược lại, người mà luôn luôn vì một điểm nhỏ của sự việc, lại ôm giữ canh cánh trong lòng; thậm chí gay gắt chỉ trách lỗi người, với tâm thái đối đãi như vậy, sẽ tự mình không kết được thân tình với người, mà còn tự mình ôm lấy sầu muộn phiền não vì bị người xa lánh.

2. LẤY TÂM TÔN TRỌNG ĐỐI ĐÃI NGƯỜI KHÁC

Thầy Mạnh Tử nói: “Thương người thì người thương lại mình, kính người thì người kính lại mình.” Câu nói ấy nhấn mạnh tầm quan trọng của sự tôn trọng người khác.

Tôn trọng người khác là một ý thức, là một loại giáo dưỡng. Trong đó, tôn trọng cấp dưới chính là một loại mỹ đức, tôn trọng đối thủ là một loại độ lượng.

Tất cả mọi người đều khó có thể là người hoàn hảo, cho

nên chỉ có học được sự tôn trọng người khác mới có thể giành được sự tôn trọng từ người khác đối với mình. Cho nên, tôn trọng người khác, kỳ thực chính là tôn trọng bản thân mình.

Một tổ chức tốt đòi hỏi một thái độ sống tốt của người lãnh đạo và các thành viên. Mỗi thành viên của đội ngũ phải tự trọng và tôn trọng lẫn nhau. Họ phải khởi đi từ ước muốn đóng góp vào mục đích chung, tin tưởng lẫn nhau, và nâng đỡ lẫn nhau. Tất cả những thái độ này, trước hết và trên hết, phải được thể hiện từ sự tự trọng bản thân và sau đó là tôn trọng nhau. Bản thân có tự trọng, tất nhiên không cấu thả trong việc xử sự phát ngôn và hành động.

Truyện kể: Ngày nọ, một ông lão ăn mày quần áo rách tả tơi, đầu tóc bù xù, đứng trước một cửa tiệm bánh ngọt náo nhiệt.

Nhân viên bán hàng quát to: “Đi ngay! Đi ngay đi!”

Người ăn mày lập cập lấy ra mấy đồng tiền lẻ bần thủ và nói: “Tôi đến mua bánh ngọt! Loại nào là nhỏ nhất?”

Ông lão chủ tiệm bánh ngọt đi đến, niềm nở lấy ra một chiếc bánh ngọt nhỏ và đẹp từ trong tủ kính đưa cho người ăn mày, rồi cúi người thật sâu xuống, nói: “Cảm ơn quý khách đã mua hàng! Hoan nghênh lần sau lại tới!”

Người ăn mày về mặt kính ngạc rời khỏi cửa tiệm, dường như anh ta chưa từng được đối xử tôn trọng đến như vậy lần nào trong đời...

Cháu trai người chủ tiệm bánh thấy lạ liền hỏi: “Ông Nội! Sao ông lại niềm nở với người ăn mày bần thủ đó như vậy ạ?”

Chủ tiệm bánh giải thích: “Mặc dù đó là một người ăn mày nhưng cũng là khách hàng. Ông ấy để ăn được bánh ngọt của chúng ta đã không tiếc tiêu những đồng tiền mà phải mất một thời gian lâu lắm mới kiếm được. Thực sự là rất khó có được! Nếu ông không tự mình phục vụ ông ấy thì sao có thể xứng đáng với phần ưu ái của ông ấy dành cho chúng ta đây?”

Cháu trai lại hỏi: “Đã vậy thì sao ông Nội lại còn thu tiền của ông ấy ạ?”

Người chủ tiệm bánh nói: “Ồ, ông ấy hôm nay đến đây là khách chứ không phải là đến ăn xin đâu cháu ạ! Đương nhiên, chúng ta phải tôn trọng ông ấy chứ! Nếu như ông Nội không thu tiền của ông ấy, thì chẳng phải ông đã làm nhục ông ấy rồi sao? Nhất định phải nhớ kỹ, phải tôn trọng mỗi một khách hàng của chúng ta, cho dù đó là một người ăn mày. Bởi vì hết thảy những thứ chúng ta có đều là do khách hàng cấp cho.”

Cậu bé nghe xong có phần hiểu nên gật gật đầu.

Ông chủ tiệm bánh này chính là ông Nội của nhà kinh doanh, tỷ phú Nhật Bản – Yoshiaki Tsutsumi. Tỷ phú Tsutsumi từng nói: “Năm đó, mỗi cử động của ông Nội đối với người ăn mày đó đều khắc sâu vào trong tâm trí của tôi.”

Người xưa nói: “Lòng rộng một thước, con đường sẽ rộng một trượng”, hãy mở rộng tấm lòng đối xử với người khác! Bất luận là người mà chúng ta yêu mến hay là người mà chúng ta chán ghét, bất luận là bạn bè hay là kẻ thù, đều phải tôn trọng

họ. Đây chính là một loại dũng khí, càng là một loại trí tuệ.

“Khoan hậu đối đãi người” không những là diệu pháp tương giao tương tế, mà còn là căn bản nhân cách làm người.

3. LẤY TÂM THA THỨ ĐỐI ĐÃI NGƯỜI KHÁC

Chúng ta thường cho rằng tha thứ là làm việc tốt với người được tha thứ, giống như ‘cho phép’ họ giữ bỏ những gánh nặng tinh thần. Thực chất, tha thứ là món quà cho chính bản thân mình. Sự giận dữ và oán hận chỉ làm chúng ta càng khổ tâm hơn, mất thời gian suy nghĩ và kìm hãm sự thăng hoa trong tư tưởng. Tha thứ được cho người làm lỗi với mình là làm được việc của Tiên Thánh.

*“Con chiều chuộng vì Đời mến Đạo,
Con ôn hòa mong tạo quả duyên;
Con trong nhục mạ không phiền,
Thứ tha kẻ quấy là Tiên Thánh rồi.”⁻¹*

Đức Khổng Tử dạy hãy tha thứ cho người:

Đức Khổng Tử đã chỉ ra lòng “Nhân” là một loại lý tưởng chính trị của xã hội, và cũng là một loại nguyên tắc về đạo đức luân lý. Nội dung của “Nhân” nhấn mạnh đến sự quan tâm và yêu thương người khác. Từ đạo lý về tư tưởng “Nhân ái”, Ngài đã đề xướng lòng trung thành và tha thứ. Tư tưởng

1. Đức Chí Tôn, Trung Hưng Bửu Tòa, 08-6 Bính Thân (15-7-1956).

“trung-thứ” của Đức Khổng Tử đã hình thành những đức tính đẹp đẽ như tính thành thật, không dối trá, nhẫn nại, khoan dung, và dùng thiện tâm đối đãi với người. Nó có ảnh hưởng sâu rộng, và vẫn còn mang một ý nghĩa giáo dục rất thâm sâu trong xã hội ngày nay.

Đức Khổng Tử chỉ rõ:

- Dùng lòng chân thành làm căn bản – là cơ sở nền tảng đầu tiên quan trọng nhất.

Có một lần, Khổng Tử và các học trò của ông bàn luận về cách đối xử với người.

Tử Lộ nói: “Nếu người khác dùng thiện ý đối xử với con, con cũng đối xử tốt với họ; nếu họ đối xử không tốt với con, con cũng sẽ không tốt với họ.”

Khổng Tử phê bình: “Đây là cách làm của những người không có đạo đức lễ nghĩa.”

Tử Cống nói: “Nếu người khác dùng thiện ý đối xử với con, con sẽ đáp lại tốt với họ; Nếu họ không đối xử tốt với con, con sẽ chỉ dẫn cho họ theo hướng thiện.”

Khổng Tử bình luận: “Đây là cách nên làm giữa những người bạn.”

Nhan Tử nói: “Nếu người khác dùng thiện ý đối xử với con, con cũng đối xử tốt với họ; Nếu người khác không đối xử tốt với con, con vẫn dùng thiện ý đối tốt với họ, và chỉ dẫn họ theo hướng thiện.”

Khổng Tử bình luận cách này: “Đây là cách nên làm giữa

thân nhân. Nếu các con có thể mở rộng tư tưởng và đối xử với tất cả mọi người trong thiên hạ bằng lòng chân thành, thì mới thực sự là dùng thiện tâm để đối xử với người!”

• Dùng nhân nghĩa để đối đãi với người:

Nhan Tử đã hỏi thầy Khổng Tử rằng: “Thưa, con muốn đối xử với người bằng lòng “nhân từ”, thì phải làm thế nào mới có thể đạt được như vậy?” Khổng Tử trả lời: “Muốn đạt đến mức đối xử với người bằng lòng nhân từ, trước hết phải làm được chuyện tu sửa bản thân mình, không ngừng nâng cao sự tu dưỡng đạo đức của chính mình đồng thời nâng cao cả cảnh giới tư tưởng.”

*“Trong xã hội cộng đồng như thế,
Lễ thanh suy sự thể tình chung,
Tình chung non nước gánh gồng,
Hạ dân thượng cấp một lòng yêu thương.”²*

4. LẤY TÂM KHIÊM TỐN, NHÃN NHỊN ĐỐI ĐÃI CÙNG NGƯỜI

Đức Khổng Tử là người thông kim bác cổ nhưng chưa bao giờ tự nhận mình là người hiểu biết nhiều, Ngài biết rằng hiểu biết của một người chỉ là hạt cát so với kho tàng kiến thức của nhân loại.

2. Đức Đông Phương Chương Quản, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-6 Canh Thân (26-7-1980).

- Câu chuyện “đầy mà không tràn đổ”:

Một ngày kia Đức Khổng Tử đến tham quan một ngôi miếu cổ của nước Chu và thấy một cái bình. Ngài hỏi người trông coi miếu: “Đây là bình gì?”

Người coi miếu đáp: Đây là bình dùng để tự đề tỉnh bản thân.

Đức Khổng Tử nói: “Ta từng nghe nói rằng khi cái bình này rỗng thì nó nghiêng về một góc, khi đầy nửa bình thì nó đứng thẳng, và khi đầy bình thì nó lật úp lại. Có đúng như vậy không?”

Người coi miếu đáp: “Đúng là vậy.”

Đức Khổng Tử bảo học trò đem nước lại để thử, và xác thực đúng như vậy. Ngài cảm thán mà nói rằng: “Đây chẳng phải đạo lý cái gì đầy thì cũng tràn đổ đó sao?”

Tử Lộ nói: “Thưa thầy, có phải thầy đang nói rằng con người thường giống như chiếc bình sau khi đầy nước, họ cho rằng cách nghĩ cách làm của mình là chính xác nhất, do đó bám chặt vào đó mà làm, kết quả là người đó thất bại, có phải như vậy không? Nhưng, trạng thái đầy mà không tràn đổ, có cách nào làm được như vậy không?”

Đức Khổng Tử nói: “Để giải quyết vấn đề tự đại tự mãn này, tự bản thân phải biết tiết chế bản thân mình, luôn để tâm mình thanh thản.”

Tử Lộ lại hỏi: “Muốn để tâm mình buông xuống, thì phải dùng cách nào?”

Đức Khổng Tử nói: “Người có đạo đức phẩm hạnh cao

thượng, phải bảo trì khiêm nhường kính cẩn. Người giàu sang phú quý, phải bảo trì tiết kiệm. Người có quyền cao chức trọng, phải bảo trì lấy khiêm nhường đối đãi người khác. Người có binh lực cường đại, phải bảo trì cảnh giác cẩn trọng. Người thông minh trí tuệ, phải nhắc nhở bản thân còn rất kém cỏi. Người học cao hiểu rộng tự nhắc nhở bản thân là còn rất nông cạn. Đây chính là cách tiết chế tự kỷ và buông tâm xuống.”

Vậy, có một tấm lòng quảng đại và khiêm tốn, giống như bầu trời bao phủ mọi thứ và mặt đất có thể dung chứa mọi vật, sẽ đầy mà không tràn.

- 3 nhân 8 rõ ràng là 24, vì sao lại là 23? Câu chuyện Nhan Uyên và Khổng Tử sẽ cho bạn biết tại sao như vậy.

Nhan Uyên là người ham học hỏi, tính tình tốt bụng, là một đệ tử đặc ý của Đức Khổng Tử. Một ngày nọ, trên đường đi làm, Nhan Uyên thấy một đám đông ồn ào trước cửa tiệm vải. Ngài bước đến hỏi, mới biết là đang có tranh chấp giữa người mua và người bán vải. Chỉ nghe người mua hét lớn: “3 nhân 8 là 23, sao ông cứ đòi ta 24 đồng?”

Nhan Uyên bèn đến trước mặt người mua, và nói: “Vị đại ca này, ba nhân tám là 24, sao có thể là 23 được? Anh tính sai rồi, không nên cãi lộn ầm ĩ nữa.” Người mua không phục, chỉ thẳng mặt Nhan Uyên nói: “Ai cần người phân xử? Người biết tính toán sao? Muốn phân xử chỉ có cách tìm Khổng Phu Tử, đúng hay sai hãy để ông ấy định đoạt! Đi, ta hãy tìm ông ấy để phân xử!”

“Được. Nếu Khổng Phu Tử nói anh sai, vậy xử lý sao?”, Nhan Uyên đáp. Người mua nói: “Nếu ta sai, hãy lấy đầu ta. Nhà người sai thì sao?” Nhan Uyên trả lời: “Nếu tôi sai, tôi sẽ từ quan.” Hai người đánh cuộc với nhau như thế và cùng đến gặp Khổng Tử.

Và câu trả lời của Đức Khổng Tử là “3 nhân 8 là 23 đó! Nhan Uyên, con thua rồi, lấy mũ quan xuống đem cho người ta đi!” Nhan Uyên trước giờ cũng chưa từng cãi lại sư phụ, thế là anh đành tháo mũ xuống giao cho người mua kia. Nhưng hẳn nhiên là anh ta không phục và cho rằng Đức Khổng Tử đã già rồi đâm ra hồ đồ nên không muốn theo học nữa.

Ngày hôm sau, Nhan Uyên quay lại lấy có nhà có việc muốn xin nghỉ học. Đức Khổng Tử rất rõ tâm tư Nhan Uyên, nhưng không nói gì, chỉ gật đầu đồng ý. Và trước khi từ biệt ông cũng không quên dặn dò Nhan Uyên hai câu: “Ngàn năm cổ thụ không nấu thân, sát nhân không rõ chớ động thủ.”

Trên đường về, gió thổi mây dâng, sấm rung chớp giạt, trời muốn đổ mưa to. Nhan Uyên tiến đến một cây đại thụ mọc rỗng ven đường, muốn tránh mưa. Anh đột nhiên nhớ lại lời Đức Khổng Tử đã nói: “Ngàn năm cổ thụ không nấu thân”, anh nghĩ mình cũng nên tránh xa cái cây này, vừa rời đi, một tiếng sét đã đánh tan cây cổ thụ kia.

Nhan Uyên kinh ngạc: “Câu đầu sư phụ nói đã ứng nghiệm sao! Chẳng lẽ ta còn có thể sát nhân ư?” Khi về tới nhà thì trời cũng đã khuya. Không muốn kinh động người nhà, Nhan Uyên

dùng bảo kiếm mang theo bên người để đẩy chốt cửa phòng nơi thê tử của anh đang ngủ. Đến bên giường, Nhan Uyên vô cùng tức giận khi thấy đến hai người đắp chung chăn, bèn giờ kiếm định chém, lại nghĩ đến câu nói thứ hai của thầy mình: “Sát nhân không rõ chớ động thủ”, bèn đốt đèn lên xem, hóa ra một người là thê tử, người kia là muội muội của anh.

Ngày hôm sau, Nhan Uyên quay trở lại, thấy Đức Khổng Tử, liền quỳ xuống nói: “Su phụ, hai câu người nói đã cứu ba người là con, vợ con và muội muội của con đó! Sao người lại biết trước chuyện sẽ xảy ra vậy?” Đức Khổng Tử đỡ Nhan Uyên dậy và nói: “Ngày hôm qua thời tiết khô nóng, đoán chừng sẽ có cơn dông, nên ta nhắc nhở con: “Ngàn năm cổ thụ không nấu thân”, con lại mang khí bực trong người, trên thân đeo bảo kiếm, cho nên ta khuyên con “Sát nhân không rõ chớ động thủ!””

Nhan Uyên vừa vái lạy vừa nói: “Su phụ liệu sự như thần, đệ tử mười phần kính nể!” Đức Khổng Tử lại nói tiếp: “Ta biết rõ con xin phép về nhà nghỉ là mượn cớ, thật ra cho rằng ta đã già nên hồ đồ rồi, không muốn học ta nữa. Con nghĩ xem, ta nói ba nhân tám bằng 23 là đúng, con thua, bất quá là thua cái mũ quan kia, nếu ta nói ba nhân tám bằng 24 mới đúng, người mua kia thua, đây là một mạng người đó! Vậy con nói xem, chức vị quan trọng hay mạng người quan trọng hơn?”

Nhan Uyên bỗng nhiên tỉnh ngộ, quỳ gối trước mặt Đức Khổng Tử mà thưa: “Su phụ trọng đại nghĩa coi nhẹ tiểu tiết, đệ

tử còn tưởng rằng Sư phụ vì lớn tuổi mà thiếu minh mắt, đệ tử hổ thẹn vạn phần!” Từ đó về sau, Nhan Uyên không rời sư phụ.

Câu chuyện này gợi cho chúng ta nhớ đến một lời dạy của người xưa: “Lùi một bước biển rộng trời trong”; Đúng như vậy, đôi khi chúng ta tranh đấu giành được điều chúng ta cho là lẽ phải, nhưng điều mất đi có lẽ còn quan trọng hơn. Và nếu chúng ta biết nhường nhịn và lắng nghe thì có lẽ sẽ học hỏi được nhiều điều hơn. Hãy luôn luôn phân rõ sự tình nặng nhẹ. Đừng gắng sức tranh giành, rồi sau hối hận cũng không kịp!

Đời sau truy tặng Nhan Hồi là Uyển Quốc Công, phối hưởng với Đức Khổng Tử khi cúng tế và được tôn là Phục Thánh, một trong Tứ Thánh của Nho giáo, gọi là Phục Thánh Nhan Tử.

Đức Vạn Hạnh Thiền Sư dạy:

“Thật vậy, trong tám thân tứ đại mỗi người hằng ngày đã diễn ra không biết bao nhiêu lần thắng và thua, nhưng có mấy ai để ý, đến chừng nào sự kiện tồi tệ nhục nhã rồi mới hay rằng mình đã thua, còn quanh mình lúc nào cũng vẫn cho rằng mình thắng.

Chư đạo hữu thử nghĩ kỹ mà xem: một người tướng có thể cầm binh thắng năm mươi trận, nhưng họ vẫn thua khi trở về gia đình bị lụy vì tình làm khổ vợ khổ con.

Một nhà ngoại giao có thể thắng nhiều nước cò trên trường quốc tế, nhưng khi không dẫn cơn nóng giận, họ sẽ thua một đứa nhỏ đánh giày.

Một quan tể tướng trong triều đình, họ có thể thắng hằng

ngày trên trường quốc sự, nhưng nếu họ vô độ lượng trong lúc vui say tửu nhục, họ cũng phải thua nửa lít nước trong.

Trong giới tu hành cũng thế. Một người giáo sĩ truyền đạo, có thể hùng biện diễn thuyết thắng thế trước muôn người, nhưng họ đành phải thua một phút nổi sân buông lờn khiếm nhã.”⁻³

• Nhu hòa, nhã nhặn: Pháp đối đãi cư xử thành công trong nghệ thuật ứng thế.

Trong pháp ứng xử, tính nhu hòa mềm dẻo sẽ khắc phục được tính thô cứng. Nước do có bản chất nhu nhuyễn mà thành tựu được năng lực xuyên thủng tảng đá to cứng. Thế nên, trong cuộc sống, nếu chúng ta biết ứng dụng tính nhu hòa, an nhẫn để đối đãi thì tất cả mọi khó khăn trở ngại đều có thể hóa giải dễ dàng. Hiện nay, pháp quản lý tuyệt vời vẫn là trực diện quản lý bản chất tâm của chính mình. Bản chất tâm của chính mình nếu quản lý được trọn vẹn chu đáo từ hạnh đức từ bi, nhu hòa, nhẫn nại, khiêm tốn cho đến “nhân ngã nhất như” – mình và người là một, thì đó chính là pháp quản lý cao đỉnh nhất.

Tuy nhiên, dù với tâm chân thành muốn khoan hậu, hòa hợp với người, nhưng sự đối đãi lúc nào cũng vô cùng, khó lòng vừa ý tất cả người trên mọi phương diện, bởi chúng sanh căn trí vô lượng, tâm tánh cũng muôn màu muôn vẻ và tâm thái trong từng lúc cũng vô chừng. Do vậy, bên cạnh sự chân thành, lòng từ ái thì cần có trí sáng suốt để lượng định hoàn

3. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư, Minh Lý Thánh Hội, 06-10 Nhâm Tý (11-11-1972)

cảnh, tâm tánh con người từng thời điểm mà đối đãi, ứng xử và dũng cảm đối diện để vừa thành tựu đắc nhân tâm vừa giúp người tiến bộ; không tạo điều kiện cho người tạo thêm nghiệp xấu. Điều này đã được Đức Lý Giáo Tông dạy:

(...) Cơ quan là thân cây, mà mỗi chức vụ nhân viên đều là nhánh lá. Đất vun bồi cho thân phát triển, nếu nhánh lá bị sâu rầy cắn phá thì không chỉ riêng nhánh lá bị tổn thương mà làm hại cho toàn thân cây. Do đó, chư đệ muội hãy lấy tình thương mà cải tật cho nhau. Phải sửa đổi cho nhau, đừng vì sợ kháo đảo mà tránh né nhiệm vụ mà cho đó là thượng sách. ⁴

TẠM KẾT

- Aristotle đã nói: “Nên đối đãi với người khác như là chúng ta mong muốn họ đối đãi với mình.”

- Đức Phật dạy: “Người khác đối xử với bạn thế nào, đó là nghiệp của họ. Bạn đối xử với người khác thế nào, đó là nghiệp của bạn.”

- Đức Khổng Thánh, tại Thánh tịnh Kim Thành Long, ngày 12-10 năm Đại Đạo thứ 33 dạy:

“Nầy chư môn đệ! Thánh triết hiền xưa đã thốt rằng: “Bờ cao là hang, hang sâu là gò.” Tại sao vậy chư môn đệ?... Thánh Sư

4. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 22-01 Bình Dân (02-3-1986).

nhận thấy rằng: trên đời này, đối với thời đại hiện kim, cuộc đời hầu như chìm đắm trong khi vật chất văn minh cùng khắp. Cũng do đó, mà tranh tụng từ lời ăn tiếng nói, chốn đứng chỗ ngồi, tranh từ vật chất đến tinh thần, tức nhiên đã đào sâu hang sâu sấp chôn vùi nhân loại. Mà hơn loại vẫn lãnh đạm thờ ơ, không cái hỏi là biết yêu thương, cứ mãi miết tư kỷ bản thân không diệt nổi bản ngã tự ái, tự tôn, tự đại. Cũng vì vậy mà giờ đây Thầy mở quốc đạo Cao Đài tại một xứ nhỏ nhen nhưng biết phụng kính Đấng Cha lành. Ấu cũng là hữu hạnh thay cho nòi giống Rồng Tiên. (...)

Này chư môn đệ đàn trung! Thánh Sư tử dụ như hiện giờ đây nếu những môn đệ ăn sung mặc sướng, giàu có, song cũng là một tai họa hiểm nguy, xúi giục lòng kẻ tham lam đến chỗ tội lỗi và càng tội lỗi.

Đó cũng chẳng phải kẻ tham lam có tội trọn vẹn, bởi môn đệ khoe khoang, thúc lòng dục vọng một ngày một thêm lên, đó là đúng với câu: “Bờ cao là hang” vậy.

Lẽ thứ hai là chư môn đệ vừa đủ ăn đủ mặc không se sua ra ngoài thế gian thì có ai chú ý cướp bóc lãng lòn, đúng với câu: “Hang sâu là gò” vậy.”

Học lời dạy của các bậc Thánh nhân, các Đấng Thiêng Liêng, chúng ta hiểu rằng: Là Người học đạo luôn luôn phải thể hiện lòng chân thành, đức độ khoan dung đối đãi cùng người, lấy tình thương ban bố khắp mọi nơi, dụng đức khiêm tốn làm phương tiện dìu dẫn người đời vào đường chân thiện mỹ.

Liệt sĩ Trần Ngọc Lên

một tín hữu Cao Đài ưu tú

Nhân ngày Thương binh Liệt sĩ 27 tháng 7

Cao Bạch Liên

Liệt sĩ Trần Ngọc Lên sinh năm 1919 ở xã Bình Nhâm, huyện Lái Thiêu, tỉnh Thủ Dầu Một (nay là thành phố Thủ Dầu Một, thuộc tỉnh Bình Dương) trong một gia đình theo đạo Cao Đài. Cha mẹ mất sớm, lên 7 tuổi đã mồ côi, xin vào nương nấu ở Thánh tịnh Ngọc Chiêu Đền gần quê nhà. Ở chùa ăn chay cho đến lớn, hàng ngày ông công phu, công quả làm mọi việc của chùa rất siêng năng cần mẫn, đã góp nhiều công sức trong việc xây dựng Thánh tịnh này.

Cách mạng Tháng tám 1945, rời Nam Bộ kháng chiến, lúc này Trần Ngọc Lên đã là một thanh niên 26 tuổi, người cao lớn khỏe mạnh. Anh tham gia bộ đội địa phương, có công lớn trong việc thành lập trung đội B thuộc đại đội 1 chi đội Thủ Dầu Một. Trước tình hình đơn vị mới thành lập, kinh tế thiếu thốn, vũ khí nghèo nàn, Trần Ngọc Lên dốc hết sức mình vận động nhân dân ủng hộ đóng góp tiền của để mua vũ khí và cho chiến sĩ có cái ăn cái mặc đỡ rách rưới. Đồng thời ra sức tuyên truyền địch vận các bót như Bình Nhâm, An Sơn, Bình Phú, Phú Hội, Bình Chiêu, Đồng An, Đồng Nhì... giác ngộ lôi kéo lính làm

nội ứng, mang súng về với cách mạng.

Nhờ vậy mà đã nhanh chóng tiêu diệt một số đồn bót của giặc Pháp trong vùng như: Trận đánh bót Cầu Mới Bình Nhâm tháng 7 năm 1947 đánh chớp nhoáng, thu vũ khí rồi rút lui để bảo toàn lực lượng (vì đồn nằm sâu trong lòng địch).

Trận đánh vào bót Giếng Nước Lái Thiêu nhờ địch vận có hai nội ứng nên chỉ có bốn chiến sĩ, khi đánh vào đồn khống chế được địch, thu gom vũ khí đạn dược nhanh chóng rút lui về căn cứ an toàn.

Đồng đội của anh kể lại: “Đặc biệt, anh Lên ăn chay trường, trước khi xuất trận bao giờ anh cũng nghiêm trang thắp ba nén nhang lên bàn Thiên khẩn vái gì đó mà không ai nghe được (...). Khi lâm trận anh rất hăng hái và chiến đấu quyết liệt với kẻ thù, chưa bao giờ thấy anh lùi bước.”

“Anh Sáu Lên là một chiến sĩ gương mẫu và rất yêu thương đồng đội. Là một vị chỉ huy thông minh, xuất sắc, sáng suốt mưu trí, biết né tránh những trận càn lớn để bảo toàn lực lượng, đúng là tư tưởng của một tướng du kích thời kỳ lực lượng của ta còn sơ khai. Nhưng khi cần chiến đấu thì anh dũng mãnh như thiên thần, là người luôn dẫn đầu phía trước đồng đội.”

Anh Lên chiến đấu rất dũng cảm và thăng tiến rất nhanh; Trung đội trưởng trung đội B (thuộc Đại đội 1, Chi đội 1 Thủ Dầu Một). Đại đội trưởng Đại đội 1. Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 303 Bến Cát rồi Tham mưu trưởng Trung đoàn 301 thuộc quân khu 7.

Tuy vào bộ đội nhưng anh vẫn không quên nguồn gốc đạo

Cao Đài, từ thuở ấu thơ anh sống nương tựa với Đạo, nhờ Đạo nuôi dưỡng cho tới trưởng thành. Tháng 10 năm 1947 Trần Ngọc Lên dự khoá đại Hội nghị Cao Đài Cứu quốc 12 phái lần thứ I tại chiến khu Đồng Tháp Mười. Được Đại hội tín nhiệm bầu làm Phó Chương Quản Hiệp Thiên Đài của Hội Thánh Duy Nhất. Tháng 10 năm 1948, Trần Ngọc Lên dự khoá đại Hội nghị Cao Đài Cứu Quốc 12 phái lần II, anh được bầu vào Thập Nhị Thời Quân của Hiệp Thiên Đài – giữ chức Tiếp Thế. Tháng 1 năm 1950, khoá đại Hội nghị lần III, anh bận chuẩn bị chiến dịch nên không về dự được.

Mùa thu 1950, Trung ương Đảng quyết định mở chiến dịch biên giới nhằm tiêu diệt một bộ phận quan trọng của giặc Pháp, giải phóng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc, khai thông biên giới. Mở đầu là trận tấn công cụm cứ điểm Đông Khê trên tuyến phòng ngự đường số 4 Cao Bằng – Lạng Sơn.

Để phối hợp với chiến dịch biên giới, Bộ tư lệnh Quân khu 7 quyết định mở chiến dịch Bến Cát (hay còn gọi là chiến dịch Lê Hồng Phong). Bến Cát là một vùng đất nằm về phía tây-bắc Sài Gòn kẹp giữa quốc lộ 13 và sông Sài Gòn. Đây là vùng có nhiều đường giao thông quan trọng đi qua như quốc lộ 13, đường 7, đường 14, đường sông Sài Gòn, đồng thời nằm trên hành lang căn cứ địa kháng chiến nối từ Chiến khu Đ về chiến khu Dương Minh Châu. Mở chiến dịch Bến Cát nhằm mục đích chia lửa với chiến dịch biên giới, Bộ tư lệnh Quân khu 7 còn có mục đích giải phóng đường số 7 và đường số 14 để mở rộng căn cứ kháng chiến. Khai thông đường tiếp tế từ Sài Gòn và đồng bằng

sông Cửu Long cho chiến trường miền Đông. Do tính chất quan trọng của chiến dịch nên tập trung nhiều đơn vị chủ lực của Quân khu 7, tập trung nhiều dân quân hỏa tuyến... Đầu tháng 10 năm 1950, mọi việc chuẩn bị cho chiến dịch xem như đã xong.

Tháng 10 năm 1950, với tầm quan trọng của chiến dịch, đích thân Tham mưu trưởng Trung đoàn 301 – Trần Ngọc Lên đi khảo sát chiến trường trên địa bàn huyện Bến Cát (tỉnh Thủ Dầu Một) để chuẩn bị chiến dịch Lê Hồng Phong. Anh bị địch phục kích sát hại, được đồng đội đưa về an táng gần quân y viện trung đoàn tại xã Bình Mỹ huyện Tân Uyên (chiến khu Đ). Tin Trần Ngọc Lên hy sinh, đồng đội đều ngậm ngùi thương tiếc một vị chỉ huy trẻ tuổi tài ba của Vệ Quốc Đoàn. Đồng đạo tiếc thương một chức sắc nhiều triển vọng của đạo Cao Đài. Đồng bào ở Thủ Dầu Một rất kính trọng ngưỡng mộ và thương mến Trần Ngọc Lên, nhất là đồng bào Cao Đài ở các xã Vĩnh Phú, Phú Long, Nhị Bình, Bình Nhâm... coi anh Sáu Lên là anh lớn, là thần tượng cao quý. Hay tin anh hy sinh, đồng bào vô cùng thương tiếc.

Đặc biệt, Cao Triều Phát, Người hết sức yêu quý Trần Ngọc Lên. Khi biết tin anh hy sinh, ông vô cùng xúc động, tiếc thương một chức sắc trẻ đầy triển vọng của Đạo đã không còn nữa. Nhân một chuyến lên công tác ở Miền Đông, ông lặn lội vào tận làng Bình Mỹ, huyện Tân Uyên trong Chiến khu Đ để thắp nén hương viếng mộ người Liệt sĩ Cao Đài, đồng thời tìm thăm tặng quà và tiền cho vợ và hai con của anh.

Hòa bình lập lại năm 1975, đa số đồng đội rời chiến khu trở

về thành phố, tuy vậy đồng đội vẫn còn thương nhớ Trần Ngọc Lên không nguôi, nhớ người đồng đội năm xưa nay còn nằm lại trong khu căn cứ địa. Sau hòa bình một thời gian, đồng đội ở đơn vị cũ cùng nhau tổ chức về khu căn cứ tìm mộ Liệt sĩ Trần Ngọc Lên, đưa hài cốt anh về nghĩa trang Liệt sĩ tỉnh Bình Dương an táng (nghĩa trang liệt sĩ tỉnh Bình Dương nằm trên đại lộ Bình Dương thuộc phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương). Buổi lễ truy điệu rất trọng thể và đầy xúc động, từ đây Liệt sĩ Trần Ngọc Lên được yên nghỉ bên các đồng đội của mình.

Để tưởng nhớ đến Liệt sĩ Trần Ngọc Lên, chính quyền tỉnh Bình Dương đặt tên Trần Ngọc Lên cho một con đường rộng thênh thang có chiều dài gần 4 km, chạy qua hai phường Định Hòa và Phú Mỹ thành phố Thủ Dầu Một. Tên Trần Ngọc Lên còn được ghi trên Bia Truyền Thống của tỉnh Sông Bé nay là tỉnh Bình Dương. Một trường Trung học ở Bến Cát được đặt tên Trần Ngọc Lên – nơi anh hy sinh, để nhắc nhở thế hệ trẻ hôm nay về người Liệt sĩ Cao Đài.

Hiện nay Trần Ngọc Xinh (con của Liệt sĩ Trần Ngọc Lên), ở ngôi nhà tình nghĩa tại xã Bình Nhâm, Thành phố Thủ Dầu Một, của chính quyền tỉnh Bình Dương xây tặng, có treo Bảng Vàng Tổ Quốc Ghi Công của Liệt sĩ Trần Ngọc Lên.

Nhân ngày Thương Binh Liệt Sĩ 27-7, chúng ta tưởng nhớ và biết ơn đến những Liệt Sĩ đã hy sinh cho cuộc kháng chiến cứu nước, trong đó có Liệt sĩ Trần Ngọc Lên người chức sắc ưu tú của đạo Cao Đài, đã hy sinh cho chúng ta có cuộc sống độc lập tự do hạnh phúc hôm nay.

Nhớ Đạo Huynh Thiện Nguyên

Bửu Long

Xưa,

Giữa biển trần muôn trùng sóng gió
Một con thuyền trắng mỏng ngàn khơi
Tuổi mười sáu đã được gọi tên lành¹
Viên ngọc sáng trau hình đạo lý
Tên Ngọc Minh như tổ ngô tu hành
Tuổi mười bảy nhận ân thiêng Đức Mẹ²
Lời kim thạch để trọn gìn bốn tánh
Đạo tài thành cho tròn phận thiên lương
Như bóng trăng treo bàng bạc tình thương

1. Đức Giáo Tông Đại Đạo Thái Bạch Kim Tinh dạy: “Còn phải nói đến những phần tiến lên như Quang Dũng, Ngọc Minh, Mộng Lương, Đức Chính, Minh Đức, Phục Nguyên, Tân Dân, Chí Chơn, Hữu Thường và Anh Đào, Mỹ Liên, Ngọc Sương, Thu Danh, Thanh Lan, Thu Hồng...” (Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-4 Quý Sửu, 17-5-1973).

2. Đức Diêu Trì Kim Mẫu dạy: “Mấy đứa nhỏ: Tấn Trạch, Văn Thọ, Huệ Trung, Huệ Nhẫn, Huệ Ý, Trọng Nguyên, Thị Ân, Chí Phước, Hạnh Điền, Hạnh Diệu, Bạch Yến, Thị Ngoạn, Mỹ Liên, Mộng Lương, Đức Chính, Đức Minh, Ngọc Minh, hưởng hồng ân của Mẹ để tập lần hạnh đạo cho thông để được Mẹ ban hồng ân cho năm sắp đến...” (Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-12 Quý Sửu, 07-01-1974).

Như đất chở trên dòng thiên lý
Giữa hồng hoang với muôn ngàn mộng寐
Khoác bạch y gắng một tấm lòng trong
“Giác ngộ cận ưu mầu giáo hóa
Thức thời viễn lự pháp tông truyền”⁻³
Nên đường đời có bao phen chìm nổi
Phong ba sự thế vẫn an nhiên
Dù bước đạo có khi nào sóng lặng
Gió phong trần dễ mấy bận bình yên
Đường tu là điểm thiết hóa hoàng kim
Bởi trừ khước tham sân si có khi nan đổ
Tuổi ba hai, huynh tên đề Tiên tịch
Bốn mươi sáu, nhận trọng trách Ngoại Giao⁻⁴
Dạ thảo ngay in một mảnh tâm điền
“Ngọc Minh do chí cố dồi mài
Nên đạo là nhờ biết thảo ngay
Đạo đức vững vàng nơi ý thánh
Ban cho Thiện Nguyện hưởng ân dày”⁻⁵
Ôi!

3. Đức Giáo Tông Đại Đạo Thái Bạch Kim Tinh, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 25-3
Đinh Mão (22-4-1987).

4. Đức Giáo Tông Đại Đạo Thái Bạch Kim Tinh, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 18-02
Canh Thìn (23-3-2000).

5. Đức Giáo Tông Đạo Đạo Thái Bạch Kim Tinh, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-7
Kỷ Tỵ (15-8-1989).

“Nhân tợ thu hồng lai hữu tín
Sự như xuân mộng liễu vô ngân”⁻⁶
Cánh buồm trắng lạc trôi dòng biển cạn
Viên ngọc sáng đã vội khuất non ngàn
Hoài bão tan trong thành khói biếc
Gánh đồ thư chưa trọn vẹn đường trần
Làn khói mỏng vấn vương màu lư thảo
 Gian trời đất chia đôi ánh mây vàng!

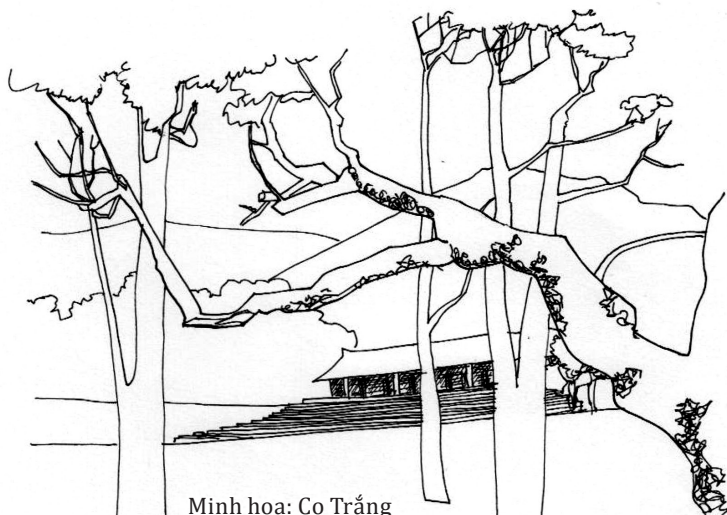
Nay,

Khuya tháng Sáu mưa ngâu chưa kịp tạnh
Trời màu đêm đã rụng một vì sao
Trên hành liễu còn đọng lời thương tiếc
Cánh buồm giương nay thiếu một tay chèo
Trên dặm trời chắc huynh còn ngoảnh lại
Bước đường mây chắc mấy bạn bồi hồi
Còn vang vọng trên dư vang đại hải
Ước nguyện xưa gánh chút Đạo vào đời
Thì ngược trông về trời biển mệnh mang
Sau tà áo bay mấy đường mây trắng
Đường âm dương có muôn chiều cách biệt
Thì chắc huynh sẽ mặc trợ âm phò
Nghĩa đệ huynh nén tâm hương bái tiễn
Chén tâm tình kính tiễn một người đi...

6. Thơ Tô Đông Pha.

Nguyễn Thị Duê Nữ tiến sĩ đầu tiên của Việt Nam

Diệu Thuần



Đất nước Việt Nam sản sinh không chỉ những anh hùng hào kiệt, mà các bậc anh thư liệt nữ cũng không kém gì các bậc nam nhi. Nào Hai Bà Trưng, Bà Triệu... cầm gươm đánh đuổi giặc ngoại xâm, nào các bậc nữ sĩ văn chương xuất chúng như Đoàn Thị Điểm, Hồ Xuân Hương, Bà Huyện Thanh Quan... Trong số các nữ sĩ tài ba lưu danh hậu thế, còn có một nữ tiến sĩ mà ít ai biết đến.

Đó là bà Nguyễn Thị Duệ, người phụ nữ duy nhất đỗ trạng nguyên trong lịch sử khoa bảng Việt Nam, đã vượt qua những định kiến, luật lệ thời phong kiến của xã hội Việt Nam lúc bấy giờ, đã được Đại Nam Dur Địa Chí Ước Biên, trong phần tỉnh Hải Dương ghi:

Am Đàm Hoa, Tiến sĩ gái;

*Thầy võ tuyển xã Đan Luân.*¹

Nguyễn Thị Duệ, còn có tên là Nguyễn Ngọc Toàn, hay Nguyễn Thị Du, hiệu Diệu Huyền, sinh vào ngày 14-3-1574, mất ngày 08-11-1654, hưởng thọ 80 tuổi. Bà được sinh ra trong một gia đình nhà nho nghèo ở xã Kiệt Đặc, huyện Chí Linh (nay là phường Văn An), tỉnh Hải Dương, là địa linh sản sinh rất nhiều người đỗ đạt cao, tiếng tăm lừng lẫy như các Trạng Nguyên: Vũ Dương, Trần Sùng Dĩnh thời Hồng Đức thế kỷ XV, Lê Nại thời Đoan Khánh đầu thế kỷ XVI...

Trong mục Tài nữ của Hải Dương Phong Vật Chí có ghi: “Nguyên phần mộ tổ tiên bà ở núi Tri Ngư, xưa truyền thầy địa lý đã đoán đó là kiếu đất “Nhất kính chiếu tam vương” (một gương soi ba vua). Thế rồi người mẹ nằm mơ thấy ngôi sao rơi vào bụng mà sinh ra bà, dung nhan rất mỹ lệ, thông minh khác thường.”

Thuở nhỏ bà đã tỏ ra rất thông minh, sáng dạ, năm lên 4 tuổi đã biết làm thơ. Trong Đại Nam Nhất Thống Chí, phần tỉnh Hải

1. Xã Đan Luân, thuộc huyện Đường An, Hải Dương, có ông Vũ Thạnh đỗ Thám Hoa đời Lê Trung Hưng. Sau vì bị bãi chức, về quê dạy học. Học trò ông nhiều người đỗ đạt. Trong số người đỗ võ tuyển cũng nhiều.

Dương, nơi mục “Liệt Nữ”, có ghi: “Bà thông minh hơn người, học rộng hay chữ, hơn 10 tuổi giả làm con trai, theo thầy học tập”.

Lúc bấy giờ nhằm vào thời nhà Mạc. Cuối năm 1592, Trịnh Tùng đem quân đánh vùng Hạ Hồng, Nam Sách, Kinh Môn, quê hương của bà. Vua nhà Mạc là Mạc Hậu bị bắt. Mấy năm tiếp sau đó, vùng Hải Dương vừa bị chiến tranh cướp phá liên miên, lại vừa bị mất mùa đói kém, người chết như rạ... Nhà Mạc bị quân Trịnh đánh bại, phải chạy lên lập nghiệp ở Cao Bằng, gia đình bà đã lên đây lánh nạn và học hành.

Mặc dù nhà Mạc đã sút kém nhiều phần so với trước nhưng vẫn tổ chức các khoa thi Hội để thu hút nhân tài duy trì sự tồn tại. Thời đại phong kiến, nữ nhi không được tham gia thi cử, bà Nguyễn Thị Duệ cải dạng nam trang ứng thí với tên giả là Nguyễn Du và đỗ đầu khi tuổi vừa 20, trong khi người thầy dạy bà đỗ vào hạng thứ hai. Ngợi khen người học trò tài năng, người thầy đã thốt lên: “Màu xanh từ màu lam mà ra, thế mà đẹp hơn màu lam.”

Trong buổi triều đình ban yến tiệc để chiêu đãi các tân khoa, thấy dung mạo của bà đẹp đẽ, dáng vẻ mảnh mai, mặt mày thanh tú... nên lấy làm lạ và dò hỏi, lúc đó mới biết Trạng nguyên là nữ. Nhưng nhà vua quý mến hiền tài, nên không bắt tội bà. Tuy nhiên theo phép tắc, bà không thể tiếp tục mang danh Trạng nguyên. Nhà vua tiếc cho tài năng của người con gái trẻ nên ban hiệu là Lễ nghi cố vấn và cho vờ vào cung để dạy học các cung nữ, phi tần. Bà chọn hiệu là Tịnh Phi (Sao Sa).

Năm 1625, khi quân Trịnh tiến lên Cao Bằng diệt nhà Mạc. Nguyễn Thị Duệ vào rừng ẩn náu. Khi bị quân lính bắt giữ, nữ trạng nguyên vẫn không sợ sệt, rất bình tĩnh. Bà dùng giọng kè cổ, uy hiếp quân lính phải giải bà đến trước Chúa Trịnh. Nhờ tài đối đáp xuất sắc, Chúa Trịnh mến tài bà nên vẫn cho bà trông coi việc dạy học trong Phủ Chúa. Về sau, bà được phong là Nghi Ái Quan.

Công nghiệp

Là một người có nhân cách rất cao thượng, hết lòng chăm lo cho việc mở mang dân trí. Khi làm quan, bà rất quan tâm đến việc thi cử, bồi dưỡng nhân tài. Mặc dù sống trong thời buổi “trọng nam khinh nữ” nhưng tài năng của bà khiến cho người khác không thể không nể phục. Phần lớn tại các kỳ thi Đình, thi Hội, bà đều được mời chấm chọn các bài thi. Sách chép khoa thi Hội năm Tân Mùi niên hiệu Đức Long (1631) có một thí sinh đề ra 12 mục, nhưng bài thi chỉ làm 4 mục, song văn bút rất xuất sắc, độc đáo. Các khảo quan lấy làm lạ chưa dám quyết, tâu trình lên vua. Nhà vua giao cho số đồ đại khoa trong triều xem lại, bà cũng được tham dự. Bà đọc đi đọc lại nhiều lần bài văn, thấy quả thí sinh này là người học rộng, có tài, bèn nhất trí với các quan tâu vua lấy đỗ nhất. Đến khi ráp phách, bà mới hay đó là bài của Nguyễn Minh Triết, cậu em họ mình.

Để góp phần nâng cao việc giáo dục tại các vùng xa kinh kỳ, mỗi tháng vài kỳ bà cùng các bậc túc nho đến giảng dạy, ôn tập cho các sĩ tử ở khu vực đã được ấn định rồi soạn đề, tổ chức

thi. Bài thi được gửi lên cho bà chấm, khi có kết quả được gửi trở lại các địa phương. Đây có thể được xem là một hình thức đào tạo từ xa của đất nước ta mà đến sau 4 thế kỷ chúng ta mới thừa kế và phát huy.

Với mục đích khuyến học, bà đã dùng bổng lộc của mình, trích ra 10 mẫu ruộng thưởng cho những tân tiến sĩ của quê hương, luân phiên cày cấy thu hoa lợi phục vụ cho việc nuôi các học trò nghèo hiếu học để họ có điều kiện tiếp tục con đường học vấn. Mặt khác, bà là một vị quan thanh liêm, rất mực thương dân. Khi đất nước gặp thiên tai, địch họa, bà xin triều đình phát chẩn cứu đói, cấp nhiều mẫu ruộng đất, canh tác lấy hoa lợi. Nhân dân rất cảm phục tài năng và đức độ của Bà nên tôn xưng bà là “Nghiêu, Thuấn trong phái nữ thần tiên ở trên đời” và có thơ ca ngợi:

*Lạ thay một kính chiếu ba vương
Kiệt Đặc, Tinh Phi vốn cố hương.
Đẹp tuyệt trần gian, thêm sắc sảo,
Đỗ đầu thi hội, nổi văn chương.
Mất còn chuyện ấy, thầy dâu bé,
Mến trọng ơn này, tạ phấn hương.
Gia Ký hai câu còn để lại,
Tháp hoa đầu núi mấy tinh sương...*

Không những có tài, bà còn là một người có đức độ, khoan dung. Theo dân gian truyền lại, trước đây khi nghèo khó, anh trai bà bị người trong làng hãm hại. Nhưng khi vinh hiển, bà

không hề nghĩ đến việc trả thù.

Có thể nói, với học lực uyên bác cùng đạo đức cao thượng, bà Nguyễn Thị Duệ đã dạy cho mọi người biết giữ gìn lễ nghi, hướng dẫn họ làm văn, đọc sách. Mỗi lần được chúa Trịnh hỏi han những điển tích trong kinh sử, bà đều giảng giải cặn kẽ và lựa lời khuyên Chúa nên theo những lời răn dạy của Thánh hiền, khoan sức cho dân. Trước những thiên tai liên tiếp xảy ra như nước sông Nhị dâng cao ngập cả cửa Nam kinh thành Thăng Long, đê Yên Duyên, khuyến Lương đều vỡ, nhật thực, nguyệt thực liên tiếp xảy ra. Núi Hoàng Sơn (Thanh Hóa), núi Kẽm Trống (Ninh Bình), tự nhiên sụt lở. Bà Duệ nhân cơ hội đó khuyên nhà Chúa nên chỉnh đốn chính sự để yên lòng dân. Quả nhiên, theo lệnh chúa Trịnh, các quan đi thanh tra đã phát hiện ra nhiều bợn tham quan ô lại, những nhiễu dân lành. Không chỉ chúa Trịnh, ngay cả vua Lê Thần Tông cũng rất kính phục bà.

Tấm lòng rộng mở cùng tài năng văn chương kết duyên bà gặp Hoàng hậu Trịnh Thị Ngọc Trúc (vợ vua Lê Thần Tông), trong một lần dự cuộc vui quan trường. Từ đó hai người trở nên thân thiết tri kỷ, bà thường cùng Hoàng hậu đi lễ chùa, gặp các nhà thông tuệ, đạo hạnh; gặp gỡ các sĩ phu có tài như Giang Văn Minh, Khương Thế Hiến... mục đích để hiểu rõ hơn tình hình chính trị quốc gia, kịp thời góp phần điều chỉnh chính sách giúp vua cho phù hợp với lòng dân. Bà cũng đã từng xin với vua Lê cho được mở trường dạy học, nhưng ước nguyện của bà không được chấp nhận. Thực tế gần 100 năm sau mãi đến giữa thế kỷ thứ 18 nước ta mới có bà

Đoàn Thị Điểm được mở trường dạy học ở Chương Dương.

Về văn chương thi phú, bà là người có tài văn thơ rất lỗi lạc. Theo Công Dư Tiệp Ký, danh sĩ Vũ Phương Đề cho biết, sinh thời bà Nguyễn Thị Duệ sáng tác rất nhiều tác phẩm văn thơ, nhưng đều bị thất lạc. Bà có làm bài Gia ký bằng Quốc âm thuật lại các việc riêng và tự ví mình như nàng Bạc Thị (vốn là phi tần của Hán Cao Tổ, mẹ vua Văn Đế, một người phụ nữ nổi tiếng hiền đức trong lịch sử Trung Quốc).

Kém gì một chút đảo điên

So le Bạc Thị vốn duyên Hán hoàng

Nữ nhi dù đặng có lẽ

Ắt là tay thiệp kém gì trạng nguyên.

Đến năm 70 tuổi, bà dựng am Đàm Hoa để có nơi đọc sách và bảo ban các sĩ tử trong làng. Sau đó bà xuất gia đi tu ở chùa Vụ Nông, hạt Gia Lâm, lấy hiệu là Diệu Huyền. Bà thọ được 80 tuổi. Sau khi mất, bà được triều đình ban sắc phong cho đức tượng, dựng bảo tháp, khắc bia, người dân lập đền thờ, tôn bà là Phúc thần.

Bà Nguyễn Thị Duệ là một trường hợp hiếm có trong xã hội Nho giáo nước Việt Nam ta ngày xưa, nơi mà nữ nhi không có quyền tham gia vào việc triều chính xã hội. Qua cuộc đời bà, ta thấy được phần nào đức hạnh cao quý, ý chí vươn lên cùng năng lực tài ba xuất chúng của giới cài trâm. Tuy nhiên, do bà là phận nữ nhi, dám vượt qua lễ giáo phong kiến để dự thi tiến sĩ và là vợ của vị vua Triều Mạc (vốn chỉ được coi là “ngụy triều”...), đồng thời dù bà đã đỗ Tiến sĩ, được vua Mạc, rồi vua Lê, chúa

Trịnh sủng ái tin dùng, người đương thời ca ngợi nhưng các sử gia không ghi chép về cuộc đời của bà trong các sách sử chính thống, khiến cho người đời sau khó mà tìm kiếm được thông tin chính xác, đầy đủ về thân thế và sự nghiệp của bà.

Tháp mộ của bà được đặt trên đỉnh một quả đồi cạnh núi Phụng Hoàng (Chí Linh, Hải Dương). Vào cuối triều Lê, Tinh Phi cổ tháp được xếp vào hàng Chí Linh bát cổ. Hiện nay, chỉ có một số tư liệu như Hải Dương Phong Vật Chí, Chí Linh Phong Vật Chí, Lập Cử Tự Bi, Chí Linh Bát Cổ Bi... là có ghi về cuộc đời và công trạng của bà. Khi bà mất, dân làng đã tạc tượng, lập đền thờ bà để tưởng nhớ công lao hết lòng giúp nước, che chở cho dân tại Đình làng Kiệt Đoàn, và gọi bà là Vua Bà, đồng thời có ghi một bản sắc phong thời vua Khải Định nhà Nguyễn ban thưởng cho bà: “Xã Kiệt Đặc, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương thờ phụng Chánh Vương phủ, thị nội cung tần, Lễ sư Nguyễn Thị Ngọc tôn thần. Người có công giúp nước, che chở cho dân, rất linh ứng từ xưa... phong làm Tề linh, dực báo trung hưng, trung đẳng thần”. Lễ tưởng niệm công đức của Bà được nhân dân chọn vào ngày mùng 7 tháng 12 âm lịch hằng năm. Ngoài ra tại thôn Trung Hà, xã Nam Tân, huyện Nam Sách (đất phong của bà, khi địa phương này thuộc huyện Chí Linh) cũng có đền thờ bà gồm có tượng và sắc phong từ hơn 100 năm của các triều đại phong kiến Việt Nam, hiện vẫn còn tồn tại.

Vào năm 2004, tỉnh Hải Dương đã đúc tượng của bà để tưởng nhớ đến sự nghiệp to lớn của người nữ tiến sĩ đầu tiên của đất nước. Linh vị bà được thờ cạnh Khổng Tử và các vị đại

khoa danh tiếng tỉnh Hải Dương và Việt Nam như Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, Chu Văn An, Mạc Đĩnh Chi, Phạm Sư Mạnh, Tuệ Tĩnh... trong hậu cung của Văn miếu Mao Điền (Hải Dương).



Tinh phi cổ tháp – Tháp mộ Bà chúa Sao Sa Nguyễn Thị Duệ nằm trên đỉnh đồi phía sau Đền Thờ.

Tư liệu tham khảo

1. Bà Tiến sĩ Mạc triều Nguyễn Thị Duệ, PGS.TS Đỗ Thị Hào–Hội Văn nghệ dân gian Hà Nội.
2. Nguyễn Thị Duệ, Bách khoa toàn thư mở Wikipedia.
3. Nữ Trạng Nguyên duy nhất trong lịch sử khoa bảng Việt Nam, Nguyễn Sương tổng hợp.
4. Đền thờ nữ tiến sĩ Nguyễn Thị Duệ: Di tích tâm linh, Sông Thu.
5. Thăm đền Bà Chúa Sao Sa, Hoàng Việt.
6. Giả trai thi đỗ Trạng nguyên, Nữ tiến sĩ duy nhất trong lịch sử Việt Nam là ai?, PV. Tổng hợp.

Độc báo

Phiên tòa xét xử một vụ ăn trộm bánh mì ở New York năm 1935

Tử La Lan sưu tầm

Đây là một câu chuyện xảy ra giữa thời kỳ Đại suy thoái ở Mỹ (kéo dài từ năm 1929 tới nửa sau thập niên 30) tại một nơi nghèo nhất trong thành phố New York. Người ta xét xử một phụ nữ ăn trộm bánh mì vì đói.

Một buổi tối lạnh lẽo tháng 1 năm 1935, phiên tòa ban đêm đang được tiến hành tại một phòng khó khăn nhất thuộc thành phố New York.

Một phụ nữ già và rách rưới được đưa đến, bà bị buộc tội ăn trộm một ổ bánh mì. Khuôn mặt bà u sầu, ẩn trong vẻ u sầu đó là một sự xấu hổ.

Quan tòa hỏi: “Bị cáo, có đúng là bà đã ăn trộm bánh mì không?”

Người phụ nữ cúi đầu và lúng túng trả lời: “Đúng vậy! Thưa quan tòa, tôi thực sự đã ăn trộm bánh mì!”

Quan tòa lại hỏi: “Động cơ ăn trộm bánh mì của bà là gì? Có phải vì đói khát không?”

“Đúng ạ!” Người phụ nữ ngẩng đầu lên, đôi mắt nhìn vị thẩm phán và nói: “Đúng là tôi đói. Con rể đã bỏ rơi gia đình, con gái tôi thì bị bệnh còn 2 đứa cháu nhỏ đang chết đói. Chúng đã mấy ngày hôm nay không được ăn rồi. Tôi không thể trơ mắt nhìn chúng chết đói được, chúng vẫn còn quá nhỏ!”

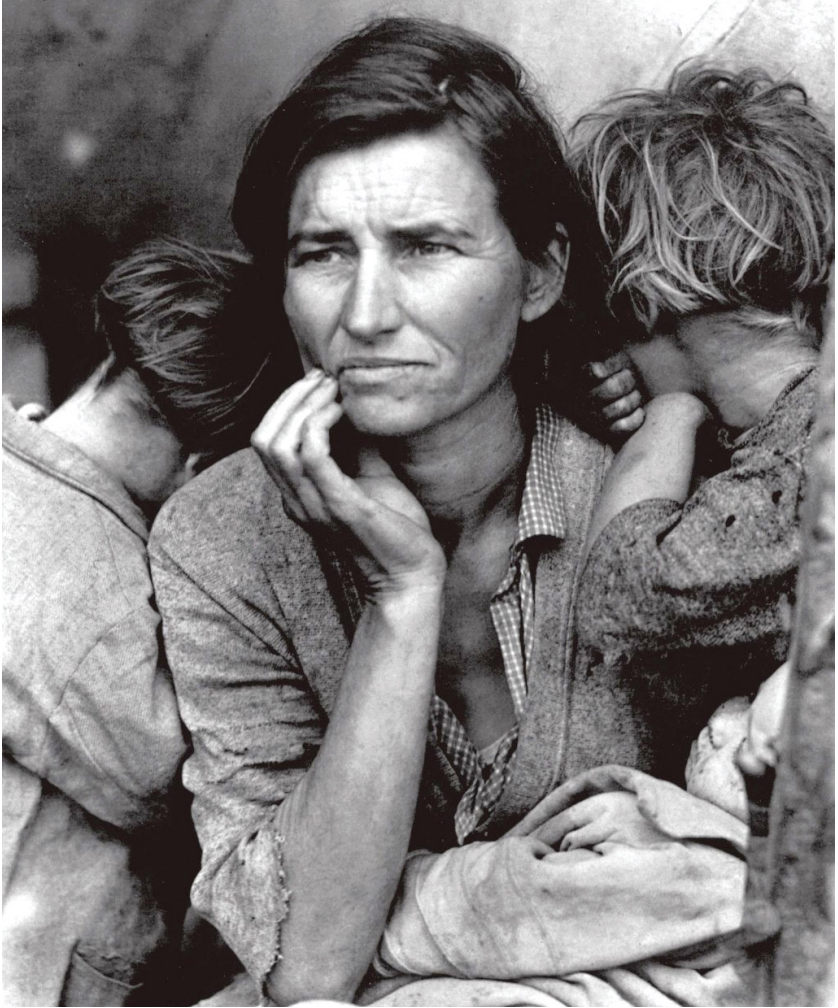
Nghe người phụ nữ nói xong, mọi người xung quanh bắt đầu lầm rầm những tiếng bàn tán.

Tuy nhiên, người chủ cửa hàng nơi bị trộm bánh mì thì không đồng ý tha thứ. “Đây là một vùng kém an ninh, thưa Ngài,” ông nói. “Bà ấy phải bị trừng phạt để làm gương cho những người khác.”

Vị thẩm phán thở dài, nhìn về phía người phụ nữ và nói: “Bị cáo, tôi phải làm việc theo lẽ công bằng, chấp hành theo pháp luật. Bà có hai lựa chọn: nộp phạt 10 đô la hoặc chấp nhận bị giam 10 ngày.”

Thị trưởng của thành phố New York khi đó – ông Fiorello La Guardia cũng có mặt và ông chính là vị thẩm phán trong buổi tối hôm đó. Khi đọc tuyên án trên, ông đồng thời cũng đưa tay vào túi, lấy ra một tờ tiền và thả vào chiếc mũ của mình. Ông nói lớn, “Đây là 10 đô la mà tôi sẽ trả cho án phạt này. Ngoài ra tôi phạt mỗi người trong phòng xét xử này 50 cent, đó là số

tiền phạt cho sự thờ ơ của chúng ta khi ở cùng khu phố mà lại để cho một người phụ nữ phải đi ăn trộm bánh mì về nuôi cháu. Ông Baliff, hãy đi thu tiền và đưa tặng cho bị cáo.”



Bức ảnh nổi tiếng thời Đại-suy-thoái ở Mỹ có tên “Người mẹ nhập cư” của Dorothea Lange chụp năm 1936.

Công dụng của gừng

Theo Trí Thức Trẻ • Ban biên soạn sưu tầm

Khi gừng được sấy khô, một hợp chất được tạo ra là shogaol có tác dụng chống oxy hóa mạnh, chống ung thư hiệu quả gấp 10.000 lần Taxol – loại thuốc dùng trong hóa trị.

Gừng có tên khoa học là *Zingiber officinale*, cùng họ với củ nghệ, được trồng chủ yếu ở Ấn Độ, Đông Nam Á, Châu Phi và Úc. Hợp chất chính của gừng là zingiberene có chứa gingerols. Theo các nhà khoa học, vị cay của gừng có liên quan đến các hợp chất capsaicin và piperine.

Theo nghiên cứu đăng trên Tạp chí Sinh Lý học, Sinh Lý bệnh học và Dược học quốc tế cho thấy gừng có tác dụng ngăn ngừa nhiều bệnh khác nhau. Bên cạnh đó, gừng còn chứa nhiều chất chống oxy hóa, chống viêm, kháng vi khuẩn và thậm chí có tác dụng chống ung thư.



Khi gừng được nấu, nướng ở nhiệt độ cao hoặc sấy khô, một hợp chất khác gọi là Shogaol được tạo thành có tác dụng chống oxy hóa mạnh.

Trong nấu ăn, bạn có thể dùng gừng cả ở dạng tươi và khô. Tuy nhiên, dùng gừng như thế nào để phát huy tác dụng tốt nhất, khi nào nên dùng gừng khô và cách dùng gừng tươi không bị mất đi tác dụng trong quá trình nấu ăn? Là những câu hỏi mà rất nhiều người thắc mắc.

Dưới đây là câu trả lời của chuyên gia dinh dưỡng người Mỹ Jenny Hills về những vấn đề trên.

Gừng nấu ở nhiệt độ cao có mất đi tính chống oxy hóa không?

Như chúng ta đã biết, nhiệt độ của nấu ăn thay đổi các thành phần hóa học của hầu hết các thực phẩm. Ở dạng thô, không nấu chín, thành phần hoạt chất của gừng là 6 gingerol. Tuy nhiên, khi gừng được nấu chín, hấp, nướng, các thành phần của nó thay đổi và các hợp chất khác hình thành.

Một nghiên cứu được công bố trên Tạp chí Quốc tế Y học Ayurvedic và Herbal cho thấy, trong trường hợp gừng đun sôi sẽ giảm các chất chống oxy hóa, trong khi rang lại không ảnh hưởng đáng kể.

Tuy nhiên, một nghiên cứu khác về ảnh hưởng của nhiệt độ đối với các hợp chất có trong gừng cho thấy, nếu thời gian nấu hoặc nướng gừng được giới hạn trong khoảng thời gian từ 2-6 phút, mức độ chất chống oxy hóa tăng lên 6 lần. Tuy nhiên, mức chất chống oxy hóa trong gừng lại bị giảm xuống sau 8 phút.

Gừng tươi tốt hơn hay gừng khô tốt hơn?

Các nhà khoa học phát hiện ra rằng, khi gừng tươi được sấy khô, các hợp chất mới được hình thành. Các hợp chất này không có trong gừng tươi, thậm chí chúng còn mạnh hơn gingerols, một trong số đó là hợp chất 6-Shogaol có trong gừng khô.

Hợp chất này khiến gừng khô có mùi và vị nồng hơn gừng tươi. Nghiên cứu đăng trên tạp chí Phytochemistry cũng

khẳng định rằng, cả 2 chất gingerols và shogaol đều là chất chống oxy hóa mạnh, có tác dụng chống viêm, chống ung thư và kháng khuẩn.

Tạp chí Khoa học Dinh dưỡng và Khoa học Thực phẩm phát hiện ra rằng, nồng độ cao nhất 6-Shogaol được tạo ra khi gừng sấy khô ở 80 độ C.

Các nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, chất shogaol có sức mạnh hơn tất cả các hợp chất khác trong gừng. Nghiên cứu đăng trên Tạp chí Ethnopharmacology cho rằng, khi so sánh khả năng chống oxy hóa và chống viêm, 6-Shogaol vượt trội so với các hợp chất khác trong gừng, đây cũng là lý do y học thường dùng gừng khô.

Do vậy, chúng ta không nên lo lắng rằng, việc dùng gừng khô khi nấu ăn thay đổi và mất đi tính chất chữa bệnh trong nó. Ngược lại, các bằng chứng khoa học còn cho thấy việc sử dụng gừng khô tăng lợi ích đối với sức khỏe.

Đặc tính chống ung thư của 6-Shogaol

Nghiên cứu gần đây về chất 6-Shogaol chiết xuất từ gừng có tác dụng chống ung thư mạnh mẽ. Điển hình, một nghiên cứu của Hiệp hội Nghiên cứu Ung thư Hoa Kỳ cho thấy rằng chất 6-Shogaol từ gừng khô ức chế sự phát triển của tế bào ung thư tiền liệt tuyến.

Nghiên cứu được đăng trên Tạp chí Dược học Anh cho thấy

chất 6-Shogaol có thể ức chế sự lây lan của khối u ung thư vú. Ngoài ra thành phần này còn ức chế sự phát triển của các cục u vú.

Cuối cùng, nếu so sánh với thuốc điều trị ung thư Taxol, 6-shogaol vượt trội hơn hẳn về khả năng tiêu diệt các tế bào ung thư và khối u.

Các nhà nghiên cứu cho hay ngay cả khi liều lượng thuốc điều trị ung thư Taxol được tăng lên, 6-Shogaol cũng chứng minh hiệu quả cao hơn 10.000 lần so với Taxol trong việc loại bỏ các tế bào gốc ung thư, ngăn chặn khối u mới hình thành và bảo toàn cho các tế bào khỏe mạnh.

Cách sử dụng gừng trong nấu ăn để phát huy hiệu quả tốt nhất

Có rất nhiều cách để sử dụng gừng trong nấu ăn để tăng lợi ích chống oxy hóa. Tin tốt là dùng gừng tươi hay gừng khô trong bữa ăn hay đồ uống đều giúp tăng cường sức khỏe của bạn.

Dưới đây là một số lời khuyên hữu ích về cách dùng gừng trong chế độ ăn uống của bạn:

- Cho 1 miếng gừng tươi vào ấm đun nước sôi, dùng nước này pha trà mỗi ngày giúp tăng cường hệ miễn dịch.

- Bạn cũng có thể dùng ½ muỗng cà phê bột gừng khô cho vào chén nước sôi, ngâm trong vài phút, thêm chanh và mật

ong để thưởng thức.

– Cho 1 lát gừng tươi vào các món như khoai tây chiên, súp và nước sốt giúp tăng cường sức khỏe của bạn. Nêm gừng khi các món ăn gần chín để các hoạt chất trong gừng không bị mất đi.

Một số lưu ý khi sử dụng gừng

Mặc dù gừng là một loại thảo dược tuyệt vời với nhiều lợi ích sức khỏe, tuy nhiên, dưới đây là một số lưu ý khi sử dụng gừng theo Trung tâm Y tế Đại học Maryland:

- Trẻ em dưới 2 tuổi không nên ăn gừng
- Không ăn quá 4g gừng mỗi ngày
- Phụ nữ mang thai có thể uống tới 1g gừng mỗi ngày
- Gừng có thể gây ợ nóng nhẹ, tiêu chảy và ợ hơi
- Nếu bạn đang dùng thuốc làm loãng máu, nên nói chuyện với bác sĩ về lượng gừng dùng hàng ngày
- Nếu bạn đang có ý định phẫu thuật, tham khảo ý kiến bác sĩ nếu uống trà gừng mỗi ngày.

THEO TRÍ THỨC TRÈ

Chuyên gia cảnh báo

Người đi ngủ sau 11 giờ đêm phải đối mặt sớm với 7 căn bệnh

V.T. sưu tầm

Thức sau 11 giờ đêm sẽ khiến 7 bộ phận cơ thể bị sinh bệnh sớm

Theo ý kiến của chuyên gia, nếu sau 11 giờ đêm mà bạn vẫn chưa đi ngủ, sẽ làm cho cơ thể thay đổi nhịp sinh học, dẫn đến nguy cơ làm hỏng một số cơ quan trên cơ thể. Dù ngày hôm sau có ngủ bù nhiều bao nhiêu, thì khả năng tái tạo sức khỏe cũng không kéo về được trạng thái ban đầu.

Trong thời gian qua, truyền thông Trung Quốc đưa nhiều thông tin về các trường hợp bị ngã, đột tử, ung thư ở người trẻ tuổi có liên quan đến nguyên nhân thức khuya, thiếu ngủ.



Cùng với guồng quay của lối sống hiện đại, nhiều người đã không còn giữ được thói quen đi ngủ sớm như thế hệ cũ. Bên cạnh đó, việc phải làm thêm giờ, học tập, giải trí và các công việc khác khiến nhiều người không thể đi ngủ sớm.

Dù là nguyên nhân gì đi chăng nữa, việc thức quá khuya cũng sẽ trực tiếp gây ra những xáo trộn trong lịch làm việc và tái tạo của cơ thể, từ đó gây ra những nguy hại cho sức khỏe.

Trong báo cáo khảo sát giấc ngủ toàn cầu năm 2015 cho biết, tại Trung Quốc, thời gian đi ngủ trung bình của người dân thành phố là lúc 0 giờ 32 phút. Điều này có nghĩa là rất nhiều người đã không nghỉ ngơi thư giãn vào lúc đêm khuya.

Mặc dù hiện nay, 0 giờ là thời gian không phải là quá muộn, nhưng dựa trên góc độ sinh học, cơ thể cần nghỉ ngơi trước 11 giờ đêm để thực hiện các chức năng nội tiết của nội tạng.

Các nghiên cứu đều cho rằng, hầu hết các hoạt động tự phục hồi cơ thể thực hiện trước 3 giờ sáng. Thời gian quan trọng nhất để cơ thể ngủ hoàn toàn là từ 11 giờ đêm đến 3 giờ sáng. Đây là thời điểm quan trọng nhất để ngủ, và giấc ngủ phải đảm bảo chất lượng.

Theo hai chuyên gia, bác sĩ Thi Minh, Phó Giám đốc Trung tâm hợp tác trị liệu Đông y Thượng Hải, chuyên về bệnh Mất ngủ và bác sĩ Từ Đại Thành, Phó Chủ nhiệm khoa điều trị, Bệnh viện Đông Tây Y kết hợp thành phố Nam Kinh (TQ), việc thức khuya sau 11 giờ đêm có thể gây ra 7 nguy cơ xấu cho sức khỏe như sau.

1. Tổn thương da

Vào thời điểm từ 22 giờ đến 23 giờ, là thời gian làn da làm nhiệm vụ bảo trì và tái tạo. Nếu bạn thức đêm, các tuyến nội tiết sẽ không có điều kiện để làm việc, gây ra rối loạn hệ thần kinh, từ đó sẽ làm cho da khô, tính linh hoạt kém, màu da xỉn dần, thâm sạm, có mụn trứng cá, tàn nhang, các vết nhăn.

2. Thừa cân và béo phì

Khi mọi người ngủ, cơ thể sẽ phân giải một chất gọi là “leptin”, tạm hiểu là giúp cơ thể gầy đi hoặc hao phí bớt. Nếu bạn không

ngủ vào thời gian này, cơ thể sẽ không có cơ hội tự gầy đi, lâu ngày sinh ra tích tụ mỡ, khiến bạn tăng cân, béo phì, không thể đào thải mỡ thừa ra khỏi cơ thể.

3. Giảm trí nhớ

Khi chúng ta thức khuya, hệ thần kinh giao cảm trong cơ thể vẫn duy trì trạng thái hưng phấn, hưng khởi, đến ngày hôm sau chúng sẽ rơi vào trạng thái làm việc quá sức, cạn kiệt. Lúc này, bạn sẽ có cảm giác chóng mặt, giảm trí nhớ, thiếu tập trung và các vấn đề sức khỏe khác.

Một thời gian dài thức đêm sẽ gây ra suy nhược thần kinh, mất ngủ, các triệu chứng bất lợi khác cũng sẽ xuất hiện sau đó.

4. Nguy cơ cao gây ra bệnh tim



Nghiên cứu cho thấy, những người “ngủ ngày cày đêm” thường có tính khí nóng nảy, thất thường, dễ nổi giận. Không những thế, thức đêm quá khuya cũng khiến cho nội tạng bị “trượt” khỏi lịch sinh hoạt bình thường, nhịp tim không được điều chỉnh kịp thời.

Đó cũng là lý do gây ra nguy cơ cao về bệnh tim mạch, huyết áp...

5. Nguy cơ gây bệnh dạ dày

Nhân tế bào biểu mô dạ dày trung bình cứ khoảng 2-3 ngày lại lặp lại một lần cập nhật, tái thiết mô. Hoạt động này thường diễn ra vào ban đêm. Nếu bạn thức khuya, đi kèm với thói quen ăn đêm, vô tình sẽ tạo gánh nặng cho đường tiêu hóa.

Nếu dạ dày phải làm việc quá nhiều, không đủ thời gian để nghỉ ngơi và tái tạo lại sức “lao động”, trong thời gian dài sẽ sinh ra mệt mỏi, ốm bệnh.

Đồng thời, khi thức khuya, quá trình chuyển hóa thức ăn trong dạ dày sẽ bị đình trệ, làm lưu lại thức ăn quá lâu trong dạ dày, thúc đẩy sự tiết dịch dạ dày bất thường, từ đó gây kích ứng dạ dày, dẫn đến viêm loét và các triệu chứng khác.

6. Gây tổn thương gan

Khoảng thời gian từ 11h đêm đến 3h sáng là thời gian cao điểm để

gan làm việc, bài tiết độc tố. Nếu trong giai đoạn này cơ thể không ở trong trạng thái ngủ sâu giấc thì gan sẽ không đủ điều kiện tốt để làm việc, gây ra sự thiếu hụt lượng máu trong gan, từ đó làm tổn thương các tế bào, khó hồi phục và sửa chữa những tế bào hỏng.

Gan là cơ quan trao đổi chất quan trọng nhất trong cơ thể. Nếu gan bị tổn thương, ngay lập tức sức khỏe tổng thể sẽ bị đe dọa, ảnh hưởng lớn đến các cơ quan khác.

7. Gia tăng nguy cơ ung thư

Nhiều yếu tố miễn dịch trong cơ thể được hình thành trong giấc ngủ, khi chúng ta thức suốt đêm dài sẽ làm giảm khả năng miễn dịch, mệt mỏi, thiếu năng lượng, cảm lạnh, dị ứng phát sinh bất ngờ.

Hệ thống miễn dịch là rào cản tự nhiên của cơ thể chống lại bệnh ung thư, khi giảm khả năng miễn dịch sẽ làm tăng tỷ lệ mắc bệnh ung thư.

Một số nghiên cứu đã khẳng định, thức khuya sẽ thúc đẩy khả năng gây ra ung thư vú, ung thư ruột kết và các bệnh lây nhiễm.

Không chỉ có 7 nguy cơ trên, theo 2 chuyên gia, thức quá khuya còn ảnh hưởng trực tiếp đến từng đối tượng cụ thể. Ví dụ phụ nữ thức thâu đêm có thể gây ra rối loạn kinh nguyệt, trẻ em sẽ ảnh hưởng đến sự tiết hormone tăng trưởng, dẫn đến một loạt các vấn đề phát triển.

NGUỒN: [HTTP://M.SOHA.VN/](http://M.SOHA.VN/)

trang gia chánh

Xà lách trộn ngũ sắc

Bạch Tuyết

Nguyên liệu (cho 4 người ăn)

- 1 cây xà lách (giòn)
- 1 hộp rau mầm
- 2 củ dền
- 2 củ cà rốt
- 2 trái bơ
- 1 chén dấm,
1 muỗng súp đường,
dầu, ít tiêu, muối,
hành tây (cắt lát mỏng) để làm dầu dấm.



Cách làm

Củ dền, khoai tây, cà rốt rửa sạch để vỏ luộc chín. Lột vỏ, cắt thành từng khoanh. Xà lách, rau mầm, rửa sạch, xốc cho ráo nước. Trộn lẫn xà lách và rau mầm, cho vào đĩa, xếp lên trên mặt, củ dền, khoai tây, cà rốt và bơ xen kẽ 5 màu cho đẹp mắt, rưới dầu dấm lên trước khi ăn 5 phút cho thấm đều. Có thể thêm các loại đậu (petit bois, đậu cút, đậu đỏ tươi...) đã luộc chín.

Món xà lách trộn cần đưa vào thực đơn mỗi bữa ăn hay ít nhất 3 lần một tuần vì đây là món ăn đầy đủ dinh dưỡng cho người ăn chay.

Nha đam đường phèn

Bạch Tuyết

Nha đam nhiều dinh dưỡng, đem lại sức khỏe, và giúp cho da được mịn màng tươi trẻ.

Nguyên liệu (8 chai 500ml):

- 400 gr đường phèn
- 4 bẹ Nha Đam
- 1 cọng lá dứa.

Cách làm:

Nha đam mua về gọt bỏ lớp vỏ xanh cứng bên ngoài, chỉ lấy phần trắng trong. Rửa sạch, cắt nha đam thành hạt lựu nhỏ, cho vào nước sôi trần sơ (để không bị nhão). Vớt ra để ráo, cho 3,5 lít nước vào nồi, cho lá dứa rửa sạch cắt khúc vào nấu cho thơm, đợi sôi vài dạo, cho đường phèn vào cho tan đường, dùng rây vớt tất cả lá dứa ra rồi cho nha đam đã trụng vào, đợi sôi lại, tắt lửa. Để nguội cho vào chai, để vào tủ lạnh, uống rất mát và ngon. Lưu ý: không nên nấu ngọt quá.

Thơ

Thăm mẹ

Dương Tuyết

Chiều nay chân bước về thăm mẹ
Mộ ướt mưa buồn lác đác rơi
Vẫn ánh mắt xưa nhìn con gái
Vẫn nụ cười hiền mỗi sớm mai.

Mẹ ơi tóc trắng có bạc hơn?
Ở cõi xa nào có nhớ thương?
Giờ đây con đến ngồi bên mộ
Mơ một bàn tay vuốt dỗi hờn.

Xưa mỗi khi về đến ngõ sau
Thấy con mẹ vội chạy ra mau
Miệng cười tay vuốt đầu con gái
“Nặng lắm con ơi vô nhà mau.”

Con đã đi tìm khắp thế gian
Tìm trong nhung lụa, trong trái ngang
Tìm trong hai cõi đời vinh, nhục
Chẳng kiếm đâu ra một mẹ hiền.

Con muốn đêm nay lúc sương rơi
Nằm bên mộ mẹ nhớ xa xôi
Lắng nghe trong gió lời mẹ hát
Ru giấc mộng tròn thuở nằm nôi.



Minh họa: Cọ Trắng

Vọng cổ

Ân Đức Từ Tôn

Chí Thật

THƠ

*Tình mẫu tử sâu như biển cả,
Kiếp tàng linh đầy đọa trần gian,
Mẹ nhìn dòng lệ ngập tràn,
Biết làm sao được cứu an muôn loài.*¹

LÝ CHIỀU CHIỀU

Lòng thành con hiến dâng Từ Tôn, bao ngày qua,
Lắng nghe tâm hồn sâu lắng, con luôn khắc ghi trong lòng,
Đã lâu cách xa Mẫu Từ, Diêu Trì, Mẹ đang ngóng trông,
Thương con chốn nơi dương trần.
Ân đức cao sâu dày, ban đều cho chúng sanh,
Các con sớm mau quay về.

1. Đức Vô Cực Từ Tôn, Vạn Quốc Tự (Chơn Lý Đàn), 02-01 Ất Tỵ (03-02-1965).

VỌNG CỔ

1. Ân đức Từ Tôn vô cùng vô tận, Mẫu tử tình thâm nghĩa cả...
khôn... lờng.

Giáng dạy con thơ giữ đạo hằng thường.

Tình Mẫu Tử nặng oằn trong tâm khảm, không nỡ nhìn con
trong cảnh điêu linh.

Ban cho các con hưởng chút ân hồng, vượt qua bót nỗi hãi
hùng kinh cụ.

Nơi cung son Mẹ thấp thỏm vào ra, thương đàn con đại nơi
miền trần thế.

THƠ

Tánh linh ấy Mẹ Già ban bố,

Vị ngôi xưa là chỗ tao phùng,

Vì con tham luyện trần hồng,

Lạc loài đường lối đau lòng Từ Tôn.^{- 2}

2. Cõi Thiên đường là nơi bất sanh bất diệt, không trả không
vay chẳng chút lụy phiền.

Say đắm trần ai mê vật chất kim tiền.

Vọng tưởng vọng tâm lầm đường lạc lối, lòng Mẹ đau nhói con
có thấu chăng?

Khi lâm trần con lập lời hứa nguyện, xả phú cầu bần xả thân
cầu Đạo.

2. Đức Vô Cực Từ Tôn, Vạn Quốc Tự (Chơn Lý Đàn), 02-01 Ất Tỵ (03-02-1965).

Vào đời độ chúng quyết chí lập công, rồi quày trở lại hiệp cùng
Mẹ con.

THƠ

*Thời mạt kiếp trần hồng đã vậy,
Buổi Hạ nguơn nhìn thấy càng hơn,
Con đường đạo đức mau chơn,
Ngàn năm một thuở chập chòn sao nên.* ⁻³

VỌNG CỔ

5. Hãy thể theo lòng Từ Mẫu hòa hợp thương yêu cùng tu cùng
tiến, dắt dìu nhau vượt gian lao thoát kiếp... phong ... trần.

Công quả công phu khuya sớm chuyên cần.

Biết thuận nhu là tu theo Khôn đạo, học đức dày của Địa Mẫu
dưỡng nuôi.

Không phân hình danh sắc tướng ta người, bao dung khắp cả
muôn loài sanh chúng.

Mở rộng lòng nhân giác mê phá chấp, bác ái từ bi độ lượng
khoan hồng.

LÝ BÔNG DỪA

Thâm tình Từ Mẫu ban ân hồng,

Dìu nhau tu tiến tâm linh thoát vòng trần la,

Ngày đêm âm chất vun bồi, tâm đức trau dồi cho sáng hạnh tu.

3. Đức Vô Cực Từ Tôn, Vạn Quốc Tự, 02-01 Ất Tỵ (03-02-1965).

Lòng con thương nhớ khôn nguôi, trường giang xuôi dòng vạn
phái đồng về nguyên.

(TRỞ VỀ VỌNG CỔ)

6. Nơi chốn thế gian vệt áng mây mù, đặc thành chánh quả
công tu vẹn tròn.

Con giữ đặng chánh trung duy nhứt,

Sẽ tịnh lòng thấy được Mẫu Nghi,

Luôn luôn dưỡng dục hộ trì,

*Cho toàn con cái được về vị xưa.*⁴

NGỌC ĐIỆN HUỲNH HÀ, 19-5 ĐÌNH DẬU (13-6-2017)

4. Đức Vô Cực Từ Tôn, Thiên Lý Đàn, 20-01 Đinh Mùi (28-02-1967).



Theo dòng Đạo sự

Thanh Hiến

06/02 ĐD (03/3/17): Ngoại Giao Vụ cùng một số nhân viên Cơ Quan đi dự cúng cửu 7 Đạo huynh Đào Trọng Nguyên hiền phu của Đạo tử Hạnh Diệu tại Thánh tịnh Chiếu Minh Ấn Giáo Cần Thơ.

14/02 ĐD (11/3/17): Phái đoàn Cơ Quan đến viếng tang cụ Bà Trần Thị Y, thân mẫu Đạo huynh Giáo hữu Thượng Công Thanh – Đầu Họ Đạo Thánh thất Trung Hiến kiêm Trưởng Ban Đại Diện Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài tại TP. HCM. tại tư gia, quận Tân Bình.

15/02 ĐD (12/03/17): Thánh tịnh Thanh Tịnh Đàn (Tiền Giang) long trọng tổ chức Lễ Khánh đản Đức Thái Thượng Đạo Tổ trùng tụng kỷ niệm 42 năm trùng tu Thánh sở. Nhân dịp này, Vụ phó Nội Chánh Vụ Diệu Nguyên được mời thuyết trình đề tài: “Đức Thái Thượng Đạo Tổ xưa và nay”.

17/02 ĐD (14/3/17): Phái đoàn Cơ Quan do Đạo huynh Thiện Chí làm trưởng đoàn dự buổi họp mặt Kitô hữu chính thống do Ban Mục Vụ Đối Thoại Liên Tôn tổ chức tại Trung tâm Mục Vụ Tổng Giáo Phận TP.HCM, số 6 Bis Tôn Đức Thắng, quận 1, TP.HCM.

01/3 ĐD (28/3/17): Thánh thất Huỳnh Long Cung Điện, tỉnh

Bến Tre tổ chức lễ kỷ niệm 90 năm thành lập.

12/3 ĐD (08/4/17): Phái đoàn Cơ Quan tham dự Lễ Thánh Đán Đức Ngô Minh Chiêu lần thứ 85 tại Tổ đình Chiêu Minh Tham Thanh, TP. Cần Thơ.

13/3 ĐD (09/4/17): Đại diện Ngoại Giao vụ dự lễ kỷ niệm Đức Ngô Đại Tiên và lễ kỷ niệm lạc thành Thánh tịnh Nguyệt Thanh Quang, tỉnh Tiền Giang.

15/3 ĐD (11/4/17): Phái đoàn Cơ Quan tham dự lễ kỷ niệm tái thiết Vĩnh Nguyên Tự Long An.

16/3 ĐD (12/4/17): Đại diện Cơ Quan cùng phái đoàn đại diện Tổ chức giao lưu các Hội Thánh và tổ chức Cao Đài viếng tang Anh lớn Thượng Sanh Hắc Quang tại Hội thánh Cao Đài Tiên Thiên, tỉnh Bến Tre (hình 1).



1

22/3 ĐĐ (18/4/17): Phái đoàn Cơ Quan viếng tang Đạo trưởng Tường Tú, quyền Vĩnh Tịnh Sư Minh Lý Thánh Hội (chi đạo Long An).

08/4 ĐĐ (03/5/17): Thánh thất Bình Hòa tổ chức lễ kỷ niệm ngày Phật Đản (hình 2).

19/4 ĐĐ (14/5/17): Phái đoàn Cơ Quan tham dự Hội nghị Liên giao các Hội thánh và tổ chức Cao Đài lần thứ 10 tại Tòa Thánh Ngọc Kinh, Hội thánh Cao Đài Bạch Y Liên Đoàn Chợ Lớn.

05/5 ĐĐ (30/5/17): Hội thánh Chiếu Minh Long Châu (Hậu Giang) tổ chức lễ kỷ niệm lần thứ 77 ngày đặng tiên của Đức Võ Văn Phẩm.

08/5 ĐĐ (02/6/17): Thánh tịnh Tân Minh Quang cử hành Lễ kỷ niệm lạc thành lần thứ 21. Nhân dịp này, Đạo huynh Tổng Thư Ký Huệ Ý được mời thuyết trình đề tài “Người môn đệ Đức Cao

2



Đài học tu trên đường tiến hóa”.

10/5 ĐD (04/6/17): Thánh tịnh Ngọc Minh Đài long trọng tổ chức Lễ kỷ niệm ngày thành lập Thánh sở. Đạo huynh Phó Tổng Thư Ký Thiện Hạnh được mời thuyết trình đề tài “Yếu chỉ Ngọc Minh Đài”.

13/5 ĐD (07/6/17): Lễ kỷ niệm lạc thành Thánh thất Tân Định lần thứ năm (hình 3).

18/5 ĐD (12/6/17): Lễ kỷ niệm lần thứ 78 ngày khai Đạo Phật Giáo Hòa Hảo (hình 4).

21/5 ĐD (15/6/17): Lễ kỷ niệm 22 năm tái lập Thánh thất Thiên Cảnh Đàn Cà Mau (Hội thánh Minh Chơn Đạo).

04/6 ĐD (27/6/17): Phái đoàn Cơ Quan dự Thánh Lễ TạƠn 25 năm Hồng Ân Linh Mục và mừng thọ 80 tuổi của Thân mẫu Linh



3

Mục Bảo Lộc – Trưởng Ban Mục Vụ Đối Thoại Liên Tôn tại Trung Tâm Mục Vụ Tổng Giáo Phận TP.HCM, số 6 Tôn Đức Thắng Q.1.

06/6 ĐD (29/6/17): Thánh tịnh Chơn Minh Đản (Hội Thánh Chiếu Minh Long Châu) tổ chức lễ kỷ niệm 72 năm ngày đăng tiên của Đức Huệ Minh Kim Tiên.

09/6 ĐD (02/7/17): Thánh tịnh Tinh Quang Đẩu (Củ Chi) cử hành lễ kỷ niệm Lạc Thành lần thứ sáu (hình 5).

11/6 ĐD (09/7/17): Tiến đưa Đạo huynh Thiện Nguyễn (Minh Tra Cơ Quan) đến nơi an nghỉ cuối cùng.

14/6 ĐD (07/7/17): Thánh tịnh Trước Cảnh Minh Đản (Tiền Giang) khánh thành Nhà truyền thống nhân Lễ kỷ niệm chư Chức sắc Tiền khai.

19/6 ĐD (12/7/17): Cơ Quan long trọng tổ chức Lễ kỷ niệm

4



ngày Thành Đạo của Đức Quan Thế Âm Bồ Tát trùng dụng lễ kỷ niệm 27 năm hoạt động của Phòng Khám bệnh Phước Thiện Cơ Quan. Giáo sĩ Kim Dung thuyết trình đề tài “Đấng Từ Bi Quan Thế Âm, gương sáng của muôn đời”.

16g cùng ngày, Ngoại Giao Vụ Cơ Quan dự lễ Khánh thành Pháp Viện Minh Đăng Quang (Quận 2, TP.HCM) và lễ Đại Tường Đại lão Hòa thượng Pháp sư Thích Giác Nhiên (hình 6).

24/6 ĐĐ (17/7/17): Thánh tịnh Ngọc Điện Huỳnh Hà tổ chức trọng thể lễ kỷ niệm lần thứ 84 ngày thành lập, trùng dụng lễ kỷ niệm ngày Thành Đạo của Đức Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân.

29/6 ĐĐ (22/7/17): Thanh niên Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài phối hợp với Tập Đoàn Giáo Sĩ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo tổ chức Đêm Thơ Nhạc “Nhớ Thiện Quang” lúc 19g tại



5

Thánh thất Từ Vân.

07 đến 09/6N ĐĐ (29 đến 31/7/17): Các giảng viên Cơ quan được mời giảng về Kinh Dịch cho lớp Chí tâm Phụng sự, thuyết minh giáo lý tại Linh Tháp và một số Thánh thất tại Quảng Ngãi (Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài).

10/6N ĐĐ (01/8/17): Hội Thánh Minh Chơn Đạo tổ chức khóa Bồi dưỡng Hướng dẫn viên Giáo lý và Dẫn chương trình tại Tòa Thánh Ngọc Sắc, Cà Mau. Đạo huynh Thiện Chí, cố vấn Văn Phòng Tổng Thư ký, Vụ phó Nội Chánh Vụ Diệu Nguyên và Xuân Mai, Trưởng Ban Phổ thông giáo lý Văn Hóa Vụ Cơ Quan đã tham gia trình bày về Nghệ thuật thuyết trình, giảng đạo và Kỹ năng Dẫn chương trình. Đạo huynh Đức Nhẫn, Vụ Phó Ngoại Giao Vụ cùng đi với đoàn.

6



Truyện tranh

Ngài Ngô Văn Chiêu:

Môn đệ đầu tiên

của Cao Đài (kỳ 7)

Lời: Bửu Long – Vẽ: Cọ Trắng





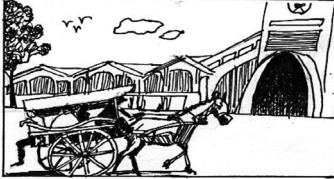
NHANG TÀN, ĐÀ VỊ YẾ NHÀ LẬP ĐẠN CỎ. ĐỨC AAA YẾ...



... ĐÀN HAI BÀI TỬ TUYẾT

NGUYỆT HOA CẦN TÔI TUA XA LẠNH
VIN LẦY NHANH ĐƯỜNG HƯƠNG ĐẠO NHẬN...

KHÔNG CHỈ CÓ ĐỨC AAA, THỜI GIAN NÀY, CHỢ TIỀN CŨNG THƯỜNG GIẢNG TRẦN ĐẠY ĐẠO. ĐÓ LÀ HÀNH TRÌNH MÃ HƯƠNG HOA ĐẠO LÝ THÂM VÀO TÂM HỒN CHÚ Ý TIỀN KHAI...



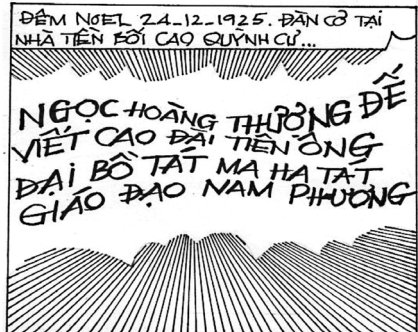
SỰ NHỎ NHẸ CỦA THẤT NƯƠNG
NÉT CAO KỲ CỦA LỤC NƯƠNG

LÒNG NHÂN-ĐỨC CỦA NHẤT NƯƠNG
VÀ TÌNH YẾU MỀM CỦA BÁT NƯƠNG... CHÚNG TA SẼ, RĂNG LÒNG HỌC HỎI



TÔI CÒN NHỚ BÀI THƠ CỦA BÁT NƯƠNG NGÀY 22-12-1925

...CÒN GÀNH ĐỒ THỦ TUA VEN GIỮ / ĐỨT ĐÂY OAN TRÁI CHỢ RIÊNG THƯỜNG



ĐÊM NOEL 24-12-1925. ĐÀN CỎ TẠI NHÀ TIỀN SỞ CAO QUYNH CỬ...

NGỌC HOÀNG THƯỜNG ĐỀ VIẾT CAO ĐÀI TIỀN SỞ ĐÀI BỒ TÁT MA HA TÁT GIÁO ĐẠO NAM PHƯƠNG

KINH BẠCH TÊN ÔNG. XIN CHO BIẾT ĐĂNG AAA LÀ AI ?



BẤY LẬU, THẤY VẤN TÁ ĐANH AAA ĐỀ CỐT ĐIÙ ĐẮT CÁC CON VÀO ĐƯỜNG ĐẠO ĐỨC, HẬU CHĂNG BAO LẬU ĐẦY CÁC CON PHẢI RA GIÚP THẦY KHAI ĐẠO

TRONG DỊP ĐẶC BIỆT NÀY, ĐỨC LÝ THẠI BẠCH LẦN BẦU GIẢNG CỎ, NGẠI LỬU NIỆM MỘT BÀI THƠ: "... LY RƯỢU TRẦM THÌ LỢI VẤN NHẮC / TỈNH TIỀN MƯƠN KIẾP VẠN CHỮA TẦN..."



PHƯƠNG DANH QUÝ HUYNH, TỬ, ĐỆ, MUỘI CÔNG QUẢ ẮN TỔNG KINH SÁCH (TIẾP THEO)

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý chân thành cảm tạ quý đạo hữu tiếp tục hỗ trợ đạo sự Ắn tổng (kể từ 25/02/2017 đến 12/8/2017)

1. ĐTỷ Ngô Thị Điều	300.000đ
2. Đặng Văn Quế, Đặng Thanh Hằng, Đặng Thúy Hằng	500.000đ
3. Trần Minh Nguyệt, Lữ Thị Thanh Ngân, Tạ Minh Tuấn	500.000đ
4. Liên Hoa Cửu Cung Thiên Đạo Học Đường	5.000.000đ
5. Hồ Thị Gấm, Trần Văn Lịch (tự Chiến)	5.000.000đ
6. ĐTỷ Trần Thị Chơn	200.000đ
7. ĐH Phạm Văn Hiếu	200.000đ
8. Cố ĐT Huệ Chiếu Quang	4.000.000đ
9. ĐTỷ Lê Thị Kiều Nga	200.000đ
10. Đạo tâm ấn danh	4.000.000đ
11. ĐH Trần Văn Xôm	300.000đ
12. ĐH Đạt Nguyễn	500.000đ
13. ĐH Lê Văn Tri	300.000đ
14. ĐH Trần Văn Huy	700.000đ

15. Phối Sư Ngọc Phú Thanh	1.000.000đ
16. ĐTỷ Trần Thị Út	5.000.000đ
17. ĐH Huỳnh Ngọc Pha – Cam Ranh	100.000đ
18. ĐH Thiện Nguyệt	300.000đ
19. ĐTỷ Nguyễn Ngọc Tâm	100.000đ
20. ĐTỷ Phạm Thị Kim Thanh	200.000đ
21. Ín Chanh Lan	100.000đ
22. Vy Chi Mai	50.000đ
23. Ín Chánh Khìn	50.000đ
24. Nguyễn Thị Ướt	50.000đ
25. Ín Chanh Phấn	50.000đ
26. Ín Chánh Kiệt	50.000đ
27. Ín Chánh Phí	100.000đ
28. Chăng A Mùi	150.000đ
29. Nìn Nhật Dinh	50.000đ
30. Chăng Ngọc Liên	50.000đ
31. Tăng Thị Mùi	50.000đ
32. Sùng Thị Lươn	30.000đ
33. Sứ Lục Tú	20.000đ

34. Gặp A Tú	50.000đ
35. Hon Chưởng Múi	100.000đ
36. Vòng Ủng Mùi	100.000đ
37. Chinh Dị Thành	50.000đ
38. Chưởng Sanh	50.000đ
39. Vòng A Lộc	50.000đ
40. Nguyễn Thị Nha	50.000đ
41. Võ Thị Minh	100.000đ
42. Cố Lễ Sanh Nguyễn Xét	150.000đ
43. ĐTy Nghi Dung	1.000.000đ
44. ĐTy Trần Thị Phương Diệu	500.000đ
45. ĐH Thiện Chí	1.000.000đ
46. Cố ĐTy Mai Thị Hạnh	500.000đ
47. Cố ĐTy Dương Thị Thu	200.000đ
48. ĐH Cao Minh Trung	3.000.000đ
49. ĐH Đạt Chánh	500.000đ
50. Cố ĐTy Lê Thị Hoàng Vân	200.000đ
51. ĐTy Võ Thị Chi	200.000đ
52. Gia đình ĐH Trần Minh Tường	200.000đ
53. ĐTy Bùi Thị Tuyết Nga	1.000.000đ
TỔNG CỘNG:	38.200.000đ